

Charlie Bone và Quả cầu xoắn thời gian (Tập 2)

Contents

Charlie Bone và Quả cầu xoắn thời gian (Tập 2)	1
1. Chương 1	2
2. Chương 2	2
3. Chương 3	3
4. Chương 4	8
5. Phần 1	12
6. Phần 2	19
7. Chương 7	24
8. Chương 8	31
9. Chương 9	39
10. Phần 1	46
11. Phần 2	54
12. Phần 3	61
13. Chương 13	67
14. Phần 1	74
15. Phần 2	81
16. Phần 3	91
17. Phần 1	101
18. Phần 2	107
19. Phần 3	115
20. Phần 1	121
21. Phần 2 (hết)	128

Charlie Bone và Quả cầu xoắn thời gian (Tập 2)



Giới thiệu

Charlie hy vọng rằng học kì mới trong Học viện sẽ diễn ra suôn sẻ, không có những bất ngờ giật gân

1. Chương 1

{Chúc bạn đọc sách vui vẻ tại .com - góc nhỏ cho người yêu sách.}

Những người được ban phép thuật

Tất cả những nhân vật sau đều là con cháu của mười người con của Vua Đỏ, vị vua phù thủy đã rời châu Phi vào thế kỷ thứ 12, với ba con báo thấp tùng.

Vua Đỏ đã sống qua nhiều thế kỷ và ông đã làm nên một quả cầu pha lê nhiệm màu. Ông cất vô đó tất cả những ký ức về cuộc hành trình quanh thế giới của mình. Ông dùng quả cầu này để xoắn vặn thời gian, về lại quá khứ hoặc tiến tới tương lai.

Mặt khác, Quả Cầu Xoắn Thời Gian này cũng rất nguy hiểm và không thể lường trước được.

2. Chương 2

Những hậu duệ của vua đỏ

- Manfred Bloor: Huynh trưởng của Học viện Bloor. Biết thôi miên.
- Charlie Bone: Hậu duệ dòng họ Yewbeam, một dòng họ có nhiều người được ban phép thuật.
Charlie có thể nghe được tiếng nói của những người trong hình chụp và hình vẽ.
- Zelda Dobinski: Hậu duệ một dòng họ phù thủy Ba Lan lâu đời, Zelda là người siêu năng, có thể di chuyển đồ vật bằng ý nghĩ.
- Asa Pike: Hậu duệ của một bộ lạc sống ở những khu rừng phía Bắc, có mối liên hệ với những loài thú hoang dã. Asa có thể biến thành thú vào lúc trời tối.
- Billy Raven: Chắt của một người đàn ông có tài nói chuyện với lũ quạ hay đậu ở trên giá treo cổ, nơi treo thân những tử tội. Vì tài này mà ông bị đuổi khỏi ngôi làng của mình. Billy có thể nói chuyện với thú vật và hiểu được thú vật.
- Lysander Sage: Hậu duệ một dòng họ những nhà thông thạo châu Phi. Có phép gọi hồn tổ tiên mình.
- Gabriel Silk: Thuộc dòng họ gồm những nhà tâm linh học. Gabriel có thể cảm nhận được ý nghĩ và cảm xúc của người khác qua áo quần của họ.
- Beth Strong: Thuộc một gia đình nghệ sĩ xiếc, gồm những đồ vật và những nghệ sĩ nhào lộn. Beth cũng là người siêu năng, có thể di chuyển đồ vật từ xa.
- Emma Tolly: Hậu duệ của một hiệp sĩ người Tây Ban Nha, là người từng đồng hành với Vua Đỏ trên những bước đường rong ruổi của ông. Emma có thể biến thành chim.
- Tancred Torsson: Hậu duệ của một người gọi bão xứ Scandinavi được đặt tên theo thần sấm là Thor. Tancred có thể tạo nên gió, mưa, sấm và chớp.
- Bindi và Dorcas: Cũng được ban phép thuật. Nhưng tài phép của họ chưa bộc lộ.

3. Chương 3

Trò chơi bắn bi

Tháng Giêng năm 1916 – những ai còn sống đều nhớ rằng, đó là một mùa đông khắc nghiệt nhất.

Những căn phòng tối hù trong Học viện Bloor cũng lạnh buốt như ngoài trời. Henry Yewbeam, vừa chạy gấp qua một hành lang lạnh băng, vừa cất tiếng ngâm nga một mình. Tiếng ngâm nga làm nó phấn chấn lên, giúp sưởi ấm tinh thần cũng như hai bàn chân.

Phía đầu kia hành lang, ánh đèn khí xanh lét, chập chờn lay động trong những giá đỡ bằng sắt gắn trên tường. Cái mùi thật kinh khủng. Nếu lúc đó có bắt được con gì chết rữa trong một góc tối thì Henry cũng sẽ chẳng ngạc nhiên.

Ở nhà, một ngôi nhà tràn ngập ánh nắng bên bờ biển, em gái Daphne của Henry đang bị bệnh bạch hầu. Để tránh lây nhiễm, Henry và út James được gửi tới sống với anh trai của mẹ chúng, Ngài Gideon Bloor.

Ngài Gideon không phải là mẫu người mà bạn nên chọn để ở cùng trong những ngày nghỉ. Không ai xa cách hơn ngài. Ngài là hiệu trưởng của một ngôi trường cổ, và ngài quyết không bao giờ để ai quên điều đó.

Học viện Bloor về tay gia đình Ngài Gideon từ hàng trăm năm rồi. Đó là ngôi trường dành cho những đứa trẻ có tài về âm nhạc, kịch và hội họa. Học viện Bloor cũng nhận huấn luyện những đứa trẻ có phép thuật. Đó là những đứa có khả năng kỳ lạ. Chỉ nghĩ đến bọn chúng thôi là Henry đã rùng mình.

Henry đã tới được phòng của thằng anh họ Zeke. Zeke là con trai độc nhất của Ngài Gideon, và Henry không thể tưởng tượng nổi trên đời lại có thằng anh họ nào có thể tệ hơn nó. Zeke là một trong những đứa trẻ có phép thuật, nhưng Henry đoán rằng tài phép của nó kinh tởm lắm.

Henry mở cửa ra và lom lom dòm vô. Một hàng lũ thủy tinh xếp đầy bầu cửa sổ. Bên trong đựng những vật kỳ dị, trôi lều bều trong một thứ chất lỏng trong veo. Henry đảm bảo chất đó không phải là nước. Những vật kỳ dị trông nhợt nhạt, không rõ hình thù. Có một cái xanh da trời.

“Mày nghĩ mày đang làm gì hử?”

Thím Gudrun lướt phăm phăm trên hành lang, chiếc váy đen dài lét lét rít lên một tiếng, át cả tiếng những bước chân của thím. Đó là một phụ nữ cao lớn, tóc vàng rực, búi thành một cục to tướng ra sau. Một người Viking chính cống (thực tế, thím là người Na-uy), với khuôn ngực rộng và buồng phổi khỏe mạnh để mà chạy huỳnh huých.

Henry ấp úng, “Ồ...”

“Ồ thôi thế hả, Henry Yewbeam. Mày đang do thám phòng thằng Zeke của ta, đúng hay không?”

“Không, hoàn toàn không,” Henry đáp.

“Cấm mày lẩn vẩn trên những lối đi, thằng kia. Xuống phòng khách ngay.”

Quý bà Bloor ngoắc một ngón tay thanh mảnh, và Henry không còn lựa chọn nào khác ngoài việc phải đi theo bà ta.

Bà thím dẫn nó quay về lại, ngang qua những cánh cửa khóa im ỉm, bí hiểm, mà chỉ vài phút trước nó đã liều lĩnh thử mở ra. Nó vốn là đứa hay tò mò và mau chán. Một tiếng thở dài buột ra khi nó lết những bậc cầu thang cốt kết xuống lầu trệt.

Gia đình Bloor sống ở trái phía tây của Học viện, nhưng họ chỉ ở những căn phòng ở lầu trên. Tầng trệt là cả một tiền sảnh rộng mênh mông, lộng gió, một nhà nguyện, và năm sáu hội trường cùng lớp học. Henry đã thám hiểm một vài căn phòng đó và thấy chúng chán phèo. Tất cả đều có những hàng bàn với ghế dị dạng cùng những kệ sách trông kết sức bụi bặm.

“Tới rồi!” Quý bà Bloor mở một cánh cửa và dúm Henry vô phòng.

Một thằng bé, đang quỳ trên chiếc ghế đầu gần cửa sổ, liền phóng xuống và chạy như bay lại chỗ Henry.

“Nãy giờ anh ở đâu vậy?” Bé hét lên.

“Thám hiểm tí thôi,” Henry đáp.

“Em cứ tưởng anh về nhà rồi.”

“Nhà ở cách đây bao nhiêu dặm cơ mà, Jamie.”

Henry buông mình vô chiếc ghế da sâu hoắm bên cạnh lò sưởi. Khi lim dim mắt, nó như thấy rõ căn phòng khách ấm cúng ở nhà. Và thế là nó lại thở dài.

Thím Grudrun nhăn mắt, đe :

“Liệu đây, bọn bay,” đoạn đi ra và đóng cửa lại.

Bà thím đi rồi, bé James lại ngồi lên thành ghế của Henry.

“Anh Zeke này giờ đang làm cái gì đó tức cười lắm,” bé thì thầm.

Nãy giờ Henry không nhìn ra Zeke, nhưng giờ thì nó nhận thấy thằng anh họ lạ lùng của mình đang chìm trong im lặng ủ ê ở đầu kia căn phòng. Zeke đang ngồi bên bàn, đắm đuối vô những thứ trải ra trước mặt. Gương mặt xương xẩu, tím mét của nó đông cứng trong lúc tập trung cao độ. Không một cơ bắp nào động đậy, không một hơi thở thoát ra.

“Em sợ,” bé James thì thầm.

“Sao vậy? Anh ấy đang làm gì vậy?” Henry nói thầm với bé James. “À, anh ấy đang chơi trò ghép hình. Có những mảnh ghép đầy trên bàn kia. Đó, Zeke nhìn chăm chú, rồi xếp chúng lại với nhau hết rồi kia. À, mới gần hết thôi. Thành một bức tranh. Anh ấy có cho anh coi rồi. Đó là hình một con tàu, nhưng có vài mảnh không khớp.”

“Thì thầm là thô lỗ đấy,” Zeke nói, không rời mắt khỏi miếng ghép hình.

Henry nhắc mình khỏi ghế và đi về phía thằng anh họ. Liếc nhìn mười hai mảnh ghép còn lại, rồi nhìn bức tranh con tàu. Mắt chưa đầy một phút nó đã biết chính xác vị trí của từng mảnh.

“Hừm.”

Henry chỉ nói thế, và không thêm lời nào nữa, nó tuần tự nhặt những mảnh ghép lên, từng cái, từng cái một, và lắp nó vô bức tranh; hai cái cho bầu trời, ba cái ở thân tàu, hai cái ở dây buồm, và bốn cái cho mặt biển.

Mất một lúc, Zeke đã nhìn theo bàn tay của Henry một cách thích thú. Nhưng đúng lúc Henry đặt miếng ghép cuối cùng vô đúng vị trí, thì Zeke đột ngột đứng dậy và rú lên :

“Ai khiến mày? Tao làm được mà. Tao làm được !”

“Xin lỗi,” Henry vội lùi lại. “Em tưởng anh muốn em giúp.”

“Anh Henry chơi ghép hình hay lắm,” bé James khoe.

“Hừ, tao giỏi những thứ khác,” Zeke gầm gừ.

Bé James còn quá nhỏ để mà nhận ra những dấu hiệu nguy hiểm. Tia giận dữ long lên trong đôi mắt đen của Zeke chĩa thẳng qua đầu thằng bé.

“Phép thuật đâu phải lúc nào cũng xài được đâu!” Bé James nói một cách vô tình. “Anh Henry thông minh hơn anh mà, Zeke.”

Chính vì lời nhận xét ấy mà bé James Yewbeam tội nghiệp đã đóng dấu lên số phận của anh mình, và dĩ nhiên cả số phận của bé.

“Cút đi!” Zeke rít lên. “Cả hai thằng mày. Đồ Yewbeam đáng ghét. Đi! Ngay! Tao không thể chịu nổi cái bản mặt tụi mày.”

Henry và James chạy vội ra cửa. Gương mặt nhợt nhạt của thằng anh họ đã có hơi hám bạo lực, và chúng không muốn ở lại cho hấn trút cơn thịnh nộ.

“Tại mình đi đâu đây?” James thở hổn hển khi lao theo thằng anh dọc hành lang.

“Tối tiền sảnh, Jamie. Ra đó chơi bắn bi.” Henry rút từ túi quần ra một cái bao nhỏ và vẩy vẩy trước mặt em.

Nhưng không. Chúng chưa kịp chạy thêm được bước nào thì có một tiếng quát của thím Gudrun.

“James, đi ngủ!”

Bé James giả bộ như không nghe thấy.

“Ngay lập tức!”

“Em nên đi ngủ đi thì hơn,” Henry nhẹ nhàng. “Bà ấy sẽ phạt nếu em không nghe lời.”

“Nhưng em muốn chơi bắn bi cơ,” bé James nói.

Henry lắc đầu. “Thôi mà, Jamie. Bây giờ không được rồi. Ngày mai nhé. Nhưng chút nữa anh sẽ tới đọc truyện cho em.”

“Hứa đi? Anh đọc nốt truyện Võ sĩ Ngốc nhé?”

“James, lại đây,” thím Gudrun quát.

“Ừ, hứa,” Henry nói và nhất định sẽ giữ lời. Thế nhưng, Zeke đã có một kế hoạch khác dành cho nó.

Đầu cúi gục, bé James thất thủ lê bước về phía thân hình to lớn đứng ở cuối hành lang.

“Còn mày, Henry!” Thím Gudrun gọi. “Đừng có gây rắc rối đấy.”

“Vâng, thưa thím,” Henry nói.

Nó vừa tính xuống cầu thang rộng dẫn xuống tiền sảnh, thì chợt nảy ra một ý. Trời buốt lạnh đến nỗi nó trông thấy cả hơi thở mình tuôn ra cuộn cuộn như những đám mây nhỏ màu xám. Dưới tiền sảnh có khi còn lạnh hơn. Và nó có thể chết cứng.

Henry quay gót trở lại, cho đến khi thấy cánh cửa một căn phòng mà nó đã điều tra. Đó là một nhà kho rộng, chứa đầy quần áo do những học sinh cũ của Học viện bỏ lại. Những hàng áo chùng xếp theo màu: xanh da trời, xanh lá cây, tím; những giá treo mũ và áo khoác; những hộp ủng da cổ xưa.

Henry chọn một chiếc áo chùng xanh da trời ấm áp và mặc vô. Cái áo dài tới đầu gối, lý tưởng để mặc ở tiền sảnh có gió lùa. Nó có thể bò lê dưới sàn nhà mà không cảm thấy nền đá lạnh toát.

Henry lao xuống tiền sảnh. Bộ sưu tập bi của nó là nỗi ghen tị của tất cả đám bạn. Cha của Henry hay đi đó đi đây, và không bao giờ về nhà mà không mang theo ít nhất một viên bi quý cho bộ sưu tập của con trai. Trong cái túi da của Henry có bi bằng inox, bi mã não lên nước bóng nhẫy, bi thủy tinh, bi đá vôi, bi thạch anh, và cả những viên bi bằng sứ có hoa văn.

Trong tiền sảnh không có đèn, nhưng mặt trăng non lườn qua những ô cửa sổ dài, mù sương, khiến những phiến đá xám lốt sần sáng nhờ nhờ như ngọc trai.

Henry quyết định chơi trò Thiện xạ, trò mà nó thích nhất. Dẫu không có đối thủ, nó vẫn hay luyện bằng cách chơi một mình. Chỉ với một mẫu phấn, luôn có sẵn trong túi, Henry vẽ một vòng tròn lớn ở ngay giữa tiền sảnh. Xong, nó vẽ thêm một vòng tròn nhỏ hơn bên trong vòng đầu tiên. Chọn ra mười ba viên bi trong túi, nó xếp chúng thành hình cây thánh giá bên trong vòng tròn nhỏ.

Giờ thì Henry quỳ xuống nền đá lạnh băng, ngay bên ngoài vòng tròn lớn. Đôi tay đã tím ngắt vì lạnh, nó không sao kìm cho hàm răng thôi va nhau cắn cập. Nhét vạt áo chùng xanh da trời xuống dưới đầu gối, nó lôi ra viên bi yêu quý nhất của mình – viên bi trong, màu xanh da trời, có một lần bạc bên trong, tựa như ánh sao. Đó luôn luôn là hòn bi cái, hay hòn bi xạ thủ.

Đặt những khớp ngón tay phải xuống sàn, lòng bàn tay ngửa lên, Henry đặt viên bi xanh da trời lên đầu ngón trở và gior ngón cái búng nó về phía hàng thánh giá bi. Một tiếng “cách” thật đanh, nó bắn bật viên bi màu cam ở bên phải ra khỏi hai vòng tròn.

“Hoan hô!” Henry hét lên.

Có một tiếng kết nhẹ sau lưng. Henry nheo mắt nhìn vô những mảng tối đen trên những bức tường ốp ván gỗ sồi. Đó là do nó tưởng tượng? Hay một bức thảm thêu dài vừa rung lên? Ở đầu kia của bức thảm thêu, có một cánh cửa dẫn đến chái phía tây. Henry thích cầu thang chính hơn. Còn hành lang đằng sau cánh cửa kia tối quá và ma quái quá.

Một cơn gió lạnh lùa qua đầu gối Henry, và bức thảm thêu lại cuộn lên một lần nữa. Một loạt mưa đá nện rầm rầm lên những cánh cửa sổ, và gió rít thê lương, luẩn quẩn quanh mảnh sân ngập tuyết.

“À, gió.”

Henry run tay, kéo áo chùng lên sát người hơn. Rồi nó kéo chiếc mũ lên, trùm kín đầu.

Trong hành lang phía sau tấm thảm thêu, Ezekiel Bloor đứng, một tay cầm đèn lồng, và tay kia cầm một quả cầu pha lê lấp lánh. Những tia màu sáng chói, xoáy cuộn, tỏa ra từ quả cầu, thành một cầu vồng được viền vàng và bạc. Ánh mặt trời và ánh trăng nối tiếp nhau vùn vụt trên quả cầu. Zeke hiểu rằng nó tuyệt đối không được nhìn vô đáy. nó đang cầm một trong những viên bi cổ xưa nhất thế giới.

Ngày trước, trên giường hấp hối, bà cô Beatrice của Zeke, một phù thủy, đã ấn quả cầu này vô tay nó.

“Quả Cầu Xoắn Thời Gian,” bà thêu thào bằng giọng của người sắp chết.”Để du hành xuyên thời gian. Không được nhìn vô nó, Ezekiel, trừ khi con muốn du hành.”

Ezekiel không muốn du hành. Nó lớn lên trong tòa nhà lớn âm u của gia đình, và rất hiếm khi có ai thuyết phục được nó rời khỏi nơi này.

Tuy nhiên, nó ao ước muốn biết điều gì sẽ xảy ra nếu ai đó nhìn vô Quả Cầu Xoắn Thời Gian. Và theo như Zeke nghĩ, thì không có ai xứng đáng để làm một chuyến xuyên thời gian hơn là thằng em họ kém cỏi Henry Yewbeam của nó.

Henry tính đến giờ đã bung bay thêm được ba viên bi nữa ra khỏi vòng tròn nhỏ. Nó không bắn hụt viên nào, mặc cho những ngón tay tê cứng. Nó đang chuyển vị trí, lùi lại bên ngoài vòng tròn, thì một viên bi pha lê lặn về phía nó. Viên này to hơn viên xạ thủ xanh da trời của Henry, và có những tia sáng đủ màu sắc, lung linh nhảy múa xung quanh.

“Ui trời,” Henry nín thở.

Nó ngậy ra như phồng trong khi viên bi lạ vắn lặn, cho tới khi chạm vô chân nó.

Henry nhặt viên bi lạ lên. Nó nhìn trần trời vô những lần sáng bên trong viên bi. Nó thấy những mái vòm bằng vàng, những thành phố rực nắng, những bầu trời không một gợn mây, và nhiều, nhiều thứ nữa. Nhưng ngay cả khi đang bị cuốn theo cảnh tượng diễn ra trước mắt, Henry vẫn nhận ra rằng có một sự thay đổi đang xảy ra trong cơ thể mình, và nó biết mình không nên nhìn vô những hình ảnh khó tin và ngoạn mục này nữa.

Những bức tường ốp ván gỗ sồi đang toác ra. Ánh trăng giá lạnh mờ dần. Đầu óc Henry quay cuồng và bàn chân nó bắt đầu hổng lên. Xa, rất xa, một co mèo cất tiếng meo meo. Và rồi, thêm một con mèo khác, lại một con nữa.

Henry nghĩ đến thằng em bé bỏng của mình. Liệu nó có đủ thời gian để đến bên em trước khi bị cuốn trôi đi hẳn?

Và nếu thế... Nếu bé James trông thấy anh mình biến mất ngay trước mắt, liệu bé có hoảng sợ mà đến nỗi bị ác mộng suốt đời không? Henry quyết định chỉ để lại một lời nhắn.

Trong khi vẫn còn sức lực, Henry móc mẩu phấn từ trong túi quần ra và bằng tay trái (tay phải nó vẫn kẹp chặt Quả Cầu Xoắn Thời Gian), viết vội lên nền đá, “XIN LỖI JAMES, BL...”

Đó là tất cả thời gian mà Henry có. Chỉ một giây sau, nó dừng lại ở năm có sinh nhật thứ 11 của mình mà lao về phía trước, rất nhanh, tới một năm mà hầu hết những người quen của nó khi đó hẳn đã chết hết rồi.

*

* *

Trong căn phòng lạnh giá, nhỏ tí ở lầu trên cùng mái phía tây, bé James đang chờ anh mình. Thằng bé lạnh đến nỗi phải trùm thêm áo khoác ra ngoài áo ngủ bằng vải nỉ. Trên bàn ngủ bên cạnh, ngọn nến run rẩy trước cơn gió từ ngoài cửa lùa vào. Anh Henry đang ở đâu? Sao anh ấy lại lâu thế nhỉ?

Bé James dụi mắt. Nó mệt lắm, nhưng lạnh quá không tài nào ngủ được. Nó kéo tấm trải giường lên tận cằm và lắng nghe tiếng mưa tuyết rít gió, đập ỳnh ỳnh vô kính cửa sổ. Và rồi, ngọn nến tắt phụt.

Bé James ngồi im thin thít trên giường, kinh khiếp đến mức không dám gọi to lên. Thím Gudrun sẽ nổi cáu, còn ông anh họ Zeke sẽ chế giễu nó là đồ con nít. Chỉ có anh Henry là hiểu nó thôi.

“Anh Henry! Anh Henry! Anh đang ở đâu?” Bé James nhắm mắt lại và úp mặt vào gối khóc nức nở. Trước khi cạn hết nước mắt, James chợt ngừng run rẩy. Căn phòng đang ấm dần lên. Nó mở mắt và nhận ra mình có thể nhìn thấy chiếc gối, thấy bàn tay mình và thấy cửa sổ. Một luồng sáng dịu quét khắp trần nhà. James nhìn theo xem luồng sáng xuất phát từ đâu, và nó kinh ngạc thấy có ba con mèo đang lặng lẽ đi quanh giường. Một con màu cam, một con màu vàng và con thứ ba màu đồng đỏ.

Ngay khi biết mình đang bị quan sát, bọn mèo liền nhảy lên giường và dụi đầu vào đôi bàn tay, vào cổ và đôi má tẻ buốt của thằng bé. Bộ lông của chúng ánh rực lên và ấm áp hệt như ánh nắng mặt trời. James vuốt ve chúng, thấy nỗi sợ hãi cũng bắt đầu tan đi. Nó quyết định đi tìm anh Henry.

Có vẻ như ý tưởng này vừa nảy khỏi đầu bé James là lũ mèo liền nhảy ra khỏi giường và chạy ra cửa. Chúng đứng chờ, meo meo lên đầy lo âu, trong khi James mang vớ và xỏ chân vào đôi ủng da.

Với những sợi rìa và đầu mút từng sợi lông sáng lấp lánh, lũ mèo dẫn đường bằng qua những hành lang tối om, những cầu thang hẹp, trong khi bé James co giò chạy theo. Cuối cùng, chúng tới một cầu thang rộng dẫn xuống tiền sảnh. Tại đây lũ mèo thoáng lưỡng lự trước khi bước xuống căn phòng ngập ánh trăng.

Không có anh Henry ở đây. Mấy viên bi nằm chờ vợ dưới sàn đá, loang loáng dưới ánh sáng lạnh lẽo từ các cửa sổ rọi vào. Khi bé James chậm chậm bước xuống cầu thang, đám mèo chạy trước nó, rú rít, tru lên.

James xuống hết cầu thang rồi bước tới vòng tròn phần .Nó thấy những viên bi mà Henry đang chơi trò Thiện Xạ – trò ưa thích nhất của anh nó.

“Anh Henry!” James gọi lớn. “Anh Henry, anh đi rồi à?”

Chưa bao giờ có một nơi trống trải và rộng mênh mông thế này hiện ra trong đời bé James Yewbeam. Chưa bao giờ anh nó lại vắng mặt lại đột ngột và hoàn toàn như thế này. James không cố gọi thêm nữa. Rõ ràng là anh Henry đã đi rồi. Và anh ấy đi mà không chào tạm biệt.

Nước mắt thằng bé chưa kịp tuôn trào thì ba con mèo đã nhảy vào vòng tròn, hướng sự chú ý của James vào bốn chữ được viết dưới sàn. Một lời nhắn? Nhưng phải chi bé James biết đọc. Anh Henry đã cố công dạy nhiều tuần rồi, nhưng cho đến bây giờ James vẫn chưa thể đọc nổi một từ.

Có lẽ là do nó chưa cố hết sức. Còn bây giờ, khi tình thế vô cùng nghiêm trọng...

“X... x... x...,” James lầm lũi trong khi ba con mèo nhảy chồm chồm theo từng mẫu tự.

Chữ kế tiếp James nhận ra là “i” rồi “n”, xa hơn là tên của bé. Ngay lập tức, James chợt đoán ra những từ anh Henry đã gợi lại cho mình.

“XIN LỖI JAMES,” bé đọc. “BI...” Lời nhắn kết thúc ở đó.

Rõ ràng anh Henry muốn James giữ kỹ giùm những viên bi. Nó nhặt cái túi da lên, nhưng khi nó vừa sắp với tới viên xạ thủ xanh da trời, thì con mèo màu cam liền nhanh nhẩu chạm vào viên bi, làm viên bi lăn vọt qua tiền sảnh. Con mèo màu vàng lập tức đuổi theo, trong khi con mèo đồng gạc thêm ba viên bi khác ra khỏi vòng tròn.

Bỗng nhiên, tiền sảnh sống động hẳn lên vì những âm thanh va đập lách tách, vì những tiếng rừ rừ thích chí. James được những khối cầu đậm sắc, rừng rực nhảy múa, bao quanh. Bọn mèo đang chơi đùa. James nhìn chúng chơi, một nụ cười rạng rỡ trên gương mặt thằng bé.

“Ồ lại với ta nhé,” James nài nỉ bọn mèo.

Và lũ mèo ở lại. Chừng nào mà James còn ở trong tòa nhà lạnh lẽo, đáng sợ này, chúng còn giữ ấm cho James Yewbeam; và chúng sẽ bảo vệ thằng bé được an toàn như bất cứ bất cứ cậu bé con nào cũng đều có quyền được bảo vệ.

4. Chương 4

Nội Bone đóng sầm cánh cửa

Mùa đông bóp chặt cả thành phố trong nắm tay sắt của nó. Những rễ cây, thân cây, ống khói và thậm chí cả những thứ di động được cũng bị phủ một lớp tuyết dày.

Charlie Bone đang khấp khởi hy vọng được nghỉ thêm một ngày Giáng sinh nữa. Học kỳ tiếp theo hẳn sẽ không thể bắt đầu trong thời tiết như thế này. Nhưng nội Bone đã dập tắt ngay niềm hy vọng của nó.

“Đừng có mà tránh né bốn phận,” bà nói bằng giọng khinh khỉnh thường ngày của mình. “Mưa gió hay bão tuyết thì Học viện Bloor cũng mở cửa. Xe cào tuyết sẽ dọn dẹp mấy phố chính, xe buýt trường sẽ dừng ở đầu đường Fillbert sáng thứ Hai, đúng tám giờ.” Mỗi bà cong lên khi nói đến những chữ cuối cùng, vô tình tạo nên một âm thanh gợn guộc.

Charlie là học sinh nội trú theo tuần của học viện Bloor, và cứ mỗi tối chủ nhật nó lại phải sắp xếp đồ đạc cho năm ngày sống xa nhà kế tiếp. Vào ngày chủ nhật hôm nay, Charlie lại quan tâm đến những bông tuyết bám vô cửa sổ phòng nó nhiều hơn đến việc sắp đồ đạc.

“Đồ ngủ, bàn chải, kem đánh răng, đồ lót,” Charlie lầm bầm một mình, “vớ, áo sơ mi sạch...” nó gãi đầu.

Nó phải mặc áo chùng xanh da trời trên đường đến Học viện, nhưng nó rất ghét phải mặc chiếc áo này khi chưa tới trường. Bọn trẻ con trên đường Filbert sẽ trêu chọc nó. Học viện Bloor là một trường học khác thường. Chỉ những đứa trẻ có năng khiếu âm nhạc, kịch và hội họa mới được vô học ở đó. Charlie không có những tài này. Nó là một trong mười hai đứa trẻ có phép thuật, tức là những đứa được vô Học viện vì tài năng độc nhất vô nhị của mình. Trong trường hợp của Charlie thì nó nghỉ, thà không có tài phép đó còn hơn. Nó có thể nghe được âm thanh từ những tấm hình, đặc biệt là tiếng người trong hình. Ngay khi nội Bone và ba cô em ác độc của bà phát hiện ra điều này, họ liền gởi nó vô Học viện Bloor. Dòng họ Bloor gồm những nhà tiên tri, nhà thôi miên, ma sói, phù thủy và những loại người còn tệ hơn thế. Họ là hậu duệ của Vua Đỏ huyền bí, một phù thủy quyền năng siêu phàm. Và như mọi đứa trẻ có phép thuật khác, Charlie phải được giám sát và tài phép của nó cần phải được nuôi dưỡng.

Chuông cửa reng. Charlie chạy lẹ xuống cầu thang, hăm hở chuẩn bị công việc sắp xếp hành lý nhặt nhèo kia. Nó vừa mở cửa thì con Hạt Đậu của Benjamin xò qua người nó, rũ rũ đám tuyết ướt át khỏi lưng. Cái đuôi xồm xoàm của Hạt Đậu xịt những tia nước khắp hành lang, thẳng giữa lối đi của ngoại Maisie.

“Con nên hong khô con chó ở đây thì hơn,” ngoại Maisie nói vui vẻ khi lùi trở vô nhà bếp. “Để bà lấy khăn cho nó.”

Ngoại đã dành hẳn một cái khăn riêng cho Hạt Đậu, vốn là khách quen của ngôi nhà.

Con chó vàng to ùng chạy xoắn theo bà ngoại, trong khi Charlie cầm áo khoác của Benjamin và treo lên mắc trong hành lang.

“Ngày mai bồ có đi đón người tuyết không?” Benjamin hỏi Charlie. “Trường mình chắc chắn chưa mở cửa.

“Nhưng trường mình thì mở,” Charlie rầu rĩ nói. “Đừng buồn nhe, Ben.”

“Xời!” Mặt Benjamin xệ xuống. Nó là một thằng bé tóc màu rơm, mặt lúc nào cũng lo âu. “Thế bồ không giả bộ bệnh hay gì đó được sao?”

“Còn lâu mới được,” Charlie nói. “Bồ biết bà nội với mấy bà cô của mình rồi mà.”

Benjamin biết họ quá rõ là đẳng khác. Bà cô Eustacia của Charlie đã có lần làm bảo mẫu cho Benjamin. Đó là hai ngày khủng khiếp nhất trong đời nó: đồ ăn gồm guốc, phải đi ngủ sớm, không cho chó ở trên giường. Nhớ lại mà Benjamin rùng cả mình.

“Thôi vậy,” nó rầu rầu. “Mình sẽ nặn người tuyết một mình vậy.”

Một cánh cửa bật mở nơi chiếu nghỉ trên đầu chúng. Và một giọng oang oang.

“Benjamin Brown đó hả? Ta ngửi thấy mùi chó.”

“Dạ, con ạ, bà Bone,” Benjamin nói mà thở dài.

Nội Bone xuất hiện ở trên đầu cầu thang. Lột trong mớ quần áo đen tuyền, với mớ tóc trắng búi cao trên đầu, trông bà giống như một nữ hoàng độc ác trong chuyện cổ tích hơn là một bà nội.

“Ta hy vọng mày không định ở lại quá mười phút,” nội Bone bảo. “Charlie phải đi ngủ sớm. Ngày mai nó đi học rồi.”

“Mẹ bảo con còn được ra ngoài chơi một giờ nữa mà,” Charlie la lên.

“Hử? Ừ, nếu mà như thế thì việc gì ta lại phải mất công quan tâm đến tiền trợ cấp cho mày nhỉ. Rõ ràng là ta chỉ tốn thời gian vô ích.”

Nói rồi nội Bone vụt biến vô phòng, đóng cửa đánh sầm.

Không biết là do cửa sầm mạnh hay là do một cơn động đất nhẹ, Charlie không biết được, nhưng một bức hình nhỏ bỗng rớt khỏi móc treo ở trong hành lang.

Charlie chưa bao giờ xem kỹ những bức hình cũ phai màu treo trang trí dọc hai bức tường trong hành lang tối. Thật ra, kể từ khi khám phá ra tài năng không mời mà đến của mình, nó cố ý tránh nhìn vô những tấm hình. Nó không muốn nghe thấy những gì vị tổ tiên coi bộ nóng tính của nó cần nói.

“Chà!” Benjamin thốt lên. “Sao nó lại rớt vậy?”

Charlie nhận ra đây là tấm hình mà nó sẽ không thể bỏ qua. Khi nhặt hình lên và lật lại, nó chợt có cảm giác thôn thốn bồi bụng.

“Tội mình coi đi!” Benjamin giục.

Charlie chìa tấm hình lồng khung đen ra xem. Đó là một tấm hình màu nâu đỏ, đã phai màu. Mặt kính bị nứt nhưng chưa long ra hẳn. Qua những đường nứt rạn, hai đứa thấy một gia đình năm người đang ở trong vườn.

Sau lưng họ, thấp thoáng bức tường thấp màu vàng của một ngôi nhà tranh. Và góc kia của tấm hình, xa khỏi một bức tường đá, một con thuyền buồm đang neo trên mặt biển phẳng lặng như nhung.

“Bồ không sao đấy chứ?” Benjamin liếc nhìn Charlie.

“Không,” Charlie rên rỉ. “Bồ biết tại sao mà. Ồi, nghe thấy rồi.”

Những giọng nói ong ong vo vo bắt đầu ập vô tai nó.

Người mẹ nói trước. Henry, đứng im coi. Con làm hư hình bây giờ.

Cô là một phụ nữ khá ái, mặc váy đăng ten, cổ bẻ cao. Một chiếc trâm cài áo như hình ngôi sao gài ngay dưới cằm. Một cậu bé khoảng bốn tuổi ngồi lên đùi cô, và một bé gái cỡ sáu hay bảy tuổi dựa vô đầu gối cô.

Bên cạnh người phụ nữ là một người đàn ông trẻ mặc quân phục. Gương mặt của chú ấy không thể là một người lính nghiêm nghị và dữ dằn như những người lính vẫn thế. Nhưng người khiến Charlie phải dán mắt vô chính là một cậu bé đứng phía trước người lính.

Con không thờ được, cậu bé cần nhân.

“Hãy, Charlie, trông nó giống giống bồ!” Benjamin chỉ một ngón tay bám đầy đất vô cậu bé lớn.

“Ừm,” Charlie đồng ý. “Cũng cỡ tuổi mình nữa.”

Xem ra cái cổ áo hồ cứng khiến cho cậu bé tên là Henry khó chịu. Cái cổ áo kẹp quanh cổ nó, bên trên chiếc áo khoác cài chặt nút, gần như cọ hằn vào. Nó mặc quần chần dài tới đầu gối, đi vớ đen dài và ủng đen bóng loáng.

Ui da! Henry than thở.

Mẹ cậu thở dài. Bảo con đứng im mà cũng không được sao?

Con nghĩ có một con ruồi trong cổ áo con, Henry nói.

Đến đây thì người lính phá ra cười. Rồi em gái và em trai của Henry cũng bò ra cười ngặt nghẽo.

Thật không, bà mẹ nghiêm trang. Mẹ chắc chắn là ông thợ chụp hình đáng thương của chúng ta chẳng thấy có gì tức cười cả. Ông không phiền chứ, ông Caldicott?

Có tiếng cầu nhàu. Ừm, cảm ơn bà, và rồi tiếng một cái gì đó đổ kèn.

Charlie không chắc đó là ông phó nháy hay chiếc máy chụp hình. Những người trong tấm hình chao nghiêng, khiến Charlie xây xẩm mặt mày.

“Trông bỏ tái mét kìa,” Benjamin nhận xét.

Nó diu Charlie run rẩy vô nhà bếp, tại đây ngoại Maisie đang lau khô cho con Hạt Đậu bằng một chiếc khăn.

“Trời ơi,” ngoại Maisie la lên. Chỉ cần liếc sơ một cái là ngoại biết chuyện gì xảy ra.

“Con vừa mới nghe thấy cái quỷ quái gì đó đúng không, Charlie?”

“Dạ phải,” Benjamin trả lời.

Một tiếng “xèo” thật lớn khi mẹ Charlie thấy một nắm rau nhin lạ mắt vô trong chảo.

“Lần này là cái gì vậy, con?” Bà hỏi.

Charlie đặt tấm hình lên trên bàn bếp.

“Nó rớt khỏi tường lúc nội Bone đóng sầm cửa.”

“Cũng lạ là mấy cánh cửa trong nhà này vẫn còn dính lại được với cái kiểu đóng sầm sập như thế,” ngoại Maisie chép miệng, tay nhặt những miếng thủy tinh bể bỏ vô một tờ báo.

“Cứ phải chứng kiến bà ấy sập cửa, rồi Ông cậu Paton làm bể bóng đèn, với lại đám rau thối của mẹ con, nhiều khi ngoại nghĩ thà bỏ nhà vô sống trong trại dưỡng lão còn hơn.”

Mọi người đều bỏ lơ lời phàn nàn này. Nghe thường xuyên quá rồi. Ngoại Maisie chưa đủ già để vô trại dưỡng lão, vả lại, mọi người đã nói với ngoại hàng trăm lần rồi, rằng gia đình không thể sống thiếu ngoại.

“Thế mẹ có biết những người trong hình này không?”

Charlie chỉ gia đình trong khung hình đen. Không còn những miếng thủy tinh bể, người lính và gia đình trông rõ hơn.

Mẹ Charlie nhìn với qua vai nó.

“Chắc chắn là những người nhà Yewbeam,” bà đáp, “Họ hàng nội Bone. Tốt hơn con nên hỏi nội.”

“Không đời nào,” Charlie nói. “Con sẽ hỏi Ông cậu Paton trước khi đi ngủ. Đi nào, Benjamin.”

Kẹp tấm hình dưới nách, Charlie dẫn Benjamin và Hạt Đậu lên phòng nó. Một giờ chơi trò chơi trên máy vi tính trôi qua cái vèo, sau đó thành lính nội Bone nện cửa phòng Charlie và la toáng lên :

“Đuổi con chó ra khỏi giường mau.”

Làm sao nội đoán được nhỉ? À mà, rất nhiều người nhà Yewbeam có cái khả năng đó.

Bọn nhóc lê xuống cầu thang, Hạt Đậu theo sau, rồi Charlie tiễn Benjamin và con chó ra khỏi cửa trước.

Nó đứng trong hành lang một hồi, nhìn đăm đăm mảnh giấy dán tường hình chữ nhật, nơi treo tấm hình. Cái gì khiến tấm hình rơi ra nhỉ? Có đúng là chỉ vì cánh cửa đóng mạnh quá không? Xem ra trong căn nhà này, có một sức mạnh tác uy đang ngày càng huyền bí.

“Có lẽ Ông cậu Paton sẽ biết,” Charlie lẩm bẩm. Nó chạy lên lầu.

Là em trai của nội Bone nhưng Ông cậu Paton hơn bà những hai mươi tuổi, và rất dí dỏm. Cái khả năng kích bẻ bóng đèn mỗi khi đứng gần đèn sáng khiến ông suốt ngày phải ở trong phòng và chỉ có thể ra ngoài vào ban đêm. Ông bảo, ban ngày, trong các cửa hàng vẫn có bóng đèn. Ban đêm thì ông sẽ ít bị người ta dòm thấy.

Charlie cầm tấm hình từ phòng nó sang gõ cửa phòng Ông cậu, mặc kệ tấm biển XIN ĐỪNG QUẤY RẦY. Cú gõ đầu tiên không có lời đáp. Nhưng đến cú thứ hai thì có tiếng gất.

“Gì đó?”

“Có một tấm hình, Ông cậu Paton.”

“Mày lại nghe được tiếng nói à?”

“Chắc vậy.”

“Thế thì vô đi.” Lời này được nói bằng giọng ỉu xiu.

Người đàn ông cao lớn, tóc đen dày cui nhìn lên từ chiếc bàn làm việc bên cạnh cửa sổ. Khi ông nhúc nhích, cùi chỏ ông hích đổ một chồng sách rớt xuống sàn. Ông cau nhàu :

“Đã chán rồi còn gặp thứ chán hơn.”

Ông cậu Paton đang viết lịch sử gia đình mình, dòng họ Yewbeam, và ông cần rất nhiều sách để tra cứu.

“Thế, tấm hình ấy đâu? Đưa đây coi coi!” Ông cậu Paton bật ngón tay tanh tách, nôn nóng.

Charlie đặt tấm hình trước mặt Ông cậu.

“Họ là ai vậy?”

Ông cậu Paton nheo mắt nhìn gia đình trong tấm hình. Ông chỉ cậu bé ngồi trên đùi người phụ nữ.

“À, đây là cha ta.”

“Còn đây,” ông chỉ ngón tay dính mực vô bé gái, “đó là cô Daphne tội nghiệp, đã chết vì bệnh bạch hầu. Người lính là ông nội ta, đại tá Manley Yewbeam – một người vui tính cực kỳ. Lúc ông sắp giải ngũ thì có một cuộc chiến nổ ra. Đây là bà nội ta, bà Grace. Bà là một họa sĩ... một họa sĩ đại tài.”

“Còn cậu bé kia?”

“Đó là... lạ Chúa, Charlie, trông cậu ta giống con quá. Trước đây ta không bao giờ để ý thấy điều đó.”

“Tóc anh ấy khác tóc con. Nhưng con nghĩ có lẽ anh ấy đã ép nó xuống bằng thứ gì đó.”

Không thứ gì có thể ép được mái tóc dày, lửa chữa của Charlie xuống.

“Hừm, Henry đáng thương,” Ông cậu Paton lẩm bẩm. “Chú ấy biến mất.”

“Bằng cách nào?” Charlie kinh ngạc.

“Lúc đó họ đang ở trong Học viện Bloor. Henry và James, còn Daphne bị bệnh sắp chết. Đó là một mùa đông giá buốt nhất thế kỷ, cha ta không bao giờ quên được. Một hôm, đang lúc chơi bi, Henry tự nhiên biến mất.”

Ông cậu Paton xoa xoa cằm.

“Người cha tội nghiệp của ta tự nhiên trở thành con một. Ông ngưỡng mộ anh trai mình lắm.”

“Biến mất?” Charlie lẩm bẩm. “Và bây giờ Henry đang nói chuyện với con.”

“Cha ta luôn luôn nghi ngờ ông anh họ Ezekiel có dính líu sao đó đến vụ biến mất này. Hắn ghen tị với Henry. Ezekiel là một phù thủy, nhưng Henry thông minh một cách tự nhiên hơn.”

“Đó có phải là Ezekiel mà...”

“Phải. Ông nội của giáo sư Bloor. Lão ấy vẫn còn sống, ẩn dật ở đâu đó trong Học viện, bao quanh là một đồng đèn khí với ma thuật.”

“Chao! Vậy ông ấy phải cả trăm tuổi rồi.”

“Ít nhất cũng trăm tuổi,” Ông cậu Paton chồm người ra trước. “Nói cho ta hay nào, Charlie, những tiếng nói mà mày nghe được ấy, có bao giờ chúng nói một việc gì không liên quan trực tiếp gì hết đến thời điểm chụp hình không?”

“Ừm, không,” Charlie đáp. “Hoặc chưa. Con không thích nhìn họ quá lâu.”

“Hừ, tiếc thật,” Ông cậu Paton nói. “Chắc sẽ thú vị lắm. Đây, cầm lấy.” Ông trao tấm hình cho Charlie.

“Thôi,” Charlie nói. “Ông cậu cứ giữ đi.”

Trông Ông cậu Paton có vẻ thất vọng.

“Cha ta sẽ vui lắm nếu biết thêm được gì.”

“Ông cố vẫn còn sống à?” Charlie ngạc nhiên.

Nó chưa bao giờ thấy ông cố mình. Đúng hơn, nó chưa bao giờ nghe nói về ông.

“Giờ ông già lắm rồi,” Ông cậu Paton bảo. “Hơn 90 tuổi rồi, nhưng vẫn sống ở ngôi nhà tranh bên bờ biển này.” Ông vỗ vỗ tấm hình. “Tháng nào ta cũng đến thăm ông. Nếu ta xuất phát nửa đêm thì thường tới nơi vào lúc mặt trời mọc.”

“Thế còn bà nội và mấy bà cô? Họ là con gái của ông cố mà?”

Ông cậu Paton làm một điệu bộ cho thấy có một xì-căng-đan trong vụ này. Mối Ông cậu mím lại, đôi lông mày dài rậm cong vồng lên về phía đường ngôi tóc.

“Có một mối bất hòa sâu sắc, Charlie à. Cãi nhau kịch liệt. Cách đây lâu, lâu lắm rồi. Ta không còn nhớ nữa. Với mấy người ấy, cha ta không tồn tại.”

“Thật kinh khủng!”

Nhưng về mặt nào đó, Charlie không hề ngạc nhiên chút nào. Suy cho cùng, đến ba Lyell của nó, là con trai duy nhất của nội Bone, mà bà còn không thêm nhắc tới khi ông biến mất nữa là... Bà chỉ đơn giản hất ba nó ra khỏi tim mình.

Charlie chúc Ông cậu ngủ ngon và về giường. Nhưng nó nằm trần trọc mãi, cố tưởng tượng ra ngày đầu tiên nó trở lại Học viện Bloor, nhưng gương mặt lầu lỉnh của Henry cứ lẩn khuất mãi trong tâm trí nó. Làm sao mà cậu ấy biến mất được? Và cậu ấy đi đâu?

5. Phần 1

Một cái cây đổ

Trong đêm, nhiệt độ tụt xuống thấp thêm năm, sáu độ nữa. Vào sáng thứ hai, gió băng mang mưa tuyết tới trút xuống đường Filbert, làm mù mắt bất cứ ai dám liếc nhìn ra đường.

“Con không tin nổi là như thế này mà vẫn phải tới trường,” Charlie than van khi chật vật bước đi trong gió.

“Cũng phải tin thôi, Charlie, xe buýt tới rồi kìa! Chúc con may mắn!”

Mẹ Charlie gọi tới cho nó một nụ hôn gió rồi quay đi, hướng về phía cửa hàng rau quả. Charlie chạy tới đầu đường Filbert, nơi chiếc xe buýt đang chờ để đón những học viên khoa nhạc tới Học viện Bloor.

Charlie được xếp vô khoa nhạc chỉ vì ba nó đã từng học ở khoa này. Nhưng anh bạn Fidelio của nó thì khác, Fidelio thực sự sáng chói. Fidelio đã xí chỗ cho Charlie trên xe buýt. Ngay khi trông thấy mớ tóc hoe vàng xòa hờ và gương mặt rạng rỡ của bạn, Charlie liền cảm thấy khá hơn.

“Học kỳ này sẽ chán ngắt cho coi,” Fidelio thở dài. “Sau những chuyện sôi động vừa qua.”

“Em nghĩ chả có gì chán cả,” Charlie nói. “Chắc chắn em sẽ không vô khu đổ nát nữa đâu.”

Chiếc xe buýt đỗ lại ở một góc quảng trường rải sỏi, có vòi phun nước hình đàn thiên nga bằng đá ở giữa. Khi xuống xe buýt, bọn trẻ nhận thấy mớ đàn thiên nga lủng lẳng những cục nước đá, và cánh chúng viền toàn sương giá. Hóa ra chúng đang bơi trên mặt hồ đóng băng.

“Nhìn kìa,” Charlie phấn khích la lên khi đi ngang qua vòi phun nước.

“Phòng ngủ chung sẽ giống như tủ lạnh,” Fidelio nghiêm nghị.

Charlie tiếc là nó đã không mang theo bình nước nóng.

Thêm một xe buýt khác tấp vô quảng trường. Chiếc này sơn màu tím, và một đám trẻ con mặc áo chùng tím ùa xuống tràn ngập các bậc thang.

“Tới rồi kìa!” Fidelio kêu lên khi một nữ sinh nhuộm tóc màu chàm gần như bay về phía chúng.

“Chào, Olivia!” Charlie reo mừng.

Olivia Vertigo túm chặt cánh tay Charlie:

“Charlie, rất vui là thấy đằng ấy còn sống. Cả anh nữa, Fido!”

“Ừ, còn sống thì mừng rồi,” Fidelio đáp. “Nhưng sao lại gọi tôi là Fido[1]?”

[1] Tên một chú chó ngôi sao của Hollywood – nổi tiếng với những pha quảng cáo bạc triệu.

“Em quyết định đổi tên anh,” Olivia tỉnh bơ. “Phát âm Fidelio lưỡi phải uốn đầy cả miệng, còn Fido nghe ngẫu hơn. Anh không thích à?”

“Đó là tên một con chó,” Fidelio nói. “Nhưng thôi, để anh nghĩ kỹ lại chuyện này.”

Bọn trẻ áo chùng xanh lá cây giờ cũng đã nhập vô đám đông. Lũ học trò khoa hội họa không ồn ào như tụi bên khoa kịch, cũng không kiêu kỳ như bọn khoa nhạc. Thế nhưng, nhìn những chiếc áo chùng xanh lá cây của chúng bay tốc lên, để lộ khăn quàng gắn khoen xê-quin tròn lấp lánh, hoặc những đường chỉ vàng óng trên nền áo len đen, người ta dễ có cảm tưởng rằng đám trẻ trông im im này có khi còn vi phạm nội quy hơn, nghiêm trọng hơn bọn mặc áo chùng tím hoặc xanh da trời.

Những bức tường cẩm cao ngất của Học viện Bloor giờ đã sừng sững trước mặt. Hai bên cổng vòm đi vô có hai tòa tháp nhọn và, khi Charlie bước lên những bậc thang dẫn tới cổng, chợt nó thấy mình cứ dán mắt vô cửa sổ trên cùng của một tòa tháp. Mẹ nó từng bảo bà cũng cảm thấy có ai đó đang nhìn mình từ cửa sổ ấy, và giờ Charlie cũng có cảm giác tương tự. Nó hơi rùng mình, bèn vội vã đuối cho kịp tụi bạn – tụi này đã băng qua khoảng sân lát gạch và giờ đang lên một dãy cầu thang rộng khác. Ở trên đầu cầu thang, hai cánh cửa nặng trĩu được trang trí bằng những tượng đồng đang để mở, đón đàn trẻ đông đúc.

Bụng Charlie bỗng quặn lên khi nó đi ngang qua cửa. Nó có nhiều kẻ thù trong Học viện Bloor nhưng nó không biết tại sao lại thế. Tại sao họ lại muốn trừ khử nó? Thường xuyên muốn trừ khử nó.

Một cánh cửa bên dưới hai cây kèn trumpet bắt chéo nhau dẫn tới khoa nhạc. Olivia vẫy tay rồi biến mất qua một cánh cửa bên dưới hai chiếc mặt nạ, trong khi bọn trẻ áo chùng xanh lá cây thẳng tiến đến cuối hành lang, nơi có một cây viết chì với một cây cọ vẽ cho biết đây là khoa hội họa.

Charlie và Fidelio vô phòng để áo khoác xanh da trời trước, sau đó đi vô hội trường.

Vì là một trong những đứa nhỏ nhất nên Charlie phải đứng ở hàng đầu, bên cạnh những thằng bé nhỏ nhất trong tất cả đám học viên – thằng bé bạch tạng Billy Raven. Charlie hỏi Billy ăn Giáng sinh có vui không,

nhưng Billy ngó lơ. Billy là trẻ mồ côi, và Charlie hy vọng thằng bé không phải nghĩ lễ một mình trong Học viện Bloor. Theo như Charlie nghĩ, thì Billy có một số mệnh còn tệ hơn cả cái chết. Nó nhận thấy Billy mang một đôi ủng phủ lông. Một món quà Giáng sinh, không nghĩ ngờ gì nữa.

Mọi người đang hát đến nửa bài hợp xướng đầu tiên, thì một tiếng thét vang lên từ trên sân khấu.

“Dừng lại!”

Dàn nhạc giao hưởng ngừng chơi. Tiếng hát cũng dứt liền.

Giáo sư Saltweather, trưởng khoa nhạc, bước ra sân khấu, khoanh tay trước ngực. Ông là một người lực lưỡng, thật nhiều tóc trắng, quần tít. Hàng giáo viên khoa nhạc đứng đằng sau ông lộ vẻ lo lắng. Giáo sư Saltweather sắp sửa la họ cũng như la bọn trẻ.

“Các người gọi đó là hát hả?” Giáo sư Saltweather gào lên. “Đó là những tiếng rên khủng khiếp. Những tiếng rú kinh tởm. Các người là những nhạc công cơ mà, ôi trời ơi. Làm ơn hát cho có hồn, có điệu một tí! Nào... lại từ đầu nào!”

Ông gật đầu ra hiệu ra dàn nhạc giao hưởng ở góc sân khấu và giơ cây ba-toong lên.

Charlie hắng giọng. Ngay cả những lúc thuận lợi nhất nó còn không hát được, nữa là hôm nay hội trường lạnh đến nỗi nó không sao giữ cho quai hàm đừng run. Nhiệt độ cũng ảnh hưởng đến những đứa trẻ khác, ngay cả những đứa hát hay nhất cũng đang co ro và run bần bật dưới lớp áo chùng xanh da trời.

Mọi người hát lại từ đầu, và lần này, giáo sư Saltweather không có gì để phàn nàn cả. Những bức tường ốp gỗ rung lên vì tiếng đàn hát. Các giáo viên cũng cố gắng hết sức. Thầy O'Connor vui tính ngả cả đầu ra sau mà hát say sưa, cô Crystal, cô Dance mỉm cười, lắc lư thân mình, trong khi thầy Paltry già nhú cả mày lại để tập trung. Tuy nhiên, thầy giáo dạy piano, thầy Pilgrim, lại không hề há miệng.

Charlie nhận ra thầy Pilgrim không hề đứng lên. Thầy ở sát bên cô Dance, dáng nhỏ nhắn, và thầy vốn cao nên người ta khó nhận ra là thầy vẫn còn đang ngồi. Có gì xảy ra với thầy vậy? Thầy không bao giờ nhìn vô mắt ai, không bao giờ nói chuyện, không bao giờ đi loanh quanh như những giáo viên khác. Xem ra thầy hoàn toàn không nhận thức được về những gì xung quanh mình. Gương mặt xanh xao của thầy không bao giờ biểu lộ một nét cảm xúc nào, dù thật nhỏ.

Cho đến nay là thế.

Nhưng lúc này, thầy Pilgrim đang nhìn chăm chăm vào Charlie, và Charlie có cảm giác lạ lùng rằng hình như ông thầy này biết nó, không phải như một học sinh, mà như một ai đó. Cứ như người đàn ông lặng lẽ, tầm tối này đang cố nhớ ra nó.

Thình lình, một tiếng “rắc” ghê hồn phát ra từ phía cửa sổ. Lớn đến nỗi mọi người đều nghe rõ, át cả tiếng của dàn đồng ca sôi động. Thậm chí giáo sư Saltweather cũng ngừng chỉ huy dàn nhạc. Một tiếng “rắc” nữa xuyên thủng lớp băng tuyết bên ngoài, và rồi một tiếng “rầm” kinh khủng làm rung chuyển cả những bức tường và cửa sổ.

Giáo sư Saltweather buông cây gậy xuống và chạy ào ra cửa sổ. Vài đứa trẻ nhào theo, ông cũng không buồn đuổi chúng.

“Quái lạ!” Giáo sư Saltweather thét lên, “Coi cây tuyết tùng già kia!”

Cái cây khổng lồ nằm vắt ngang khu vườn, cành lá gãy văng, bộ rễ tua tủa bị tróc khỏi mặt đất. Thêm một tiếng “ầm” nữa khi cái cành dài đỡ chóp cây đổ sụp xuống, và với một tiếng rú thảm thiết, cả thân cây chìm ngập vô trong tuyết.

Đã có biết bao trò chơi từng diễn ra dưới gốc cây này; biết bao lời thì thầm bí mật đã được những tán lá rậm rạp, râm mát của nó giữ kín. Đó là cái cây yêu thích nhất của tất cả bọn trẻ, giờ thì nó đã đổ rồi, và chỗ nó đứng chỉ còn là một cái hố tuyết rộng với quang cảnh lam nham của những thành lũy lâu đài bỏ hoang. Tuyết đã phủ những gờ cao và bám vô bề mặt lồi lõm của những bức tường, nhưng cái màu đỏ như máu của những viên đá lớn vẫn nổi rõ mồn một trong khung cảnh trắng xóa.

Khi Charlie nhìn trên trên vô những bức tường lâu đài, bỗng có cái gì đó xảy ra. Đó có thể là do ảo giác vì ánh sáng, nhưng nó chắc chắn còn có một cây tuyết tùng khác, nhỏ hơn cây này, đang hiện ra ở cánh đồng hình vòm của tòa lâu đài. Lá nó đỏ và vàng, trong khi cái cây đỏ kia thì không còn chiếc lá nào mang màu sắc mùa thu nữa.

“Anh có thấy cái cây kia không?” Charlie thì thào với Fidelio.

“Cái gì?”

“Một cái cây đung đưa,” Charlie nói. “Nhìn kia, bây giờ nó đang đứng bên bức tường tòa lâu đài. Anh không thấy à?”

Fidelio nhú mồm và lắc đầu.

Charlie cố chớp mắt để xua cái cây đi. Nhưng khi nó nhìn lại thì cây vẫn ở đó. Không ai khác ngoài nó trông thấy cái cây. Charlie lại có cảm giác quặn lên quen thuộc ở bụng. Cảm giác này luôn xảy ra khi nó nghe thấy tiếng nói trong hình, nhưng lần này không có tiếng nói nào cả.

Một tiếng “rầm” từ trên sân khấu khiến Charlie ngoái nhìn lại. Thầy Pilgrim vừa mới đột ngột đứng lên, hất chiếc ghế đổ chổng gọng. Thầy dòm lướt qua đầu bọn trẻ, nhìn ra vườn, bên ngoài cửa sổ. Rất có thể thầy đang nhìn cây tuyết tùng đỏ, nhưng Charlie chắc chắn là thầy đang nhìn ra xa, tới những bức tường đỏ của tòa lâu đài. Phải chăng thầy cũng trông thấy cái cây lạ đang đung đưa?

Giáo sư Saltweather rời khỏi cửa sổ.

“Bài tiếp theo, bay” ông vừa hô to vừa bước phăm phăm trở lại sân khấu. “Với cái đà này bọn bay sẽ không bao giờ lên lớp được.”

Sau giờ tập hợp, Charlie tới lớp học của thầy Paltry-Kèn Sáo đúng tuổi và nóng nảy. Thầy than là dạy Charlie Bone chơi nhạc cũng chẳng khác gì đổ cho đầy một cái thùng lủng đáy. Ông thầy già cứ thở dài sườn sượt, hết lau kính lại vục cây gậy đen đét lên giá nhạc, trong khi Charlie đứng sát ngay trong tầm gậy. Charlie cho rằng, nếu thầy Paltry mà cứ tấn công nó theo cái kiểu này, thì cuối cùng nó sẽ mất sạch răng – và có thể nó mới được giải thoát khỏi những giờ học nhạc khủng khiếp.

“Đi, Bone, đi đi!” Thầy Paltry gầm gừ sau bốn mươi phút tra tấn lẫn nhau.

Charlie sung sướng vô ngần. Tiếp theo là mang ủng vô và bươn ra ngoài vườn tuyết lạnh. Trong giá lạnh căm căm, bọn trẻ được phép mặc áo chùng ở ngoài trời; vào mùa hè, áo chùng phải để lại trong phòng để áo khoác.

Fidelio ra khỏi lớp học vĩ cầm hơi trễ, cho nên khi hai đứa chạy ra ngoài vườn thì tuyết đã bị ba trăm đứa khác giày xéo rồi. Những thằng người tuyết đang được dựng lên, những trận chiến ném tuyết đang hồi gay cấn, và ông Weedon, người làm vườn, đang vất vả xua đuổi lũ trẻ tránh xa gốc cây ra.

“Em muốn xem cái gì ở cạnh lâu đài,” Charlie nói với Fidelio.

“Em bảo là em không muốn đến gần khu đồ nát nữa mà,” Fidelio nhắc nhở.

“Ừ, nhưng mà... như em nói đó, em thấy một thứ. Em muốn xem có dấu chân gì không.”

“Thôi được,” Fidelio nhún vai một cách hiền lành.

Khi chúng chạy ngang qua cây tuyết tùng gãy, Billy Raven gọi to:

“Hai anh đi đâu vậy?”

Gần như không suy nghĩ, Charlie vọt mồm:

“Không phải việc của em.”

Thằng bé bạch tạng liền sầm mặt lại, và nép mình vô đám cành lá tuyết tùng rậm rạp. Đôi mắt màu đỏ như đá rubi của nó lóa lên đằng sau cặp kính.

“Sao em lại nói như thế?” Fidelio hỏi khi chúng vẫn đang chạy.

“Em không nhận được,” Charlie bảo. “Billy Raven có cái gì đó kỳ cục lắm. Em không tin nó nữa.”

Chúng đã tới cổng khu đồ nát. Tuyết bên dưới những mái cổng vòm sạch bong và mượt mát. Không ai ra vô khu này.

Charlie nhăn mặt. “Lúc này em còn trông thấy nó mà,” nó lầm bầm.

“Tụi mình vô đi,” Fidelio nói.

Charlie lưỡng lự.

“Ban ngày trông không có vẻ gì ghê gớm nhỉ,” Fidelio hé mắt nhìn qua cổng vòm.

Nó băng vô và Charlie theo sau. Chúng bước thập thò qua một khoảng sân và chui vô một trong năm con hẻm dẫn sâu hơn vô khu đồ nát.

Sau vài phút lẩn mò trong bóng tối, chúng đến được một khoảng sân khác. Ở đó, chúng thấy vết máu. Hoặc cái gì đó giống máu: những vệt đỏ sâu, loang trong tuyết, bên cạnh một đụn lá vàng lá đỏ.

“Quái thú!” Charlie thét lên. “Ra thôi!”

Phải đợi đến khi đứng an toàn bên ngoài bức tường rồi thì Fidelio mới hoàn hồn nói:

“Hình như không phải là con thú đâu.”

“Có máu mà,” Charlie nói. “Có một con thú. Nó đã giết chết hoặc làm bị thương một con gì đó.”

“Nhưng đâu có dấu vết gì khác đâu, Charlie. Chẳng có dấu hiệu vật lộn, hay dấu chân... hay...”

Charlie không chờ nghe hết những lý lẽ nghi ngờ của Fidelio. Nó chạy khỏi khu bỏ hoang, trong lòng như sống lại các đêm dài hôm nào, nó bị một con thú mắt vàng đuổi theo qua những ngõ ngách vô tận và những căn phòng lạnh lẽo, dội âm. Khi chạy được tới chỗ cây tuyết tùng gãy, nó đứng lại chờ cho Fidelio bắt kịp.

“Tránh ra!” Một giọng khàn đục vang lên đằng sau.

Đang sẵn run lẩy bẩy, Charlie giật thót mình và quay lại. Gương mặt đỏ gay của ông Weedon hiện ra giữa đám cành cây rối rắm; ông đội chiếc mũ bảo hiểm đen bóng, và Charlie trông thấy một lưỡi cửa nằm chặt trong đai bao tay màu đen của người đàn ông vạm vỡ này.

“Cái cây này rất nguy hiểm,” ông Weedon la lên. “Ta đã bảo bọn nhóc là không được chơi gần nó mà.”

“Cháu có chơi đâu,” Charlie cãi. Fidelio đã bắt kịp và nó thấy tự tin hơn.

“Ồ, không hả, Charlie Bone? Mà không bao giờ chơi chứ gì? Mà là một thằng bé nghiêm túc chứ gì?”

“Ông biết gì về cháu mà nói nào,” Charlie nổi cáu. “Ông không thể...”

Một tiếng nổ lớn, tiếp sau là tiếng cửa xè xè, ông Weedon vén đường qua cái cây rậm rạp, tiến đến chỗ Charlie. Cành cây văng tung tóe khi lưỡi cửa nghiêng vô gỗ và cành lá.

“Đi nào!” Fidelio kéo áo chùng của Charlie. “Tụi mình ra khỏi đây đi.”

“Ông đó thật nguy hiểm,” Charlie lầm bầm khi chúng chạy khỏi đám cây. “Làm sao ông ấy lại biết em?”

“Tại em nổi tiếng quá mà,” Fidelio nói, thở gấp gấp.

Giờ chúng đã đủ xa khỏi ông Weedon nên có thể dừng lại nghỉ.

“Chuyện bị lạc trong khu bỏ hoang học kỳ rồi là hẳn một sự kiện đấy chứ. Tất cả mọi người đều phải biết em là ai.”

Charlie ước sao cho mọi việc không phải như thế.

Một hồi còi đi săn rúc lên, báo hiệu đã hết giờ giải lao.

Nhiệt độ vẫn tụt xuống vùn vụt. Sau bữa tối, những đứa trẻ có phép thuật, như thường lệ lại tới phòng Nhà Vua để làm bài tập về nhà. Chính tại đây đã nổ ra cuộc tranh luận nảy lửa giữa hai anh bạn lớn của Charlie: Tancred torsson và Lysander Sage.

Lysander là người nhạy cảm với cái lạnh nhất. Nhưng vốn là người hay bông lơn, nên nếu có ca cảm thì cũng theo kiểu thân thiện, đúng hơn là tếu táo. Nó nói nguyên văn như thế này với Tancred:

“Tanc, mày đã làm gì với thời tiết vậy?”

“Cả ông mà cũng không biết à!” Tancred nhảy dựng lên và dậm chân, “Tôi tưởng trong cả đám thì ông phải là người biết rõ hơn chứ?”

Lysander chưa kịp đáp lời, thì Manfred Bloor lên tiếng.

“Thôi đi, Tancred! Thương thằng bạn của chúng ta một chút coi. Mày đang làm nó chết cóng đó.”

“Tôi có làm đâu!” Tancred giãy nảy, vò xé mái tóc nhiễm điện của mình.

“Nó giống thôi mà, Tanc,” Lysander mỉm cười, nói.

Đến lúc này thì một vài đứa trẻ bắt đầu cảm thấy bất an. Charlie đặc biệt lo âu. Lysander và Tancred đã cứu nó ra khỏi khu bỏ hoang. Họ đã cùng nhau hợp lực chống lại những thế lực hắc ám đang rình rập trong Học viện Bloor. Nhìn hai người cãi nhau, nó không chịu nổi.

“Bây giờ ông về phe nó rồi à?” Tancred hỏi, trừng mắt nhìn đồng minh cũ của mình.

“Tất cả mọi người đều về phe anh,” Manfred cười khẩy.

Lysander im lặng lắc đầu, nhưng rồi thay, Zelda Dobinski chọn ngay lúc ấy để trình diễn tài năng di chuyển đồ vật quái dị của nó. Con nhỏ dòm lom lom vào một cuốn sách khổng lồ ở trên kệ đằng sau Tancred. Cuốn sách phóng qua căn phòng và đâm trúng vô lưng Tancred, ngay khi nó lao ra cửa.

“Úi!” Tancred rú lên.

Sáu đứa trẻ bò ra cười, trong khi năm đứa còn lại lộ vẻ khiếp hãi.

Tancred không nhìn thấy những gương mặt thông cảm. Nó chỉ kịp nhìn thấy những đứa cười giễu cợt. Gió bỗng giật rùng rùng khắp căn phòng khi cậu bé đang nổi cơn sấm sét này vù ra cửa, để lại những tiếng động thành thành vô tường.

Charlie không kim nổi.

“Chờ đã!” Nó hét lên, lao theo Tancred.

“Mày đi đâu vậy, Bone?” Manfred hỏi.

“Em để quên cây viết ở phòng để áo khoác,” nó nói dối.

Một thằng tóc đỏ, gầy đét góc đầu nhìn lên trêu nó :

“Luôn luôn quên đồ, há Bone?”

“Không phải luôn luôn, Asa!”

Charlie sợ Asa Pike. Nó là tay sai của Manfred và có biệt tài kinh khủng là thay đổi hình dạng.

“Đóng cửa lại,” Asa nói khi Charlie bước ra.

Charlie đóng cửa. Hành lang bên ngoài vắng tanh. Charlie quyết định ra tiền sảnh.

Lúc xuống tới cầu thanh rộng, một luồng gió buốt thốn suốt nửa hắt nó ngã chống kèn. Nó đi vô tiền sảnh nền đá, chợt đứng sững, bất động. Có cái gì đó đang diễn ra trước mắt nó. Nó đang nhìn vô những thứ mà đúng ra không được có ở đó. Một đám bụi lấp lánh đang trôi cuộn cuộn vô chính giữa căn phòng dài. Hay là một cơn bão chẳng?

Từ từ, từ từ, những hạt nhọt nhọt ấy rõ dần lên. Giờ thì chúng đã hợp thành một hình hài lơ mờ, xanh da trời với một dải đen bên dưới. Trước con mắt sững sốt của Charlie, một bóng người mặc áo chùng xanh da trời đột mũ trùm hiện ra.

Charlie không nghi ngờ gì nữa là nó đang nhìn thấy một con ma. Nhưng khi hình dáng kia quay mặt về phía nó, thì nó kinh hãi thấy rằng nó đang nhìn vô... chính nó.

Henry ảm náu

Chính Charlie kia lên tiếng trước.

“Giờn kiểu gì ấy! Cậu bé kia lẩm bẩm. “Mình chẳng đi xa được hơn chút nào cả.”

Cậu ta có giọng nói hết sức bình thường, Charlie thấy thế. Đây không phải là con ma. Nhưng nếu không phải là ma thì là cái gì? Tầng hầm cho thông cổ, nó nói:

“Anh từ đâu tới? Chính xác là...”

“Từ đây,” cậu bé trả lời. “Lúc này tôi ở ngay chỗ này, nhưng...”

Cậu giơ tay lên che mắt và nhìn trần trời vô dẫy đèn điện thấp sáng tiền sảnh.

“...không giống như thế này. Làm cách nào mà nó sáng vậy?”

“Điện đấy,” Charlie nói. Nó bắt đầu nhận ra cậu bé. “Anh là...?” Nó lựa lời. “Ý tôi là... ờ... thế này... Tôi trông thấy anh trong một tấm hình. Phải anh là Henry Yewbeam không?”

“Chính là tôi,” Henry nó, rạng rỡ hẳn lên. “Tôi nghĩ tôi cũng trông thấy cậu. Ở đâu đó... Cậu là ai?”

“Tôi là... à...kiểu như anh em họ của anh vậy. Em là Charlie Bone.”

“Ôi! Thật là hay. Một người em họ. Hay. Hay.” Henry tiến lại và bắt tay Charlie. “Rất vui được gặp em, Charlie Bone.”

“Việc này không hay đến thế đâu,” Charlie nói. “Ngày mà anh... Ngay bây giờ là ngày nào nào?”

“Ngày 12 tháng Giêng năm 1916,” Henry nói. “Tôi luôn nhớ ngày tháng.”

“Em sợ bây giờ không còn là ngày tháng đó nữa.”

“Không phải à?” Nụ cười của Henry chợt lụi tàn. “Thế...?”

“Anh đang ở tương lai, gần chín mươi năm sau thời của anh,” Charlie nói.

Miệng Henry há hốc, nhưng không thốt ra được lời nào. Thay vô đó là một âm thanh sắc gọn, vang lên khi một vật gì đó tuột khỏi tay cậu và rơi xuống đất.

Charlie thấy một viên bi pha lê lớn lăn qua tiền sảnh.

“Chao!” Charlie trầm trồ, nhưng nó vừa tính nhặt viên bi lên thì Henry thét thất thanh:

“Cẩn thận, Charlie. Đừng nhìn vô nó.”

“Tại sao?”

“Nó là thứ đã mang tôi tới đây.”

Charlie lùi lại khỏi viên bi bóng lánh.

“Ý là nó mang anh đi xuyên thời gian?”

Henry gật đầu.

“Nó là Quả Cầu Xoắn Thời Gian. Mẹ tôi đã có lần kể cho tôi nghe. Nhưng tôi chưa bao giờ trông thấy, cho đến bây giờ... Đáng lý tôi phải đoán ra nó là cái gì. Tôi biết Zeke luôn tìm cách trừng phạt tôi.”

“Zeke?”

“Anh họ tôi, Ezekiel Bloor.” Henry bắt giác toét miệng cười. “Tôi nghĩ, chắc bây giờ anh ta chết rồi.”

Nhưng chợt, một nét u buồn và nghiêm trang hiện ra trên mặt cậu.

“Nhưng chắc họ cũng qua đời cả rồi: cha, mẹ, cả em trai James của tôi nữa. Không còn ai cả.”

“Thì còn em,” Charlie nói. “Em nghĩ em trai của anh là...”

6. Phần 2

Đúng lúc đó, một tiếng tru đầu hăm dọa cất lên từ cầu thang phía trên đầu chúng.

Hai cậu bé cùng ngược lên, thấy một con chó xấu xí, ú nu, lùn tịt đang đứng trên đầu cầu thang. Nó tru thêm một tiếng nữa, ngồng cái mũi dài về phía mái nhà, trong khi đồng da gần như trụi hết lông lúc lắc dưới đụn cỏ của nó.

“Con gì mà xấu chưa từng thấy,” Henry thì thầm.

“Nó là May Phúc, con chó của bà bếp trường đấy.”

Charlie không đợi cho con chó tru lên thêm nữa.

“Nhanh lên,” nó chớp lấy cánh tay Henry. “Anh phải trốn đi. Chỗ này hiện thời không tốt cho anh đâu. Có những người ở đây... họ có thể làm những chuyện xấu xa nếu họ nhận ra anh là ai.”

“Tại sao vậy?” Mắt Henry tròn xoe.

“Em chỉ cảm thấy thế thôi,” Charlie nói.

“Đi thôi,” nó lôi Henry về phía cánh cửa dẫn vô chái phía tây.

“Tụi mình đi đâu vậy?” Henry hỏi, nhặt vội Quả cầu Xoắn thời Gian lên và đút vô túi áo.

Trong thoáng chốc, Charlie không hiểu vì sao nó lại kéo Henry vô chái phía tây. Nó xoay cái vòng đồng nặng nề ở trên cánh cửa và đẩy người bạn mới vô hành lang tối mò.

“Tôi biết chỗ này,” Henry thì thào. “Không bao giờ thích nó cả.”

“Em cũng không thích,” Charlie nói. “Nhưng chúng ta phải đi lối này để kiểm chỗ an toàn.”

Nó đóng cửa lại sau lưng khi con May Phúc tru lên một hồi nữa.

Hai cậu bé mò mẫm đi dọc theo hành lang cho đến khi chúng tới một căn phòng trống hình tròn. Bóng đèn từ trần nhà hiu hắt soi một cánh cửa gỗ kiểu cổ. Đối diện cánh cửa là một dãy cầu thang đá.

“Lên tháp à?” Henry nhìn những bậc thang và nhả mặt.

Đến lúc nào Charlie mới nhận ra lý do nó mang Henry đến chỗ này.

“Anh sẽ an toàn ở trên tầng trên cùng,” nó bảo.

“An toàn?” Henry có vẻ hồ nghi.

“Tin em đi mà,” Charlie trấn an.

Khi Henry bắt đầu đi lên các bậc thang, Charlie để ý cái quần vải tuyết lạ lùng của cậu bé. Nó chỉ ngắn tới gối, có khuy cài ở gấu để giữ cho ống quần trùm ra ngoài đôi vớ rộng màu tím.

Đôi ủng của Henry trông y như ủng con gái: đen, bóng lộn, và cột dây thừng thõm phía trên mắt cá.

“Tốt nhất là tụi mình phải kiểm quần áo mới cho anh thôi.”

Charlie thì thầm khi chúng tới căn phòng hình tròn thứ hai. Có một cánh cửa thông ra chái phía tây, nhưng Charlie giục Henry leo lên dãy cầu thang kế tiếp.

“Gia đình Bloor sống ở đó đó,” nó bảo.

“Hay nhỉ,” Henry nói. “Một số thứ vẫn không thay đổi.”

Chúng tiếp tục leo lên, còn xa mới tới tầng trên cùng của tháp, nhưng đã nghe thấy tiếng đàn piano văng xuống, âm vang khắp cái cầu thang hẹp.

Henry dừng lại. “Có người ở trên đó.”

“Thầy giáo dạy dương cầm, thầy Pilgrim,” Charlie bảo. “Chẳng có ai lên đây ngoài thầy. Mà hình như thầy Pilgrim cũng không quan tâm đến chuyện gì đâu. Không lo thầy đâu. Em đảm bảo!”

Thêm hai lượt cầu thang nữa thì chúng tới căn phòng nhỏ ở trên cùng: những tập nhạc nằm rải rác trên sàn nhà, những kệ sách cao đựng trần ken đặc những quyển an-bum bọc da và vô số bản nhạc quần góc.

“Ở đây thì ảm đậy,” Charlie nói, rút vài chồng ra khỏi kệ. “Anh coi, nếu mình trải giấy xuống sàn như vậy.”

Nó trải vài bản nhạc ra giữa kệ sách và những chồng nhạc xếp cao như một bức tường.

“Vậy là thành một chiếc giường. Anh có thể núp ở đây tới sáng.”

“Sau đó thì sao?” Henry hỏi.

“Á...” Charlie gãi gãi đầu. “Sau đó em sẽ tìm cách lấy cho anh một ít đồ ăn sáng, và cả quần áo mới nữa.”

“Quần áo của tôi có gì không được à?” Henry nhú mào lo lắng.

“Chúng chỉ trông khác quá thôi. Bây giờ người ta không mặc đồ như thế nữa.”

Henry liếc cái quần xám dài và đôi giày đế bệt của mình Charlie.

“Ôi không. Để coi đã,” cậu rên rầm.

“Em phải quay về lớp đây,” Charlie nói. “Huynh trưởng Manfred Bloor sẽ truy lùng em. Em không muốn đối đầu với anh ấy. Anh ấy biết thôi miên.”

“Trời! Lại một đứa biết thôi miên!” Henry đã từng nghe kể về những nhà thôi miên trong dòng họ mình.

“Em cũng là một người có phép thuật như họ à?” Cậu hỏi Charlie.

“Chắc vậy,” Charlie đáp. “Chính vì thế nên em mới biết anh.”

“Thế ông ấy thì sao?” Henry chỉ cánh cửa sau lưng, nơi tiếng nhạc du dương vọng ra.

“Thầy không làm gì anh đâu,” Charlie nói chắc chắn. “Tạm biệt.”

Nó vẫy tay và đi ra khỏi căn phòng nhỏ, cảm giác mình có lỗi mà không sao giải thích được.

*

* *

Trong phòng Nhà Vua, thằng bé có gương mặt dài, râu rì Gabriel Silk cứ nhấp nhòm liếc nhìn chỗ ngồi bỏ trống của Charlie. Nó thấy lo cho Charlie. Đáng lý ra nó nên chạy theo Tancred, chứ không nên để Charlie đi. Charlie nhỏ hơn và hình như cứ chực chuốc lấy những rắc rối – nó thuộc tít nhóc con gặp toàn những việc không may.

Thình lình, có tiếng tru vang lên. Mới đầu tất cả bọn chúng đều cố phớt lờ, nhưng cuối cùng, Manfred buông viết xuống và nghiêng răng bảo:

“Con chó gớm ghiếc! Billy, đi khóa mõm nó lại ngay.”

“Để tôi đi,” Gabriel xung phong.

“Anh bảo Billy.”

Manfred thấy cho Gabriel một cái nhìn kinh khủng nhất, đoạn chìa thẳng mắt qua Billy.

“Đi mau,” hần gần giọng, “mày biết nói chuyện với cái đồ ghê lở đó. Hỏi xem có phải nó đau bụng không?”

“Vâng, thưa anh Manfred.” Billy lật đặt ra cửa.

Khi chạy xuống những bậc thang lạnh toát và hành lang tối mù, Billy phải tự độc thoại. Nó rất ghét những khi tất cả mọi người ai nấy nhốt mình trong phòng làm bài tập. Nó sợ gặp ma. Nó biết là có ma quỷ, cứ lượn lờ trong bóng tối.

Đến chỗ chiếu nghỉ rộng, nơi cầu thang lớn dẫn xuống tiền sảnh, nó thấy con May Phúc đang ngồi chờ trên cầu thang, vẫn không ngớt rú lên.

Billy đến ngồi bên cạnh con chó và đặt một tay lên cái lưng núc ních:

“Chuyện gì vậy, May Phúc?” Lời nói phát ra thành những tiếng âm ừ, ư ử, khò khè. Đó là một thứ ngôn ngữ mà May Phúc có thể hiểu được.

Con chó già ngừng tru.

“Thằng đến,” nó nói. “Việc xấu. Sai”

“Thằng bé nào? Tại sao sai?” Billy hỏi.

May Phúc ngẫm nghĩ câu hỏi này. Xem ra nó rất khó trả lời. Cuối cùng, nó khụt khịt:

“Thằng bé đến từ không đâu. Với bóng, rất nhỏ. Sáng loáng. May Phúc không thích bóng này. Là ma thuật.”

Billy hoang mang. “Phải đó là anh Tancred không?” Nó hỏi. “Anh ấy có nhiều tóc vàng?”

Không. Thằng giống thằng kia.” May Phúc nhìn chằm chằm xuống tiền sảnh.

Dõi theo ánh nhìn của con chó, Billy ngạc nhiên khi thấy Charlie Bone đang lặng lẽ đóng cánh cửa đi vô chái phía tây.

“Nãy giờ anh ở đâu vậy?” Billy gọi.

Charlie ngẩng lên, giật nảy mình.

“Không ở đâu cả,” nó nói. “Chỉ đi kiếm anh Tancred mà.”

“May Phúc nói có một thằng bé khác ở đây; một thằng bé giống anh.”

“May Phúc quá giàu trí tưởng tượng.” Charlie Bone băng qua tiền sảnh.

“Nó nói có một quả bóng, nhỏ và sáng và nó không thích.”

“Anh nghĩ May Phúc mơ ngủ,” Charlie vừa nói vừa leo lên cầu thang hướng về phía Billy.

Billy nhìn con chó già.

“May Phúc không nói dối,” nó bảo. “Chó không biết nói dối.”

“Nhưng chúng biết mơ chứ hả? Đi nào Billy. Tụi mình quay về làm bài tập đi, không lại bị cấm túc bây giờ.”

“Về chỗ bà bếp trưởng đi,” Billy xua con chó. “Đi nào May Phúc. Đừng có rú lên nữa.”

May Phúc phát ra một tiếng hờn dỗi, rồi lóc cóc xuống cầu thang, trong khi Billy và Charlie chạy trở lại phòng Nhà Vua.

Khi giờ làm bài tập kết thúc, Charlie lưỡng lự không biết có nên đi thăm Henry không. Nó không muốn để Henry ở lại một mình trong tháp, cái cách thời của cậu bé gần cả trăm năm. Dĩ nhiên, Henry không hoàn toàn ở một mình, nhưng thầy Pilgrim cũng coi như không tính rồi. Charlie thấy cần thổ lộ chuyện này với ai đó.

Nó vô phòng ngủ chung, thấy Fidelio đang lấy đồ đạc từ trong giỏ xách ra, tổng vô tử âm tường. Trong phòng có hai đứa nữa của khoa kịch và Charlie không dám liều mạng, rủi bị nghe lỏm.

“Em có chút chuyện muốn hỏi anh,” nó thì thào với Fidelio. “Tụi mình ra chỗ nào khác được không?”

“Tới phòng vẽ,” Fidelio khẽ nói.

Lúc ra khỏi phòng ngủ chung, chúng đâm sầm vô Billy.

“Cẩn thận,” Fidelio thì thào khi hai đứa đi trên hành lang. “Hồi đó anh cũng hay thấy tội nghiệp cho Billy, nhưng bây giờ anh không thích cái kiểu nó dòm ngó người ta.”

“Có người khổng chế nó,” Charlie nói. “Em không biết người đó là ai, nhưng nó bị ép phải làm gián điệp. Em nghĩ Billy không cưỡng lại họ được.”

Chúng vô phòng vẽ.

“Đèn vẫn sáng,” Charlie nhận xét. “Nhưng không có ai ở đây.”

“Thầy Boldova có thể sẽ quay lại,” Fidelio cảnh báo. “Tốt hơn là núp ra đằng kia.”

Có một bức tranh phong cảnh lớn đứng tựa vào hai cái giá vẽ sát bức tường, và hai đứa xoay sở để chui lọt ra phía sau bức tranh, ngồi chồm hổm xuống sàn. Bằng giọng bí mật, Charlie bắt đầu kể cho bạn nó nghe về sự xuất hiện đột ngột của Henry với Quả Cầu Xoắn Thời Gian. Tuy nhiên, khi Charlie vừa nhắc tới những giọng nói từ trong tấm hình thì Fidelio chụp lấy cánh tay nó.

“Từ từ đã,” Fidelio nói. “Tức là em có thể nghe được người ta nói gì trong hình hả?”

Charlie gật đầu. Nó chưa bao giờ nói cho Fidelio nghe về tài năng kỳ lạ của mình. “Em không thích mọi người biết,” nó lúng búng trong họng.

“Anh cũng không muốn mọi người biết chuyện này đâu,” Fidelio bảo. “Đừng lo. Anh sẽ không hé răng lấy một lời nào. Kể tiếp về Henry đi. Giờ cậu ấy ở đâu rồi?”

“Em đã đưa anh ấy lên tầng chót của tháp nhạc. Em không nghĩ ra chỗ nào khác nữa.”

“Thế, thầy Pilgrim không nói gì à?”

“Thầy thậm chí còn không nhận ra là có Henry xuất hiện, mà nếu thầy có...” Charlie lúng túng. “Em nghĩ thầy sẽ không làm hại anh ấy đâu.”

“Hừm. Anh hơi lo đây! Em không thể nói cho thầy Pilgrim biết.” Fidelio rì rầm. “Vậy em sẽ làm gì với ông cậu cụ-kỵ-từ-đời-tám-hoánh này bây giờ?”

“Em nghĩ em sẽ lên đưa anh ấy về nhà vào cuối tuần. Nhưng trước tiên phải kiếm ít đồ ăn cho anh ấy đã.”

“Giờ nghỉ ăn trưa là tốt nhất,” Fidelio bảo. “Cậu ấy có thể ăn phần của anh... nếu không phải là thịt xay. Em sẽ lên vô tháp, trong lúc đó anh...”

Fidelio ngừng bật. Thành linh, một gương mặt thò ra từ tít trên đầu bức tranh.

“Mấy bồ đang làm gì vậy hả?” Emma Tolly hỏi.

Charlie định nói cho Emma biết chuyện; dù sao con bé cũng là bạn, lại cũng có phép thuật, nhưng có cái gì đó ngăn nó lại.

“Tán dóc thôi. Trong phòng ngủ chung chẳng có chỗ nào yên tĩnh cả.”

“Hiểu rồi,” Emma thở dài. “Mình phải vẽ cho xong bức tranh này.”

“Tụi này đi đây,” Fidelio nói.

Hai thằng lách mình ra khỏi bức tranh.

Ngay khi chúng sắp rời phòng vẽ, Charlie chợt trông thấy một cuốn tập vẽ phác thảo mở rộng trên bàn. Nó nhìn đắm đắm vô cuốn tập và tiến lại gần.

“Tập của mình đó,” Emma bảo. “Mới phác thảo thôi. Chẳng có gì đặc biệt.”

Nhưng những bức phác thảo rất đặc biệt. Tất cả các trang đều vẽ hình chim. Chim đang đánh nhau. Chim bay liệng, xà xuống, bay vút lên, lao thẳng xuống. Trông những con chim thật con chim thật đến nỗi Charlie cảm giác nếu có chạm vô chúng thì sẽ như chạm vô lông thật vậy.

“Tuyệt quá,” Charlie thì thầm.

“Tuyệt quá,” Fidelio đồng tình, đáp lại.

“Cám ơn!” Emma nhón miệng cười bên lên.

Thình lình, cánh cửa đằng sau chúng xịch mở, một giọng cất lên:

“Các trò đang làm gì ở đây vậy?”

Thầy Boldova hiện ra. Ai cũng có thể đoán ngay thầy là giáo viên hội họa, bởi vì quần áo thầy dính đầy những vệt sơn vẽ. Ngay cả chiếc áo chùng xanh lá cây mà thầy hay quên mặc cũng có những đốm màu li ti ở tay áo. Trông thầy Boldova cứ như lúc nào cũng đang nghỉ hè. Mắt thầy màu nâu lục nhạt, làn da rám nắng khỏe mạnh và mái tóc nâu dài cột túm đuôi ngựa.

“Con đang cho Charlie và Fidelio coi tranh con vẽ,” Emma tự tin nói. “Tụi con đi liền mà.”

“Ừ, được rồi, Emma.” Ông thầy dạy vẽ mỉm cười tươi rói với cả bọn.

Không bao giờ có chuyện phải sợ thầy Boldova. Thầy không bao giờ phạt cấm túc ai, không bao giờ phạt học trò vì tội bừa bãi, lơ đãng, hoặc ngay cả đi trễ. Điều duy nhất khiến thầy nổi cơn tam bành là những bài vẽ bôi bác.

Thầy nhìn Charlie vẽ dò hỏi và buột miệng:

“À, Charlie Bone.”

“Dạ phải,” Charlie nói. “Chúc thầy ngủ ngon.”

Ba đứa trẻ lướt vèo qua thầy và chạy về phòng ngủ chung. Còn năm phút nữa thì đèn tắt. Bà giám thị có lẽ đang đi tuần tra, và bà hoàn toàn không phải là người có lòng thông cảm.

Khi lướt vô phòng ngủ chung, chúng nghe bên phòng nữ, bà Lucretia đang quát tháo một nữ sinh tội nghiệp vừa bị lạc mất dép lê.

“Tụi mình phải xong việc trước khi bà ấy vô đây,” Fidelio nói, co giò chạy thục mạng ra nhà tắm.

Billy Raven đang ngồi trên giường.

“Anh đi đâu vậy?” Nó hỏi Charlie.

“Đi làm thêm chút việc,” Charlie đáp.

Nó thay lẹ bộ đồ ngủ và nhảy lên giường, đúng lúc bà giám thị thò gương mặt bự qua cánh cửa.

“Tắt đèn!” Bà ta hét, rồi nhấn công tắc.

Bóng đèn không có cái chụp, treo ở giữa phòng, phụt tắt.

“Thoát trong đường tơ kẽ tóc,” Gabriel Silk lồm bồm ở giường kế bên.

Trước khi Charlie ngủ thiếp đi, nó nghĩ tới cậu bé ở trong tháp; đói, lạnh và chắc chắn là sợ hãi. Phải làm gì với Henry Yewbeam đây?

Không sao ngủ được, Henry Yewbeam nhìn trao tráo khắp thành phố. Có một cửa sổ tròn nhỏ trên bức tường giữa những kệ sách. Lúc này, vì nôn nóng muốn biết thế giới có thay đổi gì trong chín mươi năm qua không, Henry đã leo lên ghế để ngó ra ngoài.

“Chao, xe có máy kia!” Henry ồ lên khi một chiếc lại gần. “Bao nhiêu là xe.”

“Bao nhiêu,” một giọng nói vang lên, như một tiếng dội.

Henry chợt nhận ra một người đàn ông đang đứng trong bóng tối bên cạnh mình. Người chơi đàn dương cầm bước ra từ căn phòng kế bên, dừng lại. Henry thở phào, cậu không có lỗi tai cầm thụ âm nhạc cho lắm.

“Phải ông Pilgrim không ạ?” Henry hỏi.

Không có câu trả lời. Trong ánh sáng lập lờ từ cửa sổ hắt vô, Henry nhận ra một gương mặt xanh xao và mái tóc đen. Nét mặt ông thật nghiêm trang và xa xăm.

“Cháu là Henry Yewbeam,” Henry nói.

Vẫn không có lời đáp.

Cứ như nói chuyện với người không có mặt ở đó vậy. Có lẽ cũng chẳng sao nếu Henry nói cho ông biết hết sự thật.

“Cháu rất già,” Henry nói. “Hay đúng ra là cháu đã phải già lắm rồi.”

Phía xa xa, đồng hồ bắt đầu điểm giờ. Những tiếng chuông ngân vang từ nhà thờ lớn, tỏa khắp thành phố. Thầy Pilgrim quay qua nhìn Henry. Mắt ông lóe sáng lên rất lạ.

Henry vừa đếm đến tiếng chuông thứ mười hai thì thầy Pilgrim nói.

“Cậu lạnh không?”

“Có,” Henry đáp.

Thầy giáo dương cầm cởi chiếc áo chùng xanh da trời đang mặc ra và quàng quanh vai cậu bé.

“Cháu cảm ơn,” Henry nói, bước xuống khỏi ghế.

Thầy Pilgrim mỉm cười. Thầy vói tay lên một kệ sách cao và lấy từ hàng sách xuống một chiếc hộp thiếc. Mở nắp ra, thầy đưa cái hộp cho Henry.

“Bánh bột lúa mạch đấy,” thầy bảo. “Cậu thấy đấy, tôi sống ở trên đây. Và đã là người thì phải đói.”

“Đúng là người thì phải đói,” Henry đồng ý, lịch sự nhón lấy một cái bánh.

Thầy Pilgrim không mời Henry thêm nữa. Thầy đặt cái hộp trên ghế và bảo. “Cứ lấy mà ăn.” Ánh nhìn xa xôi lại hiện về trong mắt thầy. Hình như thầy đang cố nhớ một điều gì đó. Nhíu mày, nhăn trán, thầy lẩm bẩm:

“Chúc ngủ ngon.”

Và rồi thầy đi khỏi, lướt xuống các bậc thang đá mà không gây ra một tiếng động nào.

Henry rất muốn người đàn ông ở lại. Nó rất biết ơn vì ông đã cho nó mượn chiếc áo chùng, nhưng quả thật mà nói, trời đã không còn lạnh như lúc nãy nữa. Nhiệt độ tăng nhanh chóng. Những tảng băng treo bên ngoài cửa sổ đang bắt đầu tan chảy.

Khắp tòa tháp vang những tiếng lách tách, lách tách của băng tan thành nước. Chính âm thanh đó khiến Henry linh tính về một cái gì đó bất trắc. Cậu chợt hiểu ra rằng việc cậu bị xoắn lộn thời gian chắc chắn có tác động đến cái lạnh. Cậu đã quay về Học viện Bloor khi nhiệt độ đạt đúng bằng lúc cậu rời nó, vào năm 1916. Giờ đây nhiệt độ đã thay đổi, và như thế cuộc du hành thời gian cũng sẽ thay đổi theo.

“Mình sẽ không về nhà được nữa,” Henry thầm nghĩ. “Mình sẽ không bao giờ gặp lại gia đình nữa.” Đột nhiên, hoàn cảnh của cậu bỗng dưng quá nghiệt ngã, không sao chịu đựng nổi.

“Nhưng mình phải về!” Cậu nói thành tiếng.

7. Chương 7

Olivia gây náo loạn

Billy Raven nằm thức thao láo. Mới hai tuần trước nó còn ngủ một mình trong phòng ngủ chung dài thượt. Giờ nó đã phải làm quen với những tiếng ngáy, tiếng nói mớ, tiếng thở khò khè và thút thít của những thằng bé khác. Điều đó không phải dễ dàng. Billy vốn là đứa ngủ rất yên.

Đêm nay, nó vô cùng phấn khích. Nó đã có chuyện để kể cho lão Ezekiel Bloor nghe. Chắc thể nào nó cũng sẽ được thưởng. Khi đã chắc chắn bọn kia say ngủ cả rồi, Billy xỏ chân vô đôi dép lê và choàng thêm chiếc áo khoác. Ván sàn hơi kẹt lên vài tiếng khi nó bước qua phòng và lĩnh ra ngoài.

Manfred Bloor đã tặng nó món quà Giáng sinh: một chiếc đèn pin dài đen nhẵn, tỏa ánh sáng cực mạnh. Billy không hề mong đợi lại được huynh trưởng tặng quà, nhưng khi Manfred cúi xuống thì thầm:

“Bọn ta phải giữ cho các điệp viên của mình được sung sướng chứ,” thì Billy hiểu liền.

Nó bật đèn pin lên và một luồng ánh sáng sắc lẹm quét xuống tận cuối hành lang. Billy bắt đầu cuộc hành trình dài lên khu vực trên cùng của mái phía tây. Thường thì nó vẫn chờ May Phúc dẫn đi, nhưng đêm nay nó không thể chờ nổi.

Khi Billy lần đường gần căn phòng của lão già, nó phải khó nhọc dò dẫm vượt qua một khu vực lúc nào trông cũng u ám. Đó là một trong số ít ỏi những nơi mà phép thuật kém cỏi của lão già còn có thể phát huy tác dụng đúng như lão mong muốn. Vì vậy mà bàn chân mang dép lê của Billy tuyệt nhiên không để lại dấu vết trên lớp bụi dày, và những mạng nhện thì tự đan kết lại như cũ ngay sau khi nó đi qua. Nếu không có những tiếng rít thỉnh thoảng nổi lên từ chiếc đèn khí, thì người ta có thể nghĩ những bậc thang cọt kẹt và những hàng lang tối um này đã bỏ hoang cả trăm năm rồi.

Billy đi tới một cánh cửa đen, lớp sơn bong tróc do bị con chó cào trong nhiều năm. Nó gõ cửa hai tiếng. Một giọng ộp ộp cất lên:

“Ai đó?”

“Billy Raven,” Billy nói.

“Vô đi, Billy Raven,” cái giọng đó bảo.

Billy bước vô.

Lão Ezekiel Bloor ngồi trên xe lăn bên cạnh lò sưởi. Một tấm chăn bằng da cừu bọc quanh vai lão, và gương mặt giống như hộp sọ lâu năm của lão lòi ra bên dưới cái nón len màu đen. Đỡ sau lưng lão là một đồng gối nệm nhung bạc màu, và chiếc áo khoác nhung đen của lão mặc nổi bật những hàng nút bằng vàng. Mặc dù đã được khoác cả mở áo quần trang trọng như thế, Billy vẫn thấy lão giống như một con cừu chết. Không đợi mời, thằng bé ngồi phịch vô chiếc ghế đối diện với lão già. Sự thay đổi bầu không khí đột ngột khiến nó chóng mặt.

“Con chó đâu?” Lão già giật giọng nói.

“Cháu không biết. Cháu không đợi nó được. Cháu muốn kể cho ông một chuyện.”

Mắt kính của Billy bị mờ sương vì không khí trong phòng đầy hơi nước. Nó tháo kính ra và chùi chùi bằng ngón tay dài.

“A, tốt. Chuyện về Charlie hả?” Lão già dướn về trước, vẻ háo hức.

“Kiểu kiểu vậy...,” Billy nhát gừng.

“Nào nào. Kể đi, kể đi.”

“Ừm, đúng ra là May Phúc. May Phúc trông thấy nó.”

“Nó?” Lão già rít lên. “Nó? Nó là cái gì? Con chó đó tên là Thương Hại. Ông đã bảo mày bao nhiêu lần rồi!”

“Xin lỗi. Nhưng cháu nghĩ tên nó là May Phúc.”

“Rồi rồi, thân kệ. Tiếp tục đi!” Lão Ezekiel Bloor vẩy tay nôn nóng.

Billy đeo kính trở lại, và nó hối hận vì đã đeo vô. Gương mặt khô quắt của lão già chợt bị phóng to, sát lại một cách dễ sợ. Billy có thể thấy rõ rãnh rãnh từng cái mụn cóc và từng cọng lông cứng.

“Con chó đó tự nhiên tru lên nên anh Manfred bảo cháu ra coi có chuyện gì, vì anh ấy biết cháu có thể hiểu được chó nói chuyện, thế đấy.”

“Giá mà tao có thể hiểu được cái con chó ghê lở đó,” lão Ezekiel Bloor lắc đầu. “Thế nó nói gì?”

“Nó nói nó thấy một thằng bé, không biết từ đâu chui ra. Thằng bé này có một quả bóng, rất nhỏ, sáng loáng. Nó bảo thật là tệ...”

“Cái gì?” Lão già bụp tay lên miệng. “Cái gì? Một thằng bé... và... quả bóng đó bằng pha lê phải không?”

“Có lẽ vậy,” Billy nói, ngạc nhiên vì sự sững sốt mà tin tức của nó gây ra.

“Không, không, không thể thế được.” Lão Ezekiel định đứng lên, nhưng đôi cẳng vô dụng nứu lão rơi phịch xuống, và lão chìm ngấm vô cái tổ kén bằng len, lông cừu và nhung của lão.

“Xong rồi cháu thấy Charlie Bone ở trong tiền sảnh, May Phúc nói Charlie Bone trông giống thằng bé mới xuất hiện kia.”

Billy mỉm cười và chờ xem tác dụng của những lời nó bấm báo. Và nó đã không phải thấy vọng.

“Charlie Bone,” lão Ezekiel thở gấp. “Phải, phải, đúng rồi. Trông nó hơi giống Charlie Bone. Hèn chi tao không thể chịu nổi cái thằng đó. Đi tìm nó ngay, Billy. Mang nó tới đây.”

“Ai? Charlie ă?”

“Không, đồ ngu. Thằng kia kia. Thằng em họ của tao, thằng Henry ấy!”

“Em họ của ông?” Billy lặp lại, mặt nó thộn ra. “Tìm bằng cách nào? Cháu có biết ông ấy ở đâu đâu.”

“Mày vừa nói với tao là nó ở trong tòa nhà này. Như thế thì không khó khăn gì cả.”

“Ý ông nói thằng bé kia là...”

“... Là em họ tao, đúng rồi. Tao đã tổng khứ nó đi bao nhiêu năm rồi. Tao cứ nghĩ sẽ không bao giờ gặp lại cái đồ rác rưởi đó nữa.”

Giọng của lão già thông xuống chỉ còn như những hơi thở thều thào.

“Chắc chắn là do thời tiết...kết hợp với nhiệt độ. Ồ ồ... Quả Cầu Xoắn Thời Gian hoạt động theo cách đó đó... ừm... ừm.”

Lão nhíp nhíp mấy ngón tay vô thành xe lăn.

Billy tò mò. “Quả Cầu Xoắn Thời Gian là cái gì ă?”

“Đó là một vật nhiệm màu,” lão lẩm bẩm. “Một quả cầu pha lê, không lớn hơn viên bi là bao. Nó có thể xoắn mày lộn qua nhiều, nhiều năm. Hèn gì con chó không thích quả cầu. Đừng bao giờ nhìn vô nó nghe chưa, trừ phi mày muốn đi chu du, bà cô của tao đã nói với tao như thế đấy. Đi hỏi con chó coi thằng bé kia ở đâu. Con Thương Hại cái gì cũng biết. Đi ngay đi, và đóng cửa lại.”

Billy vô cùng thất vọng. Nó mong chờ ít nhất cũng phải được thưởng một tách ca cao nóng.

“Ồ... Ông nhớ ông có nói về chuyện ba mẹ cháu...” nó mở lời.

“Ba mẹ? Mày làm gì có ba với mẹ,” Lão Ezekiel lơ đễnh. Rõ ràng tâm trí lão đang bận tâm cho thứ khác.

“Vâng. Nhưng mà ông bảo có người muốn nhận cháu làm con nuôi.” Billy nói, đầy hy vọng.

“Tao có nói thế à? Không nhớ. Bọn tao sẽ nói về chuyện ba mẹ mày khi nào mày tìm ra thằng bé kia. Đừng quên Quả Cầu Xoắn Thời Gian đấy.”

Xong lão Ezekiel đuổi Billy đi bằng cách phẩy một ngón tay vẹo vọ của lão.

Billy tuột khỏi ghế và lồm lũi đi ra cửa. Rồi nó quay lại lão già và nói.

“Cám ơn đôi ủng ông cho. Mấy chỗ nẻ vì lạnh ở chân cháu đỡ nhiều rồi.”

Lão Ezekiel ụt ịt. Lão không nghe Billy nói gì. Khi thằng bé đi rồi, lão nhìn trừng trừng vô những đốm lửa, và đột nhiên bật ra một tràng những lời nói và âm thanh quái lạ. Trên cái nền ấy, thỉnh thoảng cái tên “Henry” lại bật ra, rồi cụm từ “Quả Cầu Xoắn Thời Gian”. Một vài từ khác có thể nghe ra là “Không bao giờ!”, “không, không!”, “Tại sao?”, “Không thể được!”. Những từ đó tạt vô ngọn lửa đang cháy, mạnh đến nỗi làm nó kêu xèo xèo. Nếu lão già không thò tay vô cái hộp bằng bạc kể bên, và quăng một nắm đóm mồi

vô vĩ lò thì hần ngọn lửa đã tắt rồi. Nhưng những đóm mồi ma thuật này gây nên một tiếng nổ kinh hoàng, một cuộn khói đen bốc lên, lan khắp phòng, khiến lão già ho sặc sụa.

“Đồ vô dụng!” Lão chửi cái hộp bằng bạc ngây thơ vô tội.

*

* *

Charlie tỉnh giấc. Nó không hiểu tại sao. Có cái gì đó đánh thức nó dậy. Đó là cái gì?

Tiếng chuông của đồng hồ nhà thờ xa xa bắt đầu điểm giờ ngân nga khắp thành phố. Vậy là đúng nửa đêm. Charlie bắt đầu thấy tê tê đằng sau gáy. Nó luôn cảm thấy như thế khi nghe đồng hồ gõ mười hai tiếng. Vừa lo sợ lại vừa phấn khích.

Một cái giường ở cuối phòng kêu lên cọt kẹt. Charlie thắc mắc không biết có phải Billy lúc này đi ra rồi bây giờ đi vô phòng. Và liệu Billy có bị phạt vì chuyện đó không? Học kỳ rồi Billy là người chiến thắng trò chơi trong khu bỏ hoang, và giờ nó là chủ nhân đầy kiêu hãnh của chiếc huy chương bằng đồng – một chiếc huy chương mang lại cho nó nhiều đặc quyền đặc lợi cùng với cả năm không bị cấm túc.

“Billy, em đó hả?” Charlie thì thầm.

Không có tiếng trả lời, nhưng có một tiếng “két” dài, và Charlie chắc chắn đó là từ giường của Billy.

“Em vừa đi đâu về vậy?” Nó hỏi.

“Không phải việc của anh,” lời đáp vang lên.

Đích thị là giọng của Billy. Charlie rúc vô tấm chăn. Nếu Billy muốn bí mật thì cứ để nó bí mật, Charlie nghĩ. Nó còn việc khác để mà lo lắng: giải cứu Henry. Toàn bộ công việc cần phải được lên kế hoạch cẩn thận. Trước tiên, nó cần phải mang một ít đồ ăn cho Henry. Nhưng nó chưa kịp quyết định nên làm việc ấy theo cách nào thì đã ngủ thiếp đi mất.

Trong khi đó, giấc mơ của Fidelio lại rất được việc. Trong mơ, nó đã phác cho Charlie cách lên vô tháp nhạc sau bữa trưa. Nhưng chúng cần được trợ giúp.

Vào bữa sáng hôm sau, Fidelio nói kế hoạch của mình cho Charlie.

“Olivia sẽ làm được,” nó nói thầm vô tai Charlie. Dù xung quanh chúng rất ồn ào và huyên náo, Fidelio vẫn không muốn kế hoạch của mình bị nghe lỏm.

“Olivia? Nhưng nó làm cách nào?” Charlie nói khề. Nó cố mấp má môi thật ít, vì Billy Raven, ngồi đối diện, đang nhìn chúng một cách lộ liễu.

Fidelio cũng nhận thấy tia nhìn chăm chú của Billy. Nó quay đầu khỏi bàn và thì thầm:

“Olivia sẽ tìm cách đánh lạc hướng Manfred và Asa Pike. Tụi mình cần có người ngăn không cho hai thằng ấy ra tới tiền sảnh, trong khi em đi qua cửa lên tháp. Cả hai chúng nó sẽ ăn trưa trong căn tin của khoa kịch; nếu Olivia có thể giữ chúng lại chừng vài phút thì em sẽ có đủ thời gian. Sẽ không còn đứa nào khác bỏ công theo dõi tụi mình đâu.”

“Hai đứa mày to nhỏ cái gì vậy?”

Charlie và Fidelio ngẩng lên thì thấy Manfred Bloor, đang đứng tì thân vô ghế của Billy. Hắn đang quan sát chúng kỹ càng. Cứ như thằng Billy kia đã kêu hắn đến vậy.

“Này, tiết lộ bí mật của mày đi, Charlie Bone!” Đôi mắt đen của Manfred lóe lên thật hiểm độc.

Charlie lập tức cúi gằm xuống. Nó biết nó có thể chiến đấu với ánh nhìn thôi miên của Manfred, nhưng nó không muốn lòi thôi với thằng huynh trưởng một khi chưa cứu được Henry.

Fidelio nói nhanh, “Tụi em đang bàn luận về mái tóc của Olivia Vertigo.”

“Vậy hả?” Manfred nhướn đôi mày đen ngổng lên.

“Dạ phải, em nghĩ nó nhuộm tóc xanh da trời coi dễ thương hơn,” Charlie tiếp lời. “Nhưng tụi em không nói to, sợ nó nghe thấy.”

“Nghe như thật nhỉ,” Manfred cay độc. “Ở đây có yên lặng đâu mà phải thì thảo?” Về cá nhân anh, thì anh nghĩ con bé ấy trông như ma.

Câu cuối cùng hần rít lên, và, vừa nghe nhắc đến tên mình, Olivia ngoái đầu lại từ chiếc bàn đằng sau. Trông thấy bộ mặt nghiêm trang của Charlie, Olivia liền nhăn mặt, rồi quay lại, tiếp tục tấn công món cháo bột yến mạch.

Manfred bỏ đi và bắt đầu la lối một nữ sinh lỡ mặc áo chùng trái.

“Phuù!” Charlie thở hắt ra. “Tụi mình để giờ giải lao hăng nói chuyện.”

“Hay đấy,” Fidelio tán thành.

Cho đến lúc hai đứa xoay sở mà tách được Olivia ra khỏi đám bạn của con bé, thì giờ giải lao đã gần hết. Olivia nhảy cẫng trên tuyết trong đôi ủng màu tím chằng chịt dây nhợ, có đính thêm những khoen xê-quin tròn.

“Tuyết làm trôi hết màu rồi,” nó ca cẩm, giơ bàn chân trái lên. Mũi ủng bên này xám xịt, nham nhở.

“Olivia, tụi này cần bồ giúp,” Charlie vô tư vặn vẹo!

“Hả?” Olivia thả bàn chân trở lại tuyết. “Giúp cái gì?”

Charlie biết không thể nào thuyết phục được Olivia làm gì nếu không giải thích thỏa đáng, cặn kẽ. Olivia cần phải biết về Henry Yewbeam trước khi đồng ý giúp. Vì vậy, nhanh hết sức, Charlie kể cho nó nghe hết tất cả mọi chuyện...

Mép Olivia trễ xuống và đôi mắt xám của nó trợn tròn lên.

“Tức là anh ấy tự bay vèo vèo ra khỏi quá khứ rồi bây giờ tới đây à?”

“Phải.”

Charlie ngoái nhìn ra sau. Nó nhắc thấy Billy Raven lảng vảng phía sau một nhóm học viên khoa nhạc.

“Nhưng tụi này muốn giữ bí mật cho đến khi kiếm ra cách để giúp anh ấy. Mình cần phải đem cho anh ấy một ít đồ ăn.”

“Tụi này tính giờ ăn trưa Charlie sẽ lén đưa phần xúc xích của anh lên tháp,” Fidelio nói, “nếu em có thể giữ chân Manfred và Asa thêm một vài phút trong căn tin của khoa em thì tuyệt.”

“Không thành vấn đề,” Olivia nói chắc. “Cứ để đó cho em.”

Một hồi còi đi săn dài, đình tai rúc lên, đẩy bọn trẻ đang tút tít rời khỏi sân, và Olivia vọt đi, nhập vô nhóm bạn của mình.

“Tụi mình phải tin tưởng Olivia thôi,” Charlie nói. “Thường thì vẫn tin nó được.”

Mỗi khoa có một căn tin riêng, và căn tin của khoa kịch luôn luôn ồn ào nhất và vô kỷ luật nhất. Manfred thường xuyên rống sức mà ngăn cấm tụi nó không được mang những đôi giày kiểu cọ và những loại váy dài quái dị, nhưng các giáo viên của khoa kịch lại hay xuê xoa với nội quy. Rất hiếm khi họ phản nản về thẩm mỹ trong việc chọn lựa trang phục của học trò mình, mà thật ra, họ còn khuyến khích những chiếc mũ có tai, những đôi giày quái chiêu và cả việc vẽ mặt bằng đủ màu sắc. Cô Marlowe, trưởng khoa kịch, nhấn mạnh rằng quần áo như một phương tiện để thể hiện tư tưởng nghệ thuật của mình, và càng lập dị càng tốt. Tất cả những điều này khiến Manfred tức lộn ruột, nhưng hần không làm gì được cả, cho nên hần trút giận sang bọn trẻ của khoa hội họa và khoa nhạc.

Hôm nay căn tin của khoa kịch thật hỗn loạn. Áo khoác của ai đó bị rụng lông. Lông trắng bay khắp sàn nhà. Rồi nón của ai đó bị lột da. Những mẫu da trôi lều bều trong tô nước thịt. Giấy màu bị nhét vô nệm ghế, còn bàn thì bề bộn những mẫu sơn, kim tuyến cùng những lộn tóc giả.

“Tôm lợm,” Manfred lau bầu, trợn mắt nhìn một chiếc khoen xê-quin rớt vô món sữa trứng của nó. “Tại sao mọi người lại không thể chỉnh tề hơn, hả?”

Nó, nó ưa màu đen, và thỉnh thoảng diện áo sơ mi tím cho tiện với màu chiếc áo chùng. Ngay cả dải ruy-băng trên túm đuôi ngựa của nó cũng màu đen.

Asa Pike cười khẩy một cách căng thẳng. Bộ ria mà nó thích đeo vừa rớt xuống đĩa.

“Hự,” nó nói. “Quên mất là mình đang đeo ria.”

Manfred bắn cho thẳng bạn đồng hành một cái nhìn khinh miệt.

“Có những lúc, Asa à, anh chỉ khoái đá cho mày một cái ra trò.”

Đôi mắt vàng của Asa vằn lên một tia khùng khiếp. Manfred bắt đầu hối hận vì lời nói của mình. Hắn và Asa không phải là bạn bè thật sự, chúng gắn với nhau vì tất cả mọi người đều ghét chúng. Asa có thể bỏ đỡ, phục tùng Manfred, nhưng Manfred biết rõ rằng Asa có thể cũng nguy hiểm không kém gì mình. Manfred có thể thôi miên, nhưng khi đêm xuống, Asa có thể trở thành con thú hoang dữ tợn, một sinh vật vượt xa sức mạnh của Manfred.

Vậy là hai thằng ngồi im bên bàn, môi mím chặt lại, đôi mắt găm găm, cho đến khi một cơn bão não loạn thành linh nổ ra phía ra cửa lớn, phá vỡ sự im lặng khó chịu của hai đứa.

“Lại là con Olivia Vertigo,” Asa nói, nhìn về phía chỗ xảy ra hỗn loạn.

Manfred đứng vụt lên. “Không phải nó,” rồi hùng hổ bước ra cửa.

Olivia đã cố ý làm đổ toàn bộ khay đồ ăn ngay trước cửa. Hầu như toàn bộ đĩa và ly đều bể tan tành, cấm những mẩu thủy tinh nhọn lổm chổm vô bánh, vô nước sốt và vô trứng sữa.

“Xin lỗi, xin lỗi, xin lỗi,” Olivia rối rít. “Em bị trượt chân.”

“Xin lỗi không thôi mà đủ à.” Manfred quát. “Đi lau chùi ngay.”

“Vâng, thưa anh Manfred,” Olivia bước gấp gấp qua căn tin, vô nhà bếp. “Mình sẽ cho chúng năm phút” nó lẩm bẩm, và nhìn đồng hồ đeo tay.

Không ai để ý đến Olivia, cho đến khi bà bếp trưởng từ phía sau nhà bếp bước ra. Bà tới chỗ Olivia và la:

“Con vô sai cửa rồi, nhóc.”

“Con vô lấy một miếng bánh mì,” Olivia nói.

“Bộ con ăn không no sao?” Bà bếp trưởng hỏi.

“Con vô trễ,” Olivia đáp, liếc nhìn đồng hồ.

“Chặc! Chặc! Để xem ta làm được gì nào,” bà bếp trưởng vừa quay đi thì cánh cửa đằng sau Olivia bỗng mở tung.

“Nùi giẻ đâu? Đồ ngu! Chúng tao không thể ra được tới chùng nào mày lau dọn cái đồng đó đi.”

“Em... ờ...” Olivia ậm ừ.

“Kiên nhẫn nào, Manfred Bloor,” bà bếp trưởng gắt. “Tất cả mọi thứ đều đến với người biết chờ đợi.”

“Ha!” Manfred găm gừ.

Bà bếp trưởng đứng đĩnh đi quanh nhà bếp, lấy một cây lau nhà và một cái xô, một đôi găng tay cao su từ dưới gầm bồn rửa chén.

Manfred thúc giục, “Lạy Chúa, nhanh nhanh lên, bà kia.”

Bà bếp trưởng sừng lại. Bà quăng cây lau nhà xuống và quắc mắt nhìn Manfred, hai tay chống nạnh:

“Đừng có nói với ta kiểu đó. Mày dám nói thế à. Đừng bao giờ, đừng khi nào dùng cái giọng đó với ta nữa đấy.”

“Vâng! Vâng!” Manfred cuống quýt, vẻ sợ sệt.

“Xin lỗi mau,” bà bếp trưởng ra lệnh.

“Xin lỗi bà,” Manfred lẩm bẩm, giả bộ như đang xem xét mấy cái móng tay của mình.

Olivia hầu như không thể tin nổi. Chỉ bằng vài lời mà bà bếp trưởng đã dìu thằng huynh trưởng xuống còn một thằng nhóc sợ sệt.

Bà bếp trưởng xách cái xô và nhặt cây lau nhà lên.

“Nếu mày muốn cái đồng đó biến đi, thì mày tự đi mà dọn lấy.”

“Nhưng tôi không làm ra cái đồng đó!” Manfred hét lên, đỏ mặt tía tai.

Bà bếp trưởng nhún vai rồi bỏ đi.

Manfred hần học đẩy Olivia một cái ra cửa. Ngay khi chúng ra khỏi nhà bếp, hần dúi cái xô vô tay con bé.

Vào đúng lúc đó, Charlie và Fidelio đang băng qua tiền sảnh. Vì giờ này tất cả đám trẻ khoa kịch đều đang ở cả trong căn tin, nên có rất ít người qua lại, và Charlie cố lén qua cánh cửa vô chái phía tây mà không để bị trông thấy. Fidelio đứng canh chừng. Chừng nào hoàn tất sứ mạng của mình, Charlie sẽ gõ hai tiếng lên cửa, và nếu tình hình yên ổn thì Fidelio sẽ gõ lại báo hiệu.

Charlie phóng lên cầu thang hình xoắn ốc dẫn lên đỉnh tháp. Khi vô đến phòng nhạc, nó hết cả hơi và bị một vết toạc ở bên hông.

Nhưng Henry đã đi rồi. Một chiếc áo chùng xanh da thùng thình nằm vắt trên thành ghế. Và trên mặt ghế có một cái hộp thiếc trống không. Vài cuốn sách dính đầy vụn bánh, và hai miếng giấy gói kẹo rớt ngay gần cửa sổ.

Hôm nay thầy Pilgrim chơi đàn rất khê. Thầy cứ đánh đi đánh lại mãi một điệu nhạc, tựa hồ như thầy không thể nhớ ra đoạn tiếp theo của bản nhạc phải như thế nào.

Không gõ cửa, Charlie mở cửa ra và nhìn vô. Chỉ có một mình thầy Pilgrim, không mặc áo chùng. Charlie chợt nhớ ra thầy cũng đã có lần không mặc áo chùng ở trong hội trường, nhưng thầy Pilgrim vốn hay quên mà.

Ông thầy giáo dạy nhạc nhìn qua chiếc đàn dương cầm và nhú mày với Charlie.

“Xin lỗi thầy,” Charlie nói. “Thầy có trông thấy một cậu bé không ạ? Một cậu bé giống con?”

Thật vô cùng ngạc nhiên, thầy Pilgrim trả lời rành rọt.

“Có. Có một cậu bé.”

“Thế thầy có biết bây giờ anh ấy đang ở đâu không ạ?”

“Đúng ra cậu ấy không nên ở đây một mình,” thầy Pilgrim nói. “Nhất là vào ban đêm. Trời quá lạnh đi!”

“Vâng, nhưng... anh ấy đi đâu rồi ạ?”

“Cậu ấy đói bụng.”

Rồi như chợt nhớ ra phần nhạc nãy giờ vẫn đang lẩn mò, thầy Pilgrim bỗng chơi đàn thật âm ỉ, rồi tiếp sau đó cuốn mình vào một đoạn nhạc hết sức phức tạp.

Charlie nhận thấy thật vô ích nếu hỏi ông thầy này thêm câu nào nữa. Ngoài ra, nếu nó không trở lại ngay thì Manfred và Asa sẽ truy lùng nó khắp tiền sảnh.

“Cảm ơn thầy.”

Charlie rời căn phòng và đóng cửa lại, chạy một mạch hết các cầu thang xuống tới đáy tháp. Nó lao qua những cầu thang xoắn nhanh đến nỗi, khi xuống tới tầng trệt, nó lao đảo cả người.

Trước khi bước vô hành lang tối dẫn ra tiền sảnh, nó dừng lại để nghe ngóng. Không nghe thấy gì. Vậy là an toàn khi vô hành lang. Nhón gót, nó đi rón rén trên nền đá. Được vài mét, bỗng nó va thẳng vô một cái

gì đó; một hình hài nhỏ không ra hình người. Cái hình hài đó rên rĩ rồi chạy đi; nhưng khi Charlie quay lại nhìn, các người hay vật này cũng quay lại nhìn nó. Đôi mắt hấp háy đằng sau một tấm mạng đen mỏng, cái hình hài đó thì thầm:

“Cậu bé,” rồi biến đi khỏi.

8. Chương 8

Trong giá lạnh

Charlie chạy ù một mạch đến cuối đường, rồi tông thẳng vô một cánh cửa ở cuối hành lang, suýt nữa thì húc ngã Fidelio.

“Em quên gõ cửa,” Fidelio cau kỉnh. “Có người đang theo dõi.”

“Ai vậy?” Charlie trông thấy Billy Raven biến mất vô phòng để áo khoác.

“Ồ không,” nó rên rĩ. “Lại là nó.”

Đúng lúc đó, Manfred và Asa hiện ra ở cuối tiền sảnh. Trông dáng bộ Manfred hằm hằm. Ngay khi thấy hai thằng bé, nó nạt nộ:

“Đi ra! Đi ra! Tại sao chúng mày không ở ngoài kia, hả?”

“Trời... ờ... ờ... ướt,” Charlie lắp bắp.

“Uớt cái gì mà ướt? Tất nhiên là ướt rồi. Chúng mày sợ tuyết à?”

“Tụi em không kiếm ra ủng,” Fidelio nói lẹ.

“Thế thì lấy giày mày ra!” Manfred sửa.

“Nhưng...,” Charlie bắt đầu.

“Giày chúng mày cũng ướt chứ gì. Hay là sao? Vậy chúng mày mới học được thế nào là mất ủng.”

Manfred đã để mình rơi vô trạng thái mất bình tĩnh cực độ. Gương mặt xanh xao thường nhật của nó giờ đã chuyển thành tím tái.

Charlie và Fidelio lú lú đi ra vườn, không hó hé một lời.

“Phù. Anh cá tất cả là tại Olivia,” Fidelio nói.

“Em hy vọng Olivia không bị cấm túc,” Charlie rầu rầu. “À, Henry không có ở tháp. Bây giờ em không biết phải làm gì nữa.”

“Tụi mình sẽ kiếm được cậu ấy,” Fidelio nói một cách tự tin. “Nhưng tụi mình phải kiếm ra trước Manfred. Trong tháp có gì mà em sợ dữ vậy? Trông em cứ như gặp ma ấy.”

“Em nghĩ chắc em gặp ma thật,” Charlie nói. “Kinh khủng. Đen thui mà lại lều bều.”

“A, thiếu phụ bóng tối,” Fidelio bảo. “Gabriel có kể cho anh nghe về bà này. Bà hay lẩn quẩn quanh tháp nhạc. Anh nghĩ bà ấy thích nghe thầy Pilgrim chơi đàn piano.”

Vài phút sau, Olivia nhập bọn với tụi nó trong vườn.

“Chào các đấng ấy, tốt đẹp chứ?” Nó hỏi.

“Quá tuyệt,” Charlie khen. “Chắc bồ cầm chân hai thằng ít nhất cũng được mười phút.”

“Làm sao em làm được vậy?” Fidelio hỏi.

Olivia kể lại tai nạn đánh rơi khay đồ ăn của nó.

“Nhưng giờ tớ bị cấm túc rồi,” nó nói. “Cho nên tớ sẽ không được về nhà cho tới tận tối thứ bảy.”

Mặt Charlie xị xuống.

“Mình xin lỗi. Lẽ ra mình phải tính tới vụ này.”

“Ồ, nhằm gì,” Olivia bảo. “Tớ sẽ đi thám thính đôi chút, miễn là có ai đó cùng bị cấm túc chung với tớ. Tớ không thích ở lại một mình.”

“Ồ.” Charlie càng thấy áy náy hơn. Nó nói:

“Ồ, đừng giận nhé, bây giờ mình mắc công chuyện.”

“Dĩ nhiên rồi. Ông anh họ Henry,” Olivia vui vẻ. “Tớ hiểu mà. Tớ cũng biết Fido sắp phải học nhạc hay gì gì đó mà.”

“À, vì em nhắc cho nên...,” Fidelio ngắc ngứ.

“Có sao đâu nào! Đừng có làm mặt áy náy vậy chứ, cả hai ông. Để tớ thử thuyết phục Emma Tolly coi.”

Olivia nhảy loi choi trong đôi ủng tím và tiến về phía Emma, đang vừa đi dạo, vừa chúi mũi vào một cuốn sách.

Hai thằng bé dành hết giờ giải lao còn lại đi tới lui trên những phiến đá bên ngoài cánh cửa ra vườn. Trời đã ẩm hơn khoảng năm, sáu độ, và giờ tuyết đang biến thành một thứ nước bùn loãng. Chiếc giày bên trái của Charlie bị lũng, thấm nước.

Trước khi hồi còi rúc lên báo hiệu hết giờ giải lao, Olivia lại chỗ tụi nó, vẻ buồn so.

“Đoán coi cái gì nào,” nó nói. “Emma Tolly không muốn để bà đi lại một mình vào cuối tuần. Tớ hỏi mấy người: tớ đã giúp nó thoát khỏi cái gia đình lạnh lẽo kinh tởm kia, mà giờ nó thậm chí không dành được thêm vài giờ ở cùng với tớ.”

“Vậy thì mình sẽ cố gắng để bị cấm túc,” Charlie nói. “Để Henry đợi thêm một chút cũng được.”

“Không, cậu ấy không đợi được đâu,” Olivia phản đối. “Mấy người phải đưa cậu ấy ra khỏi đây càng nhanh càng tốt. Thôi được. Bindi sẽ ở lại với tớ.”

Rồi nó lắc đầu:

“Tớ không biết cái gì ám Emma. Dạo này nó hay giữ kẽ lắm.”

“Trước đây bạn ấy chưa bao giờ có một gia đình thật sự,” Charlie nói. “Mình nghĩ bạn ấy muốn được ở với gia đình càng nhiều càng tốt.”

“Hừ,” Olivia thông dong bước đi khỏi.

Khi hai đứa đi vô lớp học lịch sử, Fidelio nói:

“Charlie à, anh nghĩ tốt nay em phải thực hiện điệp vụ giải cứu thôi. Hôm nay không còn dịp nào khác đâu.”

Charlie nhất trí. Nhưng nó không biết phải bắt đầu kiếm Henry ở đâu.

“Thử vô mấy nhà bếp coi,” Fidelio đề nghị. “Giờ này chắc cậu ấy cũng đã đói rồi.”

Đêm ấy, Charlie nằm trên giường, cố nhớ lại tất cả những cầu thang và hành lang có lối dẫn tới các nhà bếp. Nó biết là có ba nhà bếp, nằm ở phía sau mỗi căn-tin. Chúng thông với nhau bằng những cánh cửa khép hờ, cho nên nó có thể lén vô cả ba một khi nó tìm được đường đến nhà bếp đầu tiên.

“Anh có nghĩ là bà bếp trưởng vẫn còn ở trong bếp không?” Nó thì thào hỏi Fidelio.

“Sau nửa đêm thì không,” Fidelio đáp khẽ.

“Im đi, chúng mày,” đó là Damian Smerk.

“Mày im thì có,” Fidelio quạc lại, ném một chiếc giày ướt về phía Damian.

Quả là một cú nhắm thiện xạ. Chiếc giày sượt qua má Damian.

“Tao sẽ thịt mày, Fidelio Gunn, đợi đấy!” Damian rít lên.

“Xin mời,” Fidelio nói. “Hẹn gặp mày bên cánh cửa ra vườn, ngay sau giờ ăn sáng.”

Damian khụt khịt rồi kéo chăn trùm kín đầu. Nó rất sợ bạo lực, nhưng lại hay đưa ra những lời hăm he ngu ngốc đòi làm thịt người này người kia, rồi sau đó giả đồ bị thương ở tay hay ở chân để lấy cớ khỏi phải đánh nhau.

Charlie đang định nói thì cánh cửa mở tung và đèn bật sáng.

“Đứa nào nói chuyện?” Bà giám thị đứng ngay ngưỡng cửa.

Không đứa nào trả lời.

“Khai mau!” Bà quát.

“Tụi con,” Charlie nói.

Bà cô của Charlie ngoáy cái mũi dài về hướng nó.

“Hả? Mày thú nhận đó à?”

“Cả hai đứa con,” Fidelio đáp.

Bà giám thị ngó nghiêng khắp căn phòng, vẻ không hài lòng.

“Nếu ta mà phải vô đây lần nữa thì tất cả tụi bay sẽ bị cấm túc,” bà dọa.

“Trừ con,” Billy lên tiếng.

Không thềm đếm xỉa gì tới Billy, bà Lucretia Yeabeam bước ra ngoài, đóng cửa đánh rầm một cái.

“Sắp tới giờ rồi,” Fidelio xì xào để không ai ngoài Charlie có thể nghe được. “Em có muốn anh đi cùng em tới nay không?”

“Không,” Charlie thì thào lại. “Một trong hai đứa mình đi thì tốt hơn, dù sao cũng cảm ơn anh.”

“Chúc may mắn!” Fidelio lật mình lại và giẫy sau đã ngủ say sưa.

Mãi sau, Charlie vẫn nằm, mở mắt thao láo, cố chống lại cơn buồn ngủ. Đến lúc cưỡng không nổi, nó bèn tung chăn ra. Thế là, nó lạnh quá không sao ngủ được nữa.

Nó chờ cho đến khi nghe chuông đổ mười hai tiếng, và sau đó, trong nỗi sợ pha lẫn phần khích, nó vội vàng khoác áo choàng tắm vô, mang dép lê và lĩnh ra khỏi phòng ngủ chung.

“Phải, rồi trái, rồi đi xuống mấy cầu thang,” Charlie lẩm bẩm một mình.

Luồng sáng từ chiếc đèn pin yếu đến nỗi nó không nhìn xa hơn được bàn chân mình. Ngay lúc vừa mò được đường qua khỏi hai cầu thang, nó nhận ra mình đã bị lạc, hay đúng hơn là rơi vào một chốn mà nó không nhận ra. Trong bóng đêm, mọi thứ trông thật khác.

Đánh liều, Charlie tiếp tục nhích thêm vài mét nữa cho đến khi nó tới một dãy cầu thang khác. Nó vừa đi xuống hai bậc, thì một vật gì đó bập vô đầu gối nó, tống nó nhào xuống sàn.

“Ui! Ui da!” Charlie nén tiếng rên rĩ.

Không bị gãy chiếc xương nào cả, nhưng nó cảm thấy ê ẩm.

“Không quay lại được rồi,” nó thều thào.

Ráng cát mình lên, nó quẹo vô một góc và thấy mình đang đứng ở một chiếu nghỉ phía trên tiền sảnh. Đèn tại đây để sáng suốt đêm. Với một tiếng “hự” nhẹ nhõm, Charlie chạy xuống cầu thang và tiếp tục lối đi dài dẫn đến các căn-tin.

Vừa đi vừa té nhào vô đồng bàn ghế, Charlie băng qua căn-tin xanh da trời, vô nhà bếp. Ở đây, những cái giá phủ đầy chảo với nồi choán hết đường đi. Những máy móc nhô ra thành những góc quẹo kỳ quái.

Những cây lau nhà và xô thùng được giấu bên hông đám tủ để chén đĩa. Bỗng một cái chảo bột rơi đánh xoảng xuống sàn nhà khi Charlie đang mò mẫm dọc theo một hàng kệ. Nó cứng cả người mất một giây, rồi nhận thấy một tia sáng yếu ớt phát ra từ tấm kính đóng băng trên đầu cánh cửa đằng sau. Rất thận trọng, Charlie mở cửa ra.

Nó nhìn vô một căn phòng nhỏ, với bốn bức tường xếp đầy những tủ lạnh với tủ đông. Henry Yewbeam đang đứng trước các tủ cao nhất.

“Henry”, Charlie gọi khẽ. “Anh làm gì ở đây vậy?”

“Chào, Charlie,” Henry reo lên. “Vui quá, gặp lại cậu rồi.”

“Ở đây lạnh khiếp,” Charlie vừa nói vừa đánh hai hàm răng lập bập.

“Tôi biết,” Henry mỉm cười vẻ bí hiểm. “Đúng như tôi muốn.”

“Anh nói cái gì vậy? Ra khỏi đây đi anh. Không tội mình chết công cả hai bây giờ.”

“Tôi không muốn chết,” Henry nói rành rọt. “Nhưng tôi nghĩ tôi sẽ chết nếu không được về nhà.”

Nói rồi cậu bước ra khỏi căn phòng đông lạnh và đóng cửa lại.

Charlie nhẹ cả người. Trong bếp ấm hơn, và nó thấy dễ suy nghĩ hơn. Nó nhảy phóc lên ngồi trên bệ bếp, Henry cũng búng lên ngồi cạnh nó.

“Giờ ăn trưa em có đi kiếm anh,” Charlie nói. “Em lén mang thức ăn lên tháp nhạc, lúc đó anh đi đâu?”

“Có một bà nhỏ nhắn, mặc toàn đồ đen. Bà ấy dẫn tôi đến phòng. Ban đầu tôi có hơi sợ, nhưng bà ấy đưa cho tôi một tách trà và ít kẹo.

Henry chìa ra một viên kẹo gói giấy bạc.

“Ăn một cái đi! Bà ấy cho tôi cả nắm”

Charlie cầm viên kẹo. Đó là kẹo sô-cô-la nhân dâu, một trong những món khoái khẩu của nó.

“Ngon quá! Nó nói. “Lúc này em có đụng phải bà ấy đó. Bà ấy là một con ma.”

Henry lắc đầu. “Không phải ma đâu. Bà ấy từng chơi vĩ cầm, nhưng bây giờ bàn tay trái của bà không cử động được, làm bà ấy buồn, buồn ghê lắm. Nói là bà ấy than khóc vì mấy ngón tay cũng đứng.”

Henry có cách nhìn nhận sự việc rất lạ lùng. Charlie nổi chí tò mò.

“Bà ấy là ai thế?”

“Tôi không thích hỏi. Mẹ tôi bảo rằng tọc mạch là thô lỗ, là bất lịch sự. Bà áo đen bảo tôi hãy đến nhà bếp vào ban đêm. Cho nên tôi đến đây. Nhưng mà, Charlie này,” gương mặt Henry sáng bừng lên. “Tôi vừa khám phá được một thứ rất tuyệt vời.”

“Cái gì vậy?”

“Ở trong đó đó,” Henry chỉ căn phòng lạnh, “một cái tủ đầy băng.”

“Tủ đông,” Charlie nói.

“Tủ đông?” Henry lặp lại. “Ừm, tôi chưa bao giờ biết. Nó kêu vo vo rất dễ chịu. Charlie, tôi nghĩ nó sẽ đưa tôi về nhà.”

“Tức là sao?” Charlie bồn chồn, hỏi.

“Tôi vừa suy luận ra rằng, tôi đến được thế kỷ mới này chỉ vì thời tiết giống y như lúc trước khi tôi rời khỏi vào năm 1916, đó là ngày lạnh nhất trong rất, rất nhiều năm. Khi tôi đến đây, trời cũng lạnh hết như thế. Nhưng bây giờ trời đang ấm lên, và nếu tôi dùng Quả Cầu Xoắn Thời Gian thì tôi muốn dừng ở đâu cũng được.”

“Anh có điên mới dùng nó bây giờ,” Charlie nói.

“Nhưng sẽ không sao nếu tôi chui vô chiếc tủ đông kia,” Henry hào hứng.

“Sao? Anh sẽ bị chết cứng trong đó.”

“Cậu sẽ giúp tôi, Charlie. Chỉ cần thỉnh thoảng mở cửa tủ ra để kiểm tra, để chắc là tôi vẫn còn thở. Một khi đạt được nhiệt độ thích hợp, tôi sẽ đi.”

Henry nhào người ra trước.

“Làm ơn giúp tôi nhé. Tôi muốn về nhà lắm. Tôi muốn trở lại năm 1916 để gặp gia đình mình. Tôi không bao giờ sống nổi trong thế giới mới này. Tôi không thuộc về thế giới này.”

Mới chỉ biết người bà con của mình có một ngày, nhưng Charlie đã bắt đầu mến Henry rồi. Nó nhận ra, rồi nó sẽ nhớ Henry lắm.

“Hơi liều,” Charlie muốn làm Henry nản chí. “Ý em là biết đâu anh lại rơi vào kỷ Băng Hà, sống với voi ma mút hay những thứ kiểu kiểu vậy.”

“Tôi cũng có nghĩ tới chuyện đó, nhưng tôi muốn thử một lần coi sao. Nếu cứ nghĩ nhiều thật nhiều đến ba và mẹ, đến em trai và em gái mình, thì tôi chắc chắn sẽ trở về được.”

Henry cười toe toét để khích lệ Charlie.

“Cậu thấy sao?”

“Thôi được,” Charlie miễn cưỡng. “Để thử coi. Nhưng nếu anh mà tái xanh là em sẽ lôi anh ra ngay đấy.”

“Cảm ơn, Charlie.”

Hai thằng bé cùng phóng khỏi bếp và đi vô phòng lạnh. Henry đứng nhìn cái tủ đông màu trắng, cao ngất ngều một hồi, rồi rút Quả Cầu Xoắn Thời Gian ra khỏi túi. Charlie vừa thoáng thấy luồng sáng lấp lánh trong tay Henry liền vội nhìn đi chỗ khác. Nhưng luồng sáng đó lại phản chiếu lên trần nhà thấp, và qua một màn sương những màu sắc lung linh, Charlie thấy lơ mơ một thành phố với những mái vòm chao nghiêng, rồi một dãy núi tuyết phủ. Tuyết biến thành rừng. Rồi cây cối biến thành những đợt sóng xanh cuộn cuộn của đại dương. Tiếp theo, một dòng sông thủy tinh trôi dưới bầu trời xanh trong nhất mà trước nay Charlie chưa từng thấy.

Bị mê hoặc trước thế giới diệu ảo trên đầu, Charlie cảm thấy như bị hút về phía trần nhà. Lúc hai bàn chân bắt đầu lướt đi, nó vội bứt ánh nhìn ra khỏi trần nhà; nhưng đã trễ: nó không kịp thấy thằng anh họ bước vô tủ đông lúc nào. Henry đã biến mất.

Charlie nhìn trần trần vô cửa cái tủ đứng. Giờ nó phải đợi bao nhiêu lâu? Nó không muốn phá hỏng cơ hội của Henry, nhưng rồi đâu anh ấy bị đông lạnh mà chết trước khi Quả Cầu Xoắn Thời Gian hoạt động thì sao? Nó nhắm mắt lại và từ từ đếm đến mười. Xong, chớp lấy cửa tủ, nó kéo ra.

Cánh cửa không nhúc nhích. Charlie kéo lần nữa. Nó đặt cả hai tay cô tay cầm, vận toàn lực, và giật mạnh hết sức. Cánh cửa tủ đông đã kẹt cứng. Có thể là do đóng băng, hoặc do một lực thật mạnh bên trong tủ đang giữ cánh cửa đóng lại.

Charlie thử một lần nữa. Nó rung cánh cửa rầm rầm, rồi vận, lôi, nghỉ một chút, và rồi lại ráng tiếp.

“Henry! Henry!” Nó vừa gọi vừa đâm thùm thụp vô cánh cửa tủ đông.

“Con đang làm gì thế, Charlie Bone?”

Charlie quay ngoắt lại và thấy bà bếp trưởng đang đứng ở ngưỡng cửa.

“Con... con..,” Charlie ấp úng. “Thưa bà bếp trưởng, có một người ở trong tủ đông. Con không biết anh ấy đã chết hay là đã... đã đi rồi. Bà biết đấy, anh ấy có thể đi rồi, nhưng con muốn biết...”

“Ồi, quỷ thần thiên địa ơi,” bà bếp trưởng la bài hải, suýt nữa thì tông Charlie đổ chồng kèn khi bà xông tới cửa.

Henry đang nằm ép dưới đáy tủ, bên dưới một tảng thịt sống khổng lồ. Mặt cậu xanh lè, tóc và chiếc áo chùng phủ đầy tuyết.

“Thánh thần trên cao ời,” bà bếp trưởng hét lên khi lôi Henry ra khỏi tủ đông.

Henry lạnh cứng, nhưng Charlie thở phào khi nghe tiếng rên rỉ phát ra lúc bà bếp trưởng bế xốc Henry lên.

“Theo ta, Charlie Bone,” bà ra lệnh. “Tốt hơn con phải nói cho ta biết và sao mà nên nòng nôi này.”

Bà bếp trưởng lách lẹ qua cửa, băng qua nhà bếp, và vô một nơi trông như tủ âm tường để cất chổi, nhưng lại đi ra một hành lang dài, ánh sáng lù mù. Mặc dù đang xốc Henry, bà bếp trưởng vẫn bước phăm phăm, Charlie phải cầm đầu cầm cổ chạy theo bà.

Đến cuối hành lang hẹp, thêm vài bậc thang xuống một cái tủ tường nhỏ khác, và mở cửa tủ ra là bước vô phòng treo đầy tranh, hầu như treo từ mí trần xuống tận sàn nhà. Những chiếc ghế trông cổ xưa và mềm mại, và một chiếc tủ ngăn kéo cổ, bóng láng chứa đầy chén đĩa hoa văn và viền vàng. Thụt vô trong góc phòng là cái lò sưởi màu đen; bên trên có một ấm nước đang sôi, trong khi những cục than hồng bập bùng bên dưới cửa lò. Chúng vừa sưởi ấm vừa thấp sáng cho căn phòng.

Bà bếp trưởng đặt Henry vô một chiếc ghế bành to tướng bên cạnh lò sưởi và hối hả chà hai bàn tay cho cậu. Khi bà làm vậy, những ngón tay cứng đơ của Henry mềm lỏng ra và Quả Cầu Xoắn Thời Gian rớt xuống sàn.

“Cái gì thế?” Bà bếp trưởng hỏi.

“Nó là... ơ... Quả Cầu Xoắn Thời Gian.” Charlie đáp.

“Hừ!” Bà bếp trưởng gục gặc, không một chút ngạc nhiên, “Ta biết ngay mà. Nó luôn gây rầy rà. Để nó vô trong cái ca đồ trên tủ kia đi, nhưng cấm nhìn vô nó đấy.”

“Dạ,” Charlie nói. Nó lượm quả cầu pha lê lên và thả vô ca. Những màu sắc sống động quay tròn và uốn éo bên trong chiếc ca. Và Charlie nôn nao muốn chờ xem nó sẽ hiện ra hình gì.

“Đừng nhìn nó, Charlie!” Bà bếp trưởng cảnh báo lần nữa.

“Ồ không, cháu không nhìn!” Charlie bước xa khỏi cái tủ.

Bà bếp trưởng vẫn tiếp tục chà chà những ngón tay của Henry, nhưng cậu vẫn không động đậy hay ọ ẹ gì. Bà bếp trưởng quay lại nhìn Charlie và nói.

“Thằng ngốc kia. Charlie Bone, trong cả đám chỉ được có mỗi con. Con nghĩ gì mà làm vậy hả?”

“Con chỉ ráng giúp thôi.” Charlie lí nhí.

“Giúp? Giúp cái gì? Giết người thì có,” bà bếp trưởng lạnh lùng.

“Không, không, con không...”

“Thằng bé này là ai?”

Charlie phải mất hết mấy giây mới định được mối quan hệ của nó với Henry. Rất chậm rãi, nó trả lời.

“Con nghĩ anh ấy là ông cậu-cổ của con. Nhưng con chỉ kêu anh ấy là anh họ. Anh ấy tới đây vào năm 1916.”

“Và ta chắc chắn là Quả Cầu Xoắn Thời Gian gây ra việc đó.”

“Dạ phải, Henry tội nghiệp đi một chặng đường dài. Ý con là anh ấy đến từ xưa lắm.”

“Đúng vậy,” bà bếp trưởng đồng ý. “Lấy cái áo choàng tắm kia lại đây.” Bà hất hàm về phía một chiếc áo đồ rộng thùng thình đang vắt trên ghế.

Charlie mang áo đến cho bà.

“Giờ thì, cởi áo chùng của thằng bé này ra.”

Bà bếp trưởng nhẹ nhàng nâng Henry lên khỏi ghế, trong khi Charlie cởi chiếc áo chùng đóng băng ra. Theo sự hướng dẫn của bà bếp trưởng, nó quần anh họ nó vô chiếc áo choàng màu đỏ, nhưng Henry vẫn không có một dấu hiệu nào của sự sống.

Bà bếp trưởng bắt mạch cho cậu bé đông cứng, lắc đầu, rồi áp tai vào tim cậu.

“Có cái gì,” bà lầm bầm. “Có cái gì đó.”

Charlie hoảng vía. Nó ngã phịch xuống một chiếc ghế, hai tay ôm lấy mặt.

“Chưa mất hết đâu,” bà bếp trưởng nói. “Chúng kia!”

Charlie nghe một tiếng meo yếu ớt phía trên đầu. Nó nhìn lên cửa trời – những tấm kính nhỏ xanh lá cây trên trần nhà. Đang ghé mắt dòm qua tấm kính là ba con mèo, với những cặp mắt vàng sọc.

“Những con mèo lửa,” Charlie kinh ngạc.

“Phải đấy, những con mèo lửa. Coi chừng, Charlie.”

Charlie nhảy khỏi ghế khi bà bếp trưởng bước về phía nó. Bà leo lên ghế và mở cửa trời ra. Một luồng khí lạnh buốt và mưa tuyết đem theo một con mèo trượt xuống, đậu trên thành ghế. Đó là một sinh vật đẹp đẽ, với bộ lông sáng rực màu đồng.

“Dương Cừu!” Charlie gọi.

Con mèo meo lên một tiếng dài, mừng rỡ.

“Thì ra con biết tụi mèo này?” Bà bếp trưởng hỏi, trong lúc một con mèo cam, rồi một con mèo màu vàng tiếp bước Dương Cừu. Mỗi con đáp xuống một bên Charlie và chào đón bằng những tiếng rừ rừ âm ỉ.

“Sư Tử và Nhân Mã,” Charlie nói. “Dạ. Con biết mấy con mèo lửa này. Và con cũng biết chúng sẽ làm gì.”

Ba con mèo nhảy xuống khỏi ghế và chạy lại chỗ Henry. Charlie nghe thấy tiếng những ngọn lửa lép bép khi bọn mèo dụi đầu vào chiếc áo choàng màu đỏ. Chúng bắt đầu đi vòng quanh chiếc ghế, nơi gương mặt xanh mét của Henry tựa lên một chiếc gối đã bạc màu. Bà bếp trưởng đóng cửa trời lại và nhảy xuống khỏi ghế.

“Chúng đã cứu sống con chó của bạn con,” Charlie kể với bà bếp trưởng. “Con nghĩ chúng đã cứu rất nhiều người rồi. Nhưng con không hiểu làm sao mà chúng biết được khi nào người ta cần mà đến.”

“Giác quan thứ sáu,” bà bếp trưởng nói. “Giờ thì im lặng nào. Để chúng làm việc.”

Charlie ngồi lệt thốt trong chiếc ghế đối diện Henry. Nó đã cảm thấy hơi nóng của lũ mèo khi chúng chạy quanh thằng bé bị đông cứng. Chẳng mấy chốc, tất cả những gì Charlie thấy chỉ là một vệt đỏ vàng sáng rực bao quanh ghế của Henry.

Charlie ngáp. Đầu nó gục xuống, mắt dúi lại. Vài phút sau, nó ngủ mê đi.

Khi nó tỉnh giấc, Henry đang ngồi, mỉm cười với nó, người vẫn choàng chiếc áo choàng màu đỏ. Tay cậu đang cầm một cái ca đựng thứ gì đó bốc khói và tỏa mùi thơm ngọt.

“Chào lần nữa, Charlie!” Henry nói.

Charlie hấp háy, dụi dụi mắt.

“Em xin lỗi, Henry,” nó ngơ ngác. “Không xong, phải không anh? Em cố kéo anh ra nhưng không biết có cái gì đó cứ níu em lại.”

Henry gật đầu.

“Tôi sẽ ở lại đây với bà bếp trưởng,” cậu bảo. “Không ai biết căn phòng này, cho nên tôi sẽ an toàn cho tới khi tụi mình quyết định được phải làm gì tiếp.”

Bà bếp trưởng lạch bạch bước quanh lò sưởi. Bà lấy một khay bánh nhỏ ra khỏi lò nướng và xóc bánh lên đĩa.

“Lấy một chiếc đi,” bà nói, chìa cái đĩa ra cho Charlie. “Xong rồi ta nghĩ con nên mò lại giường đi thôi.”

“Cảm ơn bà!” Charlie cầm chiếc bánh và cắn một miếng. Ngon tuyệt.

“Ngon lắm,” nó nói nhanh.

“Không phải lỗi của con, Charlie à!” bà bếp trưởng nói, như đoán được ý nghĩ của Charlie. “Đáng ra ta không nên vội vã đổ lỗi cho con. Trong cả đám chỉ được mỗi con thôi.”

“Sao bà cứ nói câu đó hoài vậy ạ?” Charlie hỏi. “Trong cả đám chỉ được mỗi con thôi. Nghĩa là sao ạ?”

“Để khi khác ta sẽ nói.”

Charlie ngược nhìn bà bếp trưởng. Trong tích tắc, nó thoáng thấy một gương mặt khác đằng sau những đường nét già nua, sương gió của bà – một gương mặt trẻ trung và xinh đẹp. Nó muốn giây phút đó đứng lại mãi mãi. Chưa bao giờ nó cảm thấy ấm áp và an toàn như bây giờ, khi nó ngồi trong căn phòng tranh tối tranh sáng của bà bếp trưởng; đằng sau bà, tiếng lò sưởi lách tách, và tiếng những con mèo lửa gừ gừ mãn nguyện, khi chúng liếm láp tô sữa đặt trước lò sưởi.

“Bà là ai hả bà?” Charlie hỏi.

“Ta à?” Bà mỉm cười. “Ta là thanh đá nam châm của tòa nhà này. Ta canh chừng cho tất cả bọn con khỏi bay mất vô bóng đêm.”

“Nhưng tên bà là gì?”

“Để khi khác.”

“Ngày mai con trở lại đây được không?” Charlie hỏi. Nó muốn biết nhiều hơn nữa.

“Tốt hơn là không,” bà bếp trưởng gạt phắt. “Hãy đợi ít lâu nữa. Sẽ có vài người nào đó theo dõi con. Và có cả thứ không hẳn là người.”

Bà hất đầu về phía một hình thù mập ú, xuất hiện trong bóng tối phía sau căn phòng.

May Phúc bước lạch bà lạch bạch vô vùng sáng. Rõ ràng là nó muốn ngồi trước lò sưởi, nhưng lũ mèo gầm gừ và con chó già đành phải thụt lùi lại.

“Con đã thấy nó trước đây rồi,” Henry nói to. “Nó già lắm bà nhỉ.”

“Nó là gián điệp đấy,” bà bếp trưởng bảo. “Cho nên, nếu con gặp nó thì thể nào nó cũng đã kể cho ai đó biết rồi. Charlie Bone, con phải về ngay. Ai đó có thể đã phát hiện ra giường của con trống trơn.”

Charlie nuốt chửng miếng bánh cuối cùng và chúc anh họ nó ngủ ngon. Rồi nó theo bà bếp trưởng qua mê cung những tủ âm tường và hành lang dẫn ra tiền sảnh. Ở đây, bà bếp trưởng lấy một chiếc đèn pin từ trong túi ra, trao cho Charlie.

“Ánh sáng tốt lắm đấy,” bà thì thầm. “Đi ngay đi, và đừng nói với ai về những gì xảy ra tối nay đấy. Ta nhấn mạnh là “bất cứ ai” cũng không nói.”

“Bạn thân nhất của con đã biết về Henry rồi.”

Bà bếp trưởng lắc đầu.

“Không sao. Nhưng càng ít người biết về Henry càng tốt.”

“Vâng. Con hứa sẽ không nói cho bất kỳ ai biết anh ấy ở đâu.”

Bà bếp trưởng nhìn Charlie đi qua tiền sảnh và bắt đầu lên cầu thang. Bà vẫy nó một cái thật nhanh rồi lững thững quay lại phòng.

Bà bếp hài lòng khi thấy Henry Yewbeam đã chìm vô giấc ngủ không mộng mị. Lấy cái ca không ra khỏi tay cậu, bà đặt nó lên tủ chén. Ba con mèo đã uống xong phần sữa của mình và đang nhìn bà chờ đợi. Bà liền bước lên cái ghế dưới ô cửa trời và mở cửa ra lần nữa.

Những con mèo lửa chạy lại ghế, nhảy lên lưng ghế và từ đó nhún mình phóng qua ô cửa trời.

“Cám ơn, các con yêu,” bà bếp trưởng nói. Bà đóng ô cửa trời lại và bước xuống khỏi ghế.

“Giờ đến lượt mày,” bà nói với con chó mập ú, lúc này đã lê được tới chỗ ưa thích nhất của nó trước lò sưởi.

“Ta thừa biết mày là cái gì,” bà bếp trưởng nói với May Phúc, “nhưng cho tới giờ mày vẫn là một thằng bé ngoan và không khai ra căn phòng này, ngay cả với thằng bạn Billy Raven của mày.”

May Phúc nhìn bà bếp trưởng và rừ nhè nhẹ.

“Giờ, nghe đây. Đồ mày dám nói với bạn mày về thằng bé đó đấy,” bà chỉ Henry đang ngủ trong chiếc ghế bành bự.

Con May Phúc nhìn bà bếp chăm chăm với đôi mắt nâu buồn thảm. Dù bà không nói bằng ngôn ngữ của nó, nhưng nó biết bà đủ rõ để mà có thể hiểu chính xác điều bà đang nói.

“Nếu mày để lộ bí mật thì sẽ không còn quà cáp của bà bếp trưởng này nữa nghe chưa. Không có giường bên lò sưởi, hay đi dạo công viên gì nữa. Khi đó mày phải cút khỏi đây, vì tao đâu có cần mày làm gì, cục mỡ lười chảy thây à vì mày vô dụng đối với ta, đồ chảy mỡ à. Lâu nay tao chăm mày chỉ vì tao tử tế với mày thôi.”

Rồi bà vẫy ngón tay trở trước mặt nó.

“Rõ rồi chứ?”

May Phúc gừ gừ và vùi mình vô cái ổ. Nó rất hiểu rằng mình đang được phong lưu.

9. Chương 9

Chiếc găng tay màu đen

Chiếc đèn pin bà bếp trưởng cho Charlie thật khác thường. Dù tia sáng không rực chói, nhưng cách rọi đường của nó khiến cho Charlie có thể thấy những chi tiết mà trước kia nó chưa từng nhận ra. Nhưng quả thực là có một số vật trước kia nó có đi ngang, giờ trông đã hoàn toàn khác.

Chẳng hạn, có một dãy những bức tranh kéo dọc theo toàn bộ chiều dài của bức tường bên cạnh một cầu thang. Một đôi ủng cổ chân đen ông dựng bên ngoài một cánh cửa, và một đôi giày bằng sa tanh ở bên ngoài một cánh cửa khác. Trên một trong những chiếu nghỉ, có một cái cây cao trồng trong một chậu sứ màu xanh da trời, và từ trong một chậu sứ màu xanh da trời, và từ trong một cái bình lớn bằng đồng, dây trường xuân bò leo ra lan can.

“Hồi trước đâu có đâu,” Charlie lẩm bẩm.

Bất chấp những thay đổi nhỏ ấy, Charlie vẫn dễ dàng tìm được đường trở về. Tuy nhiên, nó vừa bước được vài bước dọc lối đi về khu phòng ngủ chung, thì một tia sáng chói lòa chia vô mắt nó. Theo phản xạ tự nhiên, nó tắt đèn của bà bếp trưởng đi và chờ, gần như không dám thở.

Luồng sáng lóa kia vụt tắt. Cho dù cái người đang đứng ở đầu kia hành lang là ai, thì cũng rõ ràng là người đó đang rình xem Charlie sẽ làm gì. Charlie biết cửa phòng ngủ chung của mình là cánh cửa thứ hai, bên trái. Nó vượt qua cánh cửa thứ nhất và dừng lại, nghe ngóng tiếng bước chân. Không nghe thấy động tĩnh gì, nó phóng chạy về phòng mình và đâm sầm vô một thân người.

Charlie thở gấp. Cùng lúc, cái thân người kia rít lên.

“Úi! Đạp lên chân người ta.”

“Em hả, Billy?” Charlie thăm thì.

“Thì sao nào?”

“Đừng có điên thế. Chỉ hỏi thế thôi mà,” Charlie bật đèn pin của nó lên.

Billy Raven nheo mắt ngược nhìn nó. Dưới cằm thằng bé dính một vệt sô-cô-la lớn.

“Em vừa ở đâu về vậy?” Charlie hỏi.

Billy không trả lời.

“Anh vừa ra khỏi toa-lét xong,” Charlie nói. “Anh nhìn là biết em vừa mới gặp ai đó, và người này có sô-cô-la để dành.”

“Đó là ca cao,” Billy sửa lại. “Còn toa-lét không phải ở đằng ấy. Nó ở đằng kia cơ.”

“Tôi quá anh đi lộn đường,” Charlie chống chế.

Billy nhìn Charlie chăm chăm một cách nghi ngờ, rồi nó lách qua Charlie, chui vô phòng ngủ chung. Charlie theo sau và lò dò leo lên giường. Nó nghe thấy tiếng sột soạt nhẹ khi Billy chui xuống dưới tấm màn và sau đó là im lặng.

Charlie tự hỏi ai mà cho Billy ca cao vào giữa đêm hôm thế này. Phải chăng đó là phần thưởng cho việc gián điệp? Con May Phúc đã trông thấy Henry trong phòng của bà bếp trưởng, và Billy có thể hiểu được ngôn ngữ của con chó già ấy. Như vậy là, chẳng bao lâu nữa, cái người cho Billy ca cao sẽ biết về Henry. Charlie mệt đừ đến nỗi không thể đánh vật với vấn đề này được nữa. Nhưng dù gì nó cũng phải tìm cách báo động cho bà bếp trưởng.

*

* *

Sáng hôm sau, một sự việc kỳ lạ xảy ra khiến Charlie tạm thời quên đi những lo lắng về Henry.

Khi bữa sáng gần xong thì một cơn gió mạnh thổi thốc tháo, cuộn cuộn dọc lối đi dẫn vào nhà ăn lớn. Những cánh cửa bật mở toang, và cơn gió gào thét lao vô phòng, cuốn tung tách với đĩa, thìa với nĩa ra khỏi bàn. Những tiếng la hét kinh hoàng nổi lên khi những mảnh nĩa, thìa sắc nhọn bay vun vút trong không trung. Hầu hết bọn trẻ đều phải kéo mũ lên trùm đầu và hụp nấp xuống dưới những gầm bàn.

Charlie và Fidelio gặp Olivia đang bò sau một băng ghế.

“Chuyện gì vậy?” Charlie hét lên.

“Tôi đoán đó là một trong những cơn bão của anh Tancred, Olivia nói như hét. “Tôi nghe nói tối qua anh ấy đã cãi nhau kịch liệt với Lysander.”

“Tancred hả? Có lẽ mình phải đi tìm anh ấy,” Charlie quyết định.

“Sao thế? Tìm thì làm được gì? Chuyện đằng nào cũng xảy ra rồi, em biết mà,” Fidelio nắm tay áo Charlie kéo lại. “Cứ để kệ cậu ấy đi xuống.”

“Không. Em phải gặp anh ấy.”

Charlie không thể giải thích được tại sao đột nhiên nó tha thiết muốn gặp được Tancred. Anh đã góp phần cứu sống nó khi nó bị kẹt trong khu vườn hoang, và Charlie cảm thấy ít nhất nó nên thử giúp Tancred dịu lại.

Một tay giữ mũ trùm thật chặt trên đầu, Charlie bò tới cánh cửa để mở, rồi bò ra lối đi lộng gió. Sức mạnh từ cơn giận của Tancred thật khủng khiếp. Một cơn gió giật mà Charlie ước chừng cỡ chín mươi dặm một giờ đang lao về phía nó. Mũi và miệng Charlie chẳng mấy chốc đã đầy bụi đất. Những bức chân dung treo trên tường đua nhau rớt lả tả, cuốn lông lốc ngang đường nó đi. Thỉnh thoảng một góc khung tranh sắc nhọn đập vô đầu nó hoặc táng vô bàn tay đang giơ lên che mặt của nó.

Charlie nghiêng chặt răng lại và tiếp tục dần bước. Nó trông thấy hai bóng người đang bò trước mặt. Chiếc áo chùng của họ tốc lên, bay phấp phật như những đám mây giận dữ màu tím.

Manfred và Asa, Charlie nghĩ bụng.

Cuộc chạy đua tới chỗ Tancred bây giờ thậm chí còn quyết liệt hơn. Anh ấy rất có thể sẽ bị thôi miên nếu như Manfred tiếp cận được anh ấy trước, và không cần phải mất đến vài phút. Tancred có thể sẽ bị bất ngờ. Trước khi kịp hiểu ra sự tình thì anh ấy đã bị cuốn vô giấc ngủ, giống như Emma Tolly đã từng bị như thế. Và Emma đã mê ngủ như thế mất tám năm.

Khi Charlie ngoi ra đến tiền sảnh, nó thấy Manfred và Asa đang cố bám vào những mảnh đồ đạc. Cái nắm tay cầm của chiếc tủ gỗ sồi đột nhiên vượt khỏi tay Asa, thế là thằng này trượt dài trên sàn nhà, kèm theo tiếng rú thảng thốt. Manfred thành công hơn. Cánh tay hắn quàng được quanh một thanh vịn cầu thang.

Charlie không biết phải làm thế nào để không bị thổi bắn vô tường. Cơn giận của Tancred phủ trùm mọi góc ngách trong tiền sảnh. Ghế bị thổi tung trông như những que diêm. Khi Charlie ngóc đầu lên, nó thấy Tancred đang đứng trước cánh cổng đôi khổng lồ dẫn ra thế giới bên ngoài. Mái tóc vàng của anh dựng đứng như một cái bàn chải cứng đơ, toé lửa. Sau lưng anh một vài mét là giáo sư Bloor, cúi rạp người xuống, đang la hét trong gió.

“Tancred Torson, hãy bình tĩnh lại. Bước ra khỏi mấy cánh cửa đó. Ngay!”

Tancred không mấy may chú ý. Thật tình thì giọng của giáo sư Bloor cũng gần như chìm ngấm trong tiếng gió gào.

Thình lình, Manfred buông thanh vịn cầu thang ra và bắt đầu bò qua sàn, về phía Tancred.

Charlie biết, dù có la hét hay cảnh báo gì cũng vô ích. Tancred sẽ không bao giờ nghe thấy nó.

Manfred sắp đến được chỗ kẻ làm ra bão, thì Tancred xoay người lại và...nhìn Manfred, phóng ra một luồng điện. Thằng huynh trưởng bắn văng ra xa. Đồng thời, hai cánh cổng to nặng kêu lách rắc ở chính giữa và, với một tiếng “ầm” như sấm dậy, chúng bung ra.

Tancred quay lại và bước ra ngoài, đem sức mạnh giông tố theo cùng.

Giáo sư Bloor vội chạy ra đóng cổng, nhưng chúng bị phá huỷ nặng nề đến nỗi không thể khóa lại được. Chiếc chìa khóa to tướng ông ta luôn mang theo bên mình kêu lách cách vô dụng trong ổ khóa.

“Mang tủ đứng lại đây,” giáo sư Bloor vẫy ta ra lệnh cho Manfred và Asa.

Trong khi hai thằng đẩy chiếc tủ to chắn ngang tiền sảnh, Charlie lật đật đứng lên. Sàn nhà lổm nhổm những xà bần. Không thể tin nổi là cơn bão của Tancred đã lôi ra khỏi những góc ngách của tiền sảnh bao nhiêu rác rưởi.

Ngay dưới chân Charlie là một chiếc găng tay màu đen, và hầu như không nghĩ ngợi gì, Charlie cứ thế nhặt nó lên và nhét vô túi quần.

Manfred và Asa đẩy một cú sau cùng vô chiếc tủ, cho nó tựa vào phía trước hai cánh cổng.

“Tạm thời như thế đã,” giáo sư Bloor nói. “Ta sẽ bảo lão Weedon sửa lại sau. Ta không muốn bất kỳ đứa nào khác thoát ra.”

Thế thì nơi này khác nào nhà tù, Charlie nghĩ.

Có vài đứa trẻ khác đang ghé mắt chăm chú ngó vô tiền sảnh, nhưng chính Charlie là đứa bị Manfred thấy đầu tiên.

“Charlie Bone, mày đang làm gì vậy?” Thằng huynh trưởng hét to.

“Em muốn tới hội trường,” Charlie đáp.

Manfred không buồn cãi nhau với nó về chuyện này.

“Thế thì đi lẹ đi,” Manfred quạu cọ.

Fidelio phóng ào qua tiền sảnh và đuổi kịp Charlie, ngay khi Charlie vừa vô tới phòng để áo khoác xanh da trời.

“Có chuyện gì thế?” Fidelio thì thào. “Rõ ràng là có gió lốc.”

Vì quá phấn khích, rất nhiều đứa trẻ ở đằng sau chúng quên bég mấy quy định im lặng trong tiền sảnh.

Và chúng lập tức bị tuyên phạt cấm túc, và rồi bị tổng ngay vô nhà bếp để lấy chổi và cây lau nhà.

“Thứ Sáu này Olivia sẽ không cô đơn rồi.” Fidelio nói. “Nghe nói có ít nhất là sáu đứa bị cấm túc.”

Charlie ngồi lên một băng ghế, bắt đầu phủi bụi và gảy rác ra khỏi áo chùng. Bỗng một cơn mệt lả xâm chiếm lấy nó, và nó bật ngửa người ra, rũ oặt vô tường.

“Em sao vậy, Charlie?” Fidelio cuống quýt. “Trông em mệt lắm.”

“Phải chi anh Tancred đừng bỏ đi,” Charlie thều thào. “Tụi mình phải kêu anh ấy về.”

“Sao phải thế?”

“Em không giải thích được. Anh ấy đã từng cứu em, mà bây giờ anh ấy bỏ đi rồi. Lỡ anh ấy bị đuổi học thì sao?”

“Cậu ấy sẽ không bị đuổi đâu,” Fidelio nói chắc nịch. “Bọn có phép thuật không bao giờ bị đuổi. Không sớm thì muộn cậu ấy sẽ bình tĩnh lại và quay về thôi mà.”

“Mong sao sớm sớm giùm,” Charlie rên rỉ. Điều nó nói không có gì sai. Vắng Tancred, có gì đó thiếu thiếu.

Tối hôm đó Charlie là đứa đầu tiên đến phòng Nhà Vua để làm bài tập về nhà. Gabriel đến sau vài giây. Trông cậu ta rất bứt rứt. Cẩn thận đặt sách vở của mình bên cạnh đồng sách vở của Charlie, Gabriel rầu rầu nói:

“Có chuyện không ổn rồi.”

“Phải do Tancred không?” Charlie hỏi. “Em cảm thấy như mất thăng bằng sao ấy.”

“Tôi cũng thấy thế,” Gabriel bảo. “Tụi mình phải đi kiếm nó về. Cuối tuần này cậu có đi với tôi không, Charlie?”

“Tới nhà anh Tancred hả?”

Gabriel gật đầu.

“Không xa nhà tôi lắm đâu. Nhưng chỗ đó lúc nào cũng có bảo tố đi đùng. Người ta gọi đó là Ngôi Nhà Sấm.”

“Thế, có ai trong nhà anh ấy có... phép... à... về thời tiết không?” Charlie hỏi.

“Có chứ. Ba nó chính thức là gió Cấp Tám([2]).”

[2] Cỡ khoảng 73 dặm/giờ

“Ồ.” Charlie không chắc mình còn hăm hở với nhiệm vụ sắp tới hay không.

“Mấy người kia đâu hết cả rồi,” Gabriel lầm bầm. “Tụi nó trễ tới mười phút. Manfred vẫn hay tới sớm nhất mà.”

Vừa lúc Lysander lò dò vô phòng Nhà Vua, tay nắm chặt một chồng bản vẽ phác thảo. Gương mặt vốn hờ hững của cậu ta trông thật bức bối và u uẩn.

“Tưởng mình bị trễ rồi chứ,” nó nói. “Những người kia đâu rồi?”

Charlie nhún vai. “Tất cả đều biến mất... như... như anh Tancred.”

Nó lập tức hối hận vì lời nói của mình, bởi vì trông Lysander càng trầm uất hơn.

“Có chuyện gì giữa hai người vậy?” Gabriel hỏi Lysander.

“Chỉ là hiểu lầm thôi mà,” Lysander mấp má. “Lỗi là do Manfred. Hắn bảo Tancred có làm thời tiết ấm lên một chút cho tôi được không. Tancred vặc lại là chuyện ấy thì dính gì đến cậu ấy. Tôi mới nói ‘Đừng có bực, Tanc, làm ơn đi mà.’”

“Nhưng Tancred đâu có làm ra nhiệt độ, đúng không?” Gabriel nói.

“Quá đúng,” Lysander ngả người chìm vô trong cái ghế dựa. “Tancred vẫn hay nhảy cảm mấy vụ đại loại vậy, nên mới nổi trận lôi đình. Còn tôi thì quên mất, mấy người biết đấy. Tancred là bạn thân nhất của tôi, mà tôi lại quên. Biết sao không, tôi nghĩ dám thề Manfred làm tôi quên mất. Không hẳn là nó thôi miên tôi, nhưng nó cứ nhìn tôi chăm chăm rất kỳ khôi. Lúc đó tôi như bị mất kiểm soát vậy.”

“Bọn em sẽ tới Ngôi Nhà Sấm thứ bảy này,” Gabriel thông báo. “Anh đi với tụi em nhé. Anh ấy có thể sẽ chịu nghe anh hơn.”

“Anh không biết...,” Lysander âu sầu. “Nhưng chắc chắn anh sẽ đi.”

Ba đứa ngồi lặng thinh một hồi, buồn bã. Và rồi, vì không còn gì hay hơn để làm, Charlie bèn rút chiếc găng tay màu đen ra khỏi túi. Nó để lên bàn và bảo.

“Em nhặt được cái này trong tiền sảnh, đúng lúc anh Tancred đi.

“Nó không phải là của Tanc,” Lysander nói. “Có thể là đồ cũ gì đó nằm dưới tủ tường suốt bao nhiêu năm.”

Chiếc găng tay này làm bằng da mềm. Những ngón dài và thon. Có một đường xẻ ngay cổ tay, với bốn hột nút nhỏ bằng da ở một bên và bốn lỗ cài ở bên kia.

Gabriel nhăn mặt nhìn chiếc găng tay. Nó xòe bàn tay ra, Charlie bắt giác thét lên:

“Đừng, Gabriel!”

Nhưng quá trễ. Gabriel đã xỏ chiếc găng vô bàn tay trái. Gương mặt nó bỗng méo xệch trong đau đớn, và rú lên một tiếng thê thảm.

Charlie chồm tới rút chiếc găng tay ra, nhưng Gabriel đã đổ gục về phía trước, đầu đập xuống bàn.

“Nó xủ rồi,” Lysander hét lên kinh hãi. “Chuyện gì vậy?”

“Đó là do chiếc găng tay. Anh biết phép thuật của Gabriel rồi đấy. Anh ấy có thể cảm nhận được chuyện gì đã xảy ra với người từng mang món đồ trước anh ấy.”

“Chủ nhân của chiếc găng tay này chắc hẳn đã bị đau khủng khiếp,” Lysander suy đoán.

Nó sờ đầu Gabriel:

“Lạnh ngắt rồi.”

“Anh Gabriel! Anh Gabriel! Tỉnh dậy đi!” Charlie hét lớn.

Nó cố sức rút chiếc găng tay ra khỏi tay Gabriel, nhưng chiếc găng nhanh chóng thít chặt lại hơn.

Gabriel nghiêng đầu.

“Tay tôi! Ôi, tay tôi,” nó rên rỉ.

“Đó là do chiếc găng tay,” Charlie nói. “Em không sao rút nó ra được.”

Charlie đút những ngón tay mình vô chiếc găng tay, trong khi Lysander cố bóc nó ra khỏi cổ tay Gabriel. Vô ích! Gabriel giờ đang thở dốc. Giữa những tiếng thét la đau đớn, nó lẩm nhảm:

“Bà ấy đặt mấy ngón tay trên cánh cửa và hấn sập vô.”

“Ai?” Charlie hỏi. “Ai sập cửa?”

“Tôi nghĩ là một phụ nữ. Đúng, một phụ nữ. Bà ấy đang cố thoát ra ngoài, kìa, bà ấy đang lắc đầu nguầy nguậy như kiểu không chịu làm điều họ yêu cầu.”

Gabriel lại rên một tiếng nữa.

“Nhưng thằng bé, tôi nghĩ đó là Manfred, nó sập cửa lại và ấn, ấn cho đến khi cửa nghiền nát những ngón tay của bà, Ôi! Ôi! Đúng là Manfred, nhưng lúc đó nó nhỏ hơn. Ôi ôi!”

Đầu Gabriel lại gục về trước.

Đúng lúc đó, có tiếng gõ cửa và Olivia ngó vô.

“Đây rồi,” nó reo lên. “Fidelio bảo tớ đi tìm các người. Anh ấy không đi được vì phải ngồi ở hàng đầu.”

“Hàng đầu là sao?” Charlie thắc mắc.

“Đừng có nói với tớ là đằng ấy quên sạch rồi nha,” Olivia réo rất. “Tối nay có hòa nhạc ở nhà hát. Gabriel bị sao vậy?”

“Cậu ấy không khỏe,” Lysander đáp.

“Em cũng thấy thế, nhưng anh phải vác anh ấy tới nhà hát lệ lên, nếu không muốn bị cấm túc.”

“Gabriel, cậu có đi được không?” Lysander hỏi nhẹ nhàng.

Gabriel rên rỉ, “Nếu bắt buộc phải đi.”

“Thế thì, nào, Charlie giúp anh một tay!”

Lysander kéo cậu bé oặt ẹo lên, và vừa quàng tay cũng làm tương tự, vừa vịn lấy eo Gabriel. Charlie cũng làm tương tự. Nó đỡ cánh tay có đeo chiếc găng. Nó lo lắng, không hiểu bàn tay trái của Gabriel bị nghiền rồi thì trông như thế nào.

“Tớ đi đây, để xí trước ba chỗ ở hàng cuối cho mấy người,” Olivia vụt biến mất.

Lúc ba đứa lê được tới nhà hát tối om thì buổi hòa nhạc đã bắt đầu.

“Cậu phải tự xoay xở lấy tiếp,” Lysander thì thầm với Gabriel.

“Hừ!” Gabriel rên.

Olivia nói là làm: và có ba chỗ trống đang chờ chúng ở cuối phòng hòa nhạc. Charlie kéo cổ tay áo chùng của Gabriel xuống, che đi chiếc găng tay đen, rồi giúp Lysander vịn Gabriel vô chỗ ngồi.

Rủi thay, giáo sư Saltweather đã nhìn thấy bọn con trai đi trễ. Ông cau mày và lắc đầu với chúng, sau đó lại tiếp tục chăm chú nhìn lên sân khấu. Giáo sư Bloor đang làm một bài diễn thuyết về âm nhạc, và nghe một tí là hiểu ngay ông ấy đang ca ngợi cuộc đời và sự nghiệp của một người khác cũng đang có mặt trên sân khấu: nghệ sĩ Albert Tuccini.

Phía sau giáo sư Bloor, một người đàn ông da ngăm đen ngồi bên chiếc đàn dương cầm lớn. Mái tóc nâu của ông quần tít, đáng vẻ hơi ủ rũ. Hai tay ông khoanh lại trước ngực, và thỉnh thoảng lại đưa mắt liếc những tấm màn nhung đồ phía cuối sân khấu.

Giáo sư Bloor kết thúc bài diễn văn của mình. Cả khán phòng vỗ tay nồng nhiệt. Nghệ sĩ Albert Tuccini xoay người lại, đối diện với cây đàn, và những ngón tay dài của ông rải trên những phím đàn.

Bản thân Gabriel cũng là một người chơi dương cầm. Nó chăm chú lắng nghe những giai điệu phức tạp của Albert Tuccini. Dần dần, hơi thở nặng nhọc của nó dịu đi, nó quên mất cơn đau ở những ngón tay và chuyển sang thưởng thức âm nhạc.

Bản nhạc thứ hai hình như rất quen thuộc với Charlie, nó không thể nó là mình đã nghe bài này ở đâu. Một ký ức đã bị chôn sâu tận đáy tâm trí nó. Xa, thật xa, ngày trước. Hay đó là bản nhạc ba nó đã từng chơi? Nó từ từ gục đầu xuống, ngủ thiếp đi, và mơ màng. Nó mơ đến căn phòng mà nội Bone đã mô tả cho nó. Một căn phòng màu trắng, có rèm nhạt màu bên những cửa sổ dài. Căn phòng trống trơn, không có gì, ngoại trừ ba Lyell của nó và một chiếc dương cầm lớn. Nhưng nó không thể trông thấy gương mặt của ba. Nó thậm chí không biết mặt ông trông như thế nào. Nội Bone đã giấu hoặc đã hủy tất cả những tấm ảnh của đứa con trai độc nhất.

“Charlie, dậy đi!” Gabriel đang huých khuỷu tay nó.

Charlie mở choàng mắt ra. Đèn đã bật sáng trong khán phòng, bọn trẻ đang lục tục nổi nhau trên lối đi hướng về phía cửa ra vào. Sân khấu trống trơn.

“Cậu ngủ từ hồi nào thế?” Gabriel hỏi.

“Không biết,” Charlie lầm bầm. “Hình như là em ngủ suốt buổi.” Rồi nó trườn người ra khỏi ghế.

Lysander rời nhà hát cùng với cả bọn, nhưng rồi phải rẽ về phòng ngủ của mình.

“Cậu Ok chứ?” Nó hỏi Gabriel, trước khi chia tay chỗ chiếu nghỉ cầu thang.

“Không chết đâu mà,” Gabriel nói, cười toe toét.

“Tại em sẽ thử rút chiếc găng ra lần nữa,” Charlie nói. Giờ nó đã thấy tỉnh táo hơn.

Trong phòng ngủ chung, Charlie kể cho Fidelio nghe chuyện đã xảy ra, sau đó hai đứa dành vài phút cố lôi chiếc găng ra khỏi tay Gabriel. Không tài nào lôi được! Gabriel vô nhà tắm, thử xát xà bông và rưới nước, nhưng chiếc găng tay thậm chí còn thít chặt hơn. Nó quay lại phòng và ngồi trên mép giường.

“Người phụ nữ tội nghiệp,” nó lẩm bẩm. “Chắc bà ấy phải gãy hết năm ngón tay.”

“Anh có biết bà ấy là ai không?” Charlie hỏi.

“Biết,” Gabriel nói. “Bà ấy vẫn còn ở đây. Tôi đã trông thấy bà ấy rồi. Đó là cái bà áo đen trong tháp nhạc. Hồi đó tôi cứ nghĩ bà ấy là ma, nhưng không phải. Đại loại bà ấy chỉ không làm gì được nữa và cô đơn thôi.”

Billy Raven đã trườn tới từ sau lưng hai đứa. Nó lơ mắt dòm chiếc găng tay đen trên tay Gabriel.

“Cái gì đó,” nó hỏi.

“Thế em thấy nó giống cái gì?” Fidelio hỏi lại.

“Chiếc găng tay. Sao anh đeo có một chiếc găng tay vậy, Gabriel?”

Gabriel thở dài. “Tại không tháo nó ra được chứ sao.”

Billy nhú mày. Nó không thêm hỏi thêm gì nữa, mà lững thững quay lại giường, coi bộ chìm đắm trong suy tư.

Charlie và Fidelio cố gắng rút chiếc găng ra khỏi tay Gabriel một lần nữa, nhưng nước đã khiến chiếc găng dính cứng lại như một lớp da thứ hai.

“Vô ích thôi, mấy cậu,” Gabriel thở dài. “Tôi sẽ phải để vậy mà ngủ thôi. Không chừng khi khô nó sẽ bong ra.” Nó ngáp, “Mệt quá. Đêm nay sẽ chẳng có gì đánh thức được tôi đâu.”

Gabriel nói đúng. Nó ngủ thiếp đi, gần như ngay lúc vừa leo lên giường. Nhưng trong giấc ngủ, những giấc mơ của nó trở thành ác mộng. Nó rên rỉ đau đớn, lăn lộn trên giường.

Gabriel rên la dữ dội đến nỗi Charlie không sao chợp mắt được. Những đứa khác cũng thức giấc luôn. Damian Smerk quăng chiếc gối của nó vô Gabriel, đang rên la, nhưng cũng không đánh thức được. Gabriel đã chìm sâu vô giấc ngủ mệt mỏi.

Tối hôm sau, Charlie và Fidelio lại ráng lôi chiếc găng tay ra lần nữa, nhưng giờ nó đã teo rúm lại, thậm chí còn không tróc khỏi cổ tay Gabriel. Bàn tay Gabriel cứ lũng lẳng, vô dụng, thông xuống một bên hông. Nó bảo, nó không còn cảm thấy mấy ngón tay đâu nữa.

Chúng không biết phải làm gì. Báo cho bà giám thị thì nhất định không rồi. Charlie nảy ra một ý. Sau khi đèn tắt, nó cúi xuống giường Gabriel và thì thào.

“Em biết người có thể giúp.”

“Ai vậy?”

“Một người sống ở phía sau nhà bếp. Mình sẽ phải chờ cho tới nửa đêm.”

“Khi nào đi thì đánh thức tôi,” Gabriel bảo.

“OK.”

Charlie đã hứa với bà bếp trưởng là nó sẽ không nói cho bất cứ ai về chỗ Henry trốn. Nhưng điều đó hoàn toàn khác với việc tiết lộ cho người khác về căn phòng bí mật của bà. Thêm nữa, đây là trường hợp khẩn cấp.”

10. Phần 1

“Người ta không thể quay về!”

Qua nửa đêm được năm phút, Billy Raven rời khỏi phòng ngủ chung. Charlie tự hỏi liệu nó có thể mang Gabriel tới phòng của bà bếp trưởng và trở về trước khi Billy quay lại hay không.

“Gabriel!” Nó thì thầm, lay vai Gabriel. “Dậy đi! Tôi giờ đi rồi.”

Gabriel ráng chuỗi khỏi giường, lóng ngóng trong bộ đồ ngủ.

“Rồi!” Nó ọ ẹ.

Charlie nắm tay Gabriel và kéo ra khỏi phòng ngủ chung. Chỉ khi ấy nó mới bật đèn pin của bà bếp trưởng lên. Ánh đèn dịu tỏa rõ mọi chi tiết của dãy hành lang dài.

“Chao!” Gabriel thốt lên. “Hết sảy!”

“Theo em!” Charlie thì thào.

Nó bắt đầu đi như chạy, ráng nhẹ nhàng hết sức, trong khi đằng sau nó, Gabriel loạng choạng và vấp lên vấp xuống trong đôi dép lê không vừa chân.

Vừa đúng lúc Charlie tìm được đường dẫn tới cánh cửa tủ dẫn vô phòng bà bếp trưởng, thì Gabriel trông như kiệt sức. Những ngón tay trên bàn tay trái lại bắt đầu thốn trở lại, và cơn đau khiến nó nhức nhối khắp mình.

Charlie không thích xông vô phòng của bà bếp trưởng mà không báo trước, vì vậy nó lịch sự gõ lên cánh cửa tủ.

Có tiếng bước chân lệt xệt đằng sau cánh cửa, và rồi cửa mở ra, kệt một tiếng.

“Nói mau,” bà bếp trưởng gắt, hé mắt nhìn Charlie. “Con làm gì ở đây?”

“Con xin lỗi, bà bếp trưởng,” Charlie nói, “Nhưng...”

Đằng sau nó, Gabriel rên lên một tiếng nho nhỏ.

Bà bếp trưởng mở cửa rộng ra hơn một tí. Bà đang mặc chiếc áo choàng đỏ.

“Khiếp quá,” bà la lên. “Cái quái gì thế này?”

“Gabriel,” Charlie nói với bà. “Anh ấy gặp tai nạn do một cái găng tay.

“Chậc! Chậc! Vô đây thôi.”

Charlie dẫn bạn bước qua cái tủ tường.

Gabriel kinh ngạc nhìn quanh căn phòng bí mật của bà bếp trưởng.

“Chỗ này thích quá đi mất,” nó trầm trồ.

Bà bếp đặt Gabriel ngồi xuống và xem xét chiếc găng tay, trong khi Charlie kể cho bà nghe làm sao mà nó lại có cái găng, rồi làm sao mà Gabriel khốn khổ lại có một phép thuật xui xẻo là cứ phải trải qua cảm xúc của người khác, mỗi khi nó mặc quần áo của họ vô.

“Hừ,” bà bếp trưởng lẩm bẩm. “Đó là chiếc găng tay của Dorothy.”

“Dorothy?” Charlie hỏi.

“Là tên của thiếu phụ bóng tối,” Gabriel nói. “Bà ấy quanh quẩn trên tháp nhạc. Tôi cũng có lần trông thấy bà ấy. Bà ấy bị đập mấy ngón tay vì kẹt vô cửa.”

Bà bếp trưởng gật đầu.

“Hóa ra tụi con kêu bà ấy như vậy hả? Thiếu phụ bóng tối. Thôi được, ta cho tụi con biết luôn, thiếu phụ bóng tối chính là bà Bloor đấy.”

“Cái gì? Mẹ của Manfred?” Charlie kinh ngạc. “Con nghĩ là bà ấy... ừm... chết rồi.”

“Gần như ai cũng nghĩ thế,” bà bếp trưởng nói. “Tôi nghiệp, bà ấy sống nửa đời còn lại trong hải hùng. Sau khi bị thằng Manfred làm dập hết năm ngón tay, bà ấy buông xuôi tất. Biến mất, nói thế cũng được. Thỉnh thoảng bà ấy có xuống căn phòng nhỏ của ta, và chuyện trò. Nhưng bà ấy là một sinh thể buồn, buồn nào ra.”

“Đúng bà ấy rồi,” Gabriel nói. “Cái găng tay này làm con đau kinh khủng, đến nỗi con chỉ muốn chết cho rồi.”

“Thôi nào, sẽ không phải nói như thế nữa,” bà bếp trưởng nghiêm trang. “Chúng ta sẽ rút chiếc găng đó ra ngay thôi. Phien con thể này, người duy nhất rút được nó ra phải là chủ nhân của nó.”

“Tại sao phải thế?” Charlie hỏi.

“Thì tại vì thế. Bàn tay người chơi nhạc rất đặc biệt. Có rất nhiều cảm xúc trong chiếc găng tay ấy. Và ta thấy chiếc găng tay thật sự thoải mái khi được bao lấy làn da của con đó, Gabriel à.”

“Nhưng con không muốn mất miếng da nào hết,” Gabriel thất kinh. “Bà đừng giận, tự nhiên con thấy mắc ói quá.”

“Ngày xưa, thời của ta, bọn trẻ có phép thuật gan lì hơn nhiều,” bà bếp trưởng bình luận khi chậm rãi băng qua căn phòng. “Để ta đi gọi Dorothy.”

Bà mở một cánh cửa tử âm tường khác trong góc phòng. Khi bà lách mình qua và khép cửa lại, hai thằng liếc thấy bên trong đó có một cầu thang hẹp.

Chúng nghe tiếng những bước chân nhẹ nhàng đằng sau bức tường, sau đó ở phía trên đầu chúng. Bà bếp đẩy đà như vậy, mà dáng đi lại thật nhẹ nhàng.

“Chỗ này hết sảy,” Gabriel thì thầm, dán mắt vô những bức tranh rực rỡ và những tủ bàn ghế cổ xưa bóng lộn.

“Chẳng bao giờ dám nghĩ là tất cả những thứ này lại nằm ngay dưới một tòa nhà u ám nhỉ.”

“Đúng vậy,” Charlie tán thành. “Em nghĩ một phần của nó nằm dưới lòng thành phố. Qua ô cửa sổ kia mình có thể thấy bầu trời. “Nó hát hàm về phía ô cửa trời trên trần nhà.

Gabriel quay đầu nhìn ô cửa trời.

“Thế, cái gì ở trên đó?”

“Ai mà biết? Có thể là vườn của ai đó. Hoặc một con đường.” Charlie nhún vai.

Nó đang nghĩ không biết đã có chuyện gì xảy ra với Henry. Bà bếp trưởng đã gọi anh ấy trở về, xuyên thời gian? Hay là anh ấy đã chạy trốn rồi?

Tiếng những bước chân nhẹ nhàng báo cho chúng biết bà bếp trưởng đang quay lại, cùng với một ai đó có bước đi nhẹ ru thật đặc biệt.

Một thoáng sau, cánh cửa tử âm tường mở ra, và bà bếp trưởng đi vô, theo sau là một phụ nữ nhỏ nhắn, mặc đầm đen dài, lùm xùm. Chiếc khăn quàng trùm kín đầu, khiến cho gần như không thể thấy được mặt bà. Bà bước vô, đầu cúi xuống như thể đang tìm cái gì đó dưới sàn.

“Nào, Dorothy, chị ngồi đây!” Bà bếp trưởng đẩy một chiếc ghế lại gần ghế của Gabriel.

“Đây là Gabriel, hình như nó tự đưa tay cho kẹt vô cái găng của chị sao ấy.”

Dorothy nhìn bàn tay bị thương của Gabriel, rồi nhìn trân trân vô Charlie, chiếc khăn rũ xuống vai bà, để lộ một mái tóc dài, xám và một gương mặt tái xanh, hai mắt xám lờm sâu.

“Còn đây là ai?” Bà hỏi bằng một giọng nhỏ rí.

“Cháu là Charlie Bone.” Charlie đáp. “Rất hân hạnh được gặp bà, thưa bà Bloor.”

“Hả?” Giọng nói nhỏ xíu cất lên. “Hóa ra là Charlie à. Tôi biết... Tôi biết là...”

Chừng như bà Bloor bất chợt quên mất cái điều bà nói bà biết, bởi vì bà lại hướng sự chú ý vô Gabriel và hỏi:

“Thằng nhỏ tội nghiệp. Cậu chơi dương cầm, phải không? Tôi thích nghe lắm. Tôi sẽ làm hết sức cho cậu, nhưng tôi chỉ sử dụng được có một tay thôi. Bàn tay kia của tôi bị ếm rồi, cậu thấy đấy.”

Hai thằng bé ồ lên sợ hãi.

“Ai ếm bà?” Charlie như nín thở.

Bà Bloor chỉ lắc đầu. Rồi với bàn tay phải, bà bắt đầu bóc chiếc găng tay da ra khỏi cổ tay Gabriel. Phải lâu lắm mới được, cho nên sau một hồi, bằng giọng run run, bà Bloor bắt đầu kể cho chúng nghe câu chuyện của bà.

Dorothy de Vere vốn là một nghệ sĩ vĩ cầm có tài. Không lâu sau khi bà được thừa kế một tài sản kếch sù từ bà cô của mình, giáo sư Harold Bloor đã tán tỉnh bà. Trong vòng một năm thì họ cưới nhau, và Dorothy đem trao cho chồng một nửa tài sản của mình. Nhưng rồi, những rắc rối của bà bắt đầu. Con trai bà, Manfred, ghét tất cả mọi hình thức âm nhạc. Nó gào thét mỗi khi bà cầm lấy cây vĩ cầm. Bà chỉ dám chơi đàn trong một căn phòng mà không ai có thể nghe thấy. Khi lái Ezekiel Bloor đòi bà phải trao nốt số tài sản còn lại, bà từ chối. Theo lời khuyên của cha mình, bà đã gửi nó vô trong một ngân hàng bí mật ở Thụy Sĩ. Không cái gì có thể bắt bà giao nộp nó. Vì hết sức không hạnh phúc trong Học việc tối tăm này, bà lên kế hoạch bỏ đi.

“Họ đã làm những chuyện khủng khiếp với mọi người,” bà thăm thì, “và tôi không thể nào chịu nổi. Một ngày kia, một ngày mưa gió bão bùng...”

Đến đây giọng mà yếu hẳn đi, đến nỗi hai thằng không thể nghe được nữa, và rồi bà ngừng đột ngột. Bà bếp trưởng phải kể tiếp cho chúng nghe phần còn lại của câu chuyện.

Hôm ấy, có một cơn bão kinh hoàng. Hy vọng tiếng ồn sẽ át tiếng chân mình ra đi, Dorothy đã đóng gói hành lý.

“Chị ấy vừa định rời khỏi phòng riêng, thì Manfred ngó vô. Nó quát: ‘Mẹ không đi được đâu. Chúng tôi sẽ không để cho mẹ đi đâu. Không, cho đến khi mẹ ký tên trao lại hết tiền.’”

“Một lần nữa, Dorothy từ chối. Manfred bảo nó sẽ nhốt bà trong phòng. Dorothy liền đặt tay lên cửa để ngăn nó, và nó sập cửa lại... ầm... cho dập hết mấy ngón tay.”

Đầu bà Bloor rũ xuống. Bà rùng mình:

“Kể cho chúng, kể cho chúng nghe đi,” bà thều thào. “Kể cho Charlie Bone nghe đi.”

“Chị ấy ngất đi, tội nghiệp,” bà bếp trưởng kể tiếp. “Khi tỉnh dậy, chị ấy thấy mình đang nằm trên giường. Lão già Ezekiel Bloor ngồi kế bên. Lão nhúng tay chị ấy vô thứ nước độc kinh tởm của lão. Lão bảo với chị ấy rằng chị ấy sẽ không bao giờ chơi vĩ cầm được nữa. Sẽ không bao giờ rời khỏi đây được nữa. Họ nghĩ rằng, một khi không còn tồn tại nữa, thế nào rồi chị ấy cũng sẽ đưa tiền cho họ.”

“Nhưng tôi không đưa,” Dorothy thì thào. “Tôi sẽ không bao giờ đưa.”

Bà đã tuột dần được chiếc găng tay ra. Giờ thì đã thấy những ngón tay của Gabriel rồi. Rồi, bằng một cú giật nhẹ, bà rút luôn nó ra.

“Phù!” Gabriel thở phào, vẫy vẫy bàn tay. “Đỡ rồi. Đỡ hẳn. Cảm ơn bà.”

“Tôi rất vui, vui lắm,” bà Bloor nói.

Charlie cũng nhẹ cả người, nhưng liền đó lại lo lắng về việc phải mau trở về phòng ngủ chung trước Billy.

“Tụi con phải đi đây.” Nó hấp tấp. “Nhưng bà bếp ơi, người... đó đó, ở đâu rồi?”

“Ngủ say tít,” bà bếp trưởng đáp.

Charlie nhìn quanh phòng. Chẳng thấy dấu hiệu nào của một cái giường cả.

Bà bếp trưởng bật cười phá lên.

“Ta còn những phòng khác nữa,” bà nói, “và ta còn có một phòng ngủ xinh xắn với toa-lét, nhưng ta sẽ không chỉ cho con biết tới nay đâu. Thôi, hai đứa đi đi.”

“Nhưng ngày mai con về nhà rồi,” Charlie nói. “Lúc ấy làm sao con đưa Henry ra ngoài được?”

“Ta sợ là không còn dịp nào mà đưa nó ra đâu,” bà bếp trưởng bảo. “Mà có lẽ tốt hơn là đừng để mấy mụ Yewbeam đó thấy mặt nó. Chúng ta tính cho kỷ tương lai của Henry.”

Xem ra bà biết khá rõ về gia đình của Charlie.

Charlie và Gabriel chào hai người phụ nữ, và trước khi chúng rời khỏi, Gabriel làm một cử chỉ thật ngạc nhiên. Nó chột lấy bàn tay bị thương của bà Bloor và hôn. Vào tối hôm đó, lần đầu tiên, bà Bloor mỉm cười. Nụ cười làm thay đổi hoàn toàn gương mặt bà.

Charlie quay đi, bối rối, Gabriel đúng là người kỳ lạ nhất.

“À, nhân tiện,” Charlie nói với bà bếp trưởng, “Chiếc đèn pin bà cho con... rất là nhiệm màu. Nó soi cho con thấy những thứ trước kia con chưa từng thấy bao giờ.”

“Đó vừa là do con, Charlie, vừa là do chiếc đèn pin. Sẽ còn nhiều thứ hơn nữa.”

Trên đường lần về lại phòng ngủ chung, Gabriel hỏi:

“Henry bí hiểm đó là ai vậy?”

Bằng giọng cực kỳ bí mật, Charlie kể cho Gabriel đang rất sững sốt nghe về Henry cùng Quả Cầu Xoắn Thời Gian. Nó biết nó có thể tin cậy Gabriel.

Chúng về tới phòng ngủ chung mà không gặp rầy rà gì, và may thay, chỉ trước lúc Billy Raven trở về từ chuyến công cán đêm khuya của nó có vài phút.

Buổi sáng hôm sau, Gabriel đưa cho Charlie một mảnh giấy.

“Đây là địa chỉ của tôi,” nó nói. “Đừng quên là tụi mình sẽ tới Nhà Sấm gặp Tancred đấy.”

Charlie đưa mảnh giấy cho Fidelio coi.

“Anh có muốn đi không?” Nó hỏi.

“Đường Mưa Đá, Khu Đồi Cao,” Fidelio đọc địa chỉ. “Làm sao tụi mình tới đó được?”

“Để em nghĩ đã,” Charlie nói.

Charlie dành hết thời gian còn lại trong ngày để tìm cách nhắn tin cho người anh họ trước khi nó về nghỉ cuối tuần. Hai lần Manfred bắt gặp Charlie lảng vảng bên ngoài mấy cái căn-tin. Lần thứ hai nó dọa sẽ cầm tù Charlie, và mặc dù Charlie rất muốn liêu một cái, nhưng nó biết vụ đi gặp Tancred còn cấp bách hơn. Sự vắng mặt của chàng giông bão này có một tác động thật lạ lùng, nhất là ở trong phòng Nhà Vua. Tại đây, chỗ ngồi trống lổc kế bên Lysander tựa như một cái lỗ không đáy, lạnh lẽo. Nó ăn trộm năng lượng của tụi trẻ có phép thuật, khiến cho vài đứa run lên cầm cập. Chúng ăn không còn ngon miệng và không thể suy nghĩ cho rành rẽ được chuyện gì. Điều này xảy ra với Charlie, Gabriel và Lysander. Thậm chí cả Emma Tolly cũng phàn nàn là nó thấy muốn bệnh.

Riêng Manfred, Asa, Zelda, và kể cả Billy Raven vẫn làm bài tập thật suôn sẻ. Chúng tung tăng trên đường đến nhà ăn hay đến lớp học, đầy năng lượng và hăng hái.

Cần phải làm một cái gì đó.

*

* *

Vào cuối ngày, tất cả mọi người ào ra khỏi hai cánh cổng chính, Charlie chợt trông thấy Olivia và Bindi ở trên cầu thang. Nó vẩy tay chào hai cô bé với vẻ tội lỗi, nhưng trông bộ Olivia rất hồ hởi. Nó hy vọng Olivia sẽ không làm gì quá nguy hiểm.

Chiếc xe buýt xanh da trời thả Charlie xuống đầu đường Filbert. Và khi nó đang rảo bước về nhà số 9, thì Benjamin và Hạt Đậu xỏ ra mừng đón nó.

“Thật là một tuần chán phèo,” Benjamin than thở. “Bồ làm được những gì?”

Vừa cùng nhau bước về nhà, Charlie vừa kể cho Benjamin nghe tất cả mọi việc đã xảy ra.

“Cuộc sống của bồ khoái thật, Charlie à,” Benjamin nhận xét. “Nhưng mình vẫn thích là mình hơn.”

“Mình chẳng có cách nào khác,” Charlie nói. “Mình chỉ ráng hết sức để có thể vượt qua tất cả thôi.”

Nó chưa kịp nhấn chuông thì cửa trước đã bật mở, rồi ngoại Maisie lôi tuột nó vô nhà và ôm ghì lấy nó.

“Bữa trà đã sẵn sàng,” ngoại reo mừng, kéo nó vô nhà bếp. “Toàn những thứ con thích nhá. Cả những món con thích nữa, Benjamin. Ăn đi nào. Và bà có một cục xương hết ý cho con Hạt Đậu đây.”

Hai thằng bé vừa ngồi vô bàn, định chén bữa tiệc tuyệt vời của ngoại Maisie thì nội Bone bước vô. Có thể nói ngay rằng nội Bone đã tước mất sự ngon miệng của Charlie.

“Cái này là cái gì?” Bà gầm gừ, đập tấm hình gia đình Henry xuống sát cái đĩa của Charlie.

“Một tấm hình cũ,” Charlie đáp. Chắc hẳn là nội Bone đã lục lọi phòng Ông cậu Paton.

“Sao nó lại thế này?” Bà hặc hỏi.

“Nó rớt khỏi phòng lúc nội đóng sầm cửa.”

Đó là một sai lầm khi nói với nội Bone như thế.

“Tao mà đóng sầm cửa hả? Tao ấy hả? Mà làm bể tấm kiếng thì có, Charlie Bone, và mày không chịu nhận tội.”

“Lúc đó nó mang tấm hình thẳng vô đây mà,” ngoại Maisie gay gắt. “Đó không phải là lỗi của nó.”

“Đó là khung hình của tao, tấm kiếng của tao,” nội Bone bù lu bù loa. “Đáng lý phải nói cho tao biết chứ. Nhưng thôi, bỏ qua vụ đó. Chính là tao đang quan tâm thằng bé này này.”

Bà trở một ngón tay xương xẩu lên mặt Henry.

“Mày gặp nó rồi, đúng không?”

“Dĩ nhiên là chưa à,” Charlie nói. “Tấm hình đó xưa rồi mà. Ông ấy giờ cũng phải cả trăm tuổi.”

Benjamin cầm mặt vô đĩa bánh mì kẹp dăm bông. Đầu nó cứ cúi gục xuống, không dám nhìn Charlie.

“Tao được một nguồn đáng tin cậy báo cho hay Henry Yeabeam đã tái xuất,” nội Bone nói với giọng chất chúa, “và mày đã gặp ông ấy.”

Vậy là con chó đã nói cho Billy biết, Charlie nghĩ. Và Billy đã lan truyền tin tức tới tai bà giám thị em ruột nội Bone, hoặc tới tai Manfred.

“Bà nói chuyện ngớ ngẩn quá đi, Grizelda à,” ngoại Maisie xen vô. “Charlie bị nhốt kín mít trong cái Học việc cũ kỹ kinh khủng đó suốt tuần. Làm thế nào mà nó gặp được ông ấy, trừ khi ông ấy là ma.”

“Đừng có chớ mũi vô,” nội Bone vặc lại.

“Còn bà, đừng có chớ mũi vô bữa trà của Charlie,” ngoại Maisie quát lại, xắn tay áo lên.

Những cuộc cãi cọ ở trong nhà số 9 hầu như luôn luôn tiến triển theo cách đó. Khuôn mẫu này đã quá quen thuộc với Charlie. Nó chỉ nghĩ phải chi mấy bà đừng cãi cọ quá sớm thế này, nó vừa mới về tới nhà mà. Noi gương Benjamin, nó vớ lấy một miếng bánh mì kẹp. Benjamin ngồi đối diện, cười toe với nó, và Charlie cười toét lại. Chúng cố nín thật căng trong khi hai bà vẫn đứng sỉ vả nhau, ngay trên đầu chúng. Con Hạt Đậu góp thêm tiếng ồn bằng những tràng tru dài đầy lo lắng. Nó ghét nghe cãi nhau.

Khi trận khẩu chiến kết thúc, nội Bone run lên vì giận, dọa dẫm:

“Đừng nghĩ là tao sẽ để yên chuyện này.”

Rồi nội hằm hằm ra khỏi nhà bếp, đóng cửa đánh rầm sau lưng.

“Hừm,” ngoại Maisie nói, “vui quá hả?”

“Con chẳng thấy vui tí nào,” Charlie nói. “Cả tuần đã mệt lắm rồi.”

“Nội Bone sẽ khùng lên cho coi,” ngoại Maisie lẩm bẩm. “Như là con đã gặp cậu bé một trăm tuổi đó không bằng.”

“Chưa tới một trăm,” Charlie nói mà không suy nghĩ.

“Hả?” Sự thật vỡ òa ra trước ngoại Maisie. “Ra là thế. Con lại gặp chuyện kỳ quặc gì rồi phải không?”

“Henry gặp chuyện kỳ quặc, chứ không phải con gặp,” Charlie vừa nói vừa với tay nhón một lát bánh nướng.

“Một bữa tiệc ngon tuyệt vời, bà ạ,” Benjamin nói lẹ.

“Ừ ừ,” ngoại Maisie bảo. “Ngoại sẽ không để lộ ra đâu, nếu đó là điều nội con quan tâm.”

Hai thằng bé cố hoàn tất bữa tiệc trà trong yên tĩnh, và rồi kéo nhau lên phòng Charlie. Nội Bone đã điên tiết đến nỗi quên nhắc Charlie rằng chó không được phép lên phòng ngủ.

Sau khi Benjamin giúp Charlie tháo dỡ đồ đạc ra khỏi túi xách xong, hai đứa ngồi lên giường, với con Hạt Đậu chen vô giữa. Charlie kể cho Benjamin nghe kế hoạch tới Ngôi Nhà Sấm. Nó hỏi xem mẹ Benjamin có thể chở chúng tới đó được không.

Benjamin lắc đầu.

“Má đang điều tra một vụ án rất quan trọng. Một vụ giết người dã man. Má phải đi tới tận chủ nhật. Cả ba cũng đi luôn.”

Ba má Benjamin là những thám tử tư. Họ làm việc vào những giờ trái khuấy và Benjamin thường phải tự nấu ăn lấy.

“Mình tưởng ba má bỏ đã hứa là sẽ ở nhà thường xuyên rồi mà,” Charlie chùng hững.

“Thì má vẫn giữ lời đấy thôi,” Benjamin bảo. “Má ở nhà suốt tuần, nhưng hôm qua, người ta báo tin có vụ án đó, hấp dẫn tới nỗi má không thể từ chối.”

“Hừm. Mình phải nghĩ tới người khác vậy,” Charlie nói. “Lúc nào cũng còn Ông cậu Paton.”

“Nhưng phải đợi tới khi trời tối may ra ông mới chở tụi mình đi được mà?” Benjamin nhắc. “Mình không leo lên Khu Đồi Cao trong đêm tối. Nhất là tới một nơi có thể bị sét đánh hay đại loại như vậy.”

Charlie đồng ý. Nhưng dù sao cũng nên thử một lần. Khi Benjamin về rồi, nó gõ cửa phòng Ông cậu Paton.

Không có tiếng trả lời. Charlie tự hỏi hay là Ông cậu nó đã ra ngoài. Bây giờ trời cũng tối rồi.

Ngay lúc đó, mẹ nó về. Charlie chạy xuống đón mẹ. Bà mang về mấy trái cà chua nhũn.

Ngoại Maisie rất hài lòng.

“Mới thối có một nửa thôi,” bà nói, trải mấy trái cà lên bàn nhà bếp. “Chúng ta sẽ làm một nồi xúp rau mê ly.”

“Dạo này mẹ có hay thấy Ông cậu Paton không?”. Charlie hỏi mẹ.

“Rất ít,” mẹ nó đáp. “Tội nghiệp Ông cậu Paton. Ông rất mến cô Julia Ingledew. Nhưng bây giờ cô ấy không có thời gian nào dành cho Ông cậu đâu. Suốt tuần cô ấy chỉ lo chuẩn bị để đón Emma về nhà, và rồi lại dành trọn ngày cuối tuần để quần quít bên cô cháu gái. Họ đi thăm viện bảo tàng, thăm các lâu đài cổ, bàn luận say sưa về sách vở. Hình như cô ấy không cho Ông cậu Paton tội nghiệp vô nhà.”

“Thế thì tệ quá,” Charlie bắt mồm. “Vậy giờ Ông cậu đang ở trong phòng.”

Charlie lên lầu và lại gõ cửa phòng Ông cậu.

“Gì đó?” Một giọng giận dữ vọng ra.

Charlie mở cửa và nhìn vô. Cảnh hỗn độn trong phòng Ông cậu chưa bao giờ tệ hại đến như vậy. Cộng thêm có mùi dễ sợ nữa. Có lẽ Ông cậu Paton để quên mấy bữa ăn ở dưới gầm giường.

“Con nói chuyện với Ông cậu được không?” Charlie nói, vẻ nhu mì.

“Nếu mày bắt buộc phải nói,” Ông cậu Paton lầu bàu. Ông đang nghiên cứu một cuốn sách và không ngẩng đầu lên.

Khi đã len lỏi vô được tới bàn của Ông cậu mà không hắt đổ thứ gì rồi, Charlie nói:

“Con đã gặp cậu nhỏ trong tấm hình. Đúng là anh trai của ông nội.”

“Cái gì?” Ông cậu Paton ngẩng phắt lên. “Kể ta nghe kỹ coi.”

Charlie kể cho Ông cậu Paton nghe về Quả Cầu Xoắn Thời Gian và sự xuất hiện kỳ lạ của Henry. Nhưng đến khi nó kể tới phần của nó trong vụ cái tử đông, thì Ông cậu Paton liền gầm lên:

“Mày làm cái trò gì hả?”

“Tại anh ấy muốn trở về nhà,” Charlie vội nói. “Và con phải giúp anh ấy.”

“Đồ ngu, mấy thằng ngu,” Ông cậu Paton nổi tam bành. “Con người không thể quay về được. Người ta không thay đổi được lịch sử. Hãy nghĩ kỹ đi! Khi cha ta được năm tuổi, ông ấy mất anh trai. Việc đó đã thay đổi cả cuộc đời ông. Ông ấy trở thành con một, được nuôi như con một. Tất cả ký ức của ông chỉ là một đứa con một. Mày không thể thay đổi việc đó, đúng không?”

“Đúng ạ,” Charlie luyến quỳnh. “Con xin lỗi.”

Ông cậu nó vẫn chưa nguôi.

“Cha mẹ của Henry đã phải than khóc đứa con trai, ngay khi vừa mới than khóc cho đứa con gái Daphne xấu số. James trở thành con một, và hậu quả là ông ấy có thể hỏng người. Cha ông ấy mất đi, mẹ ông ấy để loại tất cả mọi thứ cho ông ấy, kể cả ngôi nhà tranh yêu quý của bà bên bờ biển. Mày không thể thay đổi được chiều đó, đúng không?”

Charlie thở dài. “Đúng ạ.”

Và rồi nó nảy ra một ý:

“Thế ông có có muốn gặp lại Henry không?”

Cơn giận của Ông cậu Paton đang dần dần thay đổi. Charlie như thấy được những dòng suy tư chạy chẳng chịt khắp gương mặt Ông cậu.

“Bây giờ ta nghĩ thế này,” Ông cậu Paton nói, như thể vừa đột ngột tìm ra được một giải pháp.

“Ông cậu nghĩ sao?” Charlie hấp háy hỏi.

“Ta chưa nghĩ ra cái gì cả,” Ông cậu Paton nói. “Mày hãy để yên cho ta tập trung suy nghĩ.”

Charlie xét thấy lúc này là thời điểm hợp lý để nhờ Ông cậu giúp nó một việc. Nhưng khi vừa dả động chuyện tới Khu Đồi Cao, đến Ngôi Nhà Sấm, nó đã chẳng nhận được một câu trả lời mà nó mong đợi.

“Ha!” Ông cậu Paton sáng giọng. “Ta sẽ chẳng đi bất cứ nơi nào có bọn bão tố đó. Khi họ đang phùng phùng giận dữ thì có can thiệp vô cũng vô ích thôi. Ta thành tâm khuyên mày đừng có léo hánh tới đó.”

Charlie giải thích vì sao mà phải khẩn cấp thuyết phục Tancred trở lại học viện, nhưng Ông cậu nó không thêm nghe. Rõ ràng là sẽ phải mất thêm một thời gian nữa mới có thể biến Ông cậu Paton trở thành một Ông cậu có ích và đừng cảm như ông đã có lúc như thế.

“Dù sao thì con cũng phải tới đó,” Charlie cương quyết.

“Ta không được ra ngoài vào ban ngày,” Ông cậu gắt. “Mày đi mà kiếm người khác đi.”

Ngôi nhà sấm

Henry Yewbeam cảm thấy buồn chán. Những căn phòng dưới lòng đất của bà bếp trưởng tuy ấm cúng và thú vị, nhưng Henry đã thám hiểm hết từng xăng-ti-mét chúng rồi. Cậu ao ước có Charlie tới thăm mà cùng tán dóc. Nhưng bà bếp trưởng bảo là Charlie đã về nhà để nghỉ cuối tuần rồi.

Coi bộ bà bếp trưởng lúc nào cũng tất bật, thậm chí cả vào ngày thứ Bảy. Bà đã kiểm được một bộ đồ ngủ cũ cho Henry và vài bộ quần áo coi cũng tân thời: quần dài, giày đen, vớ xám. Và bà đã thuyết phục được cậu thay chiếc áo khoác ấm áp bằng chiếc áo len dài tay màu xanh da trời. Henry thấy nó không ấm bằng chiếc áo khoác, nhưng thôi, ít ra cậu vẫn còn giữ lại được chiếc áo chùng xanh da trời mà cậu mặc vào lúc bị xoắn xuyên thời gian.

Bà bếp trưởng đã giấu biệt Quả Cầu Xoắn Thời Gian.

“Tôi không muốn cậu lại táy máy thêm trò đại dốt nào nữa, nghe chưa,” bà nói, vẩy vẩy ngón tay chỉ Henry. “Giờ thì cậu sẽ phải ở lại đây mãi mãi. Vấn đề là, phải làm gì với cậu đây?”

Henry vẫn không chịu từ bỏ hy vọng. Cần phải có cách gì đó để trở về năm 1916, mặt khác, nếu cậu ở lại thì điều gì sẽ xảy đến với cậu? Cậu không muốn trở lại với gia đình Bloor, dĩ nhiên rồi. Nhưng nếu cậu có thể về được đúng năm tháng, thì rốt cuộc cậu cũng sẽ tìm về được ngôi nhà hạnh phúc bên bờ biển của mình.

“Nhưng trước tiên mình sẽ cần phải đi qua thế giới khác,” cậu tự nói với mình. “Thế giới trong Quả Cầu Xoắn Thời Gian.”

Lúc trước, khi du hành xuyên thời gian, Henry đã có lần thoáng trông thấy thế giới của Vua Đỏ. Mẹ cậu, một người thuộc dòng họ Bloor, đã có lần bảo cậu rằng cậu là hậu duệ của vị Vua Đỏ bí hiểm ấy.

“Một số hậu duệ của Vua Đỏ được thừa hưởng một phần phép thuật của ngài,” mẹ cậu nói. “Nhưng theo như mẹ biết, thì nhà mình không có ai được ban phép thuật hết.” Rồi cô nhìn một lượt gia đình mình, xong phá lên cười hể hả theo cách xưa nay vẫn vậy, đoạn nói thêm:

“Ôn Chúa!”

Henry ước gì được nghe lại tiếng cười của mẹ.

“Charlie có phép thuật đúng kiểu mẹ nói,” cậu tự lẩm bầm.

Có lẽ cậu sẽ về sống với Charlie? Như thế cũng không đến nỗi tệ. Charlie có thể dạy cậu cách sử dụng tất cả những thứ mới lạ mà bà bếp trưởng đã kể cho cậu nghe: T.V, video, máy vi tính, và những thứ kỳ diệu khác.

Bà bếp trưởng đã dặn Henry rằng bà sẽ trở lại và mang bữa trưa cho cậu vào lúc mười hai giờ rưỡi. Nhưng, theo chiếc đồng hồ treo tường nhỏ bên cạnh giường của cậu thì bây giờ mới chỉ có mười giờ.

“Hơn những hai tiếng nữa ngồi không.” Henry thở dài.

Cậu bỗng nảy ra một ý. Vì bây giờ đã ăn mặc như mọi cậu bé khác trong Học việc Bloor này, nên chắc chắn cậu có thể đi thám thính một chút. Hồi đó cậu vẫn luôn muốn đi vào khu lâu đài bỏ hoang, nhưng Ngài Gideon đã cấm tiệt. Lúc này là cơ hội cho Henry.

Cậu rón rén ra khỏi phòng bà bếp trưởng, và cẩn thận khép cánh cửa tủ tường lại sau lưng. Sau khi đi qua vài cái tủ âm tường nữa, cậu thấy mình ở bên ngoài cửa căn-tin. Có tiếng động lớn dội ra từ tiền sảnh. Henry liền chạy về phía đó. Cậu nhìn vô tiền sảnh và thấy một người đàn ông to lớn, đầu cạo trọc, đang đóng cái gì đó vô cánh cổng chính.

Vẫn không dừng công việc của mình, người đàn ông to con này hỏi:

“Mày là đứa nào?”

“Cháu... à... là Henry,” nó sợ sệt trả lời.

“Henry gì?”

“Ồ... ờ... Bone.” Henry không biết tại sao cậu lại bảo mình là Bone. Cậu chỉ nghĩ rằng sẽ không hay khi tự khai mình là Yewbeam.

“Sao mày nói có vẻ không chắc, hả?” Người đàn ông vẫn tiếp tục quai búa.

“Chắc chứ,” Henry nói.

“Ở đây chúng tao cũng có một thằng Bone nữa. Đúng là nỗi kinh hoàng thật sự của nhà Bone.”

“Đó là em họ cháu.”

“Tao đảm bảo mày cũng là một thằng trong đám có phép thuật. Toàn một bọn chuyên gây rắc rối. Cả lũ chúng mày.”

Người đàn ông nện thêm một cú kinh hoàng vô cánh cửa.

“Toác cả cổng. Thằng giông bão làm đấy. Đồ trời đánh thánh vật!”

“Ồ!” Henry tiếp tục hướng ra vườn.

“Mày đưa chó đi dạo hả?” Người đàn ông hỏi.

“Gì ạ?” Henry sải bước nhanh hơn.

“Con chó. Con vật khốn khổ khốn nạn đó.”

Henry nhìn xuống, thấy May Phúc đang thở phì phò ngay dưới chân mình.

“À, vâng ạ. Đi nào,” Henry nói và bước thật gấp về phía cửa ra vườn.

Khi đã ra ngoài trời rồi, cậu dừng lại để thở lấy hơi.

Con May Phúc trông cũng có vẻ bồn chồn không kém.

“Chuyện gì vậy?” Henry thở dốc, hỏi.

11. Phần 2

Cậu cúi xuống và vỗ vỗ đầu con chó già. May Phúc xấu xí vô cùng. Có nét gì đó rất sâu thẳm ẩn trên gương mặt nghiêm nghị, nhăn nhúm của nó, khiến Henry không thể không cảm thấy tội nghiệp cho con chó.

Có bốn thằng bé đang đá banh bì bõm trong lớp tuyết loãng như bùn ở phía trước. Bọn con trai chẳng chú ý gì khi Henry và May Phúc đi ngang qua. Một cái cây khổng lồ bị cưa thành nhiều khúc nằm ngay giữa sân chơi, Henry rất muốn leo lên đó chơi, nhưng thời giờ là vàng bạc, và cậu cần phải xem xét khu bỏ hoang đã.

Khi tới được những bức tường lớn đổ chói rồi, Henry chợt thấy phấn chấn lạ. Nơi đây tỏa ra một mùi gì đó, của thời gian và của cả hiểm nguy. Cậu tưởng tượng ra những hiệp sĩ mặc áo giáp sắt đang trườn lên các bờ tường, những con ngựa chiến phi nước đại qua cổng, và những mũi tên rít như mưa trên đầu. Cậu vừa bước qua mái cổng vòm cao lớn, thì một giọng nói cất lên:

“Thằng kia, lại đây!”

Henry quay lại thì thấy hai thằng lớn hơn đang bám bổ đi về phía cậu. Cả hai đều mặc áo chùng tím và đều có gương mặt đánh sắt lại.

“Mày là ai?” Thằng cao hơn quát.

Henry chạy ù vô khu đồ nát. Cậu thấy mình ở trong một khoảnh sân vuông vức, có năm con hẻm tỏa đi các hướng. Henry bươn vô con hẻm ở giữa.

Nghe thấy tiếng những thằng kia hò hét đằng sau, Henry cứ thế chạy thục mạng. Lối này lộ ra một khoảnh sân trống khác. Henry chạy băng qua sân và loạc choạc chạy xuống một dãy cầu thang đá dốc. Giờ, cậu đã lọt vô một khoảng trống đầy cỏ mọc, viền quanh là những bức tượng không đầu. Ở giữa khoảng trống, có

hai nữ sinh áo chùng tím đang ngồi trên nóc một ngôi mộ lớn, bằng đá. Một cô bé loắt choắt, đen như gỗ mun, cột tóc đuôi ngựa dài thướt và đeo mắt kính gọng vàng. Cô kia có gương mặt tinh khôn, mạnh khỏe và mái tóc xanh da trời thật ấn tượng.

“Xin chào,” Henry thở dốc. “Tôi là...”

“Đằng ấy là Henry phải không?” Đứa con gái tóc xanh da trời nói liền. “Charlie đã kể cho tớ nghe về đằng ấy. Họ đang lùng sục đằng ấy đó, có biết không? Tháp nhạc sáng nay rất náo loạn. Manfred quăng cả chồng, chồng sách nhạc ra khỏi tháp. Hắn tức nổ đom đóm mắt luôn. Tớ là Olivia, còn đây là Bindi.”

“Rất hân hạnh được gặp các quý cô,” Henry bắt tay hai đứa. “Các cô khỏe chứ!”

“Lịch sự quá đấy,” Olivia nhận xét. “Tớ nghĩ đây là kiểu chào của người già.”

“Già? Tôi nghĩ mọi người chắc đều coi tôi như người già. Nhưng tôi thật sự cảm thấy mình chỉ khoảng mười một tuổi.”

“Tớ cũng thế,” Olivia nói. “Nhưng tớ mười một tuổi thật. Thường thì thứ Bảy bọn tớ không có ở đây, nhưng bữa nay tụi này bị cấm túc.”

Bỗng có tiếng quát từ mảnh sân phía trên cao, và May Phúc lạch phạch lao xuống các bậc thang.

“Chắc họ chạy theo con chó kia,” Henry lẩm bẩm. “Có hai thằng đuổi theo tôi vô đây. Một người cao và để tóc giống con gái.”

“Đuôi ngựa,” Olivia bảo. “Đó là Manfred Bloor, huynh trưởng.”

“Tụi này không để cho hắn tìm thấy cậu đâu,” Bindi nói, “nhanh lên, chui vô đây.”

Với một tốc độ đáng kinh ngạc, hai đứa con gái nhảy tót khỏi nóc ngôi mộ, rồi hất nắp mộ ra. Henry ngó chăm chăm vô cái khoảng tối thăm thẳm. Bên trong hầm mộ sức mùi nấm mốc và những thứ mục rữa.

“Mau đi,” Olivia thúc giục. “Trong đó thở được mà. Chúng tớ thử rồi.”

Lại một tiếng quát nữa ở phía trên khiến Henry phải lật đật leo vô hầm mộ. Hai nữ sinh đẩy nắp ngôi mộ trở lại, để chừa một lỗ nhỏ xíu cho không khí lọt vô. Xong, chúng nhảy phốc lên ngồi trên nóc mộ, vừa lúc Manfred và Asa chạy xuống những bậc thang.

“Chúng mày có thấy một thằng lạ mặt không?” Manfred hỏi.

“Tụi em thấy Daniel Robottom,” Olivia nhanh nhẩu, lựa đại tên một thằng hao hao cỡ Henry, cũng mặt áo chùng xanh da trời.

“Nó đi lối kia kìa!” Nó chỉ về một khung cửa hình hòm, dẫn tới một bức tường.

“Daniel Robottom hả? Chắc không?” Đôi mắt vàng khè của Asa nheo lại, nghi ngờ.

“Chắc chứ,” Bindi nói. “Nó vừa chạy vừa hát ư ử. Daniel hay hát ư ử lắm.”

Manfred và Asa lao vọt qua khung cửa vòm mà Olivia chỉ.

Một tiếng gõ từ bên trong hầm mộ.

“Suyt!” Olivia ra hiệu. “Chưa ra được đâu. Chưa an toàn.”

Con bé nói đúng. Chỉ vài phút sau, Manfred và Asa đã lồm lộn quay trở lại.

“Chúng mày có chắc là nó đi hướng ấy không?” Manfred cau có.

“Thề có tim gan, mà nếu sai thì dám chết,” Olivia thong thả nói. “Nhưng nó mới quành lại mấy bậc cấp kia cách đây chừng năm phút. Chắc là mấy anh không kịp thấy nó rồi.”

“Mà nó làm gì vậy anh?” Bindi hỏi.

“Không phải việc của mày,” Manfred cộc cằn.

“Tụi tao đang tìm đứa khác,” Asa thêm.

Manfred lườm cho nó một cái, ngụ ý “Im đi!”

“Con chó của ông cố tao làm gì ở đây thế này?” Manfred hỏi.

“Tụi em tính dẫn nó đi dạo,” Bindi đáp.

Hai thằng lớn quay đi, nhưng khi chúng vừa bước chân lên những bậc thang đá, Asa quay lại, nạt.

“Mà sao hai đứa mày ở đây, hả?”

“Tụi em ra đây cho yên tĩnh,” Olivia thở dài. “Tụi con trai quậy quá.”

“Nếu là tao thì tao sẽ không ở trong khu bỏ hoang quá lâu đâu,” Asa nhếch mép cười với Olivia thật kỳ dị, rồi phóng theo Manfred lên cầu thang.

“Thằng đó khiến mình ớn sùng,” Bindi lè lưỡi.

Chúng chờ thêm năm phút nữa mới quyết định là đủ an toàn để mở nắp cho Henry ra. Cậu len ra phía bên hông ngôi mộ và nằm vật xuống cỏ. Áo chùng và quần phủ đầy bụi màu xanh lá cây, còn tóc thì bám đầy mạng nhện.

“Trong đó có một con cóc khổng lồ,” cậu nói. “Tôi không thích cóc.”

Hai con bé giúp Henry phủ bụi, xong cả ba leo lên ngồi lên nóc ngôi mộ, chia nhau chiếc bánh mì vòng mà Bindi đã lén mang ra khỏi căn-tin.

Henry kể cho hai cô bạn nghe về ngôi nhà bên bờ biển của cậu, và về việc cậu đã đến đây bằng Quả Cầu Xoắn Thời Gian như thế nào. Olivia kể lại những cuộc phiêu lưu của bà mẹ nổi tiếng của nó khi đi làm phim trong rừng sâu. Sau đó, đến lượt Bindi tả chuyện nó đã đi Ấn Độ để thăm ông bà tuyệt vời của nó ra sau.

Khi tiếng còi đi sẵn rúc lên, gọi chúng đi ăn trưa, Olivia bảo:

“Đi với tụi này đi, Henry. Cứ tỉnh như không. Đừng tỏ ra sợ sệt gì. Khi tụi này tới căn-tin thì đằng ấy có thể lên vô nhà bếp.”

Henry đã tiết lộ cho hai nữ sinh biết là nó đang trốn ở trong nhà bếp. Mặc dù tin tưởng hai cô bạn, nhưng nó vẫn cảm thấy sẽ an toàn hơn nếu như không ai biết đích xác nó đang ở đâu.

Rủi làm sao, khi vô căn-tin, Henry đụng ngay phải một cô phục vụ bữa trưa.

“Trò làm gì ở đây?” Cô hỏi.

“Con... ừ... ừ... đưa tin cho bà bếp trưởng,” Henry cà lăm.

“Bà ấy đang trong phòng lạnh,” người phụ nữ mỉm cười. Cô còn trẻ và trông rất hóm hỉnh.

Henry lò dò tìm đường đi qua nhà bếp. Không có bà bếp trưởng ở trong phòng lạnh. Cậu có tìm cái tủ âm tường nơi cậu đã ra đi, nhưng toàn lộn vô những tủ cất chổi với lại những tủ đựng chảo nồi. Lối vô bí mật của bà bếp trưởng hình như đã biến mất.

Henry đang lơ ngơ đứng sau một hàng tạp dề bằng nhựa dẻo, thì một bàn tay rắn chắc thò xuống túm chặt lấy vai cậu. Henry tê cứng. Một giọng nói hét thẳng vào tai cậu:

“Henry Yewbeam, cậu vừa ở đâu về đấy?”

Henry quay lại, thấy gương mặt giận dữ, đỏ phừng của bà bếp trưởng.

“Cháy chỉ đi dạo chút chút,” Henry giải thích.

“Tôi đã bảo cậu là không được rời khỏi đây kia mà,” bà gay gắt thì thầm. “Đúng không? Đừng bao giờ tái phạm nữa đấy. Ngoài đó nguy hiểm lắm.”

“Cháu xin lỗi,” Henry nói, vẻ ân hận.

“Cậu phải mất khối thời gian mới kiếm ra đúng chỗ, phải không?”

Bà bếp trưởng vịn nắm đấm bên cạnh hàng tạp dề, và một cánh cửa bật mở vô trong. Không một lời, bà đẩy Henry qua cửa, té vô một đồng giẻ lau nhà và chổi.

“Tự mà tìm đường lấy đi,” bà bảo. “Nếu may mắn thì sẽ có bữa trưa sau nửa giờ nữa.” Rồi bà lẹ làng đóng sập cửa lại.

Henry lần đường về lại căn phòng của bà bếp trưởng. Cậu ngồi thừ bên cạnh lò sưởi, càng cảm thấy thương thân hơn. Mình sẽ phải sống nốt quãng đời còn lại như thế này sao? Lẩn trốn những kẻ chỉ muốn hãm hại mình? Manfred đã nói với hai nữ sinh, “Con chó của ông cố tao làm gì ở đây thế này?”

Ai là ông cố của Manfred? Không lẽ...? Không, không thể như thế được! Mà cũng có thể không nhỉ? Thằng anh họ Ezekiel chắc phải một trăm tuổi rồi.

Có thể lắm chứ, Henry nghĩ. Cậu rùng mình. Thằng anh họ Ezekiel vẫn còn sống, và vẫn muốn tống khứ mình đi, bằng cách này hay cách khác.

Henry ước gì Quả Cầu Xoắn Thời Gian đã mang cậu đến một nơi khác – như nhà của Charlie Bone chẳng hạn.

*

* *

Vào lúc đó, đáng lẽ Charlie phải ra khỏi nhà rồi mới phải. Nhưng nó và Benjamin vẫn còn đang ngồi trong nhà bếp của căn số 9, tự hỏi xem phải làm gì. Những cuộc điện thoại bức xúc cứ qua lại như con thoi giữa Charlie, Fidelio và Gabriel. Nhưng không kiếm ra được ba, mẹ của đứa nào; hoặc thuyết phục được vị nào cho chúng đi quá giang tới Khu Đồi Cao.

“Tụi mình đi taxi vậy,” Benjamin bàn bạc. “Mình có ít tiền đây.”

Charlie không nghĩ rằng chúng có đủ tiền. Giờ này mẹ nó đi làm, còn ngoại Maisie đi mua sắm. Nó cũng không nghĩ Ông cậu Paton có tiền, và đương nhiên là nó sẽ không hỏi xin nội Bone.

“Tụi mình kẹt cứng rồi,” Charlie nhìn đăm đăm một cách u uẩn qua cửa sổ nhà bếp.

Nó gần như không thốt được nên lời khi một chiếc xe hơi sang trọng hiện ra trước mắt. Chiếc xe đỗ xích ngay trước cửa nhà số 9, và Lysander từ trong xe nhảy ra, vẫy vẫy ta về phía cửa sổ nhà bếp.

Charlie viết nguệch ngoạc vài chữ cho mẹ, kiểm tra chìa khóa cửa trong túi và chạy ra cửa trước. Nó mở cửa ra ngay khi Lysander đang tính nhấn chuông.

“Chào Charlie!” Lysander nói. “Ba anh sẽ chở tụi mình tới nhà Gabriel.”

Benjamin và con Hạt Đậu xuất hiện sau lưng Charlie.

“Bạn em và con chó của nó đi cùng có được không?”

“Được chứ. Càng đông càng vui,” Lysander nói. “Đi nào.”

Benjamin, Charlie, và con Hạt Đậu theo Lysander xuống những bậc cấp, ra xe. Lysander lên ghế trước ngồi, trong khi bọn kia leo vô ghế sau. Chúng thấy Fidelio đã ngồi thu lu, sâu trong lòng cái ghế da từ hồi nào.

“Chào các cậu nhỏ,” một người đàn ông da đen rất đẹp trai, ngồi sau tay lái, đánh tiếng.

“Ba của anh đấy,” Lysander giới thiệu. “Ba anh là thẩm phán, nhưng đừng lấy thế mà sợ.”

“Chào chú, chú thẩm phán,” Benjamin và Charlie đáp lễ, hơi khấp trước người đàn ông oai vệ này.

Chiếc xe nổ máy, băng ra khỏi lề, nhẹ lướt vo vo trên đường Filbert, vòng theo công viên, và rồi đi xuyên qua nội ô thành phố. Xe lên dốc, lên dốc và lên nữa. Không đứa nào để ý đến một chiếc taxi vàng đang chạy theo chúng. Giờ, xe đang nuốt gọn con đường dốc lên Khu Đồi Cao, ngang qua một dãy biệt thự lớn, và vượt qua khu nhà thời thượng ấy, rồi lại men theo bìa một khu rừng có vẻ hoang dã. Ông thẩm phán dừng xe bên ngoài một căn nhà trông xơ xác, có một mảnh sân ngập ngựa bùn. Lũ gà đang bươi đất, và một con dê có cặp sừng lớn, cong vút đang nhai bụi cây.

“Ta chỉ đi tới đây thôi, các cậu,” ông thăm phán bảo.

“Ba không đưa tụi con lên thêm được nữa sao, ba?” Lysander nài nỉ.

“Ba không lái cái xe mới của ba lên đó đâu,” ba của Lysander nói. “Quá nhiều bão.”

Khi bước ra xe, bọn nhóc nghe thấy tiếng sấm đi đùng đùng xa.

“Chúc may mắn, mấy cậu nhỏ!”

Ngài thăm phán lùi xe vô trong mảnh sân bùn lầy, quay đầu xe lại và lái xuống đồi.

“Hồi nữa ba anh có tới đón tụi mình không?” Benjamin lo lắng hỏi.

“Có thể,” Lysander ngần ngừ, “hoặc có thể mẹ anh tới đón.”

Cách đó một chút, dưới sườn đồi, ngoài tầm mắt của bọn trẻ, chiếc taxi vàng đã dừng lại. Một sinh vật trông cổ quái bước ra: đó là một lão già mặc áo mưa dài lét lét, bẩn thỉu. Lão để ria mép trắng, nhưng lại có những túm tóc hoe hoe lòi ra khỏi chiếc mũ lưỡi trai vải tuyết, cấu bẩn. Lão già trả tiền cho tài xế rồi cầm cổ chạy lên đồi, dáng bộ di chuyển chẳng giống một lão già chút nào, mà giống một nam sinh thì đúng hơn.

Charlie chưa bao giờ nhìn thành phố từ trên cao như thế. Quang cảnh thật choáng ngợp, nhưng có cái gì đó rất chông chênh, đáng ngại ở chốn cao và lộng gió này. Rừng cây đằng sau thở dài náo nức, như báo điềm gở, và sấm nổ dồn dập hơn.

Cả bọn vừa bước vô mảnh sân thì Gabriel bước ra khỏi căn nhà xơ xác. Nó mang đôi ủng lộn lộn bùn cao cổ và cẩn thận lội tùm tùm qua những vũng nước sâu nhất. Chiếc quần bò nó mặc dơ đến nỗi dù có văng thêm bùn vô cũng không khác là mấy.

“Chào!” Gabriel giơ bàn tay trái lên. “Nhìn này! Tốt như tay mới vậy.”

“Vậy thì ngon rồi,” Lysander nói. “Tất cả đã sẵn sàng rồi chứ hả?”

“Rất sẵn sàng,” Fidelio đáp.

Cả bọn lên đường, Lysander và Gabriel dẫn đầu. Sau một hồi, con đường trở nên gồ ghề và hẹp lại, sau rồi mất dần. Chúng thấy mình đứng trước một cánh cổng. Một tấm biển gỗ đề NGÔI NHÀ SẤM được đóng chắc vô thanh chắn trên cùng. Bên dưới là tấm biển nhỏ hơn, đề : COI CHỪNG THỜI TIẾT!

“Vậy có nghĩa là sao?” Benjamin thắc mắc.

“Bọn mình sẽ biết ngay thôi,” Fidelio bảo.

Bên kia cánh cổng, có một lối đi hẹp nằm giữa hai hàng cây trường xanh rậm tối. Những ngọn cây oằn xuống, nghiêng ngả trong gió; cành cây cùng đất đá và cỏ chết bay rào rào vô lối đi.

“Tới rồi,” Lysander nói và mở cổng ra. “Anh có tới đây rồi, nhưng chưa lần nào gió dữ dội như vậy.”

Cả bọn bám theo Lysander đi qua cổng. Chúng lập tức hứng ngay những mẩu rác rưởi đang bay.

“Khó đây,” Charlie lẩm bẩm.

Cúi rạp mình trong gió, hai đứa dẫn đầu chiếm lĩnh lối đi. Đằng sau chúng, Fidelio, Charlie và Benjamin cũng gập cong người lại bước, cùng với con Hạt Đậu cúp rúp quần quanh.

Mỗi bước chúng tiến lên, gió mỗi thêm hung hãn, và giờ thì, những hạt mưa đá li ti, sắc lẹm quất vô mặt chúng. Charlie hí mắt dòm qua người Lysander, thấy một tòa nhà bằng đá, màu xám lờ lờ trước mặt. Mái nhà chẻ thành ba khối tam giác dốc đứng, phần mái giữa trông giống như một ngọn tháp. Những cửa sổ dài và hẹp, và nóc mái hiên cắt thành một góc sắc cạnh với chính giữa khu nhà. Mũi tên chỉ chiều gió lại mang hình một cây búa, đang quay tít ở trên chỏm nóc của tòa nhà. Chốc chốc cả tòa nhà lại rung lắc dữ dội.

Chúng vừa lê đến gần ngôi nhà thì cửa mái hiên bật mở, vọt ra một người đàn ông có mái tóc vàng rối bù cùng bộ râu quai nón hòa vô mái tóc. Ông phải cao hơn hai mét là ít, bởi vì đầu ông đựng mạnh vô khung cửa khi ông bước qua.

“Vô ích,” người đàn ông bự con gầy vang, trong khi mấy thằng con trai tiến về phía tòa nhà.

“Chú đã cố khuyên nó bình tĩnh lại, nhưng chúng ta đành phải chờ cho cơn bão này tự tắt thôi.”

“Tụi con cần bạn ấy, chú Torson à!” Lysander hét xuyên qua gió.

“Chú biết! Chú biết! Nhưng Tancred điều khiển thời tiết giỏi hơn chú. Chú hoàn toàn không chống chế được nó!”

Đoàn quân cường quyết giờ đã tiến đến mái hiên của tòa nhà. Nhưng việc đó cũng chẳng che chắn chúng được hơn bao nhiêu. Gió tấp vô chúng từ đủ mọi hướng, giật bung tóc, làm nước mắt nước mũi chảy ròng ròng.

Ông Torson đứng khuyên tay trước ngực, đón chặn cơn mưa đá đập tới tấp vô tấm lưng rộng.

“Chú đã nói hết lẽ với nó.”

Ông bật ho và một tiếng khụ lớn dội lên từ đâu đó trong lồng ngực.

“Nó cứ nhốt mình trong phòng. Giờ thì chắc chắn đồ đạc đã tanh bành rồi. Vợ chú...”

Lại một tiếng ho nữa bật ra, tiếng này trùng với một ánh chớp xẹt xuống thân cây gần đấy.

Tất cả bọn trẻ cùng dòm cái cây đổ nhào xuống đất, những cành cây nhẹ bỗng bùng cháy. Tuy nhiên, đám lửa nhanh chóng bị dập tắt bởi một trận đại hồng thủy đột ngột từ trên trời trút xuống. Trong khoảng yên lặng ngắn ngủi trước khi một tiếng sấm tiếp theo nổ đùng, ông Torson nói nốt:

“Bà vợ tội nghiệp của chú bị nhức đầu như búa bổ.”

“Tụi cháu có vô nói chuyện với Tancred được không ạ?” Lysander hỏi.

“Không cách nào,” ông Torson nói liền. Vừa nói vừa ẩn mình thật chắc vô bên trong mái hiên. “Quá nguy hiểm. Tụi con chỉ còn cách để lúc khác hăng tới. Cẩn thận trên đường về đấy. Ngoài kia có cái gì đó.”

“Cái...?” Gabriel mở miệng.

Những lời tiếp theo của nó bị một tiếng sấm giận dữ nuốt gọn, tất cả bọn đồng loạt né rạp xuống. Một vật gì căm phịch xuống đất, ngay đằng sau chúng.

Con Hạt Đậu tru lên hoảng loạn, và Benjamin hét to:

“C... c... ái...cái gì thế?”

“Cái búa,” ông Toson đáp.

Rồi ông vụt biến vô căn nhà, để lại bọn trẻ đứng ngoài, chỉ còn nghe thấy tiếng chốt khóa loạch xoạch đằng sau cánh cửa.

“Hừ, biết ngay mà,” Lysander thất vọng. “Tụi mình trở lại khu rừng đi. Ở dưới gốc cây có nhiều chỗ trú ẩn hơn.”

Chúng lao về phía khu rừng, nhưng con Hạt Đậu sửa nhặng nhít lên, và lại bắt đầu vục mõm xuống đất, sục sạo.

“Nó làm sao vậy?” Charlie hỏi.

“Nó tìm thấy cái búa,” Benjamin thở hồng hộc. “Hạt Đậu, lại đây coi, bỏ cái đó đi. Bỏ ngay! Nó không phải là cục xương đâu!”

Khu rừng dày đặc những bụi gai và bụi mâm xôi. Chúng cào xước mặt mũi và núm rách quần áo bọn trẻ. Và có một việc khác nữa : cả đám đều có cảm giác mình đang bị theo dõi.

“Anh không thích thể này,” Lysander la lớn. “Quay lại con đường lúc nãy coi.”

Nhưng giờ thì không thể tìm thấy con đường hẹp đó đâu nữa. Bọn trẻ dàn hàng ra, gọi nhau í ới trong lúc mò đường.

“Không phải đường này!”

“Không thấy nó đâu hết!”

“Cứu với. Tụi này lạc rồi!”

“Đúng là lối này.”

“Không phải ở đây.”

Thình lình, Charlie nhận ra nó còn có mỗi một mình. Trời đã sập tối. Tiếng sấm vẫn đùng đùng phía xa, trong khi cây cối lại đứng im phăng phắc. Và rồi, nó trông thấy một cặp mắt khủng khiếp: như hai vũng ánh sáng sinh đôi, càng lúc càng tiến lại gần, xuyên qua những bụi cây thấp. Thét lên một tiếng kinh hoàng, Charlie vội quay đầu và lao mình vào một lùm cây.

“Cứu với!” nó thét. “Cứu tôi! Mọi người đang ở đâu rồi?”

Nó nghe có tiếng chó sủa, nhưng chịu, không thể biết tiếng chó từ hướng nào.

“Hạt Đậu!” nó gào lên. “Hạt Đậu, tao ở đây mà!”

Một tiếng gừ đừ tợn dằng sau lưng. Charlie vội vắt giò chạy ra xa. Nó lao băng băng qua rừng, đâm cả vào cây, lập chập, lão đảo, trượt, ngã quỵ, bò lê, cho đến khi thấy một dải đường lờ mờ. Nó bò tới đó và ngược nhìn lên, thì thấy bốn thằng kia đang nhìn nó kinh hãi.

“Charlie! Trông em thật thê thảm,” Fidelio thốt lên.

“Trông anh cũng không khá hơn,” Charlie nói, “Làm sao các anh kiếm ra đường?”

“Nếu không có con Hạt Đậu thì tụi này vẫn còn ở trong rừng rồi,” Gabriel bảo. “Có chuyện gì vậy, Charlie? Tụi này cứ kêu hoài, kêu hoài.”

“Chẳng nghe gì cả,” Charlie rên. Nó lụi hụi bò dậy và lắc lắc những cành cây vướng trên đầu. “Có cái gì đó ở trong rừng. Một con thú.”

“Anh biết, bọn anh cũng nghe thấy tiếng nó,” Lysander nói chắc cú. “Cho dù đó là con gì, thì chắc chắn con vật đó cũng không muốn tụi mình ở trong rừng. Tụi mình ra khỏi đây mau đi.”

Chúng thất thểu trở lại nhà Gabriel, và phát hiện ra bên trong căn nhà tồi tàn đó thật ảm cúng và dễ chịu một cách đáng ngạc nhiên. Khi mấy đứa rửa ráy trong bồn rửa ở nhà bếp xong, chúng thả mình xuống ghế, và nhìn nhau háo hức vô những miếng bít tết, khoai tây nghiền, rau, mà không biết phải chén từ đâu.

“Charlie, mẹ con có gọi đấy!” bà Silk bảo. “Bác nói là con đi dạo với đám bạn rồi, và sẽ trở lại dùng bữa trà.”

“Cám ơn bác Silk!” Charlie nghĩ chắc là mẹ đã nhận được mẫu giấy nhắn của nó. Nó không đưa cho nội Bone để nội có thể giấu tờ giấy đi.

Gabriel có ba chị gái, họ len vô ngồi giữa bọn con trai và chuyện trò ríu rít, bất tận. Bọn con trai mệt đừ đừ đến nỗi chẳng thể góp chuyện. Lysander hầu như không hé nửa lời suốt bữa ăn.

“Mới bắt đầu năm học mà đã chẳng thấy tốt đẹp gì nhỉ?” Bà Silk nhận xét. “Hết chuyện cái găng tay với Gabriel lại bao nhiêu chuyện khác nữa.”

Bà Silk là một phụ nữ thon thả, xinh đẹp, có đôi mắt xanh tròn xoe, tóc nâu, quần gọn sóng – trông chẳng giống Gabriel gì cả.

Không dễ gì khi trong nhà có một đứa trẻ có phép thuật, nhưng bà Silk cố hết sức. Bà không biết phép thuật lạ lùng của Gabriel từ đâu ra. Hai vợ chồng bà luôn tranh luận xem bên gia đình nào chịu trách nhiệm về việc đó. Bà rất ngờ là phép thuật này bắt nguồn từ dòng họ Silk, ít nhất thì đã có vài người trong số họ là kỳ dị rồi. Trong nhà, Gabriel không bao giờ có thể mặc quần áo đã dùng rồi. Và vì không thuộc hàng gia đình giàu có, cho nên gia đình nó buộc phải mua đồ cũ cho các cô con gái. Chúng cho như thế là không công bằng.

Sau bữa trà, Gabriel dẫn bạn bè đi xem bày chuột bạch của nó. Và vì trời tối rồi nên bà Silk lái xe đưa tất cả bọn về tận nhà trên một chiếc Land Rover cà khố.

“Hy vọng mẹ con không lo lắng,” bà nói với Charlie khi nó đặt chân lên những bậc tam cấp nhà số 9.

Ngoại Maisie đón nó ở hành lang.

“Mấy bà cô nhà Yewbeam đang ở đây,” ngoại thì thầm. “Ngoại đi coi tivi đây. Chúc con may mắn, Charlie!” Skarp o, thầy phù thủy

12. Phần 3

Ba bà em của nội Bone thường được tiếp đón trong căn phòng thơm tắt nằm bên hông hành lang, nhưng hôm nay, họ đang ở đây, ngồi quanh bàn nhà bếp, và xâm chiếm căn phòng vốn ấm cúng này bằng những bộ đồ đen sùng nước cùng những gương mặt quàu quàu của họ.

Những chiếc áo khoác đen của họ đã được vắt lên thành ghế, còn giỏ xách thì bị nhét bừa vào các ngăn kéo tủ. Trên bàn có một ổ bánh đang xơi dở một nửa, kem chảy nhoe nhoét, và căn phòng tỏa mùi bánh ngọt thiu cùng mùi lá oải hương thối.

Charlie cố làm ra vẻ xởi lởi.

“Con chào các bà,” nó nói một cách hớn hờ. “Ngạc nhiên hết sức!”

“Tao thì ngạc nhiên vì sao mẹ mày lại để mày long nhong ngoài đường trễ như vậy,” bà cô Lucretia nói. “Nãy giờ mày ở đâu?”

“Mẹ con đâu?” Charlie hỏi lại.

“Mẹ con đâu? Mẹ con đâu?” Bà Eustacia eo éo nhại nó.

Charlie nhìn ổ bánh ăn dở. Chẳng ai lấy cho nó một miếng.

“Mẹ mày đi chơi rồi,” nội Bone nói.

“Đi đâu ạ?”

“Trời đất ơi, bây giờ chúng mình lại phải lo về mẹ nữa à?” Bà cô Venetia, trẻ nhất mà tinh ma nhất, trêu ghẹo nó.

“Con không lo,” Charlie nổi cáu. “Con chỉ ngạc nhiên là mẹ con không có ở nhà thôi.”

“Mẹ mày đi xem kịch rồi,” nội Bone dài giọng. “Mẹ mày có hai vé miễn phí xem Những Cái Trống Thần. Mẹ mày muốn dắt mày theo, nhưng mày không có ở nhà, đúng chưa nào?”

“Mẹ không nói gì về chuyện vé với con cả,” Charlie nói. “Vé ở đâu ra vậy ạ?”

“Bọn ta đâu có biết tất cả mọi thứ về mẹ mày đâu, đúng không?” Bà cô Eustacia góp lời. “Bạn trai mẹ mày cho chứ từ đâu nữa.”

“Mẹ con không có bạn trai,” Charlie đáp.

“Làm sao con biết hả?” Bà cô Venetia nói, vỗ vỗ mái tóc cuộn trong quanh đầu như con rắn. “Cô ấy vẫn còn trẻ mà.”

“Mẹ con không cần bạn trai,” Charlie gằn giọng, “vì ba con vẫn còn sống.”

Một sự thỉnh lặng băng giá rơi tõm xuống nhà bếp. Cả bốn bà ngồi cứng đờ. Miệng họ mím chặt những đường chỉ tím tái.

Rồi nội Bone nói:

“Tại sao mày cứ bám lấy cái điều ngu ngốc ấy, hả? Ba mày chết rồi. Chúng ta đã làm đám ma đằng hoàng.”

“Nhưng không có xác,” Charlie búống bình. Nó vừa tính quay đi thì cả bốn bà cùng hét lớn”

“ĐỨNG LẠI!”

“Mày chưa nói cho chúng ta biết về Henry,” nội Bone bảo.

“Chẳng có gì để nói cả,” Charlie nói.

“Mày thật là ngang ngạnh,” bà giám thị Lucretia mắng. “Mày tưởng chúng tao không biết gì về Quả Cầu Xoắn Thời Gian à? Mày tưởng chúng tao chưa nghe chuyện lão Ezekiel Bloor đã lừa cho thằng oắt Henry, em họ của lão bị xoáy xuyên thời gian như thế nào à? Và giờ nó lại dừng lại ở Học viện, xui cho nó là trẻ có vài năm thôi đấy.”

“Ha ha ha ha!” Bà cô Eustacia phá lên cười.

“Đó không phải là chuyện đùa,” Charlie nổi giận. “Sao bà lại đùa được?”

“Này!” Nội Bone quạc. “Thừa nhận là mày đã gặp nó đi!”

Charlie dậm chân một cái.

“Con sẽ không thừa nhận không cái gì hết.”

“Phải nói là ‘không thừa nhận cái gì hết’ chứ,” bà cô Lucretia hét. “Ngữ pháp đâu, thằng kia! Mày sẽ không thừa nhận cái gì cả!”

“Ồ ồ, rồi nó sẽ phải thừa nhận!” Nội Bone đứng nhướn cả người lên.

“Thằng kia đang ở đâu?” Bà ta rít lên. “Cuối cùng thì chúng ta sẽ tìm ra nó thôi, tao nói cho mày biết. Nhưng nếu nó không chừa mặt ra sớm, lão Ezekiel Bloor sẽ điên tiết lên mà đẩy nó đến kỷ Băng Hà thì đừng có trách đấy.”

“Còn lâu!” Charlie la lên. “Lão không thể làm được nếu không có Quả Cầu Xoắn Thời Gian.”

“Con không biết lão Ezekiel Bloor có thể làm gì đâu,” bà cô Venetia thả giọng ngọt xớt, chết người của mình. “Có vài thứ kinh hãi lắm, không thể tả bằng lời. Sao con không nói cho chúng ta biết thằng nhãi Henry đó đang trốn ở đâu? Nó chẳng xứng đáng với sự trung thành của con đâu. Nó chỉ là thứ chướng tai gai mắt. Đổi lại, sao con không thể là một cậu bé ngoan nhĩ? Ta sẽ ghét ghê lắm nếu lão Ezekiel Bloor làm hại con, chớ con à.”

Charlie chẳng biết trả lời thế nào trước những lời lẽ này. Bà cô Venetia luôn có làm cho nó mất cảnh giác bằng những lời mơn trớn. May thay, cánh cửa bật mở và Ông cậu Paton ngó vô.

“Cái gì ồn ào thế?” Ông cậu Paton hỏi. “Tôi chẳng suy nghĩ gì được cả.”

“Suy nghĩ mà đòi phải im lặng cơ đấy,” bà cô Eustacia cười khẩy.

“Đừng có ngu ngốc thế chứ,” Ông cậu Paton nói. “Làm ơn vận nhỏ âm lượng lại. Công việc của tôi đang tới giai đoạn quyết định. Tôi không sao tập trung được trong tiếng quàng quạc chói tai của đàn ngỗng cái như thế này đâu.”

“Chối tai?” Bà cô Lucretia thét chói tai.

Với giọng xem ra chừng mực hơn, nội Bone bảo:

“Chúng ta đang thẩm vấn Charlie về một điều tối quan trọng.”

“Hừ, tôi cũng cần nó làm giúp một việc tối quan trọng. Đi nào, Charlie!”

Charlie phóng nhào về phía Ông cậu với lòng vô cùng biết ơn, nhưng nội Bone vẫn không chịu bước.

“Thằng ôn kia phải ở lại đây!” Nội Bone quát. “Cho tới khi chúng ta moi được sự thật.”

Ông cậu Paton thở dài. Ông hướng tầm mắt về chiếc bóng đèn treo phía trên bàn.

“Paton!” Nội Bone gào. “Cậu dám hả!”

“Tôi dám chứ,” Ông cậu Paton đáp.

Khoảnh khắc tiếp theo là một tiếng nổ nhỏ. Cả bốn bà vội chạy dạt ra khỏi bàn trong lúc một cơn mưa thủy tinh từ bóng đèn phụt ra và đáp xuống ổ bánh.

“Đi, Charlie,” Ông cậu Paton kêu.

Charlie lẹ làng theo sau Ông cậu ra khỏi nhà bếp, trong khi nội Bone và các bà cô, lú lú như chim, nhảy đong đong, kiểm khăn ăn, nhổ miếng thủy tinh ra khỏi ổ bánh, và phải phui quần áo.

“Cám ơn Ông cậu đã mang con ra khỏi đây, Ông cậu Paton à,” Charlie nói khi khép cửa phòng Ông cậu lại sau lưng.

“Không, không. Ta thật sự cần mày mà, Charlie,” Ông cậu Paton xem ra đang phần khích vì điều gì đó.

“Ta đang thí nghiệm. Coi đây!”

Ông lấy một cuốn sách ở trên bàn, mở ra, và bắt đầu đọc. Vừa đọc, ông vừa đi tới công tắc điện gần cửa và bật bóng đèn treo ở giữa phòng lên.

Cứ nghĩ bóng đèn sẽ bể tan, Charlie vội cúi người xuống né. Nhưng chẳng có gì xảy ra cả.

“Con tưởng Ông cậu tháo hết bóng đèn ra khỏi phòng rồi chứ,” Charlie nói.

“Ta đã tháo rồi, tháo rồi.” Ông cậu Paton lầm bầm, vẫn chúi mũi vào cuốn sách. “Nhưng ta vừa gắn một bóng lại xong.”

“Xong rồi sao ạ?” Charlie thắc mắc.

“Tắt đèn đi,” Ông cậu Paton bảo. “Ta không thể nói chuyện khi cùng lúc phải tập trung đọc sách.”

Trong lòng thắc mắc, Charlie tắt đèn đi. Phòng Ông cậu nó một lần nữa lại chìm trong ánh sáng mờ mờ từ chiếc đèn dầu nhỏ trên bàn.

“Thế này, Charlie, mày có ngạc nhiên là bóng đèn không nổ không?” Ông cậu Paton hỏi.

“Dạ, thì cũng có,” Charlie nói. “Nhưng Ông cậu cũng có lúc không làm bể bóng đèn, đúng không ạ? Bóng sẽ không nổ khi Ông cậu, kiểu như thế nào nhỉ..., thư giãn.”

“Chính xác,” Ông cậu Paton thở ra khoan khoái. “Khi tâm trí ta bị tắt đi,” ông cười ha hả, “nếu mày bỏ quá cho lối chơi chữ đó. Khi ý nghĩ của ta ở nơi khác, kiểu như hồi nãy ấy, thì ta sẽ ít gây tai nạn nổ bóng đèn hơn. Cho nên... ta quyết định rằng, nếu ta đọc sách thật mê mải khi có một cái bóng đèn điện ở đó, thì có thể nó sẽ không bể.”

“Ra vậy,” Charlie vỡ lẽ. “Thú vị thật, Ông cậu Paton.”

“Con hơn cả thú vị nữa, nhóc. Nó có công dụng đáng hoàng. Quả là phép nhiệm màu. “Ông cậu Paton hí hửng với chiến thắng. “Ta có thể ra đường vào ban ngày nếu cứ đọc sách. Ta có thể đi qua những ô cửa bày hàng sáng đèn. Ta có thể đi gần đèn giao thông mà không làm nổ chúng. Thậm chí, ta còn có thể vô được tiệm cà phê nữa... nếu ta vừa đi vừa đọc sách.”

Charlie hình dung ra ngay những trở ngại trong kế hoạch của Ông cậu. Sẽ rất nguy hiểm cho Ông cậu khi ông lang thang qua những đường phố mà không ngó lối đi.

“Cũng nguy lắm,” nó nói. “Ông cậu có thể bị xe tông.”

“Thế cho nên mới cần đến mày, Charlie. Nếu mày đi cùng với ta, mày sẽ trông chừng giùm cho ta. Ta nghĩ ngày mai chúng ta sẽ đi dạo về hướng nhà thờ, chỉ để kiểm tra lý thuyết của ta.”

“Con đoán ý Ông cậu là về hướng tiệm sách của cô Ingledew,” Charlie nói.

Mặt Ông cậu bỗng đỏ ửng lên, nhất là hai mang tai. Ông cậu bật ho một tiếng nhỏ và bảo:

“Ta không thể cưỡng lại được. Cô Ingledew cứ vương vấn mãi trong ý nghĩ của ta. Ta cảm thấy nếu cô ấy thấy ta đi bộ giữa ban ngày, thì cô ấy sẽ không nghĩ ta là thằng khùng nữa.”

“Cô ấy không nghĩ Ông cậu khùng đâu, chỉ vì cô ấy đang phải bỏ hết sức vào việc làm mẹ cho Emma thôi.”

Ông cậu Paton thở dài thườn thượt, lắc đầu.

“Không đâu, Charlie. Cô ấy sợ ta, và ai mà trách cô ấy được chứ.”

“Rồi, ngày mai chúng ta sẽ tới tiệm của cô Ingledew,” Charlie nói, một chút đắn đo đã được xóa khỏi tâm trí nó.

“Cảm ơn, Charlie!”

Vừa lúc đó, chuông điện thoại trong hành lang reng.

“Không biết có phải gọi con không,” Charlie lầm bầm.

“Ra coi đi,” Ông cậu Paton bảo, “mày cứ tin chắc là mấy bà chị của ta sẽ không chuyển bất kỳ lời nhắn nào cho mày đâu.”

Charlie chạy ra chiếu nghỉ và nhìn xuống hành lang. Vừa lúc nó trông thấy nội Bone cầm ống nghe và hét:

“Nó không có ở đây!”

Rồi bà dẫn mạnh ống điện thoại xuống.

“Gọi con phải không?” Charlie hỏi.

Nội Bone ngược lên nhìn nó.

“Đương nhiên là không! Mày nghĩ mày là ai kia chứ?”

“Con sống ở đây,” Charlie nói. “Và đó có thể là bạn con muốn nói chuyện với con.”

“Hừ!” Nội Bone gầm gừ.

Các bà cô nhà Yewbeam từ trong bếp ủa ra. Họ vẫn còn vuốt vuốt áo khoác và sửa sửa mái tóc.

“Có một nhúm này,” bà cô Venetia la lên, nắm lấy một lọn tóc xám của bà cô Eustacia.

Bà cô Eustacia thét lên:

“Lấy ra! Lấy ra!”

Thật không may, bà cô Lucretia ngược lên và bắt gặp Charlie đang cười.

“Bỏ cái điệu cười ấy ra khỏi mặt mày đi,” bà ta hăm he. “Bọn ta chưa xong với mày đâu đấy.”

Ba bà cô lũ lượt đi qua cửa trước, nhưng rồi lại đứng dờn cục ở mấy bậc cấp, thì thầm to nhỏ với nội Bone.

Điện thoại lại reng, lần này Charlie xuống cầu thang và nhấc máy lên, trước khi nội Bone kịp giăng lấy.

“Alô. Cậu đó hả, Charlie?” Đó là Gabriel.

“Dạ,” Charlie thận trọng đáp.

“Có ai đó nói giọng hần học, bảo rằng cậu không có nhà, nhưng tôi không tin.”

“Bà nội em đấy,” Charlie nói.

Nội Bone đóng cửa trước lại và đứng dòm Charlie lom lom.

“Bà ấy có ở đó không?” Gabriel hỏi.

“Có,” Charlie nói, quay lưng lại nội Bone.

“Nghe này, Charlie. Tôi có nhặt được cái này ở lối đi ngay bên ngoài nhà tôi. Đúng ra là mấy món cơ. Tôi nghĩ cậu nên tới coi đi.”

“Tại mình gặp nhau ở đâu?” Charlie hỏi.

“Chiều mai mẹ tôi sẽ tới quán Cà Phê Thú Kiểng để giao hàng,” Gabriel đáp. “Gặp tôi ở đó nhé.”

Charlie chưa từng nghe nói đến quán Cà Phê Thú Kiểng.

“Quán đó ở đâu vậy?”

“Hẻm Con Éch,” Gabriel đáp. “Nằm giữa Hẻm Bùn và Đường Đầm Nước. Ngay sau nhà thờ lớn.”

Quả là một tin hay ho.

“Em sẽ đi cùng với Ông cậu Paton của em,” Charlie nói. “Em đưa Ông cậu vô quán được không?”

“Được. Ông cậu làm bể kính ấy phải không? Ông ấy thật tuyệt vời.”

“Đúng rồi.”

“Tuyệt. Tôi đi đây. Gặp lại cậu vào ngày mai nhé, khoảng ba giờ. Ừ da. Chuột cắn tôi. Tạm biệt!”

Có một tiếng “soạt” lớn. Hình như Gabriel đánh rớt ống nghe.

Charlie ngó quanh thì nội Bone đã đi rồi. Nó ghé vô nhà bếp. Bà không có ở đó, nên Charlie tự lấy cho mình một ít đồ ăn nhanh và ngồi xuống. Chiếc bàn đã được dọn sạch mảnh thủy tinh, nhưng có vật gì đó đang nằm ở chỗ hời này đặt ổ bánh nướng: một bức hình nhỏ, lật úp. Charlie đoán chắc chắn bức hình nằm đó là có chủ đích. Vốn biết rõ mấy bà cô, nó tin đấy là một cái bẫy. Nhưng là loại bẫy nào nhỉ? Nó tập trung vô đồ ăn, ráng không nhìn vô bức ảnh.

Và rồi nó lại thắc mắc liệu đó có phải là cái bẫy thật không. Dần dần, ánh mắt của Charlie bị kéo vô miếng kim loại đen xỉn ở mặt sau bức hình. Trông nó cũ mèm – khung gỗ nứt nẻ và chi chít những lỗ mọt, đinh ốc rỉ sét và dây treo bị đứt.

Charlie hít mạnh một hơi và lật khung hình lên. Nó thấy một bức tranh nhỏ vẽ một căn phòng. Nhưng mà loại phòng gì? Nó không thể nhận được, xem xét kỹ các chi tiết.

Ở bên phải bức tranh, một người đàn ông cao, mặc áo chùng đen đang nhìn cái đầu lâu nằm dưới chân mình. Bộ râu quai nón đen rì của ông ta lốm đốm những sợi bạc. Ông đội một chiếc mũ chòm đen, giống như mũ của giám mục, trùm lên mái tóc ánh bạc. Một chiếc bàn trải khăn đỏ đứng trong hốc tường, phía sau người đàn ông. Trên bàn bày la liệt những sách, tô, lông vũ, những đồng thảo mộc, sừng thú, và các loại vũ khí sáng loáng. Phủ đầy những bức tường đá trần trụi là các biểu tượng kỳ lạ, và người đàn ông trong tranh đang vẽ một thứ khác: một ngôi sao năm cánh.

Charlie thấy mình cứ dòm chòng chọc vô cái đầu lâu. Nó cố dứt mắt ra nhưng không được. Thế rồi nó bắt đầu nghe được những âm thanh: một giọng như tụng kinh trầm thấp bằng một ngôn ngữ lạ; tiếng phẫn lộ xạo vẽ lên tường; tiếng chiếc áo chùng cứng sột soạt. Rồi, bất thành linh, người đàn ông ngẩng đầu lên và nhìn thẳng vô mắt Charlie!

Charlie há hốc miệng, vội ụp bức tranh xuống. Ngoài đường, có tiếng cửa xe hơi đóng sầm lại. Nó nghe thấy tiếng mẹ nó. Tiếng một người đàn ông nói và mẹ nó cười phá lên. Mẹ rất hiếm khi cười! Người đàn ông đó vừa nói gì, và ông ta là ai?

Khi mẹ nó bước vô nhà bếp, Charlie như vẫn còn thấy đôi mắt vàng của người đàn ông mặt áo chùng đen, đang gấn chặt vô nó bằng ánh nhìn ngạo nghễ.

“Charlie, con có làm sao không?” Mẹ Charlie hỏi. “Trông con xanh quá.”

“À... con...”

Charlie sờ sờ mặt sau bức tranh. Nó không sao giải thích được cái gì đã xảy ra với mình, cho nên nó hỏi:

“Mẹ vừa đi đâu về vậy?” Giọng nó đầy vẻ cật vấn mà nó không sao kìm nén được.

“Mẹ vừa mới đi xem kịch Những cái trống thần. Mẹ muốn đưa con đi cùng bọn này, nhưng con không có ở nhà. Sao thế Charlie?”

“Bọn này?” Charlie hỏi, nghe còn dằn dỗi hơn. “Ai là bọn này?”

“Chú Bob Davies và mẹ,” mẹ Charlie mỉm cười khích lệ. “Chú ấy có ba vé và đáng lẽ con cũng đi cùng mà. Mẹ không thấy con ở nhà, nhưng mẹ không thể vì thế mà làm chú ấy thất vọng, đúng không?”

“Chú Bob Davies là ai?” Charlie hỏi, tự thấy ghét cái giọng rít lên của mình.

“Charlie, con làm sao vậy?” Mẹ nó kéo một chiếc ghế ra và ngồi xuống bên cạnh.

“Chú Bob Davies chỉ là một người bạn, một người dễ mến và muốn đưa mẹ con mình đi xem kịch. Sao con lại cộc cằn vậy?”

Charlie xấu hổ.

“Con xin lỗi mẹ. Con... gặp chuyện, mới lúc này. Mấy bà cô để lại các kia kia.”

Nó hất đầu về phía bức tranh, thậm chí còn không muốn chạm vô.

Mẹ nó cầm bức tranh lên, đọc những biểu tượng loằng ngoằng ở cuối tấm hình.

“Thầy phù thủy.”

Lúc này Charlie không để ý là bức tranh có đề tựa.

“Con nghĩ đó là một cái bẫy,” nó lẩm bẩm.

“Bẫy gì, Charlie?”

“Con không biết,” nó cẩn thận úp bức tranh lại.

“Thế này vậy,” mẹ nó vỗ vỗ vai. “Mẹ chạy ù lên lầu, thay quần áo rồi hai mẹ con mình uống một tách trà thật ngon trước khi con đi ngủ nhé?”

“Vâng,” Charlie đáp, tự hỏi liệu một tách trà thì có thể xóa được ký ức về con mắt của thầy phù thủy kia không.

Nó chú ý đến ánh sáng lấp lánh từ những khoen xê-quin trên váy mẹ nó khi mẹ nó cởi nút áo khoác ra.

“Mẹ ơi, ba con có thể chưa...”

Mẹ nó quay lại:

“Có thể chưa cái gì con?”

“Có thể chưa chết,” Charlie lặng lẽ đáp.

“Ôi, Charlie, lạ Chúa. Dĩ nhiên là ba con chết rồi.”

Mẹ nó hôn phớt lên má nó một cái và vội vã đi. Xem ra mẹ không u phiền như thường lệ mỗi khi nghĩ đến ba nó. Điều này khiến Charlie đâm lo.

Mẹ Charlie vừa đi được vài giây thì Ông cậu Paton thò đầu vô, lấp ló ở cửa. Ông cầm một ngọn nến đang cháy.

“Ta đói bụng,” ông nói. “Ta tắt đèn đi mày không phiền chứ, Charlie?”

Charlie lắc đầu. Bóng đèn trên đầu nó vụt tắt và Ông cậu Paton bước tới tử lạnh. Ông lấy ra một đĩa thịt nguội với cà chua. Ông đặt chiếc đĩa và nến xuống bàn. Vừa tính ngồi xuống thì ông trông thấy bức tranh lật úp.

“Hy vọng nó không phải là thứ ta nghĩ,” Ông cậu Paton thì thầm.

“Ông cậu nghĩ nó là cái gì?” Charlie nói, chột dạ trước vẻ nghiêm nghị của Ông cậu.

“Ta rất sợ nó là...” ông lật bức tranh lên và thở dài. “Đúng rồi, ta biết ngay mà. Ta tin là mấy bà chị ta đã để nó ở đây.”

“Đó là một người trong gia đình?” Charlie hỏi.

“Đúng thế. Tên hắn là Skarpo,” Ông cậu Paton nói. “Và hắn là một phù thủy rất hùng mạnh.”

“Ông cậu Paton, phép thuật... của... của... con,” Charlie ngập ngừng. “Con tưởng nó chỉ có tác dụng với hình chụp thôi chứ.”

Ông cậu Paton ngó Charlie:

“Có nghĩ là mày đã nghe thấy...?” Ông chỉ vào thầy phù thủy. “Người đàn ông này nói gì vậy?”

“Không rõ lắm,” Charlie bối rối. “Con chỉ nghe...”

“Charlie!” Ông cậu Paton vội úp bức tranh vẽ xuống bàn, thật mạnh. “Con không đi vô đây chứ?”

“Đi vô?” Charlie hoang mang. “Ý Ông cậu là vô cái gì? Con đang nhìn bức tranh thì... thì ông ta quay đầu lại và nhìn con trừng trừng.”

Ông cậu Paton tỏ vẻ lo lắng và bồn chồn.

“Vậy là hắn đã nhìn thấy con,” ông nói rành rọt.

Và trong lúc Ông cậu Paton nói, Charlie bỗng nghe có tiếng gió rít lạnh căm. Nó nghe tiếng xích sắt va vô nhau loảng xoảng, cùng tiếng tụng kinh rin rít, khô không khọc của Skarpo, thầy phù thủy.

13. Chương 13

Quán cà phê thú kiểng

Mất vài giây, Charlie và Ông cậu nhìn nhau, im lặng hoàn toàn. Thế rồi, Ông cậu Paton ngồi xuống bên bàn và nói:

“Phải chi ta biết trước điều này, nhưng thành thật mà nói, Charlie, ta chỉ biết phép thuật của mày có thể dẫn tới cái gì thôi.”

“Con không hiểu” Charlie bối rối. Sâu xa trong óc nó vẫn nghe văng vẳng cái giọng như tụng kinh đầy đe dọa kia.

“Số là thế này,” Ông cậu Paton kể cà. “Như mày biết đấy, ta đang viết về lịch sử nhà Yewbeam và tổ tiên của họ là Vua Đỏ. Việc này đòi hỏi ta phải nghiên cứu rất nhiều. Trong quá trình nghiên cứu, ta đã gặp rất nhiều nhân vật có phép thuật giống như của mày, và giống như của mấy đứa bạn mày. Trong số họ, có một người tên là Charles Pennybuck. Thoạt tiên, ông ta nghe được những bức chân dung nói chuyện, vì ông ấy sống trước thời có hình chụp rất lâu mà; cuối cùng là ông ấy bị dẫn đi vô những bức chân dung ấy, và nói chuyện với... ta có thể nói thế nào nhỉ... với những người ở trong tranh.”

“Ý Ông cậu là những người trong hình vẽ cũng có thể trông thấy ông ấy?” Charlie hỏi.

“Ừ, phải,” Ông cậu Paton thở dài. “Rủi một cái là Pennybuck có một kết cục bi thảm. Ông ấy bị kẹt vô bức chân dung của một kẻ vô cùng hiểm ác, Bá tước xứ Corbeau, nếu ta nhớ không lầm. Rồi phát điên thật sự.”

“Ai điên? Pennybuck hay là bá tước?” Charlie hỏi.

“Tất nhiên là Pennybuck,” Ông cậu Paton đáp. “Ồi trời ơi, đáng lý ra ta không nên kể cho mày nghe chuyện đó, Charlie. Giờ thì mày cảm không được lo lắng. Ta đảm bảo là sẽ không có chuyện gì xảy ra với mày đâu.”

“Nhưng còn Skarpo thì sao?” Charlie thấp thỏm. “Ông cậu nói rằng nếu ông ta đã trông thấy con thì...”

“À, Skarpo!” Ông cậu Paton đi tới tủ lạnh và lấy ra một chai rượu táo.

“Hừm.” Ông cậu lấy thêm hai cái ly từ tủ đựng chén đĩa và mang tất cả về lại bàn.

“Skarpo,” Charlie hồi thúc. “Ông cậu đang nói về ông ấy...”

“Skarpo sống cách đây chừng năm trăm năm. Bức vẽ này đã cũ lắm rồi.”

Ông cậu Paton gõ lên mặt sau của bức tranh.

“Hắn là loại phù thủy ác độc kiểu như lão Ezekiel Bloor, nhưng lão Ezekiel Bloor già nua không bao giờ có khả năng làm được những điều mà Skarpo làm.”

“Chẳng hạn như là cái gì?” Charlie hỏi.

“Mày đừng nên biết thì tốt hơn,” Ông cậu Paton cầm chai rượu lên. “Làm một chút chứ chứ mày? Ta chắc là chú mày dùng được.”

Nói rồi Ông cậu rót một ly cho mình.

“Không ạ,” Charlie thấp thỏm. “Ông cậu Paton, Ông cậu cho con biết thêm chút xíu về cái ông Skarpo này đi. Giờ ông ấy đã trông thấy con rồi thì chuyện gì sẽ xảy ra với con?”

“Ta không biết,” Ông cậu Paton nói. “Có lẽ chẳng có gì cả. Với lại, biết đâu mày có thể lợi dụng quyền phép của hắn ta. Theo như những cuốn sách của ta nói thì hắn có rất nhiều quyền phép. Cảnh giác, Charlie! Cứ hễ lúc nào mày thấy mày hành xử khác thường thì phải báo ngay cho ta biết, rồi ta với mày tính cách.”

Vậy cũng chẳng được an tâm cho lắm, nhưng Charlie nhận thế là tốt nhất rồi. Nó quyết định nhấp một ngụm rượu táo mà Ông cậu Paton đưa, xong lại nhấp thêm một ngụm nữa.

“Yến tiệc trong bóng tối đấy,” mẹ Charlie bỗng cất tiếng, bật đèn lên.

“Hự!” Ông cậu Paton la lên, vội lái mắt ra khỏi bóng đèn. “Coi chừng, Amy, hôm nay tôi đã gây ra một tai nạn rồi.”

“Xin lỗi, Ông cậu Paton,” mẹ Charlie vội tắt đèn đi và lui cui pha một bình trà trong ánh nến.

Charlie cầm ca trà của nó lên phòng ngủ. Khi nó rời nhà bếp, Ông cậu Paton đang khoai chí dỏng tai lắng nghe mẹ nó tả lại từng màn của vở kịch Những Chiếc Trống Thần. Do gặp phải vấn đề làm bể bóng đèn, mà từ nhỏ tới giờ Ông cậu Paton chưa hề dám đi xem kịch hay phim lẫn nào. Ông thích thú lắng nghe lời kể chuyện sống động của mẹ Charlie. Cô quả là người kể chuyện rất có duyên, khi cô dám làm điều gì đó vượt ra khuôn khổ thông thường.

Chiều hôm sau, Charlie và Ông cậu lên đường đi quán Cà phê Thú Kiểng. Đến cuối đường Filbert, họ gặp Benjamin và Hạt Đậu.

“Sao Ông cậu của bồ lại cầm cúi đọc sách thế kia?” Benjamin hỏi, như thể Ông cậu Paton không có ở đó.

Quả là Ông cậu của Charlie hầu như không nhận thấy Benjamin, mà cứ dí sát mũi vào một cuốn sách lớn, tập trung cao độ.

Charlie giải thích rằng đó là một thử nghiệm.

“Hả,” Benjamin nói, cười toét ra điều đã hiểu chuyện. “Mình với Hạt Đậu đi cùng nha? Có thể bồ sẽ cần tụi này trợ giúp.”

Thế là hai đứa cặp kè hai bên Ông cậu Paton, trong khi con Hạt Đậu tong tấy phía trước. Hôm đó là một ngày chủ nhật giá buốt, u ám và mau là không có nhiều người lại qua. Charlie cảm thấy hơi xấu hổ khi đi bên cạnh một người đàn ông cứ cúi mũi vào một cuốn sách to sụ.

Khoảnh khắc nín thở là khi họ tới ngã tư, nơi có đèn giao thông. Ông cậu Paton vừa định vượt qua đèn đỏ thì hai đứa vội thét lớn:

“KHÔNG!”

Ông cậu giật mình ngẩng lên, và Charlie hấp tấp thì thầm:

“Đừng nhìn vô đèn, Ông cậu Paton!”

“E hèm,” Ông cậu ậm ừ. Rồi bước lùi lại lề đường.

“Phù!” Benjamin thở phào. “Xém nữa thì...”

Chúng lại đi tiếp, cố hết sức tránh đèn giao thông và dẫn đường cho Ông cậu Paton vượt qua những quãng đông đúc nhất. Cuối cùng, chúng tìm thấy đường Đầm Nước, đi thêm chút nữa thì thấy một ngõ hẻm, với tấm biển vẽ hình một con ếch treo trên tường.

“Trông không ra cái bảng tên đường.” Benjamin bình luận.

“Chắc chắn đây là hẻm Con Ếch,” Charlie bảo, “bởi vì nó ở sát bên đường Đầm Nước.”

Nó không dám đề nghị Ông cậu tư vấn gì, bởi vì có một cửa sổ sáng đèn ngay bên dưới tấm biển hình con ếch.

Hạt Đậu giải quyết ổn thỏa ngay. Con chó chạy vô ngõ hẻm và sủa inh ỏi, khiến hai thằng bé không còn lựa chọn nào khác hơn là chạy theo nó. Coi bộ đây không phải là đường đến quán cà phê, nhưng vừa đi xa khỏi đường cái, thì chúng bắt đầu nghe thấy tiếng sủa, tiếng gừ và tiếng tru của nhiều loài vật.

“Nghe như là sở thú vậy,” Benjamin nhận xét.

Hạt Đậu đã biến mất ở chỗ khúc quẹo cuối con hẻm, và giờ đang sủa điên cuồng. Charlie đặt tay lên cánh tay Ông cậu và lái ông quẹo ngay góc hẻm.

Và kia, quán Cà Phê Thú Kiểng! Có vẻ như nó được xây dựng ốp vô một bức tường cổ, và choán hết phần còn lại của ngõ hẻm. Ở một bên, một cánh cửa nhỏ màu xanh lá cây để mở ra đường, và phía bên kia, một đàn chó đang đứng túm tụm, hăng tiết sủa con Hạt Đậu qua một cửa sổ mắt cáo khổng lồ. Phía trên cửa sổ có một tấm biển vẽ đủ các loại thú, cùng với dòng chữ Cà Phê Thú Kiểng uốn lượn giữa những đuôi, móng vuốt, ria, cánh và chân cẳng.

“Đây rồi,” Charlie nói, dắt Ông cậu Paton đi qua cửa.

Benjamin chộp lấy xích cổ của con Hạt Đậu và cả hai cùng đi vô.

Tiếng thú vật thét gào trong một không gian kín ầm ỉ đến độ Charlie hầu như không nghe được tiếng của chính nó.

“Mình thấy có cái quầy ở phía sau,” Charlie hét lên với Benjamin.

Chúng chưa kịp bước tới quầy, một người đàn ông vạm vỡ, tóc đen, quần tít đã hiện ra ngay trước mặt. Ông mặc áo sơ-mi dài, vẽ hình những cái đầu voi.

“Thú?” Ông hỏi.

“Không,” Charlie đáp. “Tụi cháu là người.”

“Tôi biết,” người đàn ông nói một cách nóng nảy. “Bạn đồng hành của mấy người đâu? Không ai được vô quán nếu như không có một con thú, một con chim hay một loài bò sát đi kèm.”

“Ồ,” mặt Charlie thuôn ra.

“Chúng có một con chó,” Benjamin nói to. “Nó ở đằng kia kìa, đang nói chuyện với một con chó tha mồi.”

“Mỗi người mang một con,” người đàn ông quát. “Còn những người kia, đi ra!” Ông ta chỉ tay ra cửa.

Ông cậu Paton khó lòng tập trung vô cuốn sách. Ông dí cuốn sách sát vô mặt, cố tránh nhìn những bóng đèn đang nhấp nháy dưới mái trần thấp.

“E hèm,” Ông cậu lầm bầm.

Rồi bằng giọng đùng đục, ông nói:

“Mùi kinh khủng, đi thôi.”

Charlie đang phân vân không biết làm gì, thì Gabriel xuất hiện, tay cầm một hộp gỗ lớn. Cậu lôi hai con chuột bạch ra khỏi hộp, đưa một con cho Charlie và nhét con kia vô túi áo Ông cậu Paton.

“Ê... không,” Ông cậu Paton phản đối, chạm phải mũi con chuột. Nhưng đã quá trễ.

Người đàn ông to con bảo:

“Tốt rồi.”

và dẫn tất cả tới quầy. Ở đây, chúng phải đối mặt với một lựa chọn khó khăn. Dọc theo suốt quầy, xen kẽ giữa những đĩa đựng các loại bánh bích quy thông thường là những tô xúc xích, bánh nướng mùi cá, những viên tròn chắc hẳn là sô-cô-la (hoặc không phải) và những loại hạt đủ mọi kích cỡ.

“Gọi xúc xích đi,” Gabriel đề nghị. “Ngon lắm.”

“Trông như để cho chó ấy,” Charlie nói.

“Chớ sao,” Gabriel bảo. “Vẫn ngon mà. Tụi chuột của tôi thích lắm.”

“Cho bánh bích quy và ba ly nước,” Charlie chọn giải pháp an toàn.

Người đàn ông sau quầy lên tiếng:

“Phải Charlie Bone không vậy?”

Charlie chớp mắt. Cuối cùng nó nhận ra ông Onimous, người diệt chuột. Nụ cười nhe hàm răng nhọn đã tố giác ông. Trông ông khác hoàn toàn trong cái nón trắng và tạp dề của người nấu bếp. Lần cuối cùng gặp ông, Charlie thấy ông mặc áo khoác giả lông, và áo ghi-lê nhưng.

“Ông làm gì ở đây vậy, ông Onimous?” Charlie hỏi.

“Để giúp vợ tôi một tay,” ông Onimous nói. “Đây là quán cà phê của bà ấy. Toàn bộ ý tưởng là của bà ấy đấy. Hay chứ hả?”

“Tuyệt ạ,” Charlie gật. “Nhưng những con mèo lửa có ngại những vị khách khác không? Ý cháu là, chúng sống cùng với ông, phải không ạ?”

“Những con mèo lửa?” Ông Onimous nhướn đôi lông mày chổi xể lên. “Chúng thường không ở đây, cầu cho Thượng đế phù hộ chúng. Chúng quá bận rộn với các bốn phận. Đêm xuống mới đảo về để ăn chút gì đó, ngủ một chút rồi lại đi. Dĩ nhiên là trừ khi chúng cần tôi. Khi đó tôi sẽ phải đi theo chúng.”

“Ra vậy,” Charlie trả tiền đồ ăn. Giá rất rẻ.

“Rất vui gặp lại cậu, Charlie,” ông Onimous bảo. “Giờ thì bảo trọng đấy!”

“Cảm ơn ông, ông Onimous.”

Hàng người xếp hàng phía sau Charlie đang đông dần lên, vì vậy, nó cầm lấy khay của mình và tới chiếc bàn các bạn nó đang ngồi. Nó phải lách mình qua một đàn chó mới tới được chỗ. Gabriel đã chọn chiếc bàn ở ngay cạnh cửa sổ, và chúng có thể trông thấy những vị khách hàng kỳ quặc đang tiến tới quán cà phê.

Ở bàn bên, một con nhện đen bò quanh chiếc nón rơm màu đỏ. Người phụ nữ đội nón xem ra rất sung sướng với cảnh tượng này. Thỉnh thoảng, bà bẻ một mẩu đồ ăn đưa lên cho con nhện. Sợ miếng đó là con vật sống, Charlie quay đi chỗ khác.

“Anh tính cho tụi này coi cái gì vậy?” Nó hỏi Gabriel.

Gabriel lôi ra một bọc nhựa từ dưới gầm bàn lên.

“Nhìn đây!”

Cậu thò tay vô bọc, lôi ra một cái áo vải tuyết cũ nhàu và một chiếc áo chùng tách te tua.

“Đồ hóa trang của Asa,” Charlie buột miệng.

“Chính xác. Tôi thậm chí còn tìm được cả ria mép nữa.” Gabriel giơ lên một nhúm ria màu trắng. “Nằm trong con hẻm bên ngoài sân nhà tôi. Tôi đoán là gió từ Ngôi Nhà Sấm thối tới đó. Chắc chắn Asa đã giấu mấy thứ này ở trong rừng.”

Charlie rùng mình. “Ý anh chính Asa đã ở trong rừng. Asa đội... đội lột con gì mà nó biến được trước khi trời tối.”

Benjamin hỏi. “Nó phải cởi hết đồ ra trước khi biến thành thú chứ hả?”

Gabriel nhú mồm. “Chuyện này nghiêm trọng, Benjamin à.”

“Xin lỗi, em chỉ thắc mắc thôi.”

“Tại sao Asa lại lặn lội lên tận Khu Đồi Cao?” Charlie lẩm bẩm. “Nó có sống ở đó không?”

“Tôi không biết nó sống ở đâu,” Gabriel bảo. “Nhưng tôi nghĩ nó muốn dọa để đuổi tội mình đi. Nó muốn chắc chắn là tội mình không trở lại Ngôi Nhà Sấm nữa.”

“Nhưng tại sao?” Charlie hỏi dồn.

Gabriel nhún vai. “Có lẽ có điều gì đó liên quan đến anh họ Henry của cậu. Lão già ác độc đẩy anh ấy xuyên thời gian đã biết anh ấy đã trở lại. Chắc hẳn lão đang tức điên lên.”

“Tất nhiên,” Charlie đồng tình. “Lão Ezekiel Bloor ra lệnh cho Manfred và Asa phải tìm Henry. Nhưng chúng biết tội mình – anh, em, Lysander và Tancred – sẽ bảo vệ anh ấy. Vì vậy chúng ra sức quấy phá tội mình, làm cho tội mình suy yếu. Anh có nói cho Lysander biết về mớ quần áo này chưa vậy?”

“Không thể liên lạc được,” Gabriel bảo. “Tôi sẽ gặp cậu ấy vào ngày mai.”

Trong lúc đó, có một bóng người thập thò nơi cửa sổ. Charlie ngược lên thì thấy Asa Pike đang nhìn chúng trừng trừng qua tấm kính. Môi thẳng này trễ xuống, miệng phát ra một tiếng gừ khinh khùng. Đôi mắt vàng đảo quanh bàn và dừng lại ở túi đồ.

“Của tao đó,” nó gầm gừ. “Đưa đây cho tao, bọn nhãi!”

Sự xuất hiện của Asa gây nên tình trạng náo động trong quán. Chim chóc hoảng sợ đập cánh, kêu thất thanh, bay lên trần nhà; chó rụt đầu lại mà tru; mèo rít lên, cào cào; thỏ chui tọt xuống gầm bàn; còn tất cả những loại thú khác thì chạy đi núp sau những chậu cây kiểng dựng quanh phòng.

“Coi bộ nó không được ai ưa cho lắm, hả?” Benjamin run run nói.

“Cứ tiếp tục đọc sách đi, Ông cậu Paton,” Charlie nhắc.

Quán cà phê đã đủ huyền náo rồi, không cần đến tài kích vỡ bóng đèn của Ông cậu nó. Đồ ăn bay tung toé khắp nơi, đĩa vỡ tan, đồ uống đổ lung tung, và các khách hàng lo lắng vấp phải những con thú đang cơn sợ hãi.

“Coi chừng,” Gabriel la. “Nó vô kìa!”

Asa vọt qua cửa và xông thẳng vô người đàn ông mặc áo in hình con voi.

“Thú?” Người đàn ông hỏi. Trông ông như một tay bảo kê chính hiệu.

Mất một lúc, Charlie đã nghĩ Asa sẽ bảo nó chính là thú đây, nhưng hắn chỉ gừ vô mặt người đàn ông.

“Thế đấy!” Vị bảo kê hét lên. “Cút!”

Ông ta tóm lấy cái cổ ngỗng của Asa nhắc lên, và lẳng nó ra ngoài vỉa hè. Asa té chống kênh và định nhào vô tiếp, thì vô số con chó to phóng ra cánh cửa đang mở và lao vô nó.

Asa hét lên một tiếng the thé, và chạy biến khỏi góc đường, theo sau là đàn chó vừa chạy vừa sủa. Nếu Benjamin không nhảy lên mà rì chắc vòng buộc cổ con Hạt Đậu lại, thì chắc chắn nó đã nhập vô toán rượt bắt đó rồi. Con chó bị rất thất vọng vì bị lỡ mất một cuộc vui, và cứ rên lên ư ử, cho đến khi ông Onymous thấy cho nó một cục xương đủ màu cầu vòng để gặm.

Quán Cà Phê Thú Kiểng đang vơi đi nhanh chóng. Nhiều khách hàng phải rượt theo chó của họ; những người khác, sau khi tóm lại được và xoa dịu mấy con thú kiểng của mình xong, cũng quyết định rời khỏi quán trước khi mọi việc trở nên tồi tệ hơn.

Charlie và bọn bạn ở lại giúp ông Onymous và ông bảo kê Norton Cross lau dọn đồng lộn xộn.

“Thằng cha cao nhông kia là đồ chảy thây,” Norton cắn nhai, liếc nhìn Ông cậu Paton vẫn đang mải miết đọc sách.

“Ông ấy có thể... gây chuyện,” Charlie sợ hãi nói. “Cho nên tốt nhất đừng để ông ấy giúp.”

“Ông ấy đặc biệt đấy,” ông Onimous vừa nói vừa nháy mắt với Charlie.

“Ồi, thôi đi! Hắn không phải là một người trong bọn họ đấy chứ? Thành phố này đã phải chứa quá nhiều bọn quái dị rồi.” Norton cầu nhàu. “Cái thằng bị chó đuổi ấy... người ta có thể nói ngay nó là đồ quái dị. Thú vật luôn luôn biết khi nào có cái gì đó không ổn.”

Bà Silk, vừa giao hàng xong, chui ra từ một cánh cửa phía sau quầy. Theo sau bà là một phụ nữ cao lêu nghêu, tóc lưa thưa và mũi cực dài. Thật hết sức ngạc nhiên, hóa ra đó là bà Onoria Onimous. Bà là một người thân thiện, dịu dàng và có vẻ yêu trẻ con cũng nhiều như yêu thú vật.

Cuối cùng, khi quán cà phê đã đông vào đấy, bà Silk đề nghị cho bọn trẻ quá giang về lại đường Filbert.

“Và cả ba con nữa chứ,” bà vừa nói vừa liếc nhìn Ông cậu Paton. “Nếu đó là ba của con.”

“Không phải, con không có... không, đó không phải là ba con,” Charlie nói. “Vội lại tụi con còn phải tới chỗ khác nữa, cảm ơn bác.”

“Ừ vậy. Tạm biệt các cậu bé. Đi nào, Gabriel.” Bà Silk đi ra cửa.

Gabriel với tay ra và giải cứu con chuột con của nó ra khỏi túi Ông cậu Paton, nhưng Ông cậu dường như chẳng để ý. Nó lôi một con chuột nữa của mình ra khỏi túi Charlie. May quá, con này nãy giờ ngủ say sưa và chỉ ăn một cục kẹo bạc hà kẹt ở đáy túi.

“Ngày mai gặp lại,” Gabriel chào. “Sẽ thú vị cho coi. Không biết thằng Asa có bị tấp chưa.”

Cậu loạng choạng bước theo sau mẹ, với cái giỏ quần áo cũ đeo dưới một cánh tay, và tay kia ôm khư khư cái hộp đựng chuột kiếng trước ngực.

Charlie vỗ vai Ông cậu và nói:

“Đi được rồi đó, Ông cậu Paton.”

Ông cậu đứng lên, mắt vẫn dán chặt vô trang sách đang đọc. Charlie lái ông ra ngoài, ở đó hai ông cháu thấy Benjamin đang kẹp một sợi xích vô vòng cổ con Hạt Đậu.

“Đề phòng nó lại nổi cơn muốn rượt theo cái gì.” Benjamin giải thích.

Họ đi bộ tới tiệm sách của cô Ingledew khá dễ dàng. Không cần vượt đèn giao thông nào. Khi đi ngang ngôi nhà thờ đồ sộ, họ nghe thấy tiếng đàn organ trầm trầm vang ra, và Charlie liền nghĩ tới ba nó. Ông Lyell Bone đã từng là một người chơi đàn organ cho ngôi nhà thờ lớn này, cho đến một đêm mù sương, cách đây tám năm, ông chui vô chiếc xe hơi của mình và lao xe xuống một hầm đá. Người ta không bao giờ trông thấy ông nữa.

“Ta biết mày đang nghĩ cái gì, nhóc,” Ông cậu Paton lầm bầm.

Lyell là cháu trai, và cũng là một trong những người bạn thân nhất của Ông cậu.

Có một tấm biển ghi ĐÓNG CỬA trên cửa tiệm cô Ingledew, nhưng bên trong ô cửa bày hàng lại có một ngọn đèn dịu, chiếu sáng những chồng sách trông đã cổ xưa.

Charlie nhấn chuông. Không có tiếng trả lời. Nó nhấn chuông một lần nữa. Họ nghe thấy tiếng chuông vang lên phía đằng sau cửa hàng, nhưng không có ai ra mở cửa.

“Chớ không phải bỏ bảo họ hay đi chơi vào cuối tuần sao?” Benjamin nói. “Có khi họ đi thăm viện bảo tàng, hay đi coi phim, hay làm gì đó.”

“Dĩ nhiên rồi,” Charlie nói. “Mình quên mất.”

Ông cậu Paton đóng ập cuốn sách lại và thất thần nhìn trừng trừng vô cửa sổ.

“Nếu con là Ông cậu, con sẽ không làm thế đâu, Ông cậu Pa...” Charlie vừa mới nói...

... Nhưng nỗi phiền muộn của Ông cậu Paton quá sâu sắc. Với một tiếng “bụp” nhỏ, bóng đèn trong ô bày hàng tắt ngúm, và một cơn mưa thủy tinh rắc xuống những cuốn sách cổ.

“Mẹ kiếp,” Ông cậu Paton rên lên. “Cô ấy sẽ biết ngay đó là ta.”

“Cô ấy không biết đâu,” Charlie trấn an. “Cô Ingledew chắc chắn vẫn hay bị hư bóng đèn mà.”
“Hư bóng, ừ,” Ông cậu Paton rên rỉ, “nhưng không phải là nổ bóng. Cô ấy biết ngay đó là do ta làm.”
“Thôi nào, Ông cậu.”

“Ôi trời. Ôi, khôn nạn. Ta sẽ không bao giờ có thể gặp cô ấy được nữa.” Ông cậu Paton thở dài.

“Ông cậu sẽ gặp được mà. Mình về nhà đi. Tối rồi, Ông cậu sẽ không phải đọc sách nữa.”

“Đúng vậy!” Ông cậu Paton quay gót khỏi tiệm sách và sải bước về con hẻm gần nhất.

Charlie và Benjamin buộc phải chạy theo mới kịp ông, trong khi con Hạt Đậu vù lên trước, hy vọng sắp có một trò chơi.

Họ đang hối hả đi trên đường Filbert thì Ông cậu Paton bảo:

“Ta không muốn mấy bà chị của ta nghe được vụ thất bại con con này.”

“Sao các bà chị của ông lại xấu vậy?” Benjamin hỏi.

“Chuyện có từ lâu lắm rồi,” Ông cậu Paton đáp.

“Mấy bà luôn làm bất cứ điều gì lão Ezekiel Bloor muốn,” Charlie nói. “Hình như họ sợ lão.”

“Đúng vậy,” Ông cậu Paton thừa nhận. “Hắn ta là anh họ và vào lúc này hắn nắm giữ quyền lực. Các bà ấy ngưỡng mộ điều đó.”

“Mình mừng là mình không có bà cô nào cả,” Benjamin thì thầm. “Mình chuồn đây. Ba má về rồi. Chào!”

Charlie và Ông cậu Paton leo lên những bậc cấp nhà số 9, nhưng vừa vô đến trong, Ông cậu dứt khoát bước thẳng luôn lên phòng. Charlie vô trong bếp để thông báo cho ngoại Maisie và mẹ nó biết diễn biến sự việc.

“Chuyện thế nào?” Mẹ nó hỏi ngay. “Có trục trặc gì không?”

“Rất hoàn hảo,” Charlie nói dối.

“Lần sau để ngoại họ tặng ông ấy cho,” ngoại Maisie vui vẻ nói. “Sẽ có thay đổi lớn cho ông Paton tội nghiệp, nếu ông ấy có thể ra ngoài vào ban ngày.”

Charlie nhận thấy bức vẽ Skarpo – thầy phù thủy đã biến mất.

“Bức tranh đâu rồi?” Nó hỏi.

“Mẹ không biết,” mẹ nó bảo. “Chắc nội Bone mang về phòng bà rồi.”

Nhưng nội Bone đã không làm cái việc ấy. Khi leo lên giường, Charlie thấy bức tranh Skarpo ở trên gối nó.

“Được!” Charlie nói cương quyết. “Nếu họ muốn mình đi vô, thì mình sẽ vô; nhưng mình chỉ vô khi nào đã sẵn sàng; và mình sẽ không vô nếu chưa quyết định được ông ấy có thể giúp mình như thế nào.”

Trước khi nó nhốt chặt bức tranh vô một ngăn kéo chung với vợ, Charlie liếc thật nhanh ông thầy phù thủy. Người đàn ông áo đen này liền quay đầu về hướng nó và nói:

“Chào mừng, hậu duệ của Vua Đỏ!”

Charlie vội đóng sập ngăn kéo lại. Nó tự hỏi không biết việc “đi vô”, như lời Ông cậu nói, và việc xin Skarpo giúp đỡ sẽ nguy hiểm tới mức nào. Nếu Henry Yewbeam bắt buộc phải được giải cứu trước khi lão Ezekiel Bloor tìm ra anh ấy, thì một chút phép phù thủy cũng có ích vậy.

14. Phần 1

“Nhốt nó vô hầm ngục!”

Henry Yewbeam trải qua phần còn lại của kỳ nghỉ cuối tuần trong những căn phòng bí mật của bà bếp trưởng.

“Nếu rời khỏi đây cậu sẽ bị bắt,” bà bếp trưởng cảnh báo Henry. “Rồi sau đó thì ra sao nào? Có người nào đó ở đây cứ muốn tống khứ cậu đi, cậu phải biết chứ!”

“Cháu cá đó là Zeke,” Henry lẩm bẩm. “Nó không bao giờ tha thứ cho cháu vì đã làm xong được cái tấm xếp hình của nó.”

“Ezekiel, đúng rồi,” bà bếp trưởng thừa nhận. “Lão ta đấy, một lão già ốm yếu sắp kề miệng lỗ, trong khi thằng em họ mà lão tưởng là đã tống đi mãi mãi giờ đã trở về, lại là một thằng bé với cả cuộc đời ở trước mặt.”

Henry không thể không nhe răng cười.

“Lão ta chắc phải điên tiết lên,” nó nói.

“Phải. Và chúng ta không muốn lão đặt một dấu chấm hết cho cuộc đời phơi phới còn dài trước mặt cậu, đúng không nào?”

“Đúng ạ.” Tuy nhiên, Henry thấy khó tưởng tượng ra nỗi cuộc đời đó là cuộc đời kiểu gì.

Bà bếp trưởng bắt tay vào chuẩn bị một bữa ăn. Lát nữa bà Bloor sẽ tới ăn cùng họ, và Henry giúp sắp xếp ba chỗ ngồi quanh chiếc bàn tròn nhỏ ở góc phòng.

Trong lúc nấu nướng, bà bếp trưởng bắt đầu kể cho Henry nghe câu chuyện đời bà. Còn Henry thì cuộn tròn trong chiếc ghế bành kế bên lò sưởi, lắng nghe một trong những câu chuyện kỳ lạ nhất cậu từng được nghe.

Bà bếp trưởng và em gái Pearl khi xưa sống chung với ba mẹ trên một hòn đảo ở miền bắc. Cha của họ, ông Gregor, là một ngư dân. Khi các cô bé lên 5 và 6 tuổi, thì mọi người thấy rõ họ là những lá bùa may mắn. Cứ hễ khi nào họ tiễn cha khởi hành ra khơi trên chiếc thuyền nhỏ, là ông luôn bắt được nhiều cá đến nỗi không mang về xuể. Chẳng bao lâu sau, người ta kéo đến hòn đảo ấy để mua cá của ông Gregor. Ông trở nên giàu có và đã mua được toàn bộ hòn đảo. Ông xây một căn nhà thật lớn, ngó ra những quanh cảnh hấp dẫn của đại dương, và mặt biển bao quanh hòn đảo của ông luôn tĩnh lặng. Theo như mọi người nói, điều này là do các cô con gái của ông được ban phép may mắn và bình an.

Một ngày kia có một thanh niên đến đảo.

“Gã ta khá đẹp trai,” bà bếp trưởng nhớ lại, “nhưng có một cái gì đó ở gã cứ khiến ta và Pearl phải sờn gai óc. Hóa ra, gã đến để xin cưới một trong hai chị em ta. Cưới ai không thành vấn đề. Lúc ấy hai chị em ta, người 15, người 16 tuổi, và cha ta bảo: “Cút đi cho khuất mắt, Grimwald” – đó là tên gã ta – “Cút đi, các con gái ta còn quá trẻ để kết hôn. Chúng muốn tìm hiểu thế giới trước khi yên bề gia thất.”

Nhưng Grimwald cứ khẳng khái: “Tôi cần một trong hai cô con gái của ông ngay bây giờ,” gã bảo, “khi cô ấy còn trẻ. Tôi muốn lấy cô ấy vì vẻ đẹp trinh nguyên, tươi trẻ, vì sự ngọt ngào và an lành của cô ấy, và vì sự may mắn mà cô ấy sẽ đem đến cho tôi.” Thái độ của gã thanh niên khiến cha ta bức bối. Một lần nữa ông lại từ chối gã. Và rồi Grimwald bắt đầu đe dọa gia đình ta.”

Bà bếp trưởng ném thử món hầm bà đang nấu.

“Thêm chút muối,” bà lẩm bẩm.

“Kể tiếp đi bà,” Henry nóng lòng giục.

Bà bếp trưởng tiếp tục, “Cha ta ra lệnh cho Grimwald phải rời khỏi hòn đảo, và cuối cùng gã cũng ra đi, nhưng phải sau khi đã trút cơn điên giận lên hai chị em ta. “Mấy người nghĩ mấy người điều khiển được đại dương à, mấy con ranh lỗi kia,” gã chửi. ‘Hừ, không đâu. Sẽ mau thôi, chúng mày sẽ nhận ra quyền phép

của tao mạnh mẽ hơn của chúng mày nhiều. Và rồi chúng mày, cả hai đứa mày, sẽ phải chạy đến cầu cạnh tao cho mà xem, hãy nhớ lấy lời tao.’ Giá như bọn ta đã tin lời hần,” bà bếp trưởng buồn bã.

“Một năm sau, Pearl và ta rời hòn đảo của mình. Bọn ta đi chu du khắp thế giới. Bọn ta đi ăn tối, đi khiêu vũ và gặp được ý trung nhân của mình – tình cờ cả hai đều là thủy thủ. Bọn ta về nhà để báo tin cho cha mẹ biết thì thấy...”

Đến đây bà bếp trưởng thở dài náo ruột và mấy giọt nước mắt rơi vô cái chảo bà đang khuấy.

“Thấy gì hả bà?” Henry hỏi.

“Không thấy gì cả,” bà bếp trưởng đáp. “Tất cả đều tiêu tan: hòn đảo, căn nhà, cha mẹ - tất cả đều bị phá hủy. Bị một cơn sóng thủy triều lớn nhất trong lịch sử nhấn chìm. Bọn ta nghi ngờ, nhưng bọn ta không chắc lắm. Và sau đó, khi hai vị hôn phu của bọn ta bị chết đuối ngoài khơi, thì bọn ta chắc chắn, đó chính là do Grimwald!”

Henry há hốc miệng kinh ngạc. “Ý bà nói là hần ta có thể...?”

“Ồ, đúng vậy. Hần có thể làm bất cứ điều gì liên quan đến nước. Ta và em gái phải từ biệt nhau. Sẽ an toàn hơn khi đi một mình. Sẽ ít bị nhận ra hơn. Bọn ta sống dưới lòng đất, làm việc ở những nơi tối và bí mật mà hần không thể tìm ra. Đến bất cứ nơi đâu, bọn ta đều cố gắng làm cho mọi thứ được tốt hơn, giữ cho trẻ em được an toàn. Một ngày nọ, ta nghe tin rằng Học viện Bloor cần một người nấu bếp. Ta vốn đã nghe nói đây là nơi xưa kia Vua Đỏ từng thiết triều, và ta nghĩ mình có thể giúp một số đứa trẻ học ở đó. Ta đoán rằng, giống như Pearl và ta, nếu chúng được ban phép thuật, thì chúng thể nào cũng chẳng được yên ổn vì tài phép của mình.”

Bà bếp trưởng vừa liếm cái muỗng bà mới dùng để khuấy, vừa ậm ừ ra vẻ hài lòng, rồi đặt nắp vung lại.

Chắc hẳn là Henry rất muốn bà kể tiếp, nhưng vào lúc đó, bà Bloor bước vô qua cái cửa nhỏ xíu ở góc phòng, và bà bếp trưởng thông báo là bữa cuối cùng trong ngày đã sẵn sàng.

Sau bữa tối, bà Bloor giúp bà bếp trưởng rửa chén đĩa. Xong, bà lẳng lặng trở về căn phòng hiu quạnh của bà ở chái phía tây.

“Bà Bloor là một quý bà thật u sầu,” Henry nhận xét trong khi đang cẩn thận xếp những chiếc đĩa sứ của bà bếp trưởng lên tủ đựng chén đĩa.

“Quả là buồn,” bếp trưởng thở dài. “Phải như chị ấy có thể là chị ấy như trước khi bị nghiền nát bàn tay.”

“Biết đâu Quả Cầu Xoắn Thời Gian làm được việc đó.” Henry đề nghị.

Bà bếp trưởng phóng một cái nhìn đầy cảnh giác về phía cậu.

“Người ta không thể trở về quá khứ, cậu biểu điều đó mà, Henry.”

“Dạ, nhưng trường hợp của bà Bloor thì chỉ mới có 5 năm. Và từ đó tới nay bà ấy không sống một cuộc đời thực ở đây. Vậy ai mà để ý nào?”

“Hừm!” Bà bếp trưởng chỉ nói được có chừng ấy.

Lúc sau, khi Henry nằm trên giường rồi, ý nghĩ của cậu cứ quay về Quả Cầu Xoắn Thời Gian. Bà bếp trưởng không có quyền giấu quả cầu khỏi cậu. Quả cầu lấp lánh này cứ bám riết lấy tâm trí cậu, chặt đến nỗi cậu không sao ngủ được. Cậu ngồi dậy, khoác thêm chiếc áo chùng xanh da trời ra ngoài bộ đồ ngủ, và nhón chân ra khỏi căn phòng nhỏ xíu mà cậu nằm ngủ.

Ánh trăng lọt qua ô cửa trời, phủ xuống một lớp ánh sáng lấp lánh như ngọc trai lên khắp đồ đạc trong phòng. Những đồ sứ trong tủ chén đĩa sáng lên lờ mờ, và Henry nhìn lên kệ trên cùng thấy một dãy ca sứ. Chúng được trang trí bằng những lá vàng và bạc; hai cái trong số đó nằm sát nhau hơn những cái khác, như thể ai đó đã hấp tấp xếp dịch một trong hai cái ca này.

Henry kéo một chiếc ghế lại gần tủ chén đĩa và leo lên. Vì vẫn không với tới được tầng kệ trên cùng, cho nên cậu leo hần lên tủ. Giờ thì cậu đã có thể chạm vô hàng ca. Cái ca đầu tiên cậu cầm lên trống không.

Cậu để nó lại chỗ cũ và kéo cái ca thứ hai về phía mình. Cậu vừa nhấc nó lên khỏi kệ, thì một vật gì đó lăn ra và rơi xuống nền nhà.

Henry nhìn xuống, thì thấy Quả Cầu Xoắn Thời Gian sáng lấp lánh bên dưới. Cậu mỉm cười đầy vẻ mãn nguyện, nhưng chưa kịp leo xuống khỏi chén đĩa, thì một cái bóng chạy vọt về phía quả cầu pha lê.

“Đừng, May Phúc,” Henry hốt hoảng, nhận ra cái dáng phục phịch của con chó.

May Phúc không đếm xỉa gì. Nó ngoạm quả cầu vô miệng rồi chạy lon ton ra cánh cửa ở góc phòng.

“KHÔNG!” Henry thét lên. “Đây không phải là lúc chơi, May Phúc!”

May Phúc dùng mũi mở cửa và biến mất. Henry nhảy khỏi tủ chén đĩa, xô ngã chiếc ghế, nhưng chạy được tới cầu thang sau cánh cửa thì cậu chỉ còn thấy mỗi cái đuôi trụi lủi đang ngúc ngoắc của con chó. Henry cố chộp lấy cái đuôi, nhưng bị trượt té khỏi bậc đầu tiên. Gượng đứng dậy, cậu lại phóng lên các bậc thang.

Lên đến cầu thang, Henry nhận ra mình đang ở trong một hành lang tối thui. Cậu nghe tiếng móng vuốt lột sột của May Phúc vang ở đâu đó đằng xa, liền chạy về hướng âm thanh ấy.

Hành lang này uốn cong thành những vòng tròn dường như vô tận, cho đến khi cuối cùng nó dẫn đến một cánh cửa thấp lè tè. Cửa khóa. May Phúc đã biến mất. Làm sao con chó có thể bước qua một cánh cửa bị khóa được? Henry ngó chăm chăm cái hành lang vắng tanh phía sau lưng mình. Cậu nhận thấy một luồng sáng yếu ớt phát ra từ một mảnh ván gỗ dưới chân tường. Nhẹ nhàng, cậu dùng chân đẩy tấm ván. Nó mở ra giống như một cái lỗ dành cho mèo. Hay là lỗ dành cho chó? Nếu May Phúc mấp mạp chui qua lọt, thì Henry cũng có thể chứ.

Cậu quỳ xuống và bò qua cái lỗ. Ở bên kia là một hành lang hẹp, có ván lót sàn bóng láng. Những bức trang lồng khung vàng treo trên tường, và một cây đèn dầu có chụp thủy tinh màu đặt trên một chiếc bàn tròn nhỏ.

Xa hơn một chút, Henry thấy một cái tủ âm tường tối om. Cậu đoán rằng cái tủ âm tường đó che giấu cánh cửa mà bà Bloor dùng để đi thăm bếp trưởng. Khi Henry kiễng chân đi vô hành lang, cậu nghe thấy một giọng nói :

“Nói mau! Nói với tao này, con chó kia!”

Henry khép nép băng tới cuối hành lang, thì thấy hành lang dẫn tới một chiếu nghỉ, một thằng bé tí xiu mặc áo choàng tím xanh da trời đang trò chuyện với May Phúc. Thằng bé ngừng nói mà chuyển sang âm ừ và rên ư ử hệt như một con chó. Tóc thằng bé màu trắng và cặp mắt kiếng nó đeo khiến cho đôi mắt trông giống như hai bóng đèn tròn đỏ.

Henry ép sát mình vô vách tường và theo dõi. Thằng bé không thành công với ngôn ngữ âm ừ của chó, nên nó bắt đầu dùng lại tiếng người.

“Nói với tao coi, đồ chó ngu ngốc kia! Nói! Sao mày không nói cho tao biết thằng đó ở đâu? Cái thằng đến từ không đâu ấy đang ở đâu?”

May Phúc ảo não ngược nhìn lên thằng bé, nhưng vẫn không chịu nói.

“Mày ngậm gì trong miệng vậy, hả?” Thằng bé hỏi. “Phải cái vật đó không? Hòn bi phép thuật. Đưa nó cho tao, để tao đưa nó tới cho ông Ezekiel.”

Nghe thấy những lời này, Henry đông cứng cả người lại. Vậy là thằng bé kia đang làm việc cho Ezekiel. Henry vừa định lên xuống hành lang hẹp thì có việc xảy ra.

“Đưa nó cho tao, con chó kia!”

Thằng bé tóc trắng bắt ngờ giơ chân lên và đá con chó già một cú vô mạn sườn. Rồi lại một cú nữa, cứ nữa. May Phúc rên rỉ và quỳ xuống.

Khi thằng bé giơ chân lên lần nữa thì Henry hét lên:

“Đừng!”

Thằng bé ngó lên và mỉm cười.

“Anh là thằng đó phải không? Cái người từ đâu đâu ra ấy.”

“Để con chó đó yên,” Henry quát. “Nó già rồi. Cậu đang làm nó bị thương kìa.”

“Nó có vật thời gian gì đó, đúng không?”

“Có lẽ,” Henry nhát gừng. “Cậu là ai?”

“Em là Billy Raven,” thằng bé kia đáp. “Em biết nói chuyện với chó. Bọn nó vẫn hay trả lời em. Em không biết con chó già May Phúc ngớ ngẩn này hôm nay bị làm sao ấy.”

Đúng lúc đó, May Phúc đánh rớt Quả Cầu Xoắn Thời Gian. Quả cầu nằm giữa hai thằng bé, sáng diu diu.

“Đừng nhìn vô!” Henry cảnh báo.

Cậu không thích Billy, nhưng thằng bé tóc trắng còn bé quá, và Henry không muốn nó bị xoáy vô một thế kỷ khác.

“Đẹp quá,” Billy trầm trồ.

Nó cúi xuống nhặt quả cầu lên, nhưng Henry đá văng quả cầu đi. Quả cầu lăn ngang qua chiếu nghỉ rồi lọt xuyên qua những thanh vịn cầu thang. Một tiếng “cốp” nhẹ vang lên khi nó đáp xuống nền đá phía dưới.

Billy Raven nhìn Henry trừng trừng.

“Lẽ ra anh không được làm thế,” nó nói.

Henry muốn chạy xuống tìm quả cầu, nhưng thằng bé kia đang nhìn cậu với ánh nhìn quỷ quyệt và kỳ cục, khiến cậu ngần ngại.

Đột nhiên May Phúc tru lên một tiếng “rùù”.

Lời cảnh báo ấy đến quá trễ.

Một bàn tay đập vô vai Henry và một giọng ồm ồm cất lên:

“Nào, coi con chó tha cái gì vô này!”

Henry cố vặn giãy ra, nhưng bàn tay đó thật mạnh và giữ chặt vai cậu như một gọng kềm. Cậu quay đầu lại và đập mắt vô ngay cái mặt dài, bần tiện của Manfred Bloor.

“Buông tôi ra,” Henry nói.

“Mày đùa chắc,” Manfred nói. “Có người đang rất muốn gặp mày.”

Hắn đẩy Henry dọc theo chiếu nghỉ.

“Tốt lắm, Billy. Một món quà nhỏ sẽ gửi đến chỗ mày ngay giờ đây.”

“Cảm ơn anh Manfred!” Billy nói to.

Manfred thô bạo xô Henry vô một hành lang dẫn ra khỏi chiếu nghỉ, nhưng Henry vẫn tiếp tục vùng vẫy. Chúng đến một cầu thang khác, tại đây Henry suýt vọt đã được, nhưng Manfred gào inh lên:

“Zelda, mày đâu rồi?”

Lập tức, một con bé ốm nhách, mũi dài lao về phía chúng. Con bé chộp lấy cánh tay Henry, và giật mạnh, tưởng chừng như cánh tay trật khỏi khớp.

Henry phọt ra một tiếng rú khủng khiếp:

“Câm miệng!” Manfred nạt. “Zelda, giữ cho nó đứng yên.”

Zelda vặn quặt cánh tay Henry ra sau lưng, còn Manfred trói hai cổ tay cậu lại với nhau bằng một dải băng keo dài.

“Chúng ta sẽ cần tới đèn pin,” Manfred nói. “Đèn đâu?”

“Có đây,” Zelda sốt sắng. “Sức mấy mà em quên.”

Vừa gầm gừ vừa giãy giụa, Henry bị dẫn lên những cầu thang, băng qua các hành lang tối đen, xuống những bậc thang xoắn ốc kiểu cổ, rồi lại leo cầu thang, và đi vô khu vực của tòa nhà mà cậu nhận ra: chính là nơi cậu và em James đã cùng nhau đón kỳ Giáng sinh bất hạnh cuối cùng.

“Chưa tới nơi đâu!” Manfred rít lên.

Cả bọn lại đi liên tiếp. Đi lên nữa, lên nữa, vô một thế giới tối tăm được thắp sáng bằng một luồng khí, kêu xì xèo từ những giá đỡ sắt rỉ sét gắn trong tường. Henry nhớ ra đèn khí, nhưng các bức tường mà trước đây vẫn được dán bằng giấy hoa dày giờ nhóp nhép ẩm ướt và giăng đầy mạng nhện xám.

Chúng đến một cánh cửa, có lớp sơn đen bị cào xước và bong tróc từng mảng. Manfred gõ cửa.

Miệng Henry khô quánh lại vì sợ hãi, cậu nghe thấy tiếng tim đập thành thịch trong lồng ngực.

“Ai đó?” Giọng nói này già cỗi và hơi khàn khàn.

“Là tôi, Manfred đây, cố. Cố thử đoán xem còn ai nữa nào? Tôi có một ngạc nhiên thú vị cho cố đây!” Manfred cười hề hề với Henry.

“Gì hả?” Có tiếng rít thích thú vọng từ trong phòng ra. “Mang nó vô! Mang sự ngạc nhiên thú vị của ta vô đây!”

Manfred mở một cánh cửa ra và tổng Henry vô phòng.

Henry thấy trước mắt mình là một lão già khú khụ, già nhất mà cậu từng thấy. Thật khó mà tin nổi cái sinh vật khô đét trong xe lăn kia đã từng là thằng anh họ Zeke của cậu. Tuy nhiên, cũng có cái gì đó quen quen trong cặp mắt dày mí, hần học và cái miệng mỏng dính, tàn ác.

Không khí trong phòng thật ngọt ngào. Sau lưng lão già, những khúc gỗ cháy trong một lò sưởi khổng lồ. Nền nhà được lót bằng những tấm thảm mơn vệt và cửa sổ được phủ bằng những bức màn nhung dày.

“Chà!” Lão già khoái trá. “Chà, ta không bao giờ ngờ. Đây chẳng phải là em họ Henry hay sao?”

Henry cố nuốt nước miếng, nhưng có một cục nghẹn cứng trong cổ họng cậu. Cậu không thể nghĩ ra điều gì để nói.

“Lại gần đây,” lão Ezekiel bảo.

Manfred và Zelda đẩy Henry một cú nữa. Cậu lão đảo chúm về trước, cảm thấy muốn xỉu. Lão già quần trong chăn. Sao lão ta có thể chịu đựng sức nóng như vậy chứ?

“Trời ơi là trời! Mày còn trẻ quá vậy?” Lão ta nói, vẻ phẫn nộ.

Henry cố tăng hăng.

“Tôi 11 tuổi,” cậu nói, giọng khàn đặc. “Ít nhất là tôi đã 11 tuổi hồi tuần trước.”

Lão Ezekiel cau có.

“Tuần trước. Ý mày là cách đây 90 năm, phải không?”

“Không hẳn,” Henry nói, cảm thấy gan dạ hơn. “Không phải theo ước tính của tôi.”

“Ồóóó! ‘Không phải theo ước tính của tôi’,” lão già nhái giọng nó. “Xưa kia mày luôn là đứa tài giỏi, đúng không? Hừ, bây giờ mày không tài giỏi như thế nữa đâu. Để mình bị tóm, đúng chưa nào?”

Henry gật đầu.

“Vậy mày đã trốn ở đâu?”

Trong cơn tuyệt vọng, Henry cố nghĩ ra một câu trả lời. Cậu biết mình cảm không được để lộ ra bà bếp trưởng.

“Trong một tủ chím.”

“Tức là tử âm tường? Ở đâu?”

“Trong bếp,” Henry nói. “Không ai thấy tôi cả. Ban đêm tôi ra kiểm đồ ăn.”

Lão già cười khùng khục.

“Và lần này mày đã đi quá xa, đúng không?”

“Đúng,” Henry trả lời một cách hiền lành.

“Cố định sẽ làm gì với nó vậy hả, cố?” Manfred hỏi.

“Tổng nó lên gác xếp đi, thưa ngài,” Zelda đề nghị. “Cho nó ở với dơi với chuột,” con bé cười khàn khạch, vẻ sượng rờn.

Lão già vuốt cái cằm lởm chởm râu trắng của mình.

“Hừ, Quả Cầu Xoắn Thời Gian đâu?” Lão hặc hỏi.

“Tôi không biết. Con chó đã lấy đi rồi.”

“Nó ấy hả? Nó là một con cún ngoan... sắp đem về cho chủ cũ của nó một món quả nữa. Con chó rất sợ Quả Cầu Xoắn, mày biết đấy.”

Nụ cười của Ezekiel còn kinh tởm hơn vẻ quạu quọ của lão. Răng lão đã rụng gần hết, được những cái còn lại thì sứt mẻ và đen xỉn.

Henry đoán là lúc này May Phúc chỉ muốn một trò chơi thôi, nhưng cậu quyết định cứ để lão Ezekiel muốn nghĩ gì thì nghĩ.

“Vậy, giờ con cún con của tao đâu?” Lão già hỏi.

“Có chút xíu rắc rối ở đây,” Manfred trả lời. “Billy Raven đá con chó và nó làm rớt quả cầu rồi.”

“Đá?” Lão Ezekiel gào lên. “Đá con chó của tao? Thằng nhãi ranh. Thế sao mày không lấy lại quả cầu hả, thằng đàn độn kia?”

Manfred nghiêng răng lại và trả lời cộc lốc:

“Cố muốn thằng bé, thì chúng tôi mang thằng bé đến. Billy sẽ tìm ra quả cầu.”

“Phì!” Lão già nhổ vô vĩ lò. “Nó khôn hồn thì mau mau đem quả cầu đến đây.”

“Vậy là cho thằng này lên gác xếp, thưa ngài?” Zelda hỏi. “Cho đến khi ngài tổng nó đi lần nữa.”

“Không! Trên đó có quá nhiều thứ lùm xùm rồi. Nhốt vô hầm ngục.” Ezekiel xoay chiếc xe lăn đi, quay lưng lại với Henry.

Henry rùng mình. “Tôi không thể ở lại đây được sao? Tôi sẽ không gây phiền hà gì đâu. Tôi có thể sống với Charlie Bone. Cậu ấy...”

“Ở lại?” Lão Ezekiel rú lên. “Không bao giờ trong vòng một ngàn năm nữa! Đem nó đi cho khuất mắt tao. Đem ngay! Tao không thể chịu nổi khi nhìn thấy nó, trẻ trung và tràn trề hy vọng thế này. Đem nó RA NGAY!”

Henry bị lôi tuột ra ngoài.

“Làm ơn mà!” Cậu gào lên. “Đừng làm thế.”

Manfred và Zelda kéo Henry ra ngoài hành lang, và đóng sầm cửa lại. Trong khi Zelda giữ cho cậu đứng yên, Manfred bịt miệng cậu lại bằng một dải băng keo dày. Và rồi Henry bị kéo đi, bị dúi xuống tiền sảnh và bị đẩy ra ngoài màn đêm băng giá. Cái lạnh tấn công cậu với một sức mạnh khủng khiếp đến nỗi cậu thôi không vùng vẫy nữa, mà để mặc cho hai tên bắt giam giải đi trên mặt đất đóng băng.

Những ngôi sao băng giá trên cao tỏa xuống thế giới một thứ ánh sáng lơ lờ, kỳ dị, nhưng mặt trăng đã biến mất. Cây đèn pin của Zelda rọi một vệt ánh sáng hẹp lên những mảng tuyết, và mặc dù Henry hầu

như không thể thấy một thứ gì đằng trước, nhưng cậu biết chúng sẽ phải đi đến đâu. Tuy nhiên, cậu vẫn thấy sững sờ khi những bức tường vĩ đại của tòa lâu đài đổ nát lù lù hiện ra trước mặt cậu.

Cậu bị đẩy qua cổng vòm, và rồi vô một trong những lối đi dẫn ra khỏi mảnh sân gạch. Khác với lối hôm qua cậu đi vô, lối này dường như dẫn xuống dưới. Mặt đất ẩm ướt đầy nấm mốc, và thỉnh thoảng Henry thấy mình trượt dúi vô người Zelda đang dẫn đường.

“Thôi đi,” con bé hầm hè, “Không tao sẽ kéo lét cái móng của mày toi đó bây giờ.”

Tới đó là tới đâu? Henry tự hỏi.

Chúng càng lúc càng xuống dưới. Xuống, xuống nữa. Không khí đặc lại và có mùi mốc, đến nỗi Henry bắt đầu nghẹt thở. Bằng keo dán miệng càng làm cậu khó thở. Ngay khi cậu vừa nghĩ mình sẽ chết ngạt mất, thì cả bọn nhô ra ở một gò đất đầy cỏ. Những hàng cây cao vút đâm thẳng vô bầu trời đêm, nhẹ nhàng xào xạc.

“Đi tiếp!” Manfred rít lên, sấn sổ đẩy Henry một cái.

Henry ngã dúi xuống gò đất, trong khi hai đứa kia chạy theo sau, cười rộ lên đầy ác ý.

Chúng lôi Henry đứng dậy và áp giải tới một tảng đá đen, chìm một nửa vô bụi cây thấp.

“Rồi, Zelda. Làm thôi,” Manfred ra lệnh.

Zelda ngoác ra một nụ cười gian manh. Con nhỏ nhìn trao tráo vô tảng đá. Trong ánh sáng mờ mờ, Henry thấy nụ cười của Zelda trở nên oằn oại kinh khủng, khi rất chậm chạp, tảng đá bắt đầu chuyển động. Rõ ràng, Zelda là một trong những đứa có phép thuật. Không người bình thường nào có thể làm được như vậy. Với một tiếng rít ghê tai, tảng đá trượt ra sau, để lộ một cái hố tròn, đen ngòm.

Henry chưa kịp nhận ra chuyện gì thì Manfred đã xô cậu đến miệng hố.

“Đi,” Manfred quát. “Xuống!”

“Umm!” Henry lắc đầu.

“Hừ, rồi mày cũng phải xuống thôi.”

Manfred đẩy một quả vô lưng Henry, cậu loạng choạng về phía trước, ngã huych xuống một bậc thang đá hẹp.

“XUỐNG!” Manfred ra lệnh, lần này hấn nhấn đầu Henry xuống.

Henry nảy xóc rồi tuột dài xuống một dãy cầu thang. Bắn loạn, cậu cố giải phóng đôi bàn tay. Đau đớn, cậu cuống quờ tìm cái gì đó có thể chặn cho mình ngừng rơi. Cuối cùng, cậu đụng phải một vòng sắt đóng vô thành hố, liền túm chặt lấy. Nhưng, đúng lúc cậu vừa bắt đầu leo trở lên những bậc thang, thì tảng đá khổng lồ kia rùng rùng che kín miệng hố. Henry bị quăng vô màn đêm đen kịt, sâu hun hút và đầy chết chóc, đến nỗi cậu cảm thấy mình sẽ chết chắc.

*

* *

Choàng tỉnh giấc vì tiếng ồn từ phòng bên cạnh, bà bếp trưởng tìm thấy cái ca không và chiếc ghế đổ chổng chơ. Bà đoán ngay điều gì đã xảy ra. Những con mèo lửa đã tới và đang cào cào vô ô cửa trời trên mái nhà. Ngay khi được bà cho vô, lũ mèo lanh lẹ phóng ngang qua căn phòng và leo lên dãy cầu thang ẩn. Chúng biết khi nào thì có một đứa trẻ đang gặp nạn. Nhưng lúc lũ mèo đến chỗ chiếu nghỉ, thì Henry Yewbeam đã bị bắt đi rồi, và chúng thấy Billy Raven đang nhìn trợn trạo qua tay vịn cầu thang. Vừa trông thấy lũ mèo, Billy liền chạy ngay về phòng nó.

Lũ mèo tìm thấy May Phúc, đang nằm nghiêng và thở khó nhọc. Nhẹ nhàng, chúng hích cho con chó già đứng dậy, và rồi, với tiếng gừ nhẹ nhàng khích lệ, chúng xoa dịu cơn đau và nâng đỡ tinh thần cho May Phúc, cho tới khi nó lét về được tới nơi mà nó gọi là nhà. Bây giờ nó nằm dưới chân bà bếp trưởng, cuộn mình trong một tấm chăn và ngủ lơ mơ.

“Con chó đáng thương, mày phải trả giá vì giữ bí mật cho ta, phải không?” Bà bếp trưởng thì thầm.

“Cảm ơn bọn bay nhé, nó sẽ sống mà,” bà nói với lũ mèo. “Nhưng ở đâu đó trong nơi tiêu điều này, có một thằng bé tội nghiệp có lẽ sẽ không qua khỏi đêm nay.”

Bà vui mặt vô lòng bàn tay.

“Ôi, Henry, cậu ngốc quá, giờ cậu đang ở đâu?”

Dương Cưu không thể chịu nổi tiếng than khóc. Mèo lên một tiếng nhẹ ru, nó đứng dậy và cọ cọ vô đầu gối bà bếp trưởng.

Bà bếp trưởng lau mắt.

“Mày nói đúng, như thế này ích gì, đúng không? Bọn bay nên đi mà kiếm thằng bé đi, mấy con mèo của ta.”

Bà mở ô cửa trời, và ba con mèo lửa phóng ra, nhảy vô bóng tối. Lòng bà nguôi ngoai bớt khi nhìn ba thân hình sáng rực mất hút vô màn đêm.

“Điều gì đã xảy ra với Quả Cầu Xoắn Thời Gian vậy, ta rất muốn biết.” bà bếp trưởng thì thầm một mình. “Hay là thằng oắt Billy Raven kia đã tìm thấy nó rồi?” Trong khi đóng ô cửa trời lại, bà nghe tiếng chuông xa xăm của chiếc đồng hồ nhà thờ lớn, báo hiệu đã nửa đêm.

Billy Raven ngủ thiếp đi trên giường. Dưới tiền sảnh, Quả Cầu Xoắn Thời Gian vẫn sáng lờ mờ trong một góc. Cửa dẫn ra chái phía tây để mở hé hé, và bây giờ một bóng người hiện ra. Nương trong bóng tối, một bóng đen đứng đỉnh đi vòng quanh tiền sảnh, cho tới khi tới được chỗ quả cầu. Khối thủy tinh lấp lánh được nhấc lên khỏi góc kẹt và được lẹ làng đút sâu vô túi áo.

Những Vị Khách Của Lão Ezekiel.

Vào buổi sáng thứ Hai, người mẹ mình tinh mần bạc nổi tiếng của Olivia Vertigo phải đi làm rất sớm, vì thế Olivia được thả xuống Học viện trước bọn bạn nó rất lâu. Con bé ngạc nhiên khi thấy tiền sảnh đầy kín người là người. Những người lao công cầm chổi và cây lau nhà đang lau quét từng ngõ ngách; giáo sư Saltweather và một vài giáo viên khỏe mạnh khác đang khiêng đồ đạc ra khỏi các vách tường; những người khác đang chăm chú sắn xoi dưới những bức thảm thêu và những tấm màn nặng chịch.

“Đừng có đứng đó không, con bé kia, làm gì đi chứ!” Từ chỗ ngồi từ chính giữa tiền sảnh, giáo sư Bloor quát to.

Olivia không chắc nó nên làm gì.

“Thưa ngài, giáo sư đang kiếm một thứ gì đó phải không ạ?” Nó hỏi.

“Dĩ nhiên. Chúng ta đang tìm một quả cầu. Một quả cầu kì lạ nhất trên đời. Đi tìm nó đi.”

“Vâng, thưa ngài.”

Olivia ném phịch chiếc ba lô xuống bên cạnh cánh cửa và đi lang thang khắp tiền sảnh. Nó cứ dán tịt mắt xuống đất, nhưng gần như đến một hạt bụi cũng không còn để mà nhìn.

Sau một giờ tìm kiếm vô ích, giáo sư Bloor ra lệnh cho mọi người chuyển đồ đạc về chỗ cũ và giải tán khỏi tiền sảnh.

“Nó không có ở đây.” Ông ta lẩm bẩm.” Vậy thì ai đang giữ nó?”

15. Phần 2

Olivia nghe có tiếng nói lao xao ở ngoài mảnh sân gạch đằng sau lưng, nó bèn nhấc ba lô lên và phóng ra ngoài xem có gặp được Charlie trước khi thằng này đi vô hội trường hay không. Nó tìm thấy Charlie đang đi lên cầu thang cùng cối Fidelio. Cả hai đang bàn tán về một quán ăn dành cho thú kiểng nào đó.

“Chào hai đảng ấy!” Olivia mau mắn. “Tớ có tin mới đây.”

“Coi kìa, cây rau,” Damian Smerk hét lên, suýt nữa thì húc con bé té xuống cầu thang. Damian là loại người hay bắt nạt kẻ khác, nhất là chỗ nào liên quan đến bọn con gái.

Olivia chẳng sợ gì.

“Hừ, tao thà có mái tóc xanh lá cây còn hơn có cái mặt như mặt mày.” Nó trả đũa, tay vuốt nhẹ mái tóc màu rau dền mới nhuộm của mình.

“Đồ quái dị!” Damian lầm thềm rồi bỏ đi.

Fidelio cau mặt với cái lưng của Damian.

“Tin gì vậy?” Nó hỏi.

Olivia kể cho chúng nghe về cuộc lùng kiếm quả cầu.

“Chắc chắn đó là thứ mà đã đem anh họ của đảng ấy đến đây,” nó nói với Charlie. “Đảng ấy biết mà, quả cầu xoắn Thời Gian ấy.”

Trong khi bọn con trai trôn trôn nhìn Olivia, nó bèn lấy hơi rồi tiếp.

“À, tớ gặp cậu ấy rồi.”

“Bỏ gặp anh Henry rồi?” Charlie kinh ngạc.

“Ừ, trong khu bỏ hoang. Lúc đó Manfred và Asa đang truy lùng cậu ấy. Cậu ấy nói cậu ấy đang trốn trong nhà bếp, thế nên tớ với Bindi dẫn cậu ấy trở lại đó trước khi hai thằng kia tóm được.”

“Tốt lắm,” Charilie khen.

Vừa lúc đó, Emma Tolly đã bước lên đến cầu thang, Olivia liền quay lên và chạy theo Emma.

“Emma, dừng lại đã.” Olivia gọi. “Tớ muốn...”

Nhưng Emma đã vô đến tiền sảnh rồi, là nơi cấm nói chuyện.

“Tớ chả biết có chuyện gì xảy ra với con nhỏ ấy.” Olivia thở dài. “Hình như nó không muốn có bạn bè gì nữa.”

“Chắc tại với nó thì bồ quá quái dị!” Charlie nói giỡn.

“Ai đang nói vậy há!” Olivia cười toét và nhảy tưng tưng lên những bậc thang vô tiền sảnh.

Charilie và Fidelio cùng nhau đi đến phòng để áo khoác xanh da trời và ở đó chúng gặp Gabriel đang cầm bịch quần áo cũ của Asa, và coi bộ rất lo lắng.

“Chuyện gì vậy?” Fidelio hỏi. “Asa vẫn theo đuôi hả?”

“Tôi đoán vậy.” Gabriel nói khẽ. “Tôi qua có cái gì đó đã tấn công đàn dê nhà tôi.”

Charlie ngồi xuống cạnh Gabriel.

“Không có con nào bị giết chứ?” Nó hỏi nhỏ.

“Không. chúng chỉ hoảng sợ thôi, và sáng nay thì không vắt sữa chúng được.” Gabriel thở dài.

“Tôi nghĩ mình phải trả lại cái đồng này, nhưng tôi không biết bằng cách nào. Asa có thể sẽ rất hung tợn.”

“Cứ đưa nó cho Olivia.” Fidelio bàn. “Olivia sẽ đem thả nó vô phòng để áo khoác của khoa kịch trong giờ giải lao.”

“OK.” Gabriel nhét cái túi xuống gầm ghế dài rồi đi theo hai đứa kia vô hội trường.

Sau giờ tập hợp, Charlie miễn cưỡng đi qua học lớp nhạc với thầy Paltry-Kèn Sáo. Ông giáo già này quyết định cho nó thử kèn trump-pet, thay vì thổi ống tiêu, và Charlie thích thể hơn nhiều. Giờ học nhạc của nó kể như cũng được coi là vui.

Giờ giải lao, Charlie gặp Gabriel và Fidelio đang loay quanh ngoài sân chơi. Gabriel trông vẫn còn thấp thỏm không yên. Nó bảo với Charlie rằng nó đã đưa gói quần áo của Asa cho Olivia rồi, và theo như nó biết thì con nhỏ đã xoay sở treo được cái túi lên mắc của Asa.

“Vậy là mọi việc OK rồi,” Charlie nói.

“Không hẳn thế. Khi tôi đến lớp học dương cầm thì thầy Pilgrim không có ở đó.”

Fidelio nhắc Gabriel là trí nhớ của thầy Pilgrim tệ khủng khiếp. Thầy luôn quên vài thứ.

“Nhưng thầy không quên những tiết học.” Gabriel thì thào.

Olivia xằng xái đi tới, cười toe toét.

“Xong rồi.” Nó thông báo. “Tớ đã treo cái túi lên móc của Asa, nhưng đoán xem cái gì nào?”

“Cái gì vậy?” Đám con trai nhóng hỏi.

“Asa vô liền ngay sau khi tớ làm xong có một giây. Trông nó thê thảm hết sức. Hai bàn tay nó băng bó và nó đi khắp khiêng.”

Tin này chẳng khiến bọn con trai ngạc nhiên. Charlie kể cho Olivia nghe về quán Cà Phê Thú Kiểng, và chuyện Asa bị một bầy chó rượt. Olivia thấy tếu quá đến nỗi nó cứ cười nắc nẻ rồi đâm ra nắc cụt,

Khi Charlie và Fidelio vô lớp Ngữ Văn thì Olivia (vẫn còn nắc cụt) vô lớp ngâm thơ. Gabriel đáng lý phải vô lớp toán, nhưng nó đang có cảm giác hết sức lạ lùng. Nó không mặc hay mang trên mình món đồ cũ nào, nên không hiểu tại sao mình lại cảm thấy chộn rộn trong bụng và nhoi nhói đằng sau gáy. Nhưng trước khi biết được lý do, thì nó đã tới được chái phía tây rồi, và đang leo cầu thang lên đỉnh tháp. Tiếng đàn dương cầm bắt đầu văng xuống khu cầu thang. Rõ ràng thầy Pilgrim đã trở lại phòng mình. Khi Gabriel lên đến tầng tháp trên cùng, nó gõ cửa phòng thầy Pilgrim. Không có tiếng trả lời. Tiếng dương cầm vang rền, và một chuỗi giai điệu trầm hùng nổi như sấm dậy, kết thúc bản nhạc. Trong quầng im lặng sau đó, Gabriel mở cửa. Thầy Pilgrim nhìn nó chăm chăm qua cây đàn dương cầm đen bóng.

“Con xin lỗi thầy.” Gabriel ấp úng, “Nhưng lúc này thầy không có ở đây, nên con... ờm... con bị mất bài, và con muốn biết bây giờ con có thể học bù được không ạ?”

“Bây giờ à.” Thầy Pilgrim hỏi, vẻ lúng túng.

“Dạ phải, thưa thầy”

“Bây giờ, ờ được.” Thầy Pilgrim nhắc chiếc ghế của cây đàn dương cầm lên để lấy đường cho Gabriel qua.

“Con cảm ơn thầy.”

Gabriel ngồi xuống cạnh thầy giáo dạy dương cầm, và không chờ hiệu lệnh, nó hăm hở thả hồn vào bài luyện của mình.

Khi bản nhạc kết thúc, thầy Pilgrim không nhận xét gì. Thầy kiên nhẫn ngồi lắng nghe khi Gabriel chơi hai bản nhạc phức tạp của Bach.

Càng về cuối bản nhạc thứ hai, Gabriel càng cảm nhận có một sự căng thẳng kỳ lạ lẫn quất trong phòng. Nó kết thúc bản nhạc rồi để yên hai bàn tay lên đầu gối, chờ lời nhận xét của thầy Pilgrim. Đôi lúc ông thầy này chẳng nói gì cả.

Từ bên ngoài vọng vô tiếng gõ của chiếc đồng hồ nhà thờ lớn khi nó bắt đầu điểm 12 giờ.

“Thưa thầy, con về.” Gabriel nói.

“Hôm nay con chơi rất hay.” Thầy Pilgrim chột lên tiếng.

“Con cảm ơn thầy.”

Gabriel định đứng lên thì thầy Pilgrim bảo.

“Gabriel, bọn họ bắt được cậu bé đó rồi!”

“Cậu bé nào, thưa thầy?”

“Cậu bé đã ở đây.”

Gabriel bỗng nhiên hiểu thầy Pilgrim đang nói về ai. “Ý thầy muốn nói đến Henry, phải không ạ? Anh họ của Charlie bone ấy?”

Thầy Pilgrim nhúm mày.

“Henry? Bọn họ bắt được cậu bé ấy rồi, Gabriel. Cậu ấy cần được giúp đỡ.”

“Vâng, thưa thầy.”

Gabriel đứng dậy. Khi nó quay đi, thầy Pilgrim bất giác nhíu lấy tay nó.

“Chờ đã.”

Thầy dạy nhạc móc ra một vật gì đó ra khỏi túi áo và ấn vô bàn tay Gabriel.

Gabriel nhận ra đó là một viên bi lớn bằng pha lê. Viên bi hừng lên một thứ ánh sáng kì lạ, hắt những tia phản chiếu qua cái kẽ ngón tay nắm chặt của Gabriel.

“Cầm lấy.” Thầy Pilgrim nói. “Bây giờ con đi đi.”

“Vâng, thưa thầy.”

Gabriel rời khỏi căn phòng. Khi đi được nửa đường xuống cái cầu thang, Gabriel ngồi bệt xuống một bậc. Nó không biết phải làm gì. Nếu thầy Pilgrim nói đúng thì Henry đã bị bắt. Gia đình Bloor đang lùng sục quả cầu này – Quả Cầu Xoắn Thời Gian. Liệu họ có định đẩy Henry tới một thời đại mà anh ấy không thể sống sót không?

Gabriel từ từ mở nắm tay ra. Nó liếc nhìn những hình ảnh và các màu sắc xoay vòng, nhưng vội khép ngay những ngón tay lại quanh quả cầu lấp lánh.

“Tốt hơn là đừng nhìn.” Nó lẩm nhẩm, nhớ lại những gì đã xảy ra với Henry.

Một cái bóng chuyển động bỗng đập vô mắt Gabriel, và nó nhìn xuống khu cầu thang tối. Gương mặt nhợt nhạt của bà Bloor hiện ra. Bà ngược lên, mỉm cười với nó.

“Hôm nay cậu chơi hay lắm,” Bà nói.

“Cháu cảm ơn.” Gabriel đứng dậy, nắm chặt Quả Cầu Xoắn Thời Gian sau lưng.

Bà Bloor bước lại phía nó, vẻ tò mò hiện trên gương mặt.

“Cậu có cái gì vậy, Gabriel?”

Gabriel từ từ xòe bàn tay ra, để lộ những màu sắc ngoạn mục của Quả Cầu Xoắn Thời gian.

“Bà không nên ngó vô.” Gabriel cảnh báo.

“Đúng vậy” Bà Bloor nói khi chìa tay ra lấy quả cầu. “Cậu không nên có thứ này. Nó quá nguy hiểm.”

Những ngón tay bà bao quanh quả cầu, và rồi nó biến mất vô túi áo.

“Nó là Quả Cầu Xoắn Thời Gian.” Gabriel khê nói. “Nó có thể đưa bà trở lại được như trước kia.”

“Tôi biết.” Bà hạ giọng “Bà bếp trưởng đã nói với tôi. Tận đáy lòng, tôi thành thật cảm ơn cậu, Gabriel.”

Cái bóng đen mỏng mảnh của bà lướt đi khỏi, lẹ đến Gabriel không kịp thấy bà đi đâu. Giờ, nó cảm thấy dễ chịu hơn nhiều, và nhẹ nhàng lao vút xuống dưới chân tháp.

“Tối trẻ rồi.” Fidelio nói khi Gabriel đặt đĩa đựng phần khoai tây chiên của nó lên chiếc căn tin.

Gabriel ngoái lại nhìn. Tiếng ồn ào trong căn tin đủ lớn để át đi giọng nói của nó, nhưng nó vẫn cần phải chắc chắn là không có ai đang nghe ngóng. Gabriel ngồi xuống giữa Charlie và Fidelio, và nhòai người ra trước, thông báo:

“Bọn họ bắt được Henry rồi!”

“Cái gì!” Charlie thét lên.

“Suyt!” Gabriel nhìn quanh phòng. Chẳng có ai mảy may để ý gì tới bọn chúng.

“Thầy Pilgrim đã nói với tôi như vậy. Tôi không biết làm thế nào mà thầy biết được.”

“Thầy ấy quái lắm, nói gì mà chả được.” Fidelio nói.

“Nhưng coi bộ thầy biết rất chắc.” Gabriel bảo.

“Bà bếp trưởng thế nào cũng phải biết.” Charlie đứng dậy. “Để em mang đĩa vô bếp và coi thử em có gặp được bà ấy không.”

“Đi ngay giờ đi.” Fidelio khuyên. “Có một đám đông quanh quây phục vụ kìa, nên sẽ không ai để ý tới cậu đâu.”

Charlie bước về phía quây, và rồi lén nhanh qua cửa nhà bếp.

Trong nhà bếp đầy hơi nước, và nó cứ vướng phải mấy cô phục vụ đang tắt bật khiêng những chảo thức ăn nóng và những chồng đĩa.

“Mày không được ở trong đây.” Một người trong số họ nói gay gắt.

Charlie chạy vội ra phía sau cửa căn phòng, nơi nó trông thấy bà bếp trưởng. Bà ngồi, với một cái chậu đặt trên đùi, đang gọt cà rốt. Mắt bà đỏ hoe, và trông bà buồn rười rượi. Vừa trông thấy Charlie, bà liền lắc đầu.

“Có thật không bà?” Charlie thì thầm. “Bọn họ bắt anh Henry rồi à?”

“Thật, Charlie à.” Bà bếp trưởng nói. “Họ bắt Henry rồi. Nhưng sao con biết?”

“Thầy Pilgrim nói với anh Gabriel.”

“Thầy pilgrim?” Bà bếp trưởng có vẻ sững sốt. “Lạ thật. Nhưng thời buổi này thì ai mà biết được.”

“Bà có biết họ mang anh ấy đi đâu không?” Charlie hỏi.

“Ta không biết chắc được. Nhưng đâu đó sau nửa đêm ta thấy Zelda và Manfred đi qua cửa vườn.”

“Vậy nghĩa là anh ấy đang ở trong lâu đài.”

“Ta chẳng ngạc nhiên chút nào.” Bà bếp trưởng lại lắc đầu. “Trong đó có mấy hầm ngục gớm ghiếc, nhưng cái khu đồ nát đó rộng tới nỗi ta cũng chẳng biết phải bắt đầu tìm kiếm từ đâu. Nhưng con đừng lo, lũ mèo chắc chắn sẽ biết được chỗ Henry. Chúng sẽ chăm sóc cậu bé.”

“Lũ mèo thì làm được gì nếu anh Henry bị nhốt rồi?” Charlie nói “Con phải tìm cách cứu anh ấy ra , bà bếp ạ.”

“Chắc chắn là phải có ai đó đi cứu nó rồi, Nhưng tối hơn con nên quay về ngay đi, Charlie. Chúng ta sẽ nghĩ ra cách nào đó. Tuyệt đối không được mất hy vọng.”

Charlie không có ý định đánh mất hy vọng, nó lén lẹ về căn tin, nhón một chiếc bách bích quy từ quây phục vụ rồi nhập chung vô đám bạn đang ngồi bên bàn.

“Đúng rồi.” Charlie xác nhận với cả bọn. “Bà bếp trưởng nghĩ anh Henry đang ở trong mấy cái hầm ngục.”

“Thế thì tụi mình sẽ cứu anh ấy ra.” Fidelio quả quyết.

“Chúng ta phải tìm ra cậu ấy trước đã.” Gabriel nhắc cả bọn.

“Nào, thế đi ngay đi.” Fidelio nói. “Tụi mình còn nữa tiếng thì đến tiết học kế tiếp.”

Chúng xếp đĩa lại thành chồng rồi kéo nhau ra ngoài vườn. Tuyết đã tan và mặt trời tỏa xuống từ bầu trời trong xanh. Mọi thứ trông đều có vẻ rất hứa hẹn – cho đến khi chúng ra tới khu bỏ hoang.

Chui qua cái cổng vòm lớn, chúng đụng ngay gã Weedon ở trong sân gạch. Gã đang đóng đinh nhiều tấm ván dày chắn ngang lối vào một trong năm ngõ rẽ.

“Cút đi, Charlie bone.” Gã làm vườn đuổi. “Tao đang bận.”

“Tụi cháu sẽ không làm phiền ông đâu” Charlie đáp.

“Tao bảo cút là cút.” Gã Weedon quát. “Chỗ này đang trở thành nguy hiểm. Chứ tụi bay nghĩ coi, tại sao tao phải làm thế này, hả?”

Chúng biết rất rõ lý do tại sao gã Weedon đang bịt một lối vào khu lâu đài hoang. Chúng nhanh chóng rời khỏi cái sân gạch.

“Bảo đảm đó là lối vào những hầm ngục.” Gabriel nhận định. “Giờ tụi mình tính sẽ làm gì đây?”

Ba người bạn bước vòng quanh sân chơi trong im lặng chán chường. Olivia chạy lại gần và hỏi sao mà trông cả bọn nào nề thế. Khi nghe chuyện Henry bị bắt, nó cũng người.

“Khiếp quá. Tụi mình sẽ cứu cậu ấy ra bằng cách nào đây?”

“Tụi này cũng chưa biết” Gabriel bảo.

Charlie thấy thật khó tập trung vào bất cứ bài học nào. Các giáo viên cứ la rầy và mắng nhiếc nó. Hai lần nó đi vào lộn phòng học. Nếu Fidelio không để mất nhắc nhở nó, thì chắc hẳn nó đã bị điệu lên gặp huynh trưởng rồi, mà đó là điều nó dứt khoát muốn tránh.

Tối hôm đó, một bầu không khí thật tệ hại bao trùm trong phòng Nhà Vua. Lysander ủ dột dán mắt vào sách vở. Bindi bị một cơn cảm lạnh kinh khủng. Emma mãi mê vẽ, đắm chìm trong im lặng. Và Asa rên rỉ mãi, thét nặng xì lên mỗi khi nó phải lật một trang sách bằng bàn tay băng bó. Chỗ ngồi trống lóc của Tancred cứ như một cái lỗ trống khổng lồ, liên tục thu hút sự chú ý về phía đó, như thể một con ma đang ngồi ở đó vậy.

Kẻ duy nhất hí hửng trong phòng là Zelda, con nhỏ liên tục phẩy cho sách vở của tất cả mọi người trôi trên bàn. Khi nó nhìn hau háu vô chỗ ngồi của Tancred thì chỗ đó xoáy cuộn lên thành những vòng tròn, cho đến khi ngay cả Manfred cũng phải mất bình tĩnh.

“Ngưng lại.” Hẳn nạt Zelda. “Như thế chẳng tài giỏi gì đâu. Chỉ toàn trò ngớ ngẩn.”

“Đó gọi là siêu năng!” Zelda cãi lại. “Nếu anh không phiền, anh yêu quý!”

“Tao cóc cần biết nó là cái quái gì.” Manfred sửa. “Nó chỉ tổ khiến tao bực mình. Thôi dẹp đi.”

Zelda nhăn nhó và trở lại với đồng bài tập của mình.

Nếu không phải lo lắng thì Charlie chắc hẳn đã thấy chuyện đó thật tức cười. Từng phút trôi qua chậm chạp, đến mức nó tin chắc là ai đó đã nghịch cho hư đồng hồ rồi. Nó nhìn vô bức tranh vẽ Vua Đỏ treo phía trên chỗ ngồi của Tancred. Nếu là ngài thì ngài sẽ làm gì? Charlie nghĩ.

Đôi mắt đen bí hiểm ngó ra nhìn nó chăm chăm. Chiếc vương miện đội trên đầu nhà vua lóe lên như thể bằng vàng thật. Những mảng tối động đậy trong các nếp gấp trên chiếc áo chùng đỏ chói. Sau đó, không thể tin nổi, dáng người cao to đó bắt đầu thay đổi hình dạng và cả màu sắc. Cho đến khi Charlie tin chắc rằng mình đang nhìn một cái cây màu đỏ và vàng. Tại sao mình không thể nghe thấy ngài nói nhỉ? Charlie tự hỏi. Nó nhắm mắt. Và khi mở mắt ra lại thì cái cây đã biến mất. Tâm trí đánh lừa, nó nghĩ. Cho đến lúc đồng hồ điểm 8 giờ, Charlie gần như không thể ngăn mình được nữa. Nó lao vù ra khỏi phòng Nhà Vua, với Gabriel phóng chạy theo sau. “Cậu nghĩ ra được cái gì chưa?” Gabriel thì thào khi chúng vội vã lên phòng ngủ chung. “Em chẳng nghĩ được kế hoạch nào ra hồn cả.” Charlie thú thật. “Nhưng đêm nay sẽ vô khu bỏ hoang, cho dù cái gì có xảy ra.” “Để tôi đi cùng với cậu.”

“Không.” Charlie gạt đi. “Tốt nhất chỉ một người trong tụi mình đi thôi. Anh có thể trông chừng các thứ trong phòng ngủ chung.”

“Tôi không thích như vậy.” Gabriel nói. “Bất cứ chuyện gì cũng có thể xảy ra ở ngoài đó.”

“Asa bị thương rồi. Hẳn sẽ không nguy hiểm đâu.” Charlie không tự tin lắm nhưng cứ làm bộ nói.

Khi Fidelio nghe kế hoạch của Charlie, rất tự nhiên, nó cũng muốn đi cùng.

“Không,” Charlie nói. “Hai tụi mình đi sẽ gây chú ý. Em nghĩ em nên đi một mình. Henry là anh họ của em.”

Billy Raven vô phòng ngủ chung và dòm dòm ba thằng bé ngồi trên giường của Charlie.

“Trông các anh như đang bàn tính chuyện gì đó,” Billy nói.

“Bọn anh đang bàn tính về ngày tàn của mày,” Fidelio nói.

Billy sa sầm mặt:

“Anh tưởng anh thông minh tới cỡ đó sao, Fidelio Gunn?”

Phòng ngủ chung bắt đầu đầy bọn trẻ chuẩn bị đi ngủ. Và ba người bạn không nói với nhau thêm lời nào nữa.

Khi đồng hồ nhà thờ lớn gõ mười một tiếng, Charlie mặc thêm áo chùng xanh da trời ra ngoài chiếc áo choàng, và xỏ vớ giày, đi vớ vô. Đi kiễng gót trong đôi giày nặng không phải dễ, nhưng Charlie cũng lên được ra khỏi phòng ngủ chung mà không nhiều tiếng ồn. Nó bắt đầu cảm thấy hơi phấn khích về cuộc phiêu lưu phía trước. Nó chắc chắn là thể nào cũng sẽ tìm được Henry. Thế rồi, nó quẹo vô một góc quanh và va sầm vô... bà cô Lucretia Yewbeam.

“Mày đi đây đây?” Bà giám thị hạch hỏi.

“Con nghĩ con bị mộng du.” Charlie đáp.

“Vớ vẩn, mày có cái gì đó?”

“Không có gì.”

Charlie giấu cây đèn pin bà bếp trưởng cho nó ra sau lưng.

“Đưa đây cho ta. Ngay!”

Charlie lừng khừng đưa cây đèn pin ra.

“Hừ, hay ra phết.” bà Lucretia xoay xoay chiếc đèn pin trong tay.

“Mày lấy nó ở đâu?”

“Con thấy nó ở nhà.”

“Thế à? Ừm, nó bị tịch thu. Trở lại giường ngay.”

“Nhưng con không thấy đường được nếu không có cây đèn pin của con.”

“Thì cứ đi mà mộng du. Bước.”

Charlie quay trở lại và lần tìm đường dọc theo những hành lang tối mù. Nó gần về đến phòng ngủ chung thì vấp phải cái gì đó và ngã oạch xuống ván sàn. Tự nhổm người đứng lên, Charlie sờ soạng trong đêm tối cho đến khi nó sờ trúng thứ vừa ngáng nó té; một cơ thể nằm thông thượt, vắt ngay hành lang.

Dù là ai thì cái người đang nằm bất động này cũng nhiều tóc, và hình như cao hơn Charlie một chút.

“Fidelio.” Charlie thở hỗn hển. “Fidelio, dậy mau!”

Charlie vỗ vàng trán lạnh toát và lay cánh tay của bạn, mới đầu còn lay nhẹ, về sau nó lắc lắc lắc để.

“Dậy! Dậy mau!”

Thân hình đó vẫn không cựa quậy.

Charlie chạy vô phòng ngủ chung và lần tìm giường của Gabriel.

“Gabriel.” Nó thì thào khẩn cấp. “Gabriel, giúp em với!”

Gabriel ọ ẹ rồi ngồi dậy.

“Chuyện gì đó?”

“Fidelio đang nằm trong hành lang,” Charlie nói. “Em không đánh thức anh ấy dậy được.”

Gabriel chụp lấy cây đèn pin của mình, nhảy phóc xuống sàn và chạy theo Charlie ra hành lang. Mỗi đứa một bên, hai đứa hè nhau cố nhấc Fidelio lên và khiêng trở vô giường. Fidelio vẫn ngủ im. Nó mềm oặt, lạnh ngắt và gần như không thở. Gabriel rọi cây đèn pin vô mặt Fidelio. Mắt Fidelio mở lớn, nhưng trợn trừng trừng một cách vô cảm và không thay đổi.

“Anh ấy bị thôi miên rồi.” Charlie thều thào. “Tụi mình không thể để anh ấy như thế này cho đến sáng mai, kéo anh ấy sẽ không bao giờ tỉnh dậy mất.”

Gabriel chạy vô nhà tắm và trở lại với một ca nước lạnh.

“Xin lỗi phải làm vậy.” Nó phều phào trong hơi thở gấp. Rồi, nó dội nước lên đầu Fidelio.

Với một cái rung mình và một tiếng rên, Fidelio mở mắt ra thậm trí còn to hơn và ngược nhìn Charlie.

“Chuyện gì vậy?” nó hỏi.

“Anh phải nói cho bọn này biết mới đúng.” Charlie bảo. “Bọn này tìm thấy anh ở ngoài hành lang.”

“Anh đã lên đi theo em.” Fidelio mấp máy môi. “Manfred tóm được anh. Hắn giơ cây đèn pin lên soi sát mặt hắn, xong rồi hắn bắt anh phải nhìn hắn. Đôi mắt hắn thật kinh khủng - giống như than, đen xì và rừng rực.”

“Anh bị thôi miên đó.” Charlie bảo. “Bây giờ anh thấy khỏe chứ?”

“Buồn ngủ. Phải đi ngủ ngay đây.”

“Tôi cũng thế,” Gabriel nói. “Ngủ ngon nhé, hai đứa.”

Charlie lên giường. Phải mất một lúc lâu nó mới thiếp ngủ đi. Nó lo lắng. Bây giờ, ngay cả bạn nó cũng đang bị theo dõi. Có người nhất quyết ngăn không cho nó cứu Henry.

Ở đầu tầng kia phòng ngủ chung, Billy Raven cũng nằm tỉnh như sáo. Khi chắc chắn rằng tất cả mọi người đã ngủ say, thằng bé tuột khỏi giường. Đã đến giờ đi gặp lão Ezekiel. Nó biết chờ May Phúc là vô ích. Con chó già này bây giờ đã là kẻ thù của nó, và Billy hơi buồn lòng vì chuyện này.

“Chẳng ích gì,” nó lẩm bẩm, quần mình trong chiếc áo choàng ngủ mới màu xanh da trời.

Tia sáng cực mạnh từ chiếc đèn pin mới giúp nó nhanh chóng dò ra đường đi qua tòa nhà, nhưng khi vô đến khu vực hành lang có đèn khí ở chái phía tây, thì Billy tắt đèn pin đi. Hầu như ngay khi vừa tắt đèn thì nó dẫm phải một hũ nứt không. Hình như còn có cái gì đó nữa sống ở trong lãnh địa tăm tối này của lão Eziel, và thỉnh thoảng cái đó thấy những hũ nứt không xuống những bậc thang ọp ẹp dẫn lên gác xép. Billy không chắc đó là ma, hay là cái gì đó còn tệ hơn cả ma. Nó chạy về phía phòng của lão Ezekiel, nhưng khi đến nơi, nó nghe thấy nhiều tiếng quát tháo, giận dữ. Billy bèn áp tai vô cánh cửa.

“Đứa nào đó đang cất giấu nó!” Lão Ezekiel thét lên the thé. “Một trong cái bọn nhãi chết tiệt kia chứ ai.”

“Bọn trẻ về nhà hết cả rồi.” một giọng nói. “Ngoại trừ Billy, tất nhiên.”

Billy cứng đờ người. Nó nhận ra giọng nói của bà Yewbeam, bà giám thị.

“Ta muốn nó.” Lão già gầm gừ. “Ta phải có nó.”

“Xin bình tĩnh, thưa ngài Ezekiel. Có nhiều cách khác để tổng khứ thằng ranh đó đi.”

“Charlie đã xem bức tranh đó chưa?”

“Rồi.” bà giám thị nói mau. “Chúng tôi đảm bảo điều đó.”

“Bà nghĩ nó sẽ muốn đi vô chứ?” Giọng của lão Ezekiel đã chuyển thành độc địa pha chút háo hức.

“Tôi chắc chắn. Nhưng ai mà biết nó có lấy con dao găm hay không?”

“Dĩ nhiên nó sẽ lấy” Lão Ezekiel nói. “Con trai đứa nào mà chả ham chọn dao găm – sắc và sáng mà.”

“Bọn tôi gặp chút rắc rối với Paton,” bà Lucretia nói. “Tôi nghĩ hẳn biết nhiều quá mức cần thiết.”

“Bà sẽ phải làm gì đó với cái thằng em dở hơi cả bà đi. Nó đọc quá nhiều đây.”

Bà giám thị bật cười khả ố.

“Ô, phải phải, nó hay đọc sách.” Bà ta giễu cợt. “Và đó sẽ là nguyên nhân khiến nó tiêu tùng. Cứ để đó cho bọn tôi.”

Tiếng cười của bà Yewbeam như bệnh truyền nhiễm, và thoáng chốc cả hai cùng bị cuốn vô một châu cười không sao nín nổi.

Billy chọn khoảnh khắc này để gõ cửa.

“Ai đó?” Lão Ezekiel hỏi, vẫn cười khùng khục.

“Billy Raven, thưa ông.” Billy nói.

“A, tao muốn có vài lời với mày.” Lão Ezekiel khịt khịt.

Billy bước vô phòng. Nó đang tràn trề hy vọng, đinh ninh rằng mình xứng đáng được thưởng một món quà. Nhưng nó vô để nhận một cú sốc nảy bật cả người.

Vừa trông thấy thằng bé, lão già liền tru tréo.

“Đồ khốn nạn. Mày đá con chó con của tao”

“Nhưng cháu đã giúp bắt được cái thằng từ đâu đâu mà,” Billy nói, lùi lại.

Lão Ezekiel thay kệ điều đó.

“Tại sao mày đá con Thương Hại của tao?”

“Nó không chịu nói chuyện với cháu.” Billy bắt đầu mất hy vọng. “Khi nào thì cháu sẽ có cha mẹ mới?”

“Mày không được làm đau con cún con của tao. Đừng hòng có cha mẹ nào cho mày. Mày cần phải tỏ ra được việc hơn nữa. Giờ, cút đi!”

Khi Billy quay đi, nó thấy vẻ khinh miệt hẳn rõ trên gương mặt bà giám thị Yewbeam. Điều đó rõ ràng là bà ta không thích trẻ con một chút xíu nào.

Vụ Đụng Xe

Charlie không thể nhớ được nó đã khi nào có một tuần lễ kinh khủng như vậy chưa.

Fidelio phải mất gần cả tuần mới bình phục khỏi vụ thôi miên. Nó cứ đi dật dờ bên cạnh Charlie, hầu như không hé răng lấy một lời. Đôi khi nó quên luôn tên Charlie, có lúc nó còn quên luôn cả tên nó.

Ban ngày thì không thể vào khu bỏ hoang được, bởi vì gã Weedon luôn ở đó.

“Ra hết!” Gã làm vườn thường quát om. “Đi mau. Cút!”

Ban đêm, bất cứ khi nào Charlie thử rời khỏi phòng ngủ chung là bà Lucretia Yewbeam, luôn rình rập ở một góc nào đó, liền xô ra chộp ngay lấy nó. Cuối cùng nó đành phải bỏ cuộc. Nhưng Henry vẫn luôn vương vất trong tâm trí nó. Anh ấy đang ở đâu? Anh ấy có đang đói đến chết không?

Bất chợt Charlie bỗng nhớ ra là Henry không có cha mẹ để họ cũng phải bỏ nhà đi tìm anh ấy. Cũng sẽ không ai nhớ anh ấy, bởi vì anh ấy có thật sự tồn tại đâu. Dĩ nhiên là có bà bếp trưởng bà bà Bloor, nhưng họ làm gì được nào, và ai mà tin bà Bloor tội nghiệp?

“Tất cả phụ thuộc vào mình.” Charlie lẩm bẩm.

“Cái gì phụ thuộc vào em?” Fidelio hỏi.

Đó là chiều thứ sáu và bọn chúng đang thu dọn đồ đạc để chuẩn bị về nhà.

Charlie ngược nhìn lên.

“Fidelio, đó là câu có ý nghĩa đầu tiên anh nói ra suốt tuần nay. Anh thấy đỡ rồi hả?”

Fidelio gật đầu.

“Đỡ rồi. nhưng anh vẫn còn nhức đầu. Anh muốn bắt thằng Manfred phải ném thuốc độc của chính nó.”

“Một ngày nào đó tội mình sẽ phục thù.” Gabriel nói.

Billy Raven đi vô và Fidelio xầm xì:

“Tất cả là lỗi của nó. Nó làm gián điệp.”

Nhưng Charlie thấy đáng thương cho Billy hơn, trông nó có vẻ cô độc và mệt mỏi.

“Đừng có mũi lòng.” Fidelio nhắc. “ Nó vẫn nguy hiểm lắm.”

Ba thằng bé chạy xuống tiền sảnh và tuôn ra khỏi cánh cổng cao lớn bằng gỗ sồi.

“Lại một kỳ cuối tuần tự do!” Gabriel reo mừng. “ Lũ chuột ơi, ta về đây!”

Chúng nhảy lên chiếc xe buýt màu xanh da trời của trường và mau chóng khởi hành. Đường Filbert là một trong những trạm dừng cuối cùng, và Charlie gần như không thể đợi nổi lúc về tới nhà. Nó muốn hỏi ý kiến Ông cậu xem phải làm gì trong chuyện Henry.

Ngay khi xuống xe buýt, Charlie trông thấy Benjamin và con Hạt Đậu đang phóng về phía nó. Căn cứ vào vẻ mặt của Benjamin, Charlie biết ngay có chuyện gì đó không ổn.

“Chuyện gì xảy ra vậy?” nó hỏi ngay khi Benjamin đứng thở phì phò bên cạnh.

“Ôi, Charlie thật kinh khủng. Ông cậu của bồ bị xe tông!”

“Cái gì?” Charlie buông rơi chiếc túi xách. “Khi nào? Làm sao? Ông cậu có...”

“Không, Ông cậu không chết đâu.” Benjamin ngừng để lấy hơi. “Ông đang nằm nhà thương. Chuyện xảy ra ở gần nhà thờ lớn.” Benjamin thở dốc. “ Có người thấy Ông cậu của bồ bước xuống lòng đường trong khi đang đọc sách. Một chiếc xe từ góc đường quẹo ra và tông thẳng vô Ông cậu. Nó không dừng lại mà phóng đi luôn.”

“Ôi, không” Charlie rên rầm. “ Mình vẫn sợ việc này thế nào cũng xảy ra mà”

Khi chúng về đến nhà số 9, Benjamin không vô cùng với Charlie.

“Có lẽ bồ muốn ở một mình với gia đình.” Nó nói. “Mình nghĩ họ sắp vô nhà thương.”

Ngoại Maisie mở cửa và ép chặt Charlie bằng một cái ôm thật mãnh liệt.

“Ôi, Charlie.” Bà bù lu bù loa. “Quả là tai họa. Benjamin đã cho con biết rồi hả?”

“Rồi ạ.” Charlie vịn người ra khỏi vòng tay của ngoại Maisie. “Ông cậu Paton có...? Ông cậu ổn chứ? Ý con là Ông cậu có nói được không?”

“Hôm qua thì ông ấy chả nói được gì.” Ngoại Maisie bảo. “Đầu bị băng kín mít, cả xương sườn cũng vậy. Khổ thân Paton. Trông ông ấy thật thê thảm.”

“Họ có biết ai gây ra tai nạn không?”

“Đụng rồi bỏ chạy.” Ngoại Maisie gay gắt. “Có hai nhân chứng, nhưng họ không kịp nhớ số xe. Chiếc xe rô đi mất dạng.”

Ngoại Maisie dẫn Charlie vô nhà bếp, nơi mẹ nó đang sắp ba chỗ ngồi bên bàn.

“Lát nữa chúng ta sẽ đi thăm Ông cậu.” Mẹ nó nói, hôn phớt lên má Charlie. “Con có muốn đi không Charlie?”

“Có chứ” Charlie đáp.

Sau bữa trà, họ đón một chiếc taxi tới nhà thương. Đó là một tòa nhà lớn, và phải mất bao nhiêu thời gian mới tìm ra đúng phòng Ông cậu Paton nằm. Khi bước trong lối đi dài giữa hai hàng giường, họ nhận ra hai người đang ngồi bên cạnh bệnh nhân: Emma và cô Ingledew.

“Ta phải nói cho cái cô đó những gì ta nghĩ mới được.” Ngoại Maisie lầm bầm. “Tất cả là do lỗi của cô ta. Bấy lâu nay cô ta đã đối xử tệ bạc với Paton.”

Nhưng khi họ lại gần, ngoại Maisie không thể nói được một lời nào, bởi vì vừa nhác trông thấy họ, cô Ingledew đã nhảy xổ ra và nghẹn ngào trong nước mắt.

“Tôi rất, rất hối hận vì sự việc xảy ra. Lỗi tại tôi hoàn toàn. Paton đang trên đường tới thăm tôi, và tôi... Ôi đáng lẽ ra anh ấy không nên tự đặt mình vào hoàn cảnh rủi ro như thế. Tôi cảm thấy tội lỗi vô cùng.”

Rồi cô hỉ mũi ầm ỉ.

“Không phải lỗi của cô, Julia.” Mẹ Charlie vỗ về, quàng tay qua vai cô Ingledew. “Ông cậu Paton chỉ đang cố thử thực hiện một thí nghiệm. Đáng lý ra một người trong chúng tôi phải đi cùng với ông, nhưng ông đã đi khỏi nhà hồi nào chúng tôi không hay.”

Ông cậu Paton nằm đó, thấy được mỗi gương mặt trắng toát. Ông có một chiếc mặt nạ đen che mắt và một mảnh băng quấn vòng kín đầu.

“Ông cậu tỉnh chứ ạ?” Charlie thì thầm hỏi.

“Ừ” một giọng yếu ớt, vẫn không thể làm được là giọng của ông cậu Paton, phát ra.

Charlie cuối xuống gần hơn.

“Ông cậu cảm thấy thế nào ạ, Ông cậu Paton?” Nó hỏi. Ông cậu sẽ bình phục, phải không?”

“Tất nhiên” Giọng ông cậu hạ thấp xuống thành một tiếng thì thầm. “Đó là một người trong bọn họ, Charlie à.”

“Một trong bọn nào?”

“Mấy bà chị ta. Bà đó đội tóc giả. Ta không thể phân biệt được họ nếu không nhìn tóc họ, nhưng mà ta biết.”

16. Phần 3

Charlie sững sờ đến độ nó ngồi phịch xuống cạnh giường.

Cô Ingledew đứng lên ra về, nhưng trước khi đi, cô đặt vô tay Charlie một cuốn sách nhỏ, trông xộc xệch.

“Cô tìm thấy cái này trong máng xối sau khi ông cậu của cháu bị tai nạn.” Cô bảo. “Ông cậu nhờ cô đưa nó cho cháu. Có phải thế không, Paton?”

“Phải” ông thều thào.

“Tạm biệt Paton thân yêu. Ngày mai em sẽ lại vô.”

Khi cô Ingledew quay đi, Ông cậu Paton hé cười thật nhẹ.

Emma quành ra phía giường Charlie đang ngồi và nói.

“Mình xin lỗi, Charlie. Đạo gần đây mình không thân thiện cho lắm. Nhưng mình muốn giúp một tay.”

“Ừ” Charlie lóng ngóng đáp.

“Ý mình là mình sẽ giúp.”

“Cảm ơn.” Nó nói. “Hẹn gặp lại vào thứ Hai.”

Emma biết bay. Và điều đó sẽ hữu ích.

Cô Ingledew và cháu gái đi khỏi. Ngoại Maisie bắt đầu kể lể cho Ông cậu Paton nghe tất cả những tin tức mà bà có thể nhớ được, cả chuyện công cộng lẫn chuyện riêng tư. Trong lúc ngoại nói, Charlie sầm soi cuốn sách nhỏ, màu nâu. Tựa đề Geiriadur được in mạ vàng, đã mờ ở ngoài bìa sách. Bên trong là những cột chữ bằng một ngôn ngữ lạ.

Sau một hồi, Ông cậu Paton ngáp một cái rõ to rồi than vãn:

“Tôi phải đeo mặt nạ vì vụ bóng đèn. Tôi bảo với họ là đèn lam nhức mắt. Nếu không thì đã tanh bành rồi.”

“Phải đấy ạ.” Mẹ Charlie nói. Ngược lên nhìn hang bóng đèn huỳnh quang.

“Chúc mọi người ngủ ngon.” Ông cậu Paton nói, kèm một cái ngáp nữa.

Hiểu ý, cô Bone và ngoại Maisie đứng lên chuẩn bị về, nhưng Charlie cúi sát xuống Ông cậu hơn.

Nó thì thầm:

“Ông cậu Paton, cuốn sách này bằng tiếng nước ngoài mà.”

“Tiếng xứ Wales.” Ông cậu Paton ậm ừ. “Mày sẽ cần nó để đối phó với Skarpo.”

“Tại sao?”

Ông cậu Paton không trả lời, chỉ nói gọn.

“Giữ kỹ lấy.”

Charlie muốn xin Ông cậu lời khuyên về việc Henry, nhưng nó không biết phải mở lời như thế nào trong khi Ông cậu đang ốm mệp thế này. Một cô y tá xuất hiện, đẩy theo một chiếc bàn đầy thuốc. Hứa ngày mai sẽ quay lại thăm, ba người khách chúc Ông cậu Paton ngủ ngon rồi rời khỏi nhà thương.

Ở nhà số 9, họ thấy nội Bone ở trong nhà bếp, đang ăn bánh nướng.

“Bà chưa đi thăm Paton.” Ngoại Maisie gay gắt buộc tội.

“Tôi bận bịu suốt.” Nội Bone khụt khịt.

“Grizelda! Đó là em trai bà!” Ngoại Maisie quay ngoắt đi, vẽ kinh tởm. “Bà có trái tim đá.”

Nội Bone phớt lờ ngoại Maisie. Bà ngọam một miếng bánh kem thật to, và bỗng nhận thấy cuốn sách Charlie đang cầm.

“Mày cầm cái gì đó?” Bà nhìn chòng chòng vô tay Charlie.

“Một cuốn sách.”

“Ta muốn xem.” Bà nói đầy kích động. “Sách gì vậy. Đưa đây.”

“Không. Chuyện bí mật.”

Charlie chạy ù lên lầu. Nó không tin nội Bone. Bà ta thế nào cũng sẽ sục sạo phòng nó ngay khi có dịp. Nó nhận ra cuốn sách đứt vừa y túi quần, nên quyết định giữ sách luôn bên mình, cho dù có đi bất cứ đâu. Ngày mai mọi người sẽ lại đến nhà thương thăm Ông cậu Paton, và nó hy vọng sẽ nói chuyện riêng được với ông.

Nhưng không được! Ngày hôm sau, khi Charlie đòi đến nhà thương, ngoại Maisie lộ vẻ âu sầu.

“Hôm nay nội Bone và mấy bà cô nhà Yewbeam sẽ đi.” Bà nói. “Ta sẽ không đến đó bằng xe của bà cô Eustacia đâu. Bà ta lái xe như điên vậy.”

“Còn mẹ con thì sao?” Charlie hỏi.

“Mẹ con thì đến hết giờ thăm bệnh mới được nghỉ làm.”

Charlie không biết phải làm gì. Dù gì thì nó cũng đã nhất quyết phải gặp Ông cậu, cho nên lúc 3 giờ, khi chiếc xe màu đen của bà cô Eustacia đậu bên ngoài nhà số 9, Charlie leo vô ngồi ghế đằng sau cùng với nội Bone. Bà cô Venetia đã ngồi sẵn trong xe.

“Ồi chào, thật là hân hạnh.” Bà Venetia thốt lên. “Chúng ta sẽ có Charlie bé nhỏ đi cùng đây”

“Con không bé nhỏ, xin lỗi bà.” Charlie làu bàu.

“Nhảy cảm trước kích thích của bọn ta chứ gì?” Bà cô Venetia cười hịch hịch.

Charlie chẳng nghĩ ra có bất kỳ điểm nào cần phải đòi co.

Ngay khi họ vô đến văn phòng. Ông cậu Paton nằm, Charlie nhận ngay ra rằng sẽ không thể thực hiện được bất cứ cuộc nói chuyện nào với Ông cậu. Khi nghe thấy tiếng của các bà chị, mặt ông liền tỏ vẻ trống rỗng, dần dỗi và ông từ chối nói chuyện.

“Xem ra nó chưa tỉnh” Nội Bone nói. Rồi bà ta cao giọng. “Paton, là Bọn Ta Đây. Các Bà Chị của cậu đây. Cậu tính không nói chuyện với bọn ta nữa sao?”

Gương mặt của Ông cậu Paton vẫn lạnh băng.

“Bọn ta mang nho đây.” Bà cô Eustacia nói, thọc tay vô một giỏ ở trên bàn bên cạnh giường.

“Có cả Charlie nữa này.” Bà Venetia thêm.

Ông cậu Paton chẳng tỏ dấu hiệu gì là đã nghe họ nói. Ba bà chị ngồi quanh giường, thảo luận về thời tiết và thời sự trong nước, như thể không có cậu em đang nằm đó.

Sau nửa giờ, họ đứng lên, và Charlie liền tận dụng cơ hội. Cúi xuống Ông cậu, nó thì thầm “Hẹn gặp cậu cuối tuần sau, Ông cậu Paton.”

“Đồng ý” Ông cậu Paton mấp máy.

“Hắn nói kìa!” Bà Venetia hét lên. “Charlie, ông ấy nói gì thế?”

“Không nói gì cả.” Charlie đáp. “Ông cậu chỉ đang thở thôi.”

Họ quàng quàng nhìn Ông cậu Paton, đầy nghi ngờ. Trên xe trở về đường Filbert, ba bà cô chẳng đếm xỉa gì đến Charlie, họ ư ờ tán gẫu rầm rĩ với nhau. Chưa bao giờ Charlie chứng kiến nội Bone trong tình trạng tươi roi rói như thế. Nhưng Henry tội nghiệp lại đang bị bắt, và chắc chắn đang bị nhốt ở một nơi tối tăm và bí mật nào đó. Chả trách mà chị em nhà Yewbeam lại sung sướng.

Lúc về tới nhà, Charlie nôn nao muốn nói chuyện về Henry với ai đó. Nó quyết định sẽ nói chuyện với mẹ.

Khi mẹ nó vừa đi làm về, Charlie theo mẹ ra căn phòng nhỏ của mẹ ở phía sau nhà.

“Mẹ ơi con có một vấn đề khó khăn.” Nó nói. “Mẹ con mình nói chuyện được không?”

“Tất nhiên là được, Charlie.”

Mẹ nó dọn đồng quần áo ra khỏi ghế bành và giúp Charlie ngồi vô đó. Xong rồi, mẹ nó quay một chiếc ghế khác lại để có thể ngồi sát gần con.

Mẹ của Charlie vốn là một người biết lắng nghe. Mẹ không bao giờ ngắt lời hay cảm thán gì, nhưng khi nghe câu chuyện kì lạ về Henry Yewbeam, mắt mẹ mở lớn, và vẻ mặt liên tục thay đổi từ tò mò sang ngạc nhiên rồi kinh hãi.

“Cậu bé tội nghiệp.” Mẹ Charlie suýt xoa khi Charlie đã kể xong. “Mẹ con mình có thể làm gì được nào? Ông cậu Paton... chính những chị ruột của ông! Nhưng mẹ nghĩ là vụ đụng xe cũng không khiến mẹ ngạc nhiên.”

“Sao vậy, mẹ?” Charlie hỏi.

“Là vì ba của con. Mẹ biết họ có dính líu sao đó đến tai nạn của ba con. Và nội Bone đã giấu biệt tất cả mọi hình ảnh của ba. Cứ như là ba không tồn tại vậy.”

“Một ngày nào đó ba sẽ tời tại.” Charlie quả quyết.

Mẹ nó lắc đầu và mỉm cười buồn bã.

“Mẹ e là không thể được đâu, Charlie. Nhưng mẹ có một ý này. Cô Ingledew biết điều gì đó về cuốn sách nhỏ kia. Cô ấy đã tìm ra nó mà, với lại lúc chúng ta tới nhà thương thì cô ấy đang nói chuyện với Ông cậu mà. Sao con không tới hỏi cô ấy xem sao?”

Charlie nghĩ ý này thật hay.

“Để con rủ Benjamin đi cùng.” Nó nói. “Và cả con Hạt Đậu nữa.”

Charlie không muốn thú nhận với mẹ là nó luôn cảm thấy rờn rợn mỗi khi đi qua những con phố hẹp quanh nhà thờ lớn.

Như mọi khi, Benjamin rất háng hái đi cùng Charlie làm một chuyến thám hiểm, cả con Hạt Đậu cũng vậy. Chiều chủ nhật, cả ba lên đường tới tiệm sách của cô Ingledew, trong khi nội Bone đang nghỉ trưa.

Những đám mây đen treo lên bầu trời thành phố, và vẫn còn tuyết rơi lần khuất trong không khí. Tới lúc ghé được tiệm sách thì hai thằng đã sẵn tư thế để làm một ngụm đồ uống nóng và nhắm nháp chút gì đó.

“Mình hy vọng là họ có nhà,” Benjamin lẩm bẩm khi Charlie nhấn chuông.

Chúng thật may mắn. Emma ra mở cửa.

“Vô đi.” Con bé nói với nụ cười tươi tắn. “Nhưng cảm phiền nhà cửa lộn xộn nhe.”

Nó dẫn chúng vô căn phòng ấm cúng đằng sau cửa hàng. Một tập giấy vẽ lớn nằm trên bàn của cô Ingledew. Rõ ràng Emma đang làm việc ở đó. Bức tranh vẽ một con chim khổng lồ choán hết cả hai trang giấy của cuốn tập để mở. Trông hình giống như một con đại bàng vàng rực rỡ, nhưng có vẻ gì đó đe dọa và dữ dội mãnh hơn nhiều.

Ngoài những đồng sách của cô Ingledew ra, trong phòng dường như chỉ toàn lông chim với lông chim. Đen, trắng, xanh da trời, xám. Chúng phủ khắp sàn, và bám trên tất cả các bà ghế trong phòng.

“Đang cop-pi theo đó mà.” Emma giải thích, vội vàng quét đám lông dính trên ghế trường kỷ. “Coi chừng chỗ mấy bồ ngồi.”

Hai thằng bé tót lên chiếc ghế dài, chỗ ít vướng lông hơn các chỗ khác. Con Hạt Đậu búng nhắng cả lên. Nó cuống cuống đi săn cùng lũ chim mà nó chắc chắn là đang trốn ở đâu đó trong phòng.

“Cái gì đó?” Charlie hỏi, hất đầu về phía bức vẽ của Emma.

“Chim trường săn đấy.” Emma bảo.

“Chưa bao giờ nghe tới cả.” Charlie bảo.

“Không nghe là phải. Mình sáng tạo ra nó mà.” Emma cầm cuốn sách lên. “Mình dự tính nó phải giống như con chim săn mồi trong chuyện “Sinbad, Người Thủy Thủ”. Mấy bồ nhớ không, loại chim khổng lồ mà riêng trứng của nó thôi đã tròn năm mươi bước chân ấy.”

“Chao! Trứng thế mới trứng!” Benjamin suýt xoa.

“Chim thế mới là chim!” Charlie phụ họa.

“Nó phải mạnh mẽ.” Emma tiếp. “Rất mạnh. Và dữ tợn nữa. Coi đám lông đuôi nó nè! Mỗi cọng lông sẽ to cỡ bàn tay mình.”

“Eo ôi.” Benjamin rụt cổ.

Charlie chợt có cảm giác rằng con chim này được vẽ ra không phải để tiêu khiển, mà nó có một mục đích gì đó rất đặt biệt.

“Emma.” nó buột miệng. “Phải đó là cách bồ...? Ý mình là bồ cần phải biến thành chim trước khi... bay, phải không?”

“Phải. Nhưng mình phải nghĩ đến con chim đó trước đã. Mình hình dung nó trong tâm trí, và rồi... mình bay.”

Tụi con trai trở mắt dòm con bé.

“Chà! Thế thì ghê lắm nhỉ.” Cuối cùng Benjamin cất lời.

“Cũng có ghê ghê một chút.” Emma thừa nhận. “Mình mới chỉ làm ba lần trong đời thôi. Khi mình mới đến sống với dì Julia, dì thậm chí còn không muốn nói về chuyện đó nữa, nhưng bây giờ thì dì đã quen rồi. Có những lúc mình bắt buộc phải bay.”

“Chào các chú bé!” Cô Ingledew ngó vô phòng. “Các cháu ăn chút bánh bơ nướng nhé? Trời lạnh quá đi.”

“Vâng ạ.” Cả hai thằng bé đồng thanh, và cũng xoa xoa bụng.

Cô Ingledew biến mất vô bếp, rồi lại hiện ra với một khay bánh bơ nướng và sô-cô-la nóng. Charlie nói với cô về chuyến đi tới nhà thương của nó.

“Cháu muốn hỏi Ông cậu Paton về cuốn sách, nhưng mấy bà cô dữ tợn của cháu ở đó nên Ông cậu không nói được.”

Nó đưa cho cô Ingledew cuốn sách nhỏ màu nâu.

“Ông cậu bảo cháu sẽ phải cần nó để...” Charlie ngại ngần “Để thăm một người.”

Cô Ingledew nhá cho Charlie một cái nhìn trêu chọc.

“Ra vậy.” Cô mở cuốn sách và ngáy ra ngó lướt qua vài trang.

“Đây là cuốn từ điển tiếng xứ Wales, Charlie à. Chính xác là từ điển xứ Wales-Anh. Và ông cậu của cháu đã đánh dấu một số từ trong đó, coi này!”

Cô chỉ cho chúng xem những ngôi sao nhỏ nằm rải rác khắp cuốn sách.

“Tại sao lại là những từ đó?” Charlie hỏi.

“Cô để ý thì thấy chúng toàn là động từ.” Cô Ingledew nói. “Hoặc những câu mệnh lệnh. Kiểu như: “Chuyển động”, “bay”, “nói”, “đẩy”, “lắng nghe”, “nhìn”, “bắt lấy”, “chạy”, vân vân. Nhìn này, Ông cậu còn ghi phiên âm ở đầu cuốn sách nữa này.”

“Nhưng tại sao ạ?” Charlie nôn nóng. “Nó có nghĩa là gì?”

“Tiếng xứ Wales là một thứ tiếng khác thường. Không phải cứ viết thế nào là đọc thế ấy. Cô chỉ đoán rằng, Ông cậu của cháu muốn cháu học thuộc những từ xứ Wales này. Nhưng cô không biết tại sao.”

“Khi tới lúc thì bỏ khắc biết.” Emma nói.

Cô Ingledew mỉm cười với cô cháu gái.

“Con thật là một đứa trẻ kỳ lạ.” Cô âu yếm nói. “Cho dì phép thuật thì dì cũng không chắc là mình có thích hay không nữa.”

“Cả con cũng không chắc.” Benjamin đồng tình.

Bóng tối lạnh cảm đã chấp choạng phủ khắp các đường phố khi Charlie và Benjamin rời tiệm sách. Con Hạt Đậu bảo đảm cho cả bọn giữ nhanh nhịp bước.

Khi chúng về tới nhà số 9, Benjamin đi chậm lại.

“Cái người mà bồ định sẽ đi thăm là ai vậy?” Nó hỏi Charlie.

Charlie kể cho bạn nghe về bức hình vẽ Skarpo.

“Tức là bồ sẽ đi vô tấm hình vẽ đó à? Rồi sau đó thì sao?” Benjamin coi bộ sợ hãi.

“Ông ấy là một thầy pháp. Một phù thủy, Benjamin à. Và một chút phép thuật có thể sẽ giúp mình cứu Henry.”

“Phép thuật nào?” Benjamin nói một cách gan dạ. “Mà làm cách nào?”

“Mình không biết, mình... chừng nào mình đi vô đó mới biết!”

“Rủi bở không ra được thì sao?”

“Đừng có ngốc thế, Benjamin. Không phải là mình sẽ đi vô một thời gian Khác kiểu như anh Henry đâu. Mà nó sẽ giống như là khi mình nghe được những tiếng nói vậy. Mình không đi thẳng vô bức hình. Chỉ có tâm trí mình đi vô thôi.”

“Hừm.” Benjamin lầu nhàu. “Cẩn thận đấy.”

Nó quay đi và băng qua đường cùng với con Hạt đầu nhảy cồm lên bên cạnh.

Charlie chạy lên những bậc cấp nhà số 9. Nó ước gì vừa rồi nó đừng có hét lên với Benjamin như vậy. Thiệt tình mà nói, nó cũng sợ những gì có thể sẽ xảy ra khi nó đi vô căn phòng của thầy phù thủy.

Mẹ Charlie đã sắp sẵn quần áo sạch trên giường cho Charlie chuẩn bị đến trường. Charlie bắt đầu xếp đồ vô túi. Nó để bức tranh lại sau cùng, không nhìn vô bức tranh, nó bắt đầu bọc lại trong một chiếc áo sơ-mi. Nhưng khi lật bức tranh lên, nó chợt thấy dáng hình đen đen của ông thầy phù thủy. Một lần nữa, gương mặt ấy lại quay về phía nó.

“Lẹ lên!” Thầy phù thủy giục.

Chim Trường Săn

Olivia đã ra một quyết định. Nếu Charlie không cách nào tìm được Henry, thì nó sẽ tìm. Nó không hé lộ cho một ai về điều này, nhưng nó quyết sẽ làm.

Trong giờ giải lao đầu tiên ngày thứ Hai, Olivia một mình thơ thẩn dạo quanh sân chơi. Bindi vẫn còn nghỉ ở nhà vì bị cú, và Olivia không muốn nhập bọn với đám con gái khác. Chúng đang thảo luận với nhau về vở kịch mới, vở kịch mà Olivia đã không được giao một vai cho ra hồn. Cô Marlowe, trưởng khoa kịch đã bảo rằng nó phải để những đứa khác có cơ hội tỏa sáng. Dù gì thì nó cũng đã đóng vai chính trong vở kịch Giáng Sinh rồi.

“Chuyện gì vậy Olivia?” Charlie đánh tiếng.

“Gì thế này? Sao lại tóc nâu?” Fidelio hỏi.

Hai thằng lững thững bước lại gần nó.

“Dạo này tớ quá bận rộn để mà lo đến tóc tai.” Olivia bảo. “Vớ lại, tớ cần một sư thay đổi. Có tin về Henry không?”

Charlie lắc đầu.

“Mình biết anh ấy bị nhốt trong khu bỏ hoang, nhưng mình không sao vô đó được. Mình vẫn đang bị theo dõi gắt gao. Coi kìa!”

Nó đảo mắt qua sân tới chỗ Zelda Dobinski và bạn nó, Beth Strong. Cả hai đứa nó đều đang dòm trảng tráo Charlie. Ở đầu kia, Manfred và Asa đang rảo bước cạnh bìa rừng. Manfred nhìn ngoái ra sau, trông thấy Charlie liền quay ngoắt lại.

“Asa tháo băng rồi.” Olivia nhận xét.

“Vậy tức là nó đã trở lại công việc.” Fidelio nghiêm nghị.

Đó là tin xấu. Olivia làm điệu bộ co rúm người, sợ sệt. Nó nhận ra bà Lucretia Yewbeam đứng bên cánh cửa vườn. Bà giám thị đang nhìn Charlie.

“Bà cô của đảng ấy vẫn còn đang đi tuần tra kia kìa.” Olivia nói.

Charlie kể cho con bé nghe về tai nạn của Ông cậu Paton.

“Ông cậu bảo là do họ gây ra đó, những bà chị ruột của Ông cậu cố ý cho xe đụng ông.”

“Sao kỳ vậy?” Olivia thắc mắc.

“Mình không chắc, nhưng mình nghĩ vụ này có liên quan gì đó tới bức tranh mà họ đưa cho mình. Đó là bức tranh vẽ một thầy phù thủy tên là Skarpo. Ông ta có thể sẽ giúp mình cứu Henry.”

“Bằng cách nào?” Fidelio hỏi. “Ông ấy không thể ra khỏi bức tranh mà?”

“Ừ, nhưng mình có thể đi vô.”

Cả Fideolio lẫn Olivia ngây người ra như phồng.

“Nhưng đằng ấy phải tìm ra Henry trước đã.” Olivia lầm bầm.

“Mình biết,” Charlie thở dài. “Nhưng mình chưa biết sẽ phải tìm anh ấy như thế nào cả.”

Olivia ngược nhìn những mảng mây xám và mỉm cười bí hiểm.

“Không lâu đâu” nó nói.

Trước khi Charlie kịp hiểu ra nó ngụ ý gì, thì tiếng còi đi săn rúc lên, báo hiệu hết giờ giải lao, và Olivia vọt lẹ về lớp kịch câm của nó.

Tối hôm đó, trong khi bọn trẻ đang sắp sửa đi ngủ, thì Olivia một mình bắt tay vào trang bị cho một đêm dài trước mặt. Nó vặn chuông báo thức trên chiếc đồng hồ đeo tay của nó cho đúng nửa đêm, chân vẫn đi vớ da bên dưới lớp đồ ngủ, và đặt sẵn đôi giày đi ngoài trời ra sát đầu giường.

Nó chẳng cần phải phiền đến chiếc đồng hồ báo thức. Đến nửa đêm mà nó vẫn tỉnh như sáo. Nó vừa bồn chồn vừa phấn khích về viễn cảnh về một mình nó đi vô khu bỏ hoang vào ban đêm.

Lẹ làng trườn khỏi giường, Olivia đi giày vô và quàng chiếc ao chùng tím lên vai. Nó kiễng gót đi qua phòng ngủ chung và vừa định mở cửa thì bỗng có một giọng thì thào.

“Bồ đó hả, Olivia?”

“Thì sao?”

“Bồ tính đi đâu đó?” Emma Tolly hỏi bằng giọng bí mật.

“Suyt! Đi vô nhà tắm.”

“Không phải. Bồ định ra ngoài phải không?”

Rồi một tiếng “cọt” và ngay lập tức Emma đã đứng bên cạnh Olivia.

“Để mình đi cùng với bồ.”

“Không được. Chẳng có việc gì liên quan tới đằng ấy cả. Đi ngủ đi, không thì bị bắt cả đám bây giờ.”

Olivia mở cửa và chuồn thẳng ra hành lang.

“Mình muốn giúp.” Emma nói khi Olivia đóng cửa lại.

Tại sao Emma lại thân thiện đến vậy? Olivia tự hỏi khi con bé gấp bước dọc theo hành lang lạnh giá. Thật đáng nghi.

Nó càng thận trọng hơn khi đi ngang qua phòng ngủ chung của những nữ sinh lớn. Nó không muốn Zelda Dobinski hay Beth Strong xỏ ra và túm lấy nó. Các phụ tá giám thị luôn một mắt đến độ chắc chắn họ đã ngủ gật rồi. Chỉ còn lại mỗi bà giám thị Yewbeam, và chắc chắn bà ta đang bận rình rập ở gần phòng ngủ chung của Charlie.

Một luồng gió lạnh vừa thổi bạt những đám mây đi, để lộ mặt trăng tròn vành vạnh rọi ánh vàng qua các cửa sổ mà Olivia chốc chốc lại đi qua. Ánh sáng trong những hành lang dài đủ cho nó thấy đường ra tới cầu thang.

Khi vắng lặng, tiền sảnh có vẻ mênh mông hơn, và ở đây Olivia phải đi sát vô những bức tường ốp gỗ. Vừa băng sượt qua căn phòng lớn đất đá, nó vừa không rời đôi mắt lo lắng ra khỏi dãy cầu thang, nhưng không có ai xuất hiện cả. Nó tới được cửa vườn, kéo những cái chốt ra, và trườn vô màn đêm.

Ánh trăng sáng đến nỗi từng viên đá lát nền, từng cái cây, từng bụi rậm và từng mảng cỏ đều óng ánh lên như bạc. Olivia cảm thấy không thể cưỡng lại được. Bất thần, nó dang rộng áo chùng ra như đôi cánh, và lướt trên mặt đất đóng băng với những bước chân lằng lằng, nhún nhảy.

Và rồi, những bức tường đen ngòm của khu bỏ hoang đưa nó đáp trở về mặt đất. Đây là đoạn nó luôn e sợ. Nó cụp chiếc áo chùng quần sát quanh người, và lú lú chui qua lỗ vô vườn.

Trong thoáng chốc, Olivia tưởng như mình đang nằm mơ. Có một con mèo đang ngồi ngay chính giữa khoảnh sân lát gạch. Con mèo này màu đồng đỏ chói, và từng sợi ria, từng sợi lông của nó đang sáng rực lên. Con mèo rừ nhẹ, và Olivia nhớ ra rằng nó đã trông thấy con mèo một lần rồi, ở bữa tiệc Giáng Sinh tại nhà cô Ingledew. Nếu như ở trong tiệm sách, trông con mèo đã khác thường, thì ở đây, trong bóng tối, trông con mèo càng đầy vẻ ma thuật.

“Phải mi là Dương Cưu phải không?” Olivia thì thào.

Con mèo rừ rừ, rồi quay lưng và chạy tới một trong những đường hầm tối đen dẫn vô lâu đài hoang. Miệng hầm bị những tấm ván dày chắn ngang, nhưng con mèo bước gọn lỏn qua một đồng lỗ hổng ở dưới đáy.

Nếu nó làm được thì mình cũng làm được, Olivia nghĩ. Quỳ mọp xuống đất, nó ép người xuống dưới những tấm ván, giống như con mèo vừa mới làm; hai cánh tay vô trước, sau đó đến hai chân. Ngay khi lọt vô đường hầm tối đen dẫn vô lâu đài hoang. Miệng hầm bị những tấm ván dày chắn ngang, nhưng con mèo bước gọn qua một lỗ hổng ở dưới đáy.

Nếu nó làm được thì mình cũng làm được, Olivia nghĩ. Quỳ mọp xuống đất, nó ép người xuống dưới những tấm ván, giống như con mèo vừa mới làm; hai cánh tay vô trước, sau đó đến hai chân. Ngay khi lọt vô đường hầm rồi, Olivia đứng lên và bám theo con mèo rực sáng.

Đường hầm có một quãng lên dốc thật nguy hiểm. Mặt đất trơn tuột, và nước đen dứa rỉ ra từ những vách tường đá. Olivia dôi mắt bám theo con mèo. Con mèo đang dẫn nó đi đâu đó, và nó cần phải tin cậy con mèo.

Cuối cùng, chúng hiện ra ở một bìa rừng, và trước khi Olivia có thời gian để xác định mình đang ở đâu, thì con mèo lại vụt đi, luồn lách qua những thân cây, xuống đến một khoảng trống tối mù. Ở giữa khoảng trống, một con mèo màu cam và một con mèo màu vàng đang ngồi trên một tảng đá to, đen xì. Dưới ánh trăng, mắt chúng rực lên màu xanh lá cây và màu vàng óng.

Vịn vô những thân cây để giữ thăng bằng, Olivia bước xuống bờ dốc. Nó băng qua khoảng trống và tới chỗ tảng đá đen. Ba con mèo đứng sát rịt vô nhau, rực lên như một ngọn lửa.

Olivia nhìn xuống thì thấy đôi giày đen nặng chịch của nó bị những ngọn lửa chuyển thành màu vàng rực. Và rồi nó nhận thấy một cái lỗ hẹp ở ngay sát hai bàn chân. Hình như tảng đá che lấy một cái hố. Phải chăng đó là hầm ngục? Nó quỳ xuống cò và gọi:

“Henry! Henry! Đẳng ấy có ở dưới đó không?”

Một giọng yếu ớt vọng lên.

“Xin chào. Tôi nghĩ là tôi đây. Nhưng tôi cũng không chắc nữa.”

“À, còn tớ thì chắc.” Olivia bảo. “Đúng là đẳng ấy là Henry rồi. Họ có bỏ đói đẳng ấy không? Tớ quên mang đồ ăn theo rồi.”

“Zelda và Manfred có thả bánh mì qua cái lỗ hổng, và cả mấy chai nước.”

Olivia nghe thấy tiếng lết trượt, và ngay lập tức, có hai con mắt chìa thẳng lên, nhìn nó qua cái lỗ.

“Chào Olivia.” Henry nói. “Rất vui được gặp bạn.”

“Gặp đẳng ấy tớ cũng mừng, Henry. Nhưng không phải ở trong cái hố này. Làm sao họ bắt được đẳng ấy thế?”

“Một thằng tóc trắng đã lừa tôi.”

“Billy Raven.” Olivia kêu lên. “Tớ không ngờ nó lại đồ đến đến thế.”

“Manfred đã mang tôi ra đây, với một đứa con gái tên là Zelda. Chúng nó dán băng keo lên miệng tôi và hai cánh tay tôi! Đau quá là đau lúc tôi gỡ nó ra.”

“Trời!” Olivia kêu lên.

“Olivia, tôi đã gặp anh họ Zeke của tôi rồi.” Henry nói “Lão ta già khú và ác kinh khủng. Đến thời nay mà lão vẫn ghét cay ghét đắng tôi. Lão ra lệnh cho chúng mang tôi tới đây. Zelda di chuyển tảng đá chỉ bằng cách nhìn vô đó. Tôi không làm sao ra được. Tôi đã cố mấy lần rồi, nhưng không nhích tảng đá ra được lấy một phân.”

“Để tớ thử coi.” Olivia sốt sắng.

Olivia quăng toàn bộ trọng lượng của nó vô tảng đá, nhưng tảng đá vẫn trơ trơ. Trong vài phút tiếp theo. Olivia cố đẩy, lôi, đâm, đập tảng đá, nhưng vô hiệu.

“Tớ xin lỗi, Henry tội mình phải thử cách khác thôi.” Nó tiu nghỉu. “Để tớ báo cho Charlie biết chỗ tảng đá bị nhốt rồi tội này sẽ tích cách, tớ hứa đó.”

“Chủ nhật họ sẽ chuyển tôi đi đấy.” Henry tuyệt vọng nói “Tôi không biết tôi sẽ bị chuyển đi đâu. Tôi nghĩ mình sẽ không thể gặp lại ai trong số các bạn nữa... không bao giờ.”

“Tội tớ sẽ đến đây vào thứ Bảy.” Olivia nói chắc nịch. “Ông cậu của Charlie sẽ giúp. Tảng đá có rỗng được tới đó không? Dưới đó lạnh lắm hả?”

“Ban đầu thì lạnh, nhưng những con mèo luôn sưởi ấm cho tôi. Chúng giúp tôi lên tinh thần. ánh sáng của tội nó trông vui lắm. Lại còn cái cây nữa,”

“Cây nào?”

“Chắc chắn là nó ở gần đâu đây.” Henry nói. “Bất cứ khi nào chán nản là tôi lại nghe thấy tiếng lá cây hát. Nó làm tôi thấy đỡ hẳn.”

Olivia ngẩn người ra. Lúc này là mùa đông, cây cối rụng trụi hết lá mà. Nó nhìn quanh, và vừa kịp lúc thấy hai bóng người khoác áo choàng len đang lao xuống bờ dốc. Lũ mèo gào lên một tiếng báo động và xông về phía những kẻ lạ. Có hai tiếng rú khi Zelda và Beth vấp phải bọn mèo và lộn nhào xuống đất.

Olivia vội nhồm dậy và chạy về hướng đường hầm, nhưng Zelda cũng đã đứng lên được rồi. Nó vồ lấy Olivia và chộp được cánh tay con bé. Olivia quay ngoắt lại và thoi một thoi vô bụng Zelda.

“Cứu tôi với!” Olivia thét rầm lên, mặc dù xung quanh nó không còn ai khác.

Lũ mèo đang vật lộn kịch liệt với Beth Strong khổng lồ. Chúng vớ được chỗ nào trên cơ thể của con bé là chúng cắn chúng cào. Với một tiếng rầm điên giận, Beth thoát ra khỏi bọn mèo và lao thẳng vô Olivia, ôm dính luôn thắt lưng con bé.

“Bắt được mày rồi.” Beth ngạo nghễ thét lên.

“Cho mày toi luôn, Olivia Vertigo.” Zelda rít. “Bọn tao sẽ trói mày vô gốc cây, rồi không lâu sau một con thú già hung tợn sẽ mò tới, rình rập quanh đây. Tối sáng mai thì mày chỉ còn là một đồng bầy nhầy.”

“Bọn bay sẽ phải trả giá cho vụ này.” Olivia gào “Mẹ tao sẽ ...”

“Mẹ mày sẽ quá trễ.” Beth nói. “Con gái hư không được ra ngoài ban đêm.”

Ré lên cười. Zelda lôi từ trong túi áo nó ra một sợi dây thừng. Đúng lúc nó bẻ oặt cổ tay Olivia ra sau lưng, mặt trắng thình lình bị một đám mây đen khổng lồ che mờ. Cứ như đám mây đang rút ào xuống mặt đất. Nó rút về phía đám người và giờ thì Olivia đã nhận ra đó là một con chim lớn khủng khiếp.

Đôi cánh rộng quạt một luồng gió soàn soạt xuống khắp khoảng trống, Zelda và Beth kinh hãi ngược lên nhìn. Thình lình, chúng đã ở tốt trên không – cổ áo chúng bị móc lên, treo lủng lẳng vô những móng vuốt của một bàn chân chim thật lớn, đầy lông là lông.

“Quá á ác!” Con chim kêu.

Olivia co rúm người nấp vô những thân cây trụ lá và quan sát một cách kinh hãi, hốt hoảng. Zelda và Beth lượn lơ trên bầu trời đêm. Cái đầu Beth phất oạt ra trước, xủ lơ, trong khi miệng Zelda ngoác banh ra trong một tiếng thét không thành tiếng.

Olivia hồi hải chạy lên bờ đất, và bắt đầu trườn xuống dọc theo đường hầm. Lũ mèo cũng đã chạy vô cùng với nó và soi khắp đường hầm bằng thứ ánh sáng chói rục của chúng. Nhưng khi Olivia ép người chui qua miệng hầm bị chắn ván, lũ mèo vẫn ở lại đằng sau.

“Cảm ơn nhé.” Olivia thì thào.

Con bé chạy thục mạng qua khu vườn, không dám ngoái nhìn lại. Cánh cửa vẫn vô tiền sảnh vẫn không khóa. Không một bóng người ở đó. Olivia linh lên cầu thang. Khi nó vô đến phòng ngủ chung, thì có tiếng một trong những cửa sổ đóng sập lại. Olivia thấy một bóng người nổi bật dưới ánh trăng.

“Ai đó?” Olivia hỏi nó.

“Tôi đây.” Dorcas trả lời. “Tôi ra đóng cửa sổ thôi mà. Trong phòng lạnh quá. Bạn vừa đi đâu về vậy?”

Dorcas cũng là một trong những đứa có pháp thuật, nhưng Olivia chưa bao giờ thấy bằng chứng nào là nó có phép thuật cả.

“Tớ vừa vô nhà tắm.” Olivia đáp.

“Bạn có thấy Emma đâu không? Nó cũng đi rồi.”

“À... có.” Olivia nói.

“Chúc ngủ ngon.” Dorcas kéo mấy tấm rèm lại và leo lên giường.

Trong vài phút, Olivia ngồi thừ trong bóng tối, thắc mắc về cánh cửa sổ. Ai đã mở nó ra? Emma đang ở đâu? Nghe nói Emma biết bay. Lẽ nào nhỏ này với con chim trong khi vườn hoang là một? Nếu thế thật thì Emma sẽ cần một lối khác để quay về.

Khi chắc chắn Dorcas đã ngủ say, Olivia rón rén ra khỏi phòng ngủ chung và mở một cửa sổ trong hành lang ra.

“Chúc may mắn, Emma!” nó thì thầm.

Sáng hôm sau Olivia gần như không mở mắt ra nổi. Trông Emma cũng mệt lử. Hai đứa con gái cùng nhau xuống ăn sáng. Chúng đuổi kịp Charlie và Fidelio ngay khi hai thằng đang đi vô nhà ăn lớn.

“Trông hai bồ cứ như đã thức trắng suốt cả đêm ấy.” Charlie quan tâm.

“Chứ sao.” Olivia nói, cười toét với Emma. “Chúng tớ sẽ kể cho các đấng ấy nghe sau.”

Trong giờ nghỉ giải lao tiết đầu, hai con bé thấy Charlie và Fidelio đang ngồi trên một đồng gỗ khúc ở bên ngoài khu bỏ hoang.

“Sao, có tin tức gì vậy?” Charlie hỏi.

Olivia kể cho chúng nghe về chuyến phiêu lưu của mình. Charlie nhìn Emma.

“Chim trường săn cất cánh rồi phải không?” nó nói.

“Tất nhiên.” Emma gật.

Đúng lúc đó, Gabriel lao vù tới.

“Mọi người nghe gì chưa?” Nó la lên, nhảy phóc lên ngồi trên đồng gỗ. “Tìm thấy Beth và Zelda đang đi lang thang ở Khu Đồi Cao, mặc đồ ngủ. Tụi nó cứ ngơ ngơ ngác ngác và không nhớ làm sao mà mình tới được đó.”

“Tụi này thì biết.” Olivia nói.

Khi nó kể cho Gabriel nghe về con chim trường săn, Gabriel nhìn Emma bán tin bán nghi.

“Em không ăn chuột đấy chứ?” Nó hỏi một cách rành rọt.

Emma lắc đầu và tất cả bọn cùng phá ra cười. Nhưng khi tiếng cười tắt, một luồng gió lạnh toát thổi sượt qua cổ Charlie, và nó chợt nghĩ tới Henry.

“Em không đợi được tới cuối tuần.” Nó nói. “Có lẽ tối nay em cần mọi người giúp em.”

Fidelio trợn mắt nhìn Charlie.

“Ý em là...”

“Em sẽ đi gặp Skarpo.”

17. Phần 1

Cây Gậy Phép

Charlie quyết định dùng phòng vẽ làm nơi gặp thầy phù thủy. Bức tranh Skarpo sẽ không bị nổi bật lên giữa những bài vẽ khác, và nếu như bị ai đó bắt gặp, Charlie sẽ giải thích là Emma rủ nó tới xem tranh phác thảo của con bé.

Ngay khi giờ làm bài tập kết thúc, nó quày quả về thẳng ngay phòng ngủ chung.

“Làm gì vội vàng vậy, Charlie Bone?” Một giọng hỏi giật dăng sau nó.

Charlie quay lại thì thấy Manfred đang lừ lừ tiếng về phía nó.

“Có vội gì đâu.” Charlie ráng trả lời tỉnh bơ.

“Anh muốn nói chuyện với mày.” Manfred bảo.

“Bây giờ?”

“Ừ. Bây giờ.” Manfred đến gần Charlie và nhìn trừng trừng vô mặt nó.

Charlie vội ngoảnh đi ngay. Nó không thể để bị thôi miên trong khi đang phải khẩn cấp đi cứu Henry.

“Nhìn tao đây?” Manfred ra lệnh.

“Em không muốn.” Charlie nói. “Vội lại, anh biết mà, em có thể chơi trò đấu trí với anh.”

“Hừ.” Manfred xoa xoa cái cằm lún phún vài sợi lông tơ đang bắt đầu nhú ra.

“Anh có một bộ râu quai nón đẹp sắp mọc kìa, Manfred.” Charlie nói.

Manfred không thể xác định được là Charlie vô lễ hay nịnh bợ mình.

“Thôi, mày đi đi. Nhưng cố tránh xa rắc rối đấy.”

“Vâng, thưa anh Manfred.” Charlie chuồn lẹ.

Tại sao Manfred lại ngăn nó? Hình như hắn đang cố tình làm chậm bước nó thì phải.

Khi Charlie bước vô phòng ngủ chung, Billy Raven vội quay phắt ra khỏi tủ âm tường bên cạnh giường Charlie. Tay thẳng bé cầm bức tranh Skarpo.

“Mày đang làm gì vậy?” Charlie nổi sùng.

“Em đang kiểm đồ của em.” Billy nói, ra vẻ ngây thơ. “Em nghĩ biết đâu nó lạc vô tủ của anh. Cho nên em kiểm thôi, xong thấy cái này rớt ra nè.”

“Sao lúc nào anh cũng nghi ngờ em vậy?” Billy phẫn nộ. “Em nói thật mà”

“Đưa nó đây!” Charlie gằn giọng.

“OK. OK”

Khi Billy trao bức tranh cho Charlie, nó chỉ vô con dao găm nằm trên bàn của Skarpo.

“Nhìn con dao găm đó kìa. Sáng quắc. Em chắc là nó sắc lắm. Em chắc là nó phải giết mấy mạng rồi.”

“Tao cũng chắc.” Charlie âm ừ, giật lấy bức tranh. “Mai một đồ đạc của tao để đâu phải để yên đấy.”

“Xin lỗi, Charlie.” Billy mỉm cười. “Em đâu có ý tò mò đâu.”

Charlie vội ra khỏi phòng ngủ chung. Nó cứ chờ vài giây để chắc chắn là Billy không bám đuôi, sau đó nó chạy xuống hành lang dẫn tới phòng vẽ.

Nó ngạc nhiên khi thấy đám bạn đều đang chờ nó. Ngay cả Lysander cũng tới.

“Gabriel báo cho anh biết em sắp sửa làm gì.” Lysander nói. “Anh sẽ đứng cạnh để đề phòng ai đó xộc vô trong khi em... xuất thần.”

“Cảm ơn, anh Lysander.” Charlie cảm kích.

Chúng chọn khoảng trống đằng sau một trong những bức tranh sơn dầu lớn của thầy Boldova. Charlie ngồi bệt xuống sàn, để bức họa trước mặt. Olivia và Emma quỳ hai bên nó, trong khi Gabriel và Fidelio ngồi trên một băng ghế trước mặt nó.

Bất chợt, Charlie bắt đầu có cảm giác nghi ngờ. Nó chưa hề làm chuyện như thế này bao giờ. Nó sẽ ra khỏi bức tranh bằng cách nào? Quả là nó chưa nghĩ ra rốt ráo về việc này. Nhưng giờ thì đã quá trễ để rút lui.

Charlie hít một hơi sâu.

“OK. Mình vô đây.”

“Khoan đã, Charlie.” Gabriel bảo. “Tụi này chỉ muốn biết là... cậu sẽ đem cái ông quái dị đó vô phòng này hả?”

“Skarpo hả? không, em hy vọng là không. Em sẽ chỉ hỏi xin lời khuyên của ông ta thôi. Có lẽ em sẽ mượn một cái gì đó.”

Charlie đã bắt đầu cảm thấy quay cuồng.

“Em không...” Nó định nói, nhưng rồi Skarpo nhìn nó, và nó nghe thấy tiếng áo chùng của thầy phù thủy kêu sột soạt, cùng với tiếng phấn cạ kìn kít vô đá.

“Vô đi.” Một giọng nói.

Bạn bè của Charlie mờ dần. Một màn sương trắng trôi lảng bẳng quanh nó, che kín tất cả mọi thứ, trừ gương mặt góc cạnh của thầy phù thủy, với đôi mắt vàng chói, lạ lùng.

Khi màn sương tan, Charlie thấy mình ở trong một căn phòng lạnh buốt, thấp nển. Nó ngửi thấy mùi sập cháy, mùi lá thông, mùi gia vị, và mùi của những đồ vật cổ xưa đang ải mục đi. Tài sản của thầy phù thủy không còn những đồ vật vẽ trong hình nữa, mà bây giờ chúng rất thật: những trang giấy thô thấm và lem mực, những cái lông chim mỏng mảnh, mượt như nhung, những cái tô bằng đất sét, rỗ lỗ chỗ và mẻ sứt, những sợi dây thắt lưng và dây đai trông sờn bóng.

Mắt Charlie dừng lại ở con dao găm. Con dao nằm trước một cuốn sách to để mở, ngay mép chiếc bàn dài. Ánh nền càn khiến con dao lung linh, sống động. Lưỡi dao mảnh sắc đến nỗi trông như một luồng ánh sáng rực chói.

“Đó là thứ mi muốn hả, thằng bé?”

Charlie giật nảy mình. Nó đã quên bẵng là thầy phù thủy cũng có thể nhìn thấy nó.

“Mi biết thứ vũ khí đó là cái gì không? Nó có phép đấy, nhóc.” Đôi mắt như nam châm của thầy phù thủy lóe lên.

“Ông có thể trông thấy cháu.” Charlie thở gấp.

“Ta thấy gương mặt mi. Mi đã lén nhìn ta suốt mấy ngày, thằng ranh con.”

Giọng nói của thầy phù thủy có âm điệu trầm bổng, nhưng rõ ràng không phải là tiếng xứ Wales.

“Cháu đến để xin ông trợ giúp.” Charlie run run nói.

“Thế à?” Skarpo mỉm cười quạu quọ. “Thế thì, chính con dao găm kia là thứ mà theo đuổi. Nó có thể đâm vô tim và rút ra không để lại dấu vết gì. Ngay cả một vết kim châm cũng không.”

“Cháu không muốn giết ai cả” Charlie nói.

Skarpo chẳng màng tới lời Charlie.

“Chỉ một cái chạm nhẹ và thế là xong.” Hắn ta vẫn thao thao.

Billy Raven đã từng hướng sự chú ý của Charlie đến con dao găm này. Nhưng Billy không phải là bạn của Henry, và nếu như Charlie phải chọn thì con dao găm là thứ hạng chót.

“Cháu không muốn con dao găm đó.” Charlie lập lại. “Cháu muốn cứu một người bạn.”

“Luôn có người muốn nó.” Thầy phù thủy thì thầm. “Luôn có người rất muốn nó. Chúng luôn cố sức để đoạt nó cho bằng được, nhưng không thành... Làm sao ta có thể trao nó cho được? bọn chúng đâu phải là hạng phù thủy hoàn hảo.”

Lão Ezekiel Bloor, Charlie nghĩ. Nó đảo mắt khắp mặt bàn. Cái gì có thể dùng để cứu Henry ra khỏi hầm ngục được đây? Làm sao nó biết được nó phải chọn cái gì? Skarpo xem ra đang thoái thác một cách tinh vi.

“Thảo mộc vậy nhé?” Thầy phù thủy đề nghị. “Một liều độc được vậy?”

“Không, xin cảm ơn.”

“Hãy bỏ một trong những chiếc lông thanh mảnh này vô ủng của kẻ thù của mày, và hắn sẽ đi cà thọt cả năm.” Skarpo cười khùng khục đầy hiểm ác.

“Cháu không muốn làm ai cà thọt cả.” Charlie bắt đầu cáu tiết. “Cháu chỉ muốn giải cứu một người thôi.”

“Cứu người? Cứu người không phải là mối quan tâm của ta. Ta thích hủy hoại hơn. Nếu mày muốn ai đó bị tàn tật, bị thương chí mạng, bị đầu độc, bốc cháy, biến mất, teo tóp lại, hay phát điên, thì...”

“Tất cả những thứ đó nghe có vẻ hữu ích đấy.” Charlie nghĩ nó nên lễ phép để lời kéo Skarpo về phía mình. “Nhưng ngay lúc này cháu chỉ cần một thứ gì đó mà có thể... di chuyển một tảng đá.”

Đúng lúc đó thì Charlie trông thấy cây gậy phép. Nó phải là một cây gậy phép thôi, bởi vì nó không thể là bất cứ thứ gì khác được. Một cây gậy mảnh màu trắng nằm khuất sau một trong những cuốn sách bụi chẳng. Nó dài khoảng nửa mét, với một đầu bịt bạc. Charlie cầm lên.

“Mày không thể lấy cái đó được.” Skarpo rít lên. “Nó không phải là của tao.”

“Vậy thì nó là của ai?” Charlie hỏi.

Cây gậy phép này mát và trơn láng; và hình như nó nằm vừa vặn trong tay Charlie, như thể nó thuộc về bàn tay ấy.

“Tao đã đánh cắp nó.” Skarpo bảo. “Nó là của một tên thầy pháp xứ Wales. Nó sẽ chẳng có tích sự gì cho mày đâu.”

“Nhưng cháu nghĩ là có tích sự đấy.” Charlie nói, đầy kích động. “Cháu nghĩ nó là thứ cháu cần.”

“KHÔNG!” Skarpo tính giật lấy cây gậy phép.

Charlie liền chạy quanh bàn. “Cháu sẽ đem trả lại mà. Cháu hứa.”

“Đưa nó cho ta mau.” Skarpo gầm vang. “Nếu không tao sẽ biến mày thành một con cóc.”

“Không, cháu cần nó.” Charlie lùi xa khỏi cánh tay dài của thầy phù thủy.

“Đồ ôn dịch. Đồ ăn cướp. Mày chết này?” Skarpo vớ lấy một ngọn giáo vào vung về phía đầu Charlie. Giấy, lông và lá cây bay tóe khỏi bàn.

Charlie lao ra một cánh cửa thấp ở cuối căn phòng. Nó lỉnh quính vịn nắm đấm cửa nhưng cửa kẹt ngay lại, rất lạ. Khi Charlie hụp xuống, né cú đấm thứ hai của Skarpo, nó nhắm mắt lại và nghĩ đến đám bạn đang ở trong phòng vẽ.

“Tôi muốn ở đó... NGAY!” Nó hét to lên.

Không có tác dụng. Nó vẫn còn ở trong căn phòng kín mít của thầy phù thủy. Và giờ, Skarpo đang thét vang khi nâng ngọn giáo lên, chuẩn bị phóng vào Charlie.

“Thằng lưu manh, trộm cắp hèn hạ. Tao sẽ thiêu rụi trái tim mày!”

Charlie rúc mình vào bức tường. Vô phương chạy thoát. Benjamin đã cảnh báo nó về điều này. Tại sao nó lại không nghe Benjamin?

“Cứu tôi với!” Nó rên rỉ.

Đầu ngọn giáo sáng rực lên như một thanh sắt bị nung đỏ, rồi thành linh bốc lửa. Trong lúc ngọn giáo đang bay về phía Charlie, Charlie cúi gập đầu xuống và quần áo chùng quanh cây gậy phép.

Ngọn giáo cháy rực không bao giờ chạm được tới Charlie. Khi Charlie ngẩng lên, nó trông thấy có hai bàn tay chụp lấy ngọn giáo và phóng nó trở lại thầy phù thủy. Đôi bàn tay đó màu nâu, có đeo những vòng xuyên bằng vàng lấp lánh ở cổ tay; ngoài những vòng xuyên bằng vàng lấp lánh ở cổ tay; ngoài những vòng ấy thì không có gì hết, không hề có dấu hiệu của thân mình đâu cả.

Ngọn giáo đâm trúng bức tường rồi nảy rơi xuống chân thầy phù thủy. Hắn thét lên khi lửa bén vào vạt áo chùng dài. Charlie không thấy điều gì xảy ra tiếp theo, bởi vì có những cánh tay vô hình ôm chặt quanh người nó và kéo nó ra xa. Lùi lại, lùi lại, xuyên qua những màn sương khói đang tràn ngập căn phòng.

“CHARLIE, TRỞ LẠI MAU!”

Charlie chớp mắt. Mắt nó vẫn còn cay xè vì lửa, nhưng căn phòng của thầy phù thủy trông nhỏ xíu xa xăm. Nó đang nhìn vào căn phòng chứ không còn ở trong căn phòng đó nữa. Bức hình Skarpo được cầm trên hai bàn tay màu nâu. Đôi bàn tay này đã cứu nó. Charlie nhìn lên và thấy gương mặt thẳng thốt của Lysander.

“Em làm bọn anh đứng tim, Charlie.” Lysander bảo.

“Là bàn tay của anh.” Charlie lầm nhảm. “Anh đã cứu em.”

“Không phải anh.” Lysander nói. “Anh đã phải gọi hồn tổ tiên của anh. Mừng em đã trở lại, Charlie.”

“Chuyện gì xảy ra... ở đây vậy?” Charlie hỏi.

“Quá tuyệt vời.” Olivia thò đầu vào ngay trước mặt Charlie. “Đằng ấy cứ lắc qua lắc lại rồi la hét. Tụi này cứ la lên, ‘Tỉnh lại! Charlie, ra mau’”

“Nhưng em không ra.” Fidelio lộ mặt qua vai Olivia kể tiếp. “Cho nên anh Lysander phải dùng tiếng châu phi để gọi tổ tiên của anh ấy. Và sau đó thì đột nhiên, em thôi không cà giạt nữa, xong có cái gì đó xuất hiện trong tay em. Giống cái này này. Nhìn coi.”

Charlie thấy mình vẫn đang cầm cây gậy phép. Cây gậy nằm vắt trên đùi nó, lóng và trắng ngà, phía đầu bịt bạc nhấp nháy trong ánh đèn sáng trưng của phòng vẽ.

“Nó là cái gì vậy?” Emma hỏi.

“Gậy phép.” Gabriel nói. “Tôi chắc chắn đó là một cây gậy phép.”

Charlie gật đầu.

“Skarpo không muốn em lấy cây gậy. Hắn đã đánh cắp từ tay một thầy pháp người xứ Wales. Em biết bây giờ mình cần phải làm gì rồi! Em sẽ phải dùng đến một trong những từ trong cuốn sách của Ông cậu em.”

“Đằng ấy không có thời gian đâu, Charlie.” Olivia thúc giục. “Chủ nhật này họ sẽ chuyển Henry đi, sau đó thì chúng ta sẽ không bao giờ tìm thấy cậu ấy nữa.”

“Làm sao tội mình vô khu bỏ hoang được?” Fidelio hỏi, kèm theo một tiếng thở dài. “Họ trông chừng tội mình như lũ điều hâu vậy.”

“Giá mà có Tancred thì tuyệt quá rồi, nhưng tội mình không thể chờ anh Tancred được.” Charlie nói. “Nhưng cũng cần phải đến thứ Bảy, lúc đó có sự giúp sức từ bên ngoài.”

Nó đứng lên và cố giắt lấy cây gậy phép vô ống tay áo chùng, nhưng cây gậy quá dài nên thò qua khỏi cổ tay.

“Đưa nó cho anh.” Lysander bảo. “Tay anh dài hơn.”

Charlie đưa cây gậy phép ra và Lysander cắt nó vừa khít vô ống tay áo của mình.

“Chúng ta phải đi ngay.” Emma hỏi. “Bà giám thị sắp đi tuần rồi.”

Charlie giấu bức hình Skarpo trong áo chùng và sáu đứa trẻ chen chúc nhau ra khỏi phòng vẽ.

Khi chúng bước trở lại phòng ngủ chung, bà giám thị lao sầm sập về phía chúng, quát om.

“Chúng mày vừa đi đâu về, hả? Đền tất được năm phút rồi.”

“Xin lỗi, bà giám thị.” Lysander nói, nhướn miệng cười. “Tội con đi xem tranh của Emma. Và cả tranh của con nữa.”

Bà giám thị đã viết sẵn chữ “cấm túc” lên mặt bà. Bọn trẻ chờ nghe số phận của mình. Nếu chúng bị cấm túc vô thứ Bảy, thì làm sao chúng có thể cứu được Henry? Bà giám thị cười đắc thắng.

“Tất cả chúng mày... ” bà vừa mở miệng.

Thì một giọng nói đằng sau nhóm trẻ vang lên.

“Đó là lỗi của tôi, bà giám thị. Tôi đã cho phép chúng đấy. Thật tình là tôi đã bảo chúng đến phòng vẽ. Cứ đổ lỗi cho thầy giáo dạy vẽ đi được không?”

Nụ cười chiến thắng của bà Lucretia Yewbeam tắt lịm khi thầy Boldova bước lên phía trước nhóm trẻ.

“Tôi xin lỗi vì việc này, thưa bà giám thị.” Thầy giáo dạy vẽ tiếp. “Tôi quên mất giờ giấc.”

Rồi thầy quay qua lũ trẻ:

“Các trò nên chạy về lẹ đi. Cám ơn cái trò về những lời bình luận tuyệt vời nhé.”

Cả sáu đứa trẻ tản như đám bụi khi thầy Boldova hỏi xin bà giám thị lời khuyên về một vết bầm rất tẻ mà thầy đã bị khi chơi bóng bầu dục.

“Thầy Boldova thật tuyệt.” Gabriel thì thào khi ba đứa lĩnh vô phòng ngủ chung của chúng.

“Các anh nãy giờ ở đâu vậy?” Billy dò hỏi.

“Mày sẽ không muốn biết đâu.” Charlie đáp.

Tancred và cái cây

Ở lầu trên cùng của Ngôi Nhà Sấm, Tancred Torson đang xem xét mức độ hư hỏng của căn phòng ngủ. Nó đá một đồng giày ra khỏi lối đi và ngồi lên giường, hay nói cho đúng là những gì còn lại của chiếc giường. Cái nệm đã bay tuốt vô góc phòng đằng kia, tấm trải giường thì nằm một nùi rối tung dưới chiếc tủ quần áo đổ kênh.

Tancred đang mặc mỗi chiếc quần ngủ với áo chùng màu xanh lá cây. Hầu hết quần áo của nó đã rách bươm hoặc bị lấm lem đồ ăn. Mỗi khi giận dữ nó đều phát mệ, nhưng nó chẳng làm sao kèm được. Những đợt sóng thịnh nộ cứ thế trào ra, khiến không khí xung quanh rơi vào hỗn loạn.

Bà Torson thò đầu qua cửa phòng.

“Con xuống ăn tối chứ, con?” Bà hỏi hộp hỏi.

“Mẹ có tin con không?” Tancred ủ ê nhìn chằm chằm xuống sàn nhà.

“Ừm, suốt ngày nay yên ắng hơn một chút rồi.” Bà Torsson nói.

“Mẹ, con xin lỗi vì làm mẹ nhức đầu.” Tancred lầm rầm.

“Tại con không kèm được được thôi mà. Mẹ biết.”

Mẹ của Tancred chạy vội xuống lầu. Có những ngày bà chỉ ước ao được sống ở nơi nào đó khác, bên một ông chồng dễ thương bình thường và một cậu con trai bé nhỏ, lặng lẽ. Nhưng bà yêu cái gia đình bão tố của mình, và bất chấp những cơn nhức đầu, bà biết mình không bao giờ có thể hạnh phúc được như vậy với bất cứ ai khác.

Tancred theo mẹ xuống lầu và ngồi vô chỗ của mình bên bàn bếp. Ông Torsson đang đào bới dở một suất thịt băm hấp khoai tây thật bự.

Bà Torsson đặt một chiếc đĩa nhựa trước mặt con trai. Độ rày bà đành phải từ bỏ đĩa sứ.

“Đây con.” bà nói, và múc một ít bánh bột nướng nhân thịt vô đĩa của Tancred.

“Đã tới lúc con bình tĩnh được rồi.” ông Torsson bảo con trai. “Chầu bão này kéo dài quá lâu đấy.”

Cái ly giấy của Tancred bay lên. May thay, đó là cái ly không.

“Con không kiềm được, ba à.” Tancred rù rì. “Con cố kiềm, nhưng không được.”

“Theo ba thì cái thằng thôi miên ấy có liên quan tới vụ này.” ông Torsson nói âm âm. “Thằng Manfred Bloor. Thằng đó đẩy cho con bực bội thực sự, đúng không?”

“Con không muốn nhắc tới chuyện ấy.” Tancred nói, cùng lúc chiếc mũ áo chùng đột nhiên bay trùm lên đầu nó.

“Tự kiềm chế coi.” Ông Torsson gầm như sấm.

Ngọn đèn bên trên bàn ăn lắc dử dội từ bên này qua bên kia.

“Đấy, ba cũng chẳng khá hơn mấy.” Tancred nhận xét.

“Ba có thể điều khiển được cơn cuồng phong.” ông Torsson nói oang oang. “Thứ chúng ta có là một tài phép rất hữu ích, nhưng tài phép cần phải được làm cho tập trung lại.”

“Vâng, thưa ba.” Tancred nghiêng răng lại, nhưng cửa sổ đằng sau nó bật mở ra đánh “cạch” một tiếng thật lớn.

“Xin lỗi.” Nó lí nhí.

Thế rồi, qua cánh cửa sổ vừa mở, có một âm thanh rất kỳ dị. Gần như không hơn một tiếng thì thầm, nhưng lại có tác động lạ lùng đến Tancred. Nó nhận thấy mình đang lắng nghe tiếng nhạc mà chẳng giống thứ âm nhạc nào khác trong thế giới thực. Nó đứng dậy, vuốt thẳng áo chùng, và cẩn thận đẩy chiếc ghế ra sau.

“Gì vậy, Tancred?” Ông Torsson hỏi, ngạc nhiên vì cách cư xử điềm tĩnh khác thường của con.

“Con cần phải đi.” Tancred nói nhẹ nhàng.

“Đi đâu?” Người cha hỏi.

“Ra ngoài kia!” Tancred chỉ qua cửa sổ, tới những hàng cây tối trong rừng. Nó sải bước dài qua ba mẹ đang sững sờ, và rời khỏi nhà trước khi họ kịp hỏi thêm bất cứ câu nào.

Mặt trăng lưỡi liềm thả một dải ánh sáng mỏng qua rừng cây, nhưng Tancred không hề lưỡng lự. Nó biết phải đi đường nào. Sâu vào trong rừng, nó tìm thấy thứ mà nó đang tìm - nguồn phát ra tiếng nhạc hút hồn kia.

Đó là một cái cây.

Cái cây màu đỏ. Phủ đầy trên những cành nhánh mảnh mai là những chiếc lá dường như có lửa cháy bùng bùng bên trong, và trắng trổng nơi Tancred đứng được một quang vàng chói chiếu sáng. Những vết lằn

khứa sâu vào vỏ cây, từ nước rịn ra, nhỏ chậm chậm xuống thân. Nhìn gần hơn, Tancred thấy rằng thứ nước đó cũng màu đỏ, đỏ như máu vậy.

Khi Tancred lắng nghe bài hát lặng lẽ của cái cây, nó cảm thấy một sự tĩnh lặng lạ thường bao trùm lấy mình. Những cơn bão vẫn còn đó, sâu thẳm bên trong. Tancred, nhưng nó biết mình có thể khống chế chúng. Phép thuật kỳ lạ của nó đã mất quyền làm chủ.

Tancred rời khỏi cái cây, nhưng khi gần ra khỏi khu rừng, nó ngoái nhìn lại. Luồng ánh sáng chói lói đã biến mất, và bài hát cũng đã ngưng.

“Mẹ ủ nóng đồ ăn cho con đấy.” Bà Torsson nói khi Tancred đi vô bếp.

“Chuyện gì ngoài đó vậy?” Ông bố hỏi.

“Có một cái cây, ba à. Một cái cây màu đỏ; hình như nó hát, nhưng không giống như bất cứ bài hát nào con nghe trước giờ.”

Ông Torsson nhú mồm.

“Ba đã từng nghe nói về một cái cây đỏ.” Ông trầm ngâm. “Hồi ba còn nhỏ, bà nội của con có kể cho ba nghe một câu chuyện. Khi thật, phải như bây giờ ba còn nhớ được. Bà nội bảo cái cây đó là Vua Đỏ.”

“Ông tổ của chúng ta!” Tancred kêu lên.

“Mẹ hết nhức đầu rồi!” Bà Torsson khẽ nói.

Tancred mỉm cười. “Ngày mai con sẽ đi gặp các bạn con.”

“Cũng tới lúc rồi.” Ông Torsson đáp.

Sau bữa tối, lúc Tancred đang dọn dẹp phòng mình thì mẹ nó xuất hiện, mang theo một chồng quần áo và tấm trải giường sạch. Như mọi lần, bà đã giấu kỹ chúng đi trong lúc Tancred đang bị những cơn bão của mình điều khiển.

“Trông con khá hơn nhiều rồi.” Bà nói nhỏ nhẹ. “Ngay cả tóc con cũng đang xẹp xuống đấy.”

“Con khỏi rồi, mẹ” Tancred nói.

Đêm đó nó ngủ một giấc ngon lành nhất trong đời. Khi nó tỉnh giấc, tấm đệm vẫn còn ở nguyên trên giường, cả tấm trải và mền gối cũng vậy. Nó mặc đồ thật nhanh và xuống dùng một bữa sáng cực kỳ lịch sự với gia đình. Bà Torsson thậm chí còn dọn thịt heo xông khói và trứng lên đĩa sứ cho con.

18. Phần 2

Charlie không biết Tancred đã trở lại trường, cho tới khi nó vô phòng Nhà Vua tối hôm ấy. Nó vừa đặt xấp bài tập lên bàn thì Gabriel chạy xộc vô.

“Đoán gì coi!” Gabriel thì thào. “Tôi trông thấy Tancred rồi!”

Charlie gần như không tin nổi.

“Tuyệt vời!” Nó sung sướng reo lên.

Asa đi cà nhắc vô phòng. Băng nó đã tháo hết, nhưng những vết sẹo trên bàn tay nó vẫn còn đỏ hồng và đau đớn.

“Hai đứa mày cười ngớ ngẩn cái gì?” Nó nạt nộ.

“Có tí tin vui mà.” Charlie đáp.

Căn phòng dần dần đông đủ cả. Emma ngồi vô chỗ kế bên Charlie, và Billy lẻo đẻo đi vô theo sau Manfred. Tiếp theo là Dorcas và rồi, cuối cùng, Lysander và Tancred cùng bước vô.

“Chào anh Tancred!” Gabriel và Charlie kêu lên.

“Rất vui gặp lại anh.” Emma lặng lẽ thêm.

Tancred chưa kịp đáp lễ, Manfred đã quát:

“Câm mồm, lo làm bài tập của chúng mày đi. Tancred và Lysander, bọn bay vô trễ!”

“Xin lỗi ông bạn.” Tancred vừa nói vừa cười to.

“Tao không phải là bạn của mày.” Manfred vặc lại.

Câu nói này xem ra càng làm cho Manfred điên tiết hơn. Hẳn cau có lườm Tancred, nhưng không thể nghĩ ra được cái gì nữa để nói.

Billy Raven ủ dột nhìn Manfred dăm dăm.

“Em rất buồn khi nghe tin bạn gái của anh bị bệnh.” Nó nói, rõ ràng hy vọng sẽ được thưởng một ít kẹo. Nhưng rủi cho nó, câu nói ấy lại có tác dụng ngược.

“Cái gì?” Manfred trợn mắt nhìn Billy.

“Zelda.” Billy lẩm lét nói.

“Nó không phải là bạn gái của tao.” Manfred sửa. “Anh khuyên mày lo mà làm việc của mày đi, Billy Raven.”

“Vâng, thưa anh Manfred.”

Tất cả bọn trẻ cúi đầu xuống và bắt đầu làm bài. Mặc dù trong phòng vẫn đang có một sự tập trung rất căng, Charlie vẫn nhận thấy rằng, ít nhiều giống như có một gánh nặng vừa mới được cất đi. Một bầu không khí tươi mát và tràn trề hy vọng. Bây giờ bọn nó có năm người, nó nghĩ. Và bọn chúng chỉ có ba. Dorcas là một bí ẩn. Không ai biết phép thuật của con bé này là gì. Ngay cả khi Dorcas đang làm bài tập, vẫn có nụ cười trên mặt. Charlie thích nghĩ rằng Dorcas chẳng thuộc về phe này, cũng chẳng về phe kia, chỉ đứng im ở chính giữa.

Charlie ngẩng nhìn lên bức chân dung Vua Đỏ. Cái cây liễu sẽ xuất hiện lần nữa? Và liệu nó có thể đi vô bức tranh ấy? Liệu nó có nghe được tiếng Vua Đỏ nói không?

Giọng Manfred bỗng cắt phăng luồng suy nghĩ của Charlie:

“Mơ mộng chẳng đưa mày tới đâu đâu, Bone. Làm bài đi!”

“Vâng, thưa anh Manfred.”

Charlie định rời mắt khỏi bức tranh, chợt nó nhìn thấy một bóng tối phủ xuống đằng sau dáng hình của vị vua. Từ từ, bóng tối đó định hình dần. Nó trở thành một gương mặt ẩn bên dưới một chiếc mũ trùm đen. Và Charlie bị thuyết phục rằng cái hình dáng u tối đó đang chặn mình. Nó sẽ không bao giờ để cho Charlie nghe được tiếng của Vua Đỏ, hay tiến lại gần ngài hơn...

“Mày muốn bị cấm túc hả, Bone?” Manfred quát.

“Không... không. Xin lỗi, anh Manfred. Em chỉ đang suy nghĩ. Bài tập về nhà của em hôm nay hơi khó.” Charlie lọng cọng lần tìm mấy cuốn sách.

“Thì chú ý làm đi.” Manfred gầm gừ.

Charlie cúi gằm đầu xuống cho đến khi đồng hồ điểm tám tiếng, và tất cả bọn chúng được xỏ lồng.

“Sander đã kể cho anh nghe tất cả rồi.” Tancred bảo Charlie. “Anh hy vọng có thể giúp một tay trong vụ ông anh họ em.”

“Chắc chắn là anh giúp được mà.” Charlie nói, “Kiểu gì em cũng phải vô được khu bỏ hoang. Phải là thứ Bảy khi em không bị theo dõi.”

“Vậy tức là em sẽ phải đi vô từ phía bên kia.” Lysander lộ vẻ nghi ngờ. “Đường đó rất nguy hiểm, Charlie. Có một thung lũng dốc hẹp, sâu hút, dưới lòng có một con sông. Em sẽ phải leo lên mấy vách đá gần như đứng đứng.”

Charlie không thích cái viễn cảnh như thế.

“Có thể em sẽ lên vô qua một cửa sổ ở một trong hai tòa tháp, nếu có ai đánh lạc hướng giùm.” Nó nhìn Tancred.

“Một cơn bão hả?” Tancred hỏi.

“Được thế thì tuyệt.”

“Em có muốn anh giữ cây gậy phép không, Charlie?” Lysander khoát tay một vòng vộng lên không.

“Em nghĩ anh giữ thì an toàn hơn.” Charlie bảo.

“Ba đứa kia đang làm gì đấy.” Giáo sư Bloor hùng hổ bước lại gần chúng. “Tụi bay không được lảng vảng ở đây. Đi ngay, mau.”

“Vâng, thưa ngài.” Cả ba lú lú rú rú đáp.

Chúng không dám nói thêm một lời nào với nhau nữa. Nhe răng cười một cái thiệt lệ, Charlie tách khỏi hai thằng anh lớn và bước về phòng ngủ chung của mình.

Đêm đó Charlie thấy khó mà ngủ được. Nó bị ám ảnh bởi ý nghĩ bị tuột khỏi những vách đá dốc rồi chết đuối giữa dòng sông chảy xiết. Sáng hôm sau, nó ngơ ngẩn đến nỗi suýt nữa thì để nguyên đồ ngủ xuống ăn sáng. May thay, Fidelio đang chờ nó.

“Em sẽ gặp rất rối nếu xuống nhà như vậy.”

“Em không nghĩ ngợi gì được cho ra hồn. Em cứ thắc mắc không biết cái gì sẽ xảy ra cho Henry nếu tụi mình không cứu anh ấy ra.”

“Tụi mình sẽ cứu anh ấy.” Fidelio nói, mặc dù nghe có vẻ ít tự tin hơn thường ngày.

Sau đó trong ngày, một việc xảy ra đã thay đổi tâm trạng của chúng hoàn toàn. Lúc tới căn-tin ăn trưa, chúng ngạc nhiên thấy bà bếp trưởng ở sau quầy.

Khi Charlie tới nhận khẩu phần của nó, bà bếp trưởng nhòai người qua chảo mì macaroni và rù rì nói với nó:

“Ta vừa nhận được tin từ ông Onymous. Các con hãy tới Quán Cà Phê Thú Kiểng vào lúc 2 giờ ngày thứ Bảy.”

“Sao cơ?” Charlie hỏi.

“Tiến lên nào, Charlie.” Billy Raven đứng trong hàng rên rỉ. “Bọn này đói quá rồi.”

Fidelio thò chân ra sau, đạp lên chân Billy.

“Úi!” Billy thét lên.

“Xin lỗi nhiều, Billy.” Fidelio nói thật lớn.

Tranh thủ lúc lộn xộn, bà bếp trưởng nói lạ.

“Rồi sẽ ổn cả thôi. Ông Onymous có giải pháp.”

Đoạn bà cao giọng:

“Đây, Charlie. Mì macaroni không đậu.”

“Hết xảy!” Fidelio vừa reo lên vừa nhập chung bàn với Charlie. “Riết rồi cũng có món tử tế cho bọn ăn chay này.”

Rồi nó hạ thấp giọng:

“Anh đã nghe bà bếp trưởng nói gì rồi, vui lên đi, Charlie! Tất cả sẽ đâu ra đó và thứ Bảy.”

Ngày tiếp sau là thứ Sáu. Trong giờ nghỉ giải lao đầu tiên, Charlie và Fidelio đã tìm được cách truyền thông điệp của bà bếp trưởng cho Tancred và Lysander. Gabriel cũng đã được báo cho biết, và nó liền báo tin ngay cho Emma và Olivia. Dẫu sao thì chính hai đứa ấy đã kiếm ra Henry.

“Mấy đứa phải mang theo thứ đấy nghe chưa.” Gabriel dặn dò hai đứa con gái. “Tôi có thể cho mỗi đứa mượn một con chuột; tôi có dư nhiều lắm.”

“VẬY À.” Olivia nói “Em có vài con thỏ xinh ơi là xinh.”

Emma đồng ý mượn một con chuột.

Tối hôm đó, Charlie gói bức tranh Skarpo trong bộ đồ ngủ của nó. Xong, nó cẩn thận nhét cái gói xuống đáy giỏ xách chất số quần áo còn lại lên trên.

Billy Raven ngồi chầu hẫu trên giường, dòm Charlie gói ghém đồ đạc. Những đứa khác đã đi cả rồi, chỉ còn mình hai đứa nó.

“Sao anh lại mang bức tranh đó về nhà?” Billy hỏi.

“Muốn thì đem.” Charlie nói.

Trước kia nó vẫn tội nghiệp cho Billy, phải một mình thui thủi trong Học viện ghê rợn này mỗi cuối tuần. Nhưng nó chắc chắn rằng công việc do thám đã mang lại cho đứa trẻ mồ côi này khá nhiều quà thưởng – những thanh sô-cô-la, ca cao nóng về khuya, ủng viên lông, đèn pin cực mạnh...

“Đi đây.” Charlie nói, kéo dây khóa của chiếc giỏ lại. “Cuối tuần vui vẻ nha, Billy.”

“Em không nghĩ anh sẽ vui vẻ đâu.” Billy nói.

Ý nó là sao? Charlie quá bận tâm đến những kế hoạch của riêng mình nên không còn đâu mà lo lắng về những lời đâm thọc lặt vặt của Billy. Nó lao vút xuống tiền sảnh, nơi Fidelio đang đợi. Bọn chúng là hai đứa cuối cùng rời Học viện.

Vào những chiều thứ Sáu, giáo sư Bloor và Manfred thường hay chờ ở tiền sảnh cho tới khi đứa học sinh cuối cùng rời tòa nhà. Khi Charlie và Fidelio đi về phía cánh cổng đôi cao lớn, giáo sư Bloor bước đến chặn ngay trước mặt chúng.

“Ta muốn xem có gì trong giỏ xách của trò.” Ông hiệu trưởng bảo Charlie.

“Giỏ của con, thưa ngài?” Charlie rất mừng vì nó đã đưa cây gậy phép của Skarpo cho Lysander.

“Giỏ của trò, Bone. Đổ ra!”

“Ở đây, thưa Ngài?”

“Ngay tại đây!”

“Trò ấy sẽ trề xe buýt mất, thưa ngài” Fidelio nói.

“Không phải việc của trò, Gunn.” giáo sư Bloor nạt. “Đi đi.”

Fidelio không nhúc nhích.

“Con sẽ chờ Charlie, thưa ngài.” nó nói.

Charlie mở giỏ xách của nó ra và dốc ngược xuống. Quần áo, giày, sách đồ nằm ụp một đồng dưới sàn. Manfred cúi xuống, bốc tung từng món quần áo và từng quyển sách, quyển vở lên. Ngay cả đôi giày vải của Charlie cũng bị khám xét. Khi thẳng huynh trưởng nhặt bộ đồ ngủ của Charlie lên, bức tranh rớt ra.

“Chỉ có cái này thôi!” Manfred chìa bức tranh ra đưa cho giáo sư Bloor.

“Ồ. Một tuyệt tác” giáo sư Bloor chép miệng. “Không còn gì nữa hả? Nhìn vô trong cái túi coi, Manfred!”

Manfred khoảng tay vô trong túi xách của Charlie. Hắn miết tay dọc theo lớp vải lót, lắc lắc từng cái túi con và nhấc cả miếng đệm ở đáy giỏ lên.

“Xin ngài làm ơn. Tụi con sắp trễ xe buýt rồi.” Fidelio nói rành rọt.

“VẬY, sao mày không đi đi?” Manfred quát “Ồ đây không có gì, ba.” Hắn quăng cái túi vô Charlie. “Được rồi, hai đứa mày. Cút khỏi đây ngay.”

Hai thằng bé chạy bắn ra, vừa kịp xe buýt, nhưng khi xe lăn bánh quanh thành phố, Charlie chợt bắt đầu có những ngờ vực về Ông cậu nó. Giả sử Ông cậu vẫn còn đang nằm nhà thương thì sao? Giả sử các bà chị của Ông cậu đã làm gì đó còn tệ hại hơn nữa thì sao? Trông Ông cậu Paton rất yếu khi nó gặp ông lần sau cùng. Làm thế nào ông có thể bình phục kịp để giúp Henry?

Charlie chạy trên đường Filbert, pháp phỏm lo sợ sẽ phải nhận thêm tin xấu.

Khi mẹ nó ra mở cửa nhà số 9, những nỗi sợ lớn nhất của Charlie được xác nhận.

“Có chuyện hả mẹ?” Charlie thở ra.

“Không, cưng.” Mẹ nó hôn lên má nó. “Mẹ nghĩ một ngày. Phải đi mua một ít đồ.”

Charlie bước vô hành lang.

“Ông cậu Paton...?”

“Ông cậu đang ở trên phòng. Khá đau, nhưng không có gì nghiêm trọng.”

“Chao!” Charlie thả túi xách tại chỗ, và chạy bay lên lầu.

Lần đầu tiên trong đời, nó ào ào vô phòng Ông cậu mà không gõ cửa. Ông cậu Paton đang ngồi bên bàn làm việc.

“Chào, Charlie!” Ông cậu Paton nói.

Mất một thoáng, Charlie không biết phải đáp trả lại thế nào. Thật tình, nó nhẹ cả người, quá vui mừng khi thấy Ông cậu. Một cái ôm chắc hẳn là rất thích hợp, nó nghĩ, nhưng không chừng sẽ khiến Ông cậu Paton bối rối.

“Con rất, rất mừng là Ông cậu đã khỏi bệnh.” Cuối cùng Charlie nói.

“Ta cũng mừng. Mày phải xem mấy vết bầm của ta mới được. Coi ấn tượng lắm.”

Charlie thấy một vết rách và một mảng bầm to tướng trên trán Ông cậu Paton, chỗ trước đó băng kín.

“Cái đầu Ông cậu trông thật... ờ... nhiều màu sắc”

Ông cậu Paton bật cười ha hả.

“Đáng gì! Những cái khác mới là nghệ thuật ấy chứ!”

Ông vỗ vỗ vô tay chiếc áo khoác nhưng rách lưa thưa của mình. Rồi hạ giọng, ông thêm:

“Dù sao họ cũng không khừ ta.”

“Ông cậu có nghĩ là họ thật tình muốn khừ Ông cậu không?” Charlie hỏi.

Ông cậu Paton nhún vai:

“Ai mà biết? Với loại bà chị như mấy bà chị của ta thì bất cứ việc gì cũng có thể.”

“Ông cậu Paton này, còn có rất nhiều chuyện cần nói với Ông cậu.” Charlie mạnh dạn nói.

“Ta biết ngay mà. Chạy xuống dùng bữa trà đi đã, sau đó chúng ta sẽ bàn luận.”

Charlie đi xuống với bữa tiệc ngày thứ Sáu linh đình mà ngoại Mailie chiêu đãi để đền bù cho những bữa ăn cầm hơi ở Học viện.

“Nghĩ cho cùng, Ông cậu của con cũng rộng lượng đó chứ. Hả?” Ngoại Maisie bình luận.

“Người ta có tìm ra ai đã làm không bà?” Charlie cố ý hỏi ta “Họ sẽ bị tổng vô tù phải không?”

“Đó là một chiếc xe hơi thuê.” Mẹ nó nói. “Người lái xe tóc vàng, đeo kiềng đen. Người ta chỉ biết có vậy thôi.”

Tóc giả, Charlie nghĩ. Ông cậu Paton biết, nhưng ông không thể chứng minh được.

Charlie dùng bữa tiệc trà lệ hết cỡ, rồi lại mau mau chạy vọt lên phòng Ông cậu Paton. Ông đã cẩn thận dọn một khoảng trống trên giường làm chỗ ngồi cho thẳng cháu. Trước giờ Charlie chưa bao giờ được mời ngồi trong phòng của Ông cậu. Nền đã được thắp lên, và ngọn đèn dầu mang đến cho căn phòng một thứ ánh sáng ấm cúng.

Charlie kể cho Ông cậu nghe tất cả mọi việc, từ lúc nó phát hiện ra Henry bị bắt, tới lúc nó thoát khỏi ông thầy phù thủy. Ông cậu Paton không hề cắt ngang, mặc dù ông buột ra một tiếng huýt sáo trầm khi Charlie mô tả cái đêm hôm nọ của Olivia cùng với con chim trường sơn khổng lồ.

“Và một thằng bạn của mày đang giữ cây gậy phép mày tìm được?”

“Anh Lysander giữ.” Charlie nói. “Con tin anh ấy. Anh ấy đã cứu con khỏi tay Skarpo.”

“Nhưng mày có cuốn sách? Mày sẽ phải dùng tiếng xứ Wales để ra lệnh cho cây gậy phép. Đó là ngôn ngữ duy nhất mà nó hiểu.”

Charlie gật đầu. Nó đã học được vài từ và nhắc lại cho Ông cậu nghe. “Symuda'r gareg yma!”

“Hãy di chuyển tảng đá đó?” Ông cậu Paton gật đầu công nhận, “Nhưng phải phát âm như thế này này, Charlie: Sumidar gareg umma?”

“Để con tập.” Charlie nói. “Hên mà cô Ingledew kiếm lại được cuốn từ điển tiếng xứ Wales này. Nó nằm trong máng xối sau khi ông gặp tai nạn.”

“Hên thật. Cô ấy là một phụ nữ tuyệt vời, cô Ingledew ấy.”

“Ông cậu có... lại là bạn?” Charlie đánh bạo hỏi.

Mặt Ông cậu Paton hơi ửng lên. “Ta tin thế.”

Sau đó ông bật ho một tiếng nhẹ và hỏi, “Thế, kế hoạch tiếp theo của mày là gì?”

“Ngày mai, con và các bạn sẽ gặp nhau ở quán Cà Phê Thú Kiểng. Ông Onymous nhần như vậy. Ông bảo ông có cách. Nhưng con không biết điều đó có nghĩa là gì. Làm thế nào ông ấy có thể cứu anh Henry?”

“Quán Cà Phê Thú Kiểng.” Ông cậu Paton lẩm bẩm. “Quán Cà Phê Thú Kiểng.” Ông xoa xoa cằm, tư lự. “A! Lẽ ra ta phải nhớ.” Rồi ông cười khùng khục, thích thú.

“Có một lối đi cổ, bị bỏ quên lâu rồi. Nó được ghi ở trong một trong những cuốn sách này.”

Ông vỗ một chồng sách trên bàn làm việc.

“Nó dẫn xuống lòng đất, bắt đầu từ đâu đó trong những bức tường cổ của thành phố, dẫn thẳng vô ngay trung tâm của tòa lâu đài bỏ hoang. Không ai biết nó bắt đầu từ đâu, nhưng ta cá với mày bất cứ cái gì là ông Onymous biết. Diện mạo ông ta toát lên một vẻ đào bới hang hốc dưới lòng đất rất tuyệt vời!”

“Nó ở bên trong quán Cà Phê Thú Kiểng!” Charlie reo lên.

“Không sai.” Ông cậu Paton nói. “Charlie, sắp xếp giở đi. Nói với mẹ mày là mày sẽ đi ra bờ biển với ta vào tối thứ Bảy.”

“Con không hiểu.” Charlie hoang mang.

“Ngày mai, mày sẽ cứu Henry ra khỏi cái hố kia. Xong, mày sẽ dẫn cậu ấy trở lại quán Cà Phê Thú Kiểng, và cậu ấy sẽ phải ở lại đó đến đêm. Mày sẽ trở về đây và báo cho ta biết tất cả mọi việc đã suôn sẻ, xong rồi chúng ta sẽ cùng nhau lái xe đến quán cà phê và đón người bà con đáng thương bị mất tích của chúng ta.”

“Chúng ta sẽ đưa anh ấy đi đâu?”

“À... mà cứ chờ đi rồi sẽ biết.”

Bị Mai Phục

Sáng thứ bảy, Benjamin Brown băng qua đường Filbert tới nhà số 9. Từ bao lâu nay, nó luôn làm thế này vào mỗi sáng thứ Bảy. Con Hạt Đậu, như thường lệ, phóng qua đường, phía trước Benjamin.

Khi Benjamin nhấn chuông, nó phải chờ ít nhất là một phút Charlie mới ra mở cửa.

“Ô!” Charlie thốt lên khi nó trông thấy Benjamin. “Là bồ!”

“Tất nhiên là mình.” Benjamin đáp. “Sao bồ lại ngạc nhiên vậy?”

Charlie cảm thấy có lỗi. Quả là nó đã quên Benjamin hoàn toàn.

“Lên lầu đi.” nó thì thầm. “Mình có nhiều chuyện để kể bồ nghe lắm.”

Benjamin bước vô trong nhà.

“Bà nội bồ đâu rồi? Bà sẽ la con Hạt Đậu cho coi.”

“Không sao. Bà đi rồi. Mắt coi bộ nhiều âm mưu lắm. Nghĩ tới bà sắp phải làm gì mà mình ớn luôn.”

Charlie phải mất nhiều thời gian để kể tất cả mọi việc cho Benjamin. Benjamin ngồi bất động trên giường, miệng trễ xệ xuống; mắt càng lúc càng mở lớn.

“Phù ừ!” Benjamin nói khi Charlie kể xong. “Bồ sẽ cho mình cùng đi tới quán Cà Phê Thú Kiểng chứ hả?”

Charlie thấy không cách nào mà gạt Benjamin ra được.

“Dĩ nhiên rồi. Con Hạt Đậu có thể được việc.”

“Má muốn bồ sang nhà ăn trưa. Sau đó tụi mình sẽ lên đi ra đằng cửa sau. Bà nội bồ sẽ không biết bồ đi đâu.”

Charlie nghĩ ý đó thật tuyệt vời. Mẹ nó đã đi làm, vì vậy nó chạy xuống báo cho ngoại Maisie biết nó định sẽ đi đâu, và rồi hai thằng bé bước qua nhà số 12.

Chiều hôm đó, tất cả mọi việc đều theo đúng ý như kế hoạch, cho đến khi chúng đi tới hẻm Con Ếch. Hạt Đậu bỗng gừ một tiếng trong họng, và Benjamin trông thấy một phụ nữ ủng đỏ biến vụt nơi góc đường. Đường Chính đầy những người đi mua sắm nên nó nhìn không rõ được, nhưng đáng người đó trông rất quen.

“Mình thấy bà cô bồ đang bám theo tụi mình.” Benjamin thì thầm. “Cái bà hay đi ủng đỏ.”

“Bà Venetia!” Charlie nói.

Trước khi vô hẻm Con Ếch, Charlie nhìn kỹ đám đông coi có thấy bóng dáng mấy bà cô nhà Yewbeam không. Một cơn gió buốt thổi qua, và rất nhiều người mang nón và trùm khăn kín đầu. Nó không thấy tăm hơi mấy bà cô hay bà nội nó đâu cả.

“Liều vậy.” Nó bảo Benjamin.

Chúng lao vù dọc theo hẻm Con Ếch, với con Hạt Đậu phóng vọt vọt phía trước.

“Chào Charlie Bone.” Norton, người bảo kê quán lên tiếng khi hai thằng bé vô quán cà phê.

“Được rồi, anh bạn cậu ở đằng kia đang coi chừng con thú cho cậu kìa.”

Charlie đã quên bằng mất chuyện phải mang thú theo. Nó mừng quỳnh khi thấy Gabriel vẫy vẫy nó từ một góc tối.

Khi đi về phía Gabriel, nó thấy tất cả bọn bạn nó đều đã tới quán cà phê trước đó rồi. Chúng đang ngồi xung quanh một trong những cái bàn lớn nhất. Olivia có một con thỏ trắng để trên đùi, bạn của con thỏ này đang ngồi trong lòng Tancred. Gabriel mang theo đủ loại chuột của nó như thường lệ - một con trong

số đó đang thượng trên vai Emma. Lysander xách theo một con vẹt trong lồng, và Fidelio đang bồng một con mèo trông hốt ha hốt hoảng.

“Cô nàng bị điếc.” Fidelio giải thích, “Tại nhà mình ồn quá, nhưng mắt nó tinh phát kinh.”

Con mèo xù lông lên khi dòm thấy Hạt Đậu, nhưng con chó bự xự này chẳng màng đến cô nàng mà xộc thẳng ra chỗ đàn chó bên cửa sổ.

Mái tóc vàng của Tancred bỗng nhiên nổ lép bép.

“Ai đây?” Nó hỏi, nhú mày nhìn Benjamin.

“Benjamin.” Charlie nói. “Sống cùng phố với em, em chơi từ nhỏ.”

“Ồ.” tóc của Tancred hạ xuống. “Xin lỗi, tại anh hơi nôn nóng.”

“Ai mà chẳng thế!” Gabriel phụ họa.

“Tụi mình thì không, nhỉ?” Olivia cười toe toét với Emma.

“Ừ, không hề.” Emma nói, lôi một con chuột vàng từ dưới cổ áo nó lên.

“Chào, Benjamin.” Lysander vừa nói vừa cười ngoác tận mang tai. “Đừng để ý gì tới bọn anh nhé. Bọn anh là bạn học cùng trường với Charlie. Anh là Lysander. Anh này là Tancred. Em ngồi xuống và ăn chút gì đi.”

“Cảm ơn anh.” Benjamin nhìn đĩa thức ăn trên bàn và ngồi xuống bên cạnh Charlie. Cả hai tự lấy cho mình một phần bánh sô-cô-la thật to.

“Hôm nay tụi mình không phải trả tiền gì hết.” Gabriel nói với hai đứa nó. “Ông Onimous bảo đây là một dịp đặc biệt, cho nên ăn bao nhiêu tùy thích.”

“Em nghĩ sẽ là dịp đặc biệt... nếu tất cả mọi thứ đều tốt đẹp.” Charlie nói, nhớ ra tại sao nó lại ở đây.

“Sẽ tốt đẹp!” Ông Onimous thành linh hiện ra bên cạnh Charlie. “Chúng ta nên bắt đầu thì hơn, Charlie, bạn của ta.” Ông nói. “Cậu sẽ đi một mình hay cậu muốn đi cùng với một người bạn?”

Charlie nhìn khắp lượt những gương mặt háo hức. Nó không muốn làm đứa bạn nào thất vọng cả.

“Mình không muốn đó là mình, nếu bỏ không buồn.” Benjamin nói với vẻ được việc.

“Nó sẽ đi vô khu bỏ hoang, phải không ạ?” Gabriel hỏi, hạ thấp giọng.

“Phải.” ông Onimous đáp.

“Vậy thì chúng ta ở đây sẽ có ích hơn.” Gabriel nhìn Lysander và Tancred.

“Fidelio, anh đi chứ?” Charlie hỏi.

Fidelio đứng phất dậy. “Còn phải nói!”

Olivia buông một tiếng thở dài thượt. “Vậy là mình xong phần việc của mình rồi.”

“Chưa kết thúc mà.” Emma nhắc Olivia.

Kín đáo đảo mắt khắp quán cà phê, Lysander nhẹ nhàng đẩy cây gậy phép ra khỏi ông tay áo và trao cho Charlie.

“Chúc may mắn.” Nó thì thầm.

“Cảm ơn anh.” Charlie nhét cây gậy phép vô dưới áo khoác.

Fidelio trao con mèo của mình cho Gabriel, và rồi, nó cùng Charlie đi theo ông Onimous ra phía sau quầy hàng. Họ bước qua một tấm màn kết bằng chuỗi hạt kều lách cách và vô nhà bếp.

Ông Onimous dẫn chúng tới một cánh cửa nhỏ ở phía sau nhà bếp, và sau đó, họ ở trong một lối đi dài, hai bên xếp đầy những kệ thức ăn cho thú kiểng trông gớm chết.

“Tôi luôn.” Ông Onimous thúc giục khi hai thằng bé dòm dáo dác xung quanh.

Hàng kệ dần kết thúc và lối đi hẹp rí lại. Bây giờ họ đang đi trên một sàn lát đá gồ ghề, và rồi nền đá nhanh chóng trở thành một con đường đất cứng. Có vẻ như lúc ông Onimous đi thoăn thoắt thì ông càng lúc càng mang diện mạo của một con chuột chũi hay một sinh vật đào hang nào đó.

Charlie nhận thấy trần nhà chỗ này thấp tới độ nó có thể áp lòng bàn tay vô bề mặt ẩm ướt của cái trần. Đường mỗi lúc mỗi tối hơn. Tới lúc ánh sáng hầu như mất hẳn thì họ bước vô một cái hang tròn nhỏ. Nó chỉ được thắp sáng bằng độc một chiếc đèn lồng thông từ trên trần hang xuống, và quanh các vách tường tròn là những thùng đựng trà to lớn xếp san sát với những bao nhựa và những sọt gỗ. Xem ra không còn lối nào thoát khỏi nơi đây, ngoại trừ lối họ vừa đi vô.

“Giờ thì sao?” Fidelio thì thầm với Charlie.

Ông Onimous có đôi tai thính như tai thỏ.

“Ha!” Ông cất tiếng, khiến cả hai thằng bé hết hồn, giật thót mình. “Các cậu đang thắc mắc đây là đâu chứ gì? Các cậu nghĩ ông Onimous đưa các cậu tới một cái bẫy kinh khủng, phải không?”

Charlie nuốt nước miếng. “Không ạ!”

Fidelio hỏi:

“Đây là đâu?”

19. Phần 3

Ông Onimous cười sáng rỡ, và rồi, với một tốc độ đáng ngạc nhiên, ông xoay tròn một cái sọt gỗ ra khỏi tường. Và nó kia! Một cánh cửa cổ lỗ, rất, rất nhỏ lộ ra. Nụ cười của người đàn ông nhỏ nhắn biến mất. Lối tiếp theo của ông được thốt ra bằng một giọng trang nghiêm mà Charlie sẽ không bao giờ quên:

“Trước khi các cậu đi vô, ta muốn các cậu thề là khôn bao giờ nói cho bất kỳ linh hồn nào biết về cánh cửa này.”

“Tôi thề.” Charlie nói.

“Tôi thề.” Fidelio lặp lại rõ ràng.

Ông Onimous gật đầu:

“Tốt!”

Ông thò tay vô trong áo nỉ của mình và lôi ra một chiếc chìa khóa nhỏ xâu một sợi chỉ bằng vàng. Đặt một bàn tay có móng dài như vuốt thú lên cánh cửa, ông tra chìa khóa vô ổ và nhẹ nhàng xoay. Một tiếng “tách” nhẹ, và cánh cửa bung ra.

“Lũ mèo ở trong đó đó.” Ông Onimous nói. “Chúng sẽ dẫn đường cho các cậu. Giờ, chỉ có các cậu đi thôi. Ta sẽ khóa cánh cửa này lại sau lưng các cậu. Chúng ta không thể ẩu được.”

Charlie ngó vô khoảng tranh tối tranh sáng đằng sau cánh cửa. Nó liền nhận ra những viên đá to bản, hình thành nên các bức tường của một đường hầm. Một đốm sáng lung linh từ xa bắt đầu nhích lại gần hơn, Charlie nín thở.

“Thấy chúng rồi.”

Nó bước vô đường hầm. Fidelio bám sát theo sau. Chúng bước đi thành hàng một, nhẹ dẫm lạo xạo lên nền nhà rải sỏi trơn láng. Charlie đã tưởng là sẽ gặp một cái hang gồ ghề, nền đất, nhưng hóa ra đường hầm này lại được xây dựng rất cẩn thận. Những phiến đá to màu đỏ xếp thẳng thớm sát vô nhau nhau, ngay cả ở chỗ mái trần thấp.

“Cái này xưa lắm rồi.” giọng khàn đặc của Fidelio âm vang khắp đường hầm. “Anh thắc mắc không biết ai đã sử dụng nó.”

“Có lẽ là những chiến binh.” Charlie đoán. “Rất có thể đây là một lối thoát bí mật nếu lâu đài bị chiếm giữ.”

“Và con nít nữa.” Fidelio bổ sung. “Giờ là lối ra của Henry”

Chúng đã có thể thấy rõ lũ mèo, nhưng hai thằng bé chưa kịp tiến lại gần, thì ba con mèo đã quay ngoắt lại và vội vã đi dọc theo đường hầm, phía trước chúng.

Charlie và Fidelio bắt đầu chạy. Đường hầm không hề thẳng chút nào, và chúng phải quẹo ngoằn ngoèo mấy lần mới có thể trông thấy một mảnh ánh sáng ban ngày mời gọi ở đằng xa. Nhưng, thay vì đi về hướng ánh sáng ấy, lũ mèo lại thành linh ngoặt khỏi lộ trình chính và biến mất vô một khe nứt dài. Hai thằng bé lưỡng lự một thoáng, và rồi cũng ép mình chui vô một đường hầm hẹp tới nỗi mà chúng phải nghiêng người bước đi. Tới cuối đoạn đường bất tiện đó, chúng chột vật lách từng phân qua một cây cột và bước vô căn phòng kỳ lạ.

Mặt sàn được lát bằng những viên đá màu hình vuông, nhỏ tí xíu. Trên một khoảng nền màu trắng, những tia sáng đỏ, cam và vàng tỏa ra từ một vòng tròn rộng màu đỏ. Các bức tường được phủ bằng những bích họa, vẽ những mái vòm dát vàng chói lóa dưới những khoảng trời trong xanh; những hình dáng cao lớn, mặc áo thụng đi len lỏi giữa những tán cây rậm rạp. Mái trần khum khum lặp lại đúng khuôn mẫu trang trí như ở dưới sàn, nhưng ở đây vòng tròn trung tâm mở thẳng ra bầu trời.

“Đó là mặt trời.” Charlie thì thầm. “Coi kìa, cái hình đó trông hệt như những tia nắng mặt trời.”

“Sáng quá.” Fidelio nhìn chong chong lên vòng tròn nhỏ xíu trên mái. “Chắc chắn đó phải là kỹ xảo... hoặc phép thuật.”

“Nó ở trên tấm khiên của ông ấy.” Charlie nói. “Tấm khiên của Vua Đỏ giống như mặt trời đang chiếu sáng. Đó là phòng của ông. Một chỗ đặc biệt của riêng ông. Em không nghĩ là có ai khác ở đây ngoài kể từ hồi ông đi khỏi.”

“Từ đó đến giờ?” Fidelio hỏi lại.

Charlie lắc đầu “Em nghĩ vậy.”

Vào khoảnh khắc đó, không thằng bé nào có thể giải thích được cảm giác của mình. Nơi này tác động lên chúng theo những cách khác nhau. Trong khi Fidelio nhấp nhòm và muốn đi khỏi thật mau, thì Charlie lại cảm thấy dễ chịu như ở nhà và khoan khoái vô cùng.

“Lũ mèo đi rồi.” Fidelio quan sát. “Giờ thì sao?”

Charlie chợt trông thấy một chiếc lá vàng đỏ rực như toàn bộ tòa lâu đài, và chỉ có một khoảng hở, cách độ chừng một ngón tay giữa từng cây cột với bức tường; ngoại trừ hai cây cột đứng đối diện nhau. Bọn chúng đã đi vô sàn đá này qua cái ngách hẹp sau một trong hai cây cột đó. Charlie liền bước qua để xem xét cây cột kia.

Che khuất đằng sau cây cột ấy là một cửa sổ tròn nhỏ nhìn ra một khu rừng tối hun hút. Nheo mắt dõi nhìn qua cửa sổ, Charlie thấy một khoảng trống màu xanh lá ở phía bên kia những hàng cây. Giữa khoảng trống có một tảng đá đen. Ba con mèo lửa đang ngồi trên nóc tảng đá.

“Đây rồi!” Charlie reo lên “Fidelio, nó ở đây này”

Fidelio chạy lại chỗ Charlie.

“Cái gì?”

“Hầm ngục. Có một tảng đá, đúng như Olivia nói. Thấy chưa? Chỗ lũ mèo đang ngồi đó.”

Fidelio khẽ buột một tiếng sáo.

“Đi trước đi, Charlie. Anh sẽ theo sát em”

Chúng nó khó nhọc chui qua cái lỗ tròn nhỏ và rút bịch xuống đất. Khi quay nhìn trở lại, tất cả những gì chúng thấy chỉ còn là một bức tường đầy dây leo. Chắc chắn không ai đoán được cái gì nằm đằng sau nó.

Charlie đi trước. Ba con mèo rừ lên đầy khích lệ khi nó quỳ gối xuống cỏ và gọi:

“Henry? Henry, anh có dưới đó phải không? Em, Charlie đây!”

“Charlie hả”

Từ một cái lỗ hẹp bên cạnh tảng đá, có tiếng những bước chân nặng nhọc vọng lên. Và rồi, Charlie đang nhìn vô một đôi mắt xám mở lớn.

“Rất vui được gặp cậu, Charlie.” Henry nói.

“Gặp anh mừng quá, Henry. Xin lỗi anh, phải mất lâu quá. Nhưng em sẽ mang anh ra khỏi đó, ngay bây giờ.”

“Bằng cách nào?” Đôi mắt xám lộ vẻ lo lắng.

“Ồ, em có một thứ rất nhiều quyền năng đây” Charlie rút cây gậy phép ra khỏi áo khoác và giơ ra phía trên cặp mắt.

“Anh có thấy không?”

“Nhưng đó chỉ là cây gậy thôi mà.” Henry có vẻ thất vọng. “Không làm được gì đâu, Charlie.”

Fidelio dòm qua vai Charlie, lên tiếng.

“Thật ra thì, Henry à, nó là cây gậy phép. Mà gậy phép thì có thể làm bất cứ việc gì.”

“Ồ! Ai vậy?” Henry giật mình.

“Bạn em, Fidelio.” Charlie nói. “Trong cơn khủng hoảng mà có anh ấy thì tuyệt. Không bao giờ hoảng sợ. Em nghĩ anh nên tránh ra thì hơn, Henry. Phòng trường hợp tảng đá chuyển động sai đường.”

“Nó mà sai thì tôi sẽ không thở được đâu đấy.” Henry hoảng hốt.

“Đừng lo, sẽ được mà.” Fidelio nói chắc.

“Đành vậy.”

Đôi mắt vụt biến mất và chúng nghe thấy tiếng Henry lê bước xuống hầm ngục.

Charlie bước lùi khỏi tảng đá. Nó giơ cây gậy phép ra.

“Nhờ không có tác dụng thì sao.” Nó lẩm bẩm.

“Có chứ sao lại không.” Fidelio bảo. “Nghĩ coi Charlie, nó xuất xứ từ đâu nào. Tự tin lên coi.”

Được khích lệ, Charlie vung cây gậy phép lên không, và rồi chĩa gậy vô tảng đá, nó hét:

Sumidar gareg umma!

Ba con mèo phóng ra khỏi tảng đá, nhưng không có gì khác nữa xảy ra.

“Mấy thứ đại loại như vậy không bao giờ thành công ngay từ lần đầu tiên.” Fidelio nói. “Kiểu như xe hơi vậy. Luôn luôn cần tới hai lần khởi động.”

Charlie lặp lại những từ xứ Wales, cố phát âm thật chính xác như Ông cậu Paton đã dạy nó. Tảng đá vẫn không nhúc nhích. Một cảm giác hải hùng, lạnh toát nhộn lên trong bụng Charlie. Có lẽ Skarpo đã lừa nó. Lẽ ra nó không nên chọn cây gậy phép. Cây gậy vô dụng.

“Vô dụng, vô dụng.” Charlie lẩm nhẩm. “Tụi mình sẽ làm gì đây, Fido?”

“Làm lại coi.” Fidelio thúc. “Lần này hãy dùng giọng nói khác đi. Giọng em nghe cứ như giọng của một kẻ vờ làm thầy pháp vậy. Hơi giả dối. Lại quá trịch thượng. Anh cá là thầy pháp thuật thật sẽ đối xử với cây gậy phép của mình như một người bạn. Thử tỏ ra thân thiện hơn và lịch sự hơn coi.”

“OK.” Charlie hăng cho thông giọng. Một lần nữa, nó chỉ cây gậy phép vô tảng đá đen, và khi đọc lời ra lệnh, nó cổ tưởng tượng là mình đang nói chuyện với Ông cậu Paton, lễ phép nhưng thân thiện.

Sumidar gareg umma!

Lần này, ngay khi Charlie vừa dứt lời, cây gậy phép bỗng ầm lên trong bàn tay nó. Có cảm giác như cây gậy xoáy cuộn qua những ngón tay. Một quang ảnh đỏ lan xuyên khắp thân gậy, và phía đầu bít bạc nhấp nháy như một thanh pháo bông. Rồi, với một tia sáng đột ngột bùng ra, cây gậy phép bay vượt khỏi bàn tay Charlie và đáp xuống tảng đá.

Khắp chung quanh khoảng trống, chim chóc bay vút lên trời, xao xác kêu la. Fidelio và lũ mèo lao ngay tới bên Charlie khi tảng đá gầm lên một tiếng như sấm. Một tiếng “bùm” dội âm vô lòng đất, rồi tới một tiếng nghiêng rần rần, và tảng đá từ từ lăn ngược về sau.

Mấy thằng bé kinh ngạc tới độ chúng đứng yên như trời trồng, và rồi cái đầu của Henry nhú lên khỏi cái lỗ đen ngòm bên cạnh tảng đá.

“Hoan hô!” Cậu hét toáng lên. “Tôi ra được rồi! Giải lắm, Charlie!”

Bọn Charlie còn sốc hơn nữa trước bộ dạng của Henry. Chưa bao giờ trong đời chúng thấy một đứa trẻ nào tiêu tụy như thế. Gương mặt trắng bợt và phờ phạc, cùng những quầng thâm quanh mắt khiến Henry trông như một con cú vọ hết sức sống.

Fidelio và Charlie lật đặt mỗi đứa bột bên xóc nách Henry, giúp cậu leo hẳn ra khỏi cái hố. Cậu hơi loạng choạng như vô cùng vui mừng vì mình còn sống và được tự do, tới nỗi không thể kiềm chế được, cậu lấy đà nhảy tưng lên một cái ngay khi vừa ra ngoài.

Charlie nhìn xuống cái hố. Thật khó mà tưởng tượng nỗi cảm giác bị nhốt kín dưới cái nơi kinh khủng đó suốt hai tuần thì như thế nào.

Cây gậy phép đã mất đi quang sáng lạ lùng, và một lần nữa lại trở về là cây gậy nhọt nhọt, có một đầu bít bạc. Henry kinh hãi nhìn lom lom vô cây gậy, trong khi Charlie nhét nó vô dưới áo khoác.

“Em sẽ kể cho anh nghe làm sao mà em có nó.” Charlie nói. “Nhưng không phải ở đây. Tụi mình đi thôi, trước khi ai đó tới do thám.”

Mấy thằng bé hấp tấp rời khỏi khoảng trống và băng qua khu rừng, nhưng khi chúng tới bức tường dây leo thì ô cửa sổ tròn hình như đã biến mất. Mãi cuối cùng, Fidelio mới tìm ra, sau khi dứt bỏ những chùm dây leo và vén những bức bích họa trên tường.

“Giống như thế giới trong Quả Cầu Xoắn Thời Gian.” Cậu thì thầm. “Thế giới của Vua Đỏ.”

Chắc chắn là cậu rất muốn nán lại lâu hơn nữa, nhưng hai đứa kia cứ hối thúc phải rời khỏi phòng. Chúng ép mình qua cây cột và lọt vô đường hầm. Lũ mèo vẫn đi theo chúng từng bước, và bây giờ đang thấp sáng bóng tối bằng bộ lông sáng rực.

Trong khi cả bọn len lỏi đi trong đường hầm, Charlie kể cho Henry nghe về Skarpo, thầy phù thủy, và về cây gậy phép xứ Wales bị đánh cắp. Henry thấy thật khó mà thu nhận cho hết, nhất là ngay sau khi cậu vừa mới được cứu thoát. Nhưng tới phần mô tả của Fidelio về quán Cà Phê Thú Kiểng thì cậu thấy dễ hiểu hơn nhiều. Sau hai tuần chỉ có chút bánh mì với nước lã, cậu bắt đầu mong ngóng tới những chiếc bánh nướng mê ly mà cậu có thể sẽ được thưởng thức ở đó.

Chúng gần đi tới cuối đường hầm, thì một cánh cửa nhỏ thông với quán cà phê vụt mở ra, và một bóng người cao thật cao xuất hiện. Các cậu bé ngừng phát lại. Thật khó nhìn rõ gương mặt của người lạ kia. Và tiếp sau, bà Onymous chạy về phía chúng, rồi rút hươu hươu tay.

“Ô, trời.” Bà la lên. “Tiêu rồi. Có chuyện hãi hùng vừa xảy ra. Có mai phục!”

“Gì cơ!?” Charlie hỏi. “Chuyện gì xảy ra ạ?”

“Giáo sư Bloor và một trong những bà cô của cháu đang ở trong quán cà phê. Họ đang theo dõi từng cử động của bọn ta.”

Quả là một tin xấu.

“Có lẽ tội cháu sẽ lên đem Henry ra trong khi bọn họ đang ăn” Charlie đề nghị.

“Đừng có liều, cháu.” bà nhìn xuống Henry. “À, thì ra cháu là nhà du hành trẻ tuổi. Vô cùng sung sướng được gặp cháu. Bác là bà Onymous.”

“Rất hân hạnh được gặp bác.” Henry bắt tay bà.

“Cháu đang mong được chén một chiếc bánh nướng của bác.” cậu nói.

Bà Onymous cười vui vẻ. “Rồi cháu sẽ có ngay một chiếc thôi, cậu bé đáng yêu. Nhưng cháu phải ở đây một lát, im lặng và ngoan ngoãn nhé, trong khi các bạn cháu trở lại với bác.”

“Bác không thể để Henry ở đây được!” Charlie rên lên.

“Đành vậy thôi, cháu. Họ thấy hai đứa cháu vô quán cà phê. Bà cô của cháu cứ căn vặn mãi xem cháu ở đâu. Bác trả lời bà ấy là cháu đang phụ việc ở trong bếp, nhưng ai mà biết bà ta có tin hay không. Bà ta sẽ ở sau quầy và thò mũi vô nhà bếp trước khi chúng ta kịp biết mình đang ở đâu cho coi.”

Bà Onymous nắm cánh tay Fidelio và Charlie rồi lôi chúng ra khỏi đường hầm, vô trong nhà kho. Thử cuối cùng Charlie thấy trước khi bà đóng sập cửa lại là gương mặt tái mét, đau khổ của Henry.

“Em xin lỗi, Henry.” Charlie nói khẽ. “Anh sẽ không phải ở đó lâu đâu. Sẽ có một cơn bão, nhưng anh đừng sợ gì hết. Nó là để bảo vệ anh đấy. Cứ chờ Ông Onymous. Ông sẽ cho anh biết khi nào thì an toàn để có thể ngoài.”

“Tạm biệt, Charlie.” Henry âu sầu.

Charlie rùng mình khi bà Onymous khoá cửa lại. Những lời của Henry nghe não nề và thê thảm như lời vĩnh biệt vậy.

“Cháu không nghĩ là mình sẽ lại phải để anh ấy ở trong bóng tối lần nữa.” nó than van khi bà Onymous dẫn đường trở lại nhà bếp.

“Sẽ không lâu đâu mà.” Fidelio an ủi nó.

Charlie không chắc. Mấy bà cô của nó sẽ rình rập quán cà phê này trong bao lâu? Ai mà biết được chuyện gì sẽ xảy ra trong vòng mấy tiếng đồng hồ nữa. Khi bóng tối phủ xuống, con thú dữ có thể sẽ xuất hiện.

Khi hai thằng bé bước trở lại quán, chúng thấy bà cô Lucretia Yewbeam đang nhìn chúng chòng chọc từ một cái bàn ở giữa phòng. Giáo sư Bloor ngồi đối diện với bà ta. Bà Lucretia gật đầu, và ông hiệu trưởng liền quay đầu về hướng bọn chúng. Khi tội nó đi ra chỗ đám bạn, chúng cảm thấy hai cặp mắt soi mói dõi theo chúng.

“Tội này đang lo sốt vó.” Olivia nói liền. “Có phải bỏ...?”

“Phải.” Charlie vặn ngay.

“Suyt!” Gabriel nhắc. “Tội mình ra khỏi đây đi. Tôi có cảm giác như có mật thám đang rình khắp nơi.”

Tám đứa trẻ đi dồn cục ngang qua bàn giáo sư Bloor đang ngồi. Ông hiệu trưởng thấy cho chúng một cái gật đầu cục cằn, và Lysander lên tiếng:

“Dạ chào giáo sư Bloor!”

Bà Lucretia trở mắt nhìn Charlie và bảo:

“Kiếm tiền tiêu vặt hả Charlie? Ta hy vọng là mày sẽ để dành nó để đóng học phí.”

“Cái gì ạ?” quai hàm Charlie xệ xuống. Nó không tài nào nghĩ được bà cô nó đang nói về cái gì.

Fidelio liền lao tới giải cứu:

“Họ trả tiền tội con rất hậu hĩ, thưa bà giám thị.” Nó nói, “Tội con rửa chén và thỉnh thoảng họ để cho tội con làm bánh mì kẹp.”

“Thế à?” bà giám thị dài giọng. “Tiếc là ở nhà mày chẳng chịu mó máy tay chân gì cả, Charlie. Xem ra ngày nay nếu không trả công thì bọn trẻ chẳng chịu làm gì hết.”

Giáo sư Bloor đang định đồng ý với bà giám thị thì, thì một tiếng rú thảm thương từ dưới sàn nhà vang lên. Charlie vừa mới dẫm phải một cái đuôi trụi lông bên cạnh chân giáo sư Bloor.

“Mất với mũi mày để đây ấy hả. Nhóc!” Giáo sư Bloor nạt.

“Xin lỗi, ngài!” Charlie nhận ra rằng chắc chắn May Phúc đã bị lôi tới quán cà phê như một con thú Kiểng cùng đi với giáo sư Bloor.

Bà cô Lucretia mang theo cái gì đó ở trong lồng, tuy vậy, chúng không thể nào đoán được nó là con gì. Cái lồng đan bằng lưới kẽm dày và tất cả những gì thấy được là một nùi xanh da trời lớn.

“Con rắn đó!” Fidelio thì thầm.

Charlie cúi đi lẹ.

Khi chúng bước ra tới ngoài hẻm Con Éch, thì một bóng người mang ủng đỏ vụt khuất sau một góc đường.

“Lại là bà cô Venetia.” Charlie nhăn nhó lắm bầm.

Lysander và Tancred liền phóng vù theo tới tận Đường Chính, nhưng đôi ủng đó đã biến vô đám đông đi mua sắm nhộn nhịp. Tuy vậy, khi Charlie đuổi kịp các bạn, nó thấy một người khác nữa. Kia kìa, đang ngồi trên một chiếc ghế băng, là nội Bone.

Charlie tiến gần lại bà nội:

“Nội đang làm gì ở đây vậy, nội?” Nó hỏi.

“Tại sao người ta hay ngồi trên trạm xe buýt?” Bà lạnh lùng. “Vì người ta chờ xe buýt, dĩ nhiên. Dạo này mày được ái mộ ghê đấy, Charlie. Bao nhiêu là bạn nhỉ.”

“Phải.” Charlie nói, rồi nó bước đi tiếp.

Khi chúng đi cách xa nội Bone một quãng, Olivia không thể nén nổi tò mò nữa:

“Việc cứu Henry ra sao rồi?” Nhỏ thăm thì. “Cây gậy phép có tác dụng không?”

Charlie kể cho chúng nghe tất cả mọi việc đã xảy ra trong tòa lâu đài.

“Vậy là anh ấy còn kẹt lại trong đường hầm.” Olivia rên rỉ. “Giờ thì làm sao đây?”

“Việc còn lại tùy thuộc vô Ông cậu Paton.” Charlie nói.

Chúng đã tới chỗ đèn giao thông, và Gabriel nhìn thấy mẹ nó đang chờ trong chiếc xe Land Rover ở phía bên kia đường. Mẹ đã hứa cho Lysander và Tancred quá giang về lại Khu Đồi Cao.

Trước khi chúng băng qua đường, Tancred quay qua Charlie và bảo:

“Anh nghĩ tại mình xứng đáng được thưởng một cơn bão. Nó sẽ quét một vài trong số những người bạn bự kia ra khỏi đường phố.”

Charlie mới vừa thoáng thấy bà cô Eustacia, đang canh chừng bọn chúng từ cửa một tiệm thuốc tây.

“Bão thì quá tuyệt.” nó lẩm bẩm.

“Đi nào.” Tancred bảo Lysander và Gabriel.

Khi ba thằng lớn băng qua đường, tóc Tancred dựng đứng lên và một cơn gió lạnh thốc vô mặt Charlie.

Mưa bắt đầu rơi lộp độp trên vỉa hè.

“Anh Tancred tuyệt chiêu.” Fidelio khoái chí. “Tại mình về nhà trước khi bão ập tới đi.”

Charlie đồng ý sẽ báo cho tất cả bọn biết khi nào Henry an toàn, và sau đó, khi sấm nổ đi đùng phía xa, Emma và Olivia phóng về hướng tiệm sách của cô Ingledew. Fidelio lượn lách thật nhanh qua biển ô dù di động, còn Charlie, Benjamin và con Hạt Đậu chạy trở về đường Filbert.

“Mình sẽ qua sau bữa trà.” Benjamin bảo khi Charlie leo lên những bậc cấp nhà số 9.

“Hẹn gặp lại!” Charlie chạy tọt vô nhà và lao thẳng lên phòng Ông cậu.

Ông cậu Paton đang đợi nó.

“Tất cả đều theo đúng kế hoạch chứ?” Ông nôn nóng.

“Gần như vậy.” Charlie đáp, “Nhưng con bắt buộc phải để anh Henry ở lại trong đường hầm rồi. Giáo sư Bloor ở trong quán Cà Phê Thú Kiểng, còn các bà cô nhà mình thì mai phục khắp mọi nơi. Ngay cả nội Bone cũng đang canh chừng tụi con.”

“Đừng lo, Charlie.” Ông cậu vỗ về. “Họ sẽ bỏ cuộc ngay thôi. Có cơn bão này giờ gầm rú ngoài kia, mấy bà chị của ta ghét bị ướt lấm. Ông Onymous sẽ chăm sóc Henry. Tụi mình chỉ cần chờ đợi.”

“Nhưng chờ bao lâu?”

“Chúng ta có thể an toàn cho tới 10 giờ.” Ông cậu Paton nói. “Ta sẽ gọi điện cho quán Cà Phê Thú Kiểng để biết chắc là mọi thứ tốt đẹp, và rồi chúng ta sẽ ghé qua đó và đón Henry của chúng ta. Sẽ chỉ mất chừng một đêm thôi, Charlie.”

Đôi mắt đen của Ông cậu Paton sáng quắc lên tự tin, vậy thì có gì Charlie phải phập phồng, bất an?

“Lẽ ra chúng ta không nên để anh ấy ở trong đường hầm. “ Nó rên rĩ.

20. Phần 1

Quả cầu xoắn thời gian

Henry đã ngủ thiếp đi từ hồi nào. Một tiếng sấm đánh thức cậu dậy, và cậu vội loạng choạng đứng hẳn lên. Mặc dầu Charlie đã báo trước là sẽ có một cơn bão, nhưng cậu không ngờ nó lại như vậy. Thêm một tiếng nổ ầm ầm nữa dội vang trong đường hầm, và có cái gì đó chạy lon ton xuyên qua bóng tối đằng sau cậu. Một trong ba con mèo liền phóng chớp lấy. Một tiếng “chít” ré lên, tiếp theo là tiếng nhai xương rau rầu.

Cái này còn tệ hơn cả ở dưới hồ nữa, Henry chợt nghĩ tới căn phòng, nơi có mặt trời đổ rọi những tia nắng rực rỡ xuống sàn. Đó là nơi thật dễ chịu, và cậu mong ước tới đó lần nữa.

“Sao lại không nhỉ?” Cậu nói một mình, “Tối giờ thì họ sẽ đi kiếm mình thôi.”

Cậu cất bước đi về hướng bình yên của căn phòng tươi sáng. Ngay khi cậu vừa rời khỏi cánh cửa quán cà phê, lũ mèo liền nhảy chồm chồm xung quanh và meo meo ầm ĩ. Xem ra chúng xáo động cả lên khi thấy cậu bước đi sai hướng.

“Tao không đi xa đâu,” Henry bảo lũ mèo. “Chỉ tới phòng mặt trời thôi mà.”

Chúng bám theo cậu suốt quãng đường hầm tối và vô căn phòng. Khi Henry trải áo chùng lên trên hình mặt trời và nằm xuống sàn, chúng mới thả lỏng người ra và ngồi sát bên cạnh cậu, tỉ mỉ liếm bộ lông cho mình.

Ánh sáng từ cái lỗ trên mái vòm bắt đầu nhạt dần. Chẳng bao lâu sau, bầu trời chuyển tối đen như mực. Cơn bão vẫn thét gào, và ánh chớp cứ bất thần quét ngang những bức tường tranh vẽ bằng những luồng sáng xèn xẹt.

Không hề bị sấm hay chớp quấy rầy, ba con mèo cuộn mình lại và ngủ ngon lành.

Ai mà biết được điều gì đã khiến Henry làm cái việc tiếp theo đó? Có lẽ là do âm thanh vọng từ ô cửa sổ tròn? Người ta rất có thể nghĩ rằng đó là gió, hay hạt mưa lướt qua những cành cây. Nhưng Henry thì cho rằng cậu nghe tiếng ai đó khóc. Nó gọi cho cậu nhớ tới James. Cậu chưa bao giờ nghe âm thanh đó mà lại không làm gì cả.

Lũ mèo vẫn ngủ say khi Henry rón rén tới chỗ cửa sổ tròn và leo ra. Cậu mới chỉ lò dò được vài bước qua khu rừng thì bỗng có một tiếng gừ rợn xương đằng sau lưng.

Henry chạy. Cậu lao xé qua khoảng trống, quành qua cái hố đen ngòm nằm phơi bên cạnh tảng đá. Cậu leo lên bờ đất có nhiều cây cối phía bên kia tảng đá, trong khi con thú hùng hổ đuổi theo cậu qua những hàng cây, tru lên đầy đói khát.

Henry cuống quýt tìm đường thoát ra khỏi khoảng trống. Những ngón tay cậu quơ quào vô đá sắc, những bức tường dây leo và những cành gai nhọn. Thành linh, một tia chớp nháng lên, chỉ cho cậu thấy một cổng đá hình vòm, thế là cậu liền phóng qua. Cậu thấy mình lọt vô một lối đi tối thui và lầy lội, nơi mặt đất phủ đặc rêu trơn trượt. Chuệch choạch mò mẫm lên một con dốc thoải, Henry băng về phía những dải chớp thấp sáng bừng đầu đằng kia lối đi.

Tiếng gầm gừ và rú vang của con thú đội đằng sau khi cậu leo qua một đám ván sàn, và rồi, rơi oạt xuống những phiến đá của một cái sân gạch lớn. Không ngoái nhìn lại, Henry vọt đứng lên và bay qua mái cổng vòm lừng lững dẫn vô vườn.

Khi cậu chạy băng băng trên cỏ ướt, tiếng bão gào rú càng dữ dội hơn. Một cơn gió hú tạt mưa như trút nước xuống khu vườn. Lúc Henry chạy được tới Học viện thì cậu đã ướt sũng tới tận da.

Cánh cửa vườn không khoá, và Henry lòng đầy biết ơn, phóng vô bên trong, đóng sầm cửa lại đằng sau. Ở trên đầu cầu thang, phía bên kia tiền sảnh, Billy Raven đang đứng nhìn trần trời. Thằng bé tóc trắng không thốt ra được lời nào, cứ dòm trờ trờ khi Henry phóng tới cánh cửa gần nhất: cánh cửa vô chái phía tây. Henry không mong gì lẫn trốn được. Billy chắc chắn sẽ không để phí chút thời gian nào. Vài phút nữa, gia đình Bloor sẽ biết tên tù của họ đã trốn thoát và họ sẽ lục tung cả toà nhà lên.

Henry bắt đầu leo lên những cầu thang dẫn tới lớp học nhạc. Lần trước cậu đã an toàn ở đó. Thầy giáo dạy nhạc là một người lạ lùng, nhưng Henry biết mình có thể tin cậy ông. Cơn bão bây giờ đang tới hồi đỉnh điểm. Toàn bộ toà tháp rung rinh dưới tiếng sấm đình tai, chớp loé liên hồi quật vô từng cửa sổ.

Henry chạy lên gần tới đỉnh chiếc cầu thang xoắn ốc thì có tiếng quát từ bên dưới.

“Nó chạy vô đây!”

Tiếng của hai cặp chân đang chạy lên những bậc thang của tháp. Henry vọt về phía trước, bị hụt mất một bậc liền ngã lăn trở lại sàn nhà.

“Nghe không? Nó ở trên đó đó!” Manfred hét.

Henry ráng gượng đứng dậy. Cậu bắt đầu tự hỏi liệu có trốn thoát thì có ích lợi gì không. Cuối cùng rồi họ cũng sẽ tóm được cậu. Nhìn vô vọng lên những bậc thang chật hẹp, Henry thở hắt ra một tiếng buồn xuôi. Một giây tiếp theo, cánh tay cậu được một bàn tay đeo găng, mảnh dễ chạm vô!

Bà Bloor đang đứng bên cạnh cậu. Một bà Bloor đã thay đổi hoàn toàn. Trang phục đen không còn nữa. Bây giờ bà mặc một chiếc áo khoác đỏ và quàng một chiếc khăn hoa rực rỡ. Một cánh tay bà đeo hộp đàn vĩ cầm, và bàn tay kia bà xách một cái túi da nhỏ. Tóc bà toả sáng, mắt bà long lanh.

“Tới lúc đi rồi, Henry,” Bà bảo, xoè bàn tay bị tật của bà ra. “Nhìn này!”

Henry nhìn thấy Quả Cầu Xoắn Thời Gian sáng rực trên nền chiếc găng tay đen. Cậu vội ngoảnh đi chỗ khác.

“Chúng ta sẽ cùng đi,” bà Bloor nói. “Nắm lấy tay tôi và đi lối này.”

Không hề nghĩ ngợi, Henry nắm lấy cánh tay trái của bà Bloor khi bà tắt tả lách qua cánh cửa sau lưng. Cánh cửa dẫn vô một trong những hành lang tối và dài bên trong chái phía tây.

Bà Bloor bắt đầu chạy.

“Thời điểm thật hoàn hảo,” bà nói. “Đang có bão, cậu thấy đấy, giống như cái đêm họ làm dập những ngón tay tôi. Giờ tôi có thể trở lại như tôi trước kia. Tôi có thể trốn đi trước khi họ bắt tôi lại.”

Bà thành linh tăng tốc, lao bắn đi, và Henry suýt nữa thì trượt ngã khi cố chạy cho kịp bà.

“Rủi...” Henry nín thở, “Rủi đâu bà trở về sai chỗ thì sao.”

“Không đâu, Henry. Tôi đã suy nghĩ rất kỹ về nơi tôi muốn tới. Tôi tin vô quả cầu cổ xưa này. Tôi sẽ có năm phút chạy trước tụi nó. Lần này tôi sẽ đi qua cổng và vẫy một chiếc taxi trước khi có người biết tôi đã bỏ đi.”

“Cháu nghĩ là cháu không đi cùng bà được,” Henry thở gấp gấp.

“Nhưng cháu phải đi.”

Bỗng một giọng rống vang khắp hành lang:

“Dorothy, ĐỨNG LẠI!”

“Nhanh lên nữa, Henry!” Bà Bloor thét.

Henry cảm thấy như buồng phổi mình đang bị một con voi nghiền nát. Cậu không thể chạy tiếp được nữa. Cậu sẽ không bao giờ trở lại được.

“MANFRED, BẮT LẤY CHÚNG!” Giáo sư Bloor gầm vang.

Đúng lúc Manfred đang vọt đuổi theo sau những người chạy trốn, thì một thân hình ú ị lùn tịt lặn qua hành lang. Rồi một tiếng thét kinh hoàng khi Manfred vấp phải Máy Phúc. Nó té lộn nhào, cắm đầu xuống mặt sàn lát gỗ, rên rỉ và nguyên rủa.

“Đồ chó chết, thối tha, kinh tởm, đáng ghét...”

Trong khi Manfred nhieéc móc con chó già, bà Bloor quẹo vô góc quanh và chui qua một cửa vòm thấp. Bên kia cửa vòm có một dãy cầu thang đá dẫn lên một cửa sổ hẹp.

“Chán thật,” bà Bloor thở phừng phừng khi leo lên những bậc thang. “Tôi đã không định đi đường này, nhưng không còn cách nào khác. Đi nào, Henry.”

Henry giờ đã buông cánh tay bà Bloor ra. Cậu đang phân vân dūr dơi xem có nên đi theo bà hay không, nhưng xem ra cậu không còn cách nào khác.

“Mau lên, đi,” bà Bloor giục.

Khi đã lên tới đầu cầu thang, bà mở chốt cửa sổ và dường như nhảy ra ngoài khoảng không. Henry tê cứng người lại lúc một ánh chớp vắt ngang bầu trời. Người đồng hành với cậu đã rớt xuống đất chết rồi, hay là bà đã bị xoáy trở lại xuyên thời gian? Cậu bò lên hết những bậc thang và nhìn ra.

Bà Bloor đang đứng trong một lối đi rộng, giữa mái nhà và một bờ nóc dài. Từ trên đỉnh bờ nóc ấy, tượng những con thú lạ bằng đá nhìn ra vườn và ra những hàng cây thăm xa xa.

“Đi nào, bé con,” bà Bloor hỏi. “Đừng sợ.”

Bà đang nhìn chăm chăm vô Quả Cầu Xoắn Thời Gian, và quả cầu pha lê cuộn trào, phóng những màu sắc ngoạn mục vô bầu trời đêm.

Henry không thể kiểm soát được mình. Cậu bước về phía bà. Sau lưng cậu, nổi rõ tiếng thịch thịch của những bước chân nặng nề.

Không rời mắt khỏi Quả Cầu Xoắn Thời Gian, bà Bloor hất quai chiếc giở xách lên vai và túm lấy một góc áo chùng của Henry.

“Còn vài giây nữa,” bà thở gấp. “Tôi cảm thấy tới lúc rồi, Henry. Lẹ lên, chúng ta sắp đi được rồi.”

Bà chạy sát bên bờ nóc, giật mạnh Henry chạy theo, và cười phá lên sung sướng. Henry tự hỏi chuyện gì sẽ xảy ra khi hai người chạy tới mép mái nhà. Nhưng họ không bao giờ đi được xa tới thế. Chiếc áo khoác đỏ của bà Bloor bắt đầu run rẩy dưới ánh chớp sáng trắng. Mái tóc hoe vàng của bà sáng rực rực và xoả tung lên thành một chùm sao.

“Henry” một giọng nói sẽ sàng, lịm dần. “Có một điều tôi định nói với Charlie. Tôi biết nơi ba của nó... nhưng bây giờ quá trễ rồi... Ông ấy sẽ không bao giờ... Ôi, Henry, chúng ta đang đi!”

Nhưng Henry không muốn đi ra ngoài đó, tới một thế giới mà cậu không biết. Cậu đã làm quen với thế giới này rồi. Chuỗi khỏi chiếc áo chùng, cậu quăng mình ra núp đằng sau một trong những ống khói to bự nhô lên khỏi mái nhà. Từ trong bóng tối thăm thẳm của ống khói, cậu chứng kiến bà Bloor xoắn lại thành một dải cầu vòng muôn sắc... và biến mất. Một tràng cười còn phảng phất lại... sau đó là hư không.

Gió đã lặng và sấm cũng xa vời, nhưng trong luồng chớp sáng rực rỡ cuối cùng, Henry trông thấy Manfred Bloor đứng bên gờ nóc nhà. Hắn đang ngửa mặt lên trời và gọi to. Đúng ra đó là một tiếng khóc vỡ vụn, không rõ, và Henry có thể sai lầm, nhưng tiếng đó nghe rất giống như tiếng “Mẹ ơi!”

“Bà ta đi rồi hả?” Giáo sư Bloor hét ra từ cửa sổ.

“Cả hai cùng đi rồi,” Manfred nói, hỉ mũi.

Nó nhặt chiếc áo chùng của Henry lên.

“Thằng nhỏ bỏ lại cái này. Tôi dám chắc là nó sẽ không cần cái này ở nơi nó tới.”

“Bất cứ nơi nào cũng không cần,” giáo sư Bloor lầm bầm.

“Ông cố sẽ rất thất vọng cho mà coi,” Manfred lẩm bẩm khi hắn bước khỏi chỗ Henry núp. “Ông cố chỉ muốn có thêm chút trò vui với con quái thú nhỏ ấy thôi mà.”

Henry rùng mình. Loại trò vui nào chứ? Cậu tự hỏi.

Manfred bước qua cửa sổ và đóng rầm cửa lại.

Một mặt trăng lợt lạt lộ ra khỏi những đám mây xoáy tròn. Henry ra khỏi bóng tối và nhìn xuống vườn. Cậu không biết mình sẽ trốn đi như thế nào để không bị phát hiện. Gia đình Bloor thế nào cũng sẽ tóm được cậu trước khi cậu kịp vô tới khu bỏ hoang. Mà cho dù cậu có tới được đó, thì con thú dữ cũng vẫn đang chờ cậu.

Cậu chạy ra cửa sổ và thấy cửa đã bị khoá. Lạnh và đói, Henry nghĩ tới quán Cà Phê Thú Kiểng cùng những chiếc bánh nướng mà bà Onymous đã hứa với cậu.

“Vây là không được thế nữa rồi,” Henry thở dài.

Cậu vừa định liều phá cửa sổ thì có cái gì đó quét qua khoảng không phía trên đầu. Một con chim khổng lồ đáp xuống gờ nóc, đôi cánh rộng của nó lóng lánh những hạt nước mưa. Henry chưa bao giờ trông thấy con chim nào to lớn như thế. Cái mỏ nó cong khoằm thật dữ tợn và mỗi móng vuốt của nó to như một thanh đao, phản chiếu ánh sáng. Thế nhưng, Henry không hề sợ. Cậu cảm giác có cái gì đó thân thiện ở con vật khổng lồ này, một cái gì đó rất ấm áp.

Khi cậu chạy ra với con chim, nó cúi đầu xuống. Henry vòng tay ôm quanh cái cổ dài, lông xù và nhắm mắt lại.

*

* *

Vào lúc 7 giờ, Benjamin sang nhà gặp Charlie.

“Mình muốn biết việc gì đang xảy ra với Henry,” Benjamin nói.

“Mình tính lên bảo Ông cậu Paton gọi điện cho ông Onymous ngay,” Charlie nói. “Thật kinh khủng khi cứ ngồi đợi với đợi mà không biết việc gì đang diễn ra.”

Benjamin và con Hạt Đậu theo Charlie trở lên phòng. Nội Bone vẫn chưa về nhà, và điều này đang khiến Charlie lo lắng. Bà nó vẫn còn đang chầu chực ở bên ngoài quán Cà Phê Thú Kiểng? Liệu bà vẫn sẽ rình ở đó khi Ông cậu Paton lái xe tới đón Henry? Còn mấy bà cô nhà Yewbeam thì sao? Henry vẫn an toàn trong đường hầm chứ? Đó là một câu hỏi đáng lo khác.

Sau một hồi, Charlie không thể chịu lâu thêm được nữa. Nó qua phòng Ông cậu và gõ cửa.

“Con đây,” Charlie lên tiếng. “Ông cậu Paton, Ông cậu có gọi cho ông Onymous được không? Con lo cho Henry quá.”

“Ôi chào,” Ông cậu thở dài. “Phải chi ta kiếm ra cái điện thoại nằm đâu.”

Đúng lúc đó, cánh cửa trước đóng lại đánh rầm và ai đó huỳnh huých đi qua hành lang. Charlie nhận ra tiếng bước chân của nội Bone, liền chạy như bay trở về phòng nó.

Vài phút sau, gương mặt buồn phiền của Ông cậu Paton ngó vô cửa phòng Charlie.

“Ta đã tìm thấy điện thoại,” Ông cậu Paton nói. “Ta đã gọi cho ông Onymous. Henry đi rồi!”

“Cái gì!” Charlie nhìn Ông cậu trong nỗi kinh hoàng. “Nhưng bằng cách nào? Ông Onymous có thấy không?”

“Ông ấy bảo với ta là cậu ấy đã tới cuối đường hầm và thoát ra khu bỏ hoang. Không có dấu vết nào của Henry. Cái ông bé nhỏ tội nghiệp đó rất đau khổ.”

“Henry đi vô căn phòng có mặt trời,” Charlie lẩm bẩm. “Anh ấy cảm thấy an toàn ở đó. Nhưng tại sao anh ấy không trở lại?”

“Chúng ta cần phải chờ thôi,” Ông cậu Paton bảo. “Chỉ làm được thế thôi. Chờ và hy vọng. Cả cha ta cũng sẽ phải chờ.”

“Ý Ông cậu là...” Charlie bắt giác hiểu ra ngụ ý của Ông cậu Paton.

“Phải. Ta đã kể cho cha ta nghe về Henry. Đó là nơi ta hy vọng sẽ đưa cậu ấy tới, để sống với em trai của mình bên bờ biển.”

Chờ và hy vọng quả là một việc khó làm, một khi người ta đã chờ đợi và hy vọng gần như hết sức chịu đựng. Những hình ảnh khủng khiếp cứ tuôn ra trong tâm trí Charlie. Henry bị rượt đuổi khắp khu bỏ hoang, bị bắt và bị ăn thịt.

Benjamin cố nán lại lâu hết cỡ, nhưng sau khi chờ thêm nửa giờ nữa, nó bảo với Charlie là nó cần phải về, không thì mẹ nó lại bắt đầu lo lắng.

“Ồ,” Charlie nói, buồn rã rượi.

Benjamin vừa quay đi, thì con Hạt Đậu liền chạy ulla ra cửa sổ và sửa nhắng nhít.

“Suyt!” Benjamin xua nó.

Con chó bự lại sửa nữa. Nó đứng nhổng lên hai chân sau và cào cào những tấm rèm.

“Im đi, Hạt Đậu,” Benjamin la. “Nội Bone bắt tụi mình bây giờ.”

Hạt Đậu nhìn chủ của nó và tru lên buồn bã.

“Tụi mình không thể ra đằng cửa sổ được,” Benjamin nói, vẻ mặt kiên nhẫn. “Đi nào, Hạt Đậu, đường này này.”

“Benjamin!” Charlie nhảy dựng lên. “Mình nghĩ có cái gì đó ở ngoài kia.”

Nó chạy ra cửa sổ và gạt mấy tấm rèm qua một bên.

Có một cây dẻ lớn ở bên ngoài cửa sổ phòng Charlie. Và, ngồi trên một cành to là Henry Yewbeam. Cậu vẫy Charlie và tròn miệng mấp máy câu “Chào!”

Charlie lao như bay xuống cầu thang và ulla ra cửa trước. Nó lo lắng chờ đợi trong lúc nhìn Henry đu người khỏi một cành cây và thả xuống đất, và rồi, hai thằng bé chạy vô nhà.

“Lên lầu,” Charlie nhắc khẽ, đóng cửa trước lại.

Henry phóng lên lầu, nhưng cậu chưa lên tới bậc trên cùng, thì nội Bone lộ ra khỏi phòng khách.

“Thằng bé đó là ai vậy?” Bà hạch hỏi.

“Benjamin.” Charlie đang lên được nửa cầu thang.

“Hả?” Bà nghi ngờ. “Ta hy vọng là con chó không ở trong phòng này.”

“Tất nhiên là không, nội.”

Charlie chạy theo Henry lên tới chiều nghỉ, trong khi nội Bone đi ngang qua nhà bếp.

“Vô đây,” Charlie nói, vội kéo Henry vô phòng nó. “Đây là Benjamin.”

“Chào bạn! Tôi là Henry.”

Trong khi Charlie đóng cửa, Henry bắt tay Benjamin và rồi bắt bàn chân mà con Hạc Đậu đang hăm hở chìa lên. “Rất hân hạnh gặp cả hai bạn,” Henry nói. “Xin vui lòng đừng sợ hãi.”

Benjamin nhận ra mình đang nhìn Henry chăm chăm, há hốc cả miệng.

“Em là Benjamin,” nó nói. “Trông anh cũng bình thường.”

“Anh ấy bình thường mà,” Charlie nói. “Chỉ là anh ấy...”

“Không đúng thời gian,” Henry tiếp.

Cậu ngồi xuống giường của Charlie và tuyên bố:

“Tôi tự do. Tôi an toàn! Gia đình Bloor đình ninh là tôi đã trở về quá khứ rồi, cho nên họ sẽ không tìm kiếm tôi nữa.”

“Em không hiểu,” Charlie bối rối. “Làm sao anh tới đây được?”

“Chuyện dài lắm,” Henry bảo và bắt đầu kể lại cuộc phiêu lưu kỳ lạ của mình.

“Anh bảo là có một con chim cứu anh!” Benjamin cao hứng.

“Chắc chắn là Emma!” Charlie nói.

Benjamin và Henry có vẻ ngớ ra, Charlie bèn giải thích.

“Tôi muốn cảm ơn tất cả các bạn của cậu,” Henry cảm động, “Những người đã giúp tôi.”

Charlie bảo Henry là sẽ không có thời gian để gặp gỡ các bạn.

“Tối nay Ông cậu Paton sẽ chở chúng ta tới một nơi mà anh sẽ an toàn,” nó từ tốn. “Chúng ta phải đi trước khi nội Bone phát hiện ra anh ở trong nhà này.”

“Tôi sẽ đi đâu?” Henry thấp thỏm.

“Anh sẽ về nhà. Tới ngôi nhà bên bờ biển, và em sẽ đi cùng với anh. Em chỉ đi một ngày thôi. Đó sẽ là lần đầu tiên em gặp ông cố.”

Henry nhú mày:

“Ông ấy là ai?”

“Là em trai của anh, James.”

“James?” Henry sững sờ. “Jamie bé bỏng? Nó vẫn còn sống?”

Nếu không nhờ có con Hạc Đậu, chắc hẳn Henry đã không bao giờ gặp lại em trai mình. Con chó vừa gầm gừ trong hòng vừa nhìn xoáy ra cửa. Charlie vội đẩy Henry giật cứng người xuống gầm giường, và cánh cửa bật mở.

Nội Bone đứng sững nơi ngưỡng cửa, trợn mắt nhìn Hạc Đậu.

“Mày là đồ nói láo, Charlie Bone,” bà xía xối. “Mày cho chó vô đây. Đuổi nó ra. Ngay!”

Bà ngó dáo dác quanh phòng, cái mũi dài của bà nhăn nhú lại.

“Mày đang giấu ai nữa đó? Có chuyện gì vậy?”

“Không có gì, thưa bà Bone,” Benjamin đỡ lời. “Con chó của cháu sợ bão, nên cháu mang nó lên đây để cho nó bình tâm lại.”

“Hết bão rồi!” Nội Bone quang quác. “Mày không thấy à? Giờ, về mau.”

“Vâng, thưa bà Bone.”

Benjamin ngoan ngoãn lách qua người phụ nữ cao nghều đứng án cửa. Hạt Đậu nhe răng ra và nhắm một tiếng gừ hay nhất của nó vô cái mắt cá xương xẩu của nội Bone.

“Áááá!” Nội Bone rú lên, lùi ra cửa. “Đuổi nó xa ta ra.”

Khi Benjamin và con chó của nó an toàn rời khỏi ngôi nhà, nội Bone nhìn Charlie và ra lệnh cho nó đi ngủ ngay.

“Dạ, nội Bone.” Nó nhu mì đóng cửa lại và chạy ra cửa sổ. Khi Charlie ngó ra thì Benjamin đã qua tới bên kia đường.

“Ben!” Nó gọi. “Báo tin cho mọi người biết nhé. Kể cho họ chuyện xảy ra, được không?”

Nội Bone không hề thắc mắc về những tiếng cọt két, thì thào diễn ra trong nhà đêm hôm đó. Theo như bà biết, thì Henry Yewbeam đã biến mất vào quá khứ... hoặc tương lai... cho nên, bất cứ chuyện gì diễn ra chẳng nữa cũng chỉ là dớ dẩn, và bà cũng chẳng thèm bận tâm tới. Bà uống một ly whisky nặng và đi ngủ.

Hành trình ra b ở biển

Charlie thông báo với những người còn lại trong gia đình về việc Henry đã tới, và, từng người một, họ bắt đầu tới phòng thăm cậu bé đến từ quá khứ.

Ông cậu Paton tới trước tiên. Ông đứng ở ngưỡng cửa một giây, chớp chớp mắt lặng thinh, và rồi ông bước nhanh đến bên Henry, thốt lên:

“Người bà con yêu, yêu quý của tôi. Tôi không thể tin nổi. Việc này tuyệt vời quá, không biết nói làm sao.”

Ông nồng nhiệt bắt tay Henry:

“Tôi nghe kể rất nhiều về cậu. Cha tôi coi cậu như thần tượng đấy.”

“Thế à?” Henry nói. “Tôi nghĩ tôi là bác của ông.”

Trong khi Ông cậu Paton đang cười khà khà về tình tiết này, thì mẹ Charlie ngó vô.

“Đây là mẹ em,” Charlie nói với Henry.

“Cậu là Henry,” mẹ Charlie cứ nhìn Henry chăm chăm, như thể không tin vào mắt mình. “Suốt ngần ấy năm, chao ôi.” Cô lẩm bẩm. “Ấy thế mà lại xảy ra thật.”

Hay là mẹ đang nghĩ đến ba? Charlie tự hỏi. Hay là mẹ đang ao ước là ba cũng có thể xoắn thời gian mà về với mẹ?

Khi Henry và mẹ Charlie trịnh trọng bắt tay nhau, Henry nói:

“Bà Bloor bảo với cháu rằng bà ấy biết...” nhưng sau đó hình như cậu lại đổi ý.

Không có thời gian để hỏi Henry coi bà Bloor biết điều gì, bởi vì, ngay lúc đó, ngoại Maisie xuất hiện.

“Trông nó giống Charlie quá nhỉ?” Ngoại nói.

“Ừm. Chút chút,” mẹ Charlie đáp.

Cho dù Henry từ đâu tới chẳng nữa, điều đó cũng không quan trọng đối với ngoại Maisie; với ngoại, cậu là một thằng bé gặp rắc rối, và vì vậy rất cần một cái ôm hôn.

“Tội nghiệp quá,” ngoại kêu lên, tưởng như bẹp dí cả cậu bé. “Trông cậu sắp chết đói đến nơi rồi. Vô bếp ngay đi, ta sẽ nấu cho một bữa đại tiệc.”

“Con không nghĩ đó là một ý hay đâu,” Charlie nói. “Nội Bone sẽ xuống đấy.”

“Cái bà nội Bone chết tiệt,” ngoại Maisie bực mình. “Bà ta làm được gì nào? Bà ta mà dám chạm một ngón tay vô thằng bé tội nghiệp này thì ta sẽ cho bà ta biết tay.”

“Bà Maisie thân mến, làm ơn hạ giọng xuống,” Ông cậu Paton nói nhẹ, nhưng bằng giọng đầy quyền uy. “Nếu bà muốn giúp đỡ thì hãy bưng một chút đồ ăn lên phòng Charlie. Sau đó chúng tôi sẽ cần thức ăn và chăn mền ấm cho một cuộc hành trình dài tới bờ biển. Tôi đã nói trước rồi.”

“Có ngay, Paton,” ngoại Maisie kiên nhẫn nói. “Tôi không quên đâu.”

“Đi thôi mẹ, chúng ta có việc để làm,” mẹ Charlie nói.

Hai người phụ nữ đi xuống lầu để chuẩn bị một giỏ đồ dã ngoại, trong khi Henry chọn vài bộ đồ của Charlie để mặc trong cuộc đời mới của mình.

“Thú vị thật,” cậu nói với Charlie. “Tôi luôn luôn là anh cả. Tôi chăm sóc James. Ông ấy sẽ nghĩ gì về tất cả điều này?”

“Em chỉ muốn biết liền thôi,” Charlie nói.

Vào lúc 12 giờ kém 10, Charlie và Henry leo vô chiếc xe đi đêm màu xanh da trời của Ông cậu Paton. Họ được hộ tống bằng một đồng mền với gối và một giỏ đồ ăn thiết bị.

“Chừng nào đói thì lấy mà ăn,” ngoại Maisie nói khi bà nhét gối xuống dưới đầu bọn trẻ và quấn mền quanh chân chúng. Ông cậu Paton đã ngồi vào ghế tài xế, cứ nhấp nhòm nhìn chiếc đồng hồ đeo tay. Ông vốn là người của thói quen, và ông muốn khởi hành ra bờ biển vào lúc chuông báo nửa đêm. Khi đồng hồ nhà thờ lớn bắt đầu vang khắp thành phố, ông bảo:

“Rúc vô cho ấm, các cậu! Chúng ta sẽ dùng điểm tâm bên bờ biển.”

21. Phần 2 (hết)

Cửa xe đóng sầm lại, mẹ Charlie và ngoại Maisie đứng bên lề đường, vẫy tay và hôn gió theo, tiễn Ông cậu Paton chậm chậm lái xe trên đường Filbert. Để tránh tai nạn bề bóng đèn, ông hay đi những con đường phụ, và sau khi lái qua vài con hẻm được chiếu sáng lơ mờ, họ đột ngột lọt thỏm vô vùng thôn quê. Nơi này không hề có đèn đường, ngoại trừ ánh đèn leo lét, nhấp nhọang từ một chòi chăn bò hay một mái hiên nhà.

Charlie sắp sửa ngủ thiếp đi thì bỗng một câu hỏi bật ra trong đầu nó.

“Anh có nói với mẹ em là bà Bloor biết một điều gì đó,” nó nói với Henry. “Bà ấy biết cái gì vậy?”

Henry ngáp.

“Đó là về ba cậu,” cậu ào ào buồn ngủ, “Ngay trước khi biến mất bà ấy bảo là bà có điều gì đó định nói với cậu. Tôi nghĩ bà ấy biết nơi ba cậu đang ở.”

Charlie ngồi nhồm thảng lên, quăng luôn chiếc gối xuống sàn xe.

“Bà ấy không nói cho anh biết sao?” Nó cặn vặn.

“Không,” Henry lơ dờ. “Bà ấy biến mất luôn.”

“Chính xác bà ấy nói gì?” Charlie hỏi dồn.

Không có câu trả lời. Henry đã ngủ mất rồi, và Charlie không nỡ đánh thức anh ấy dậy.

“Ông cậu có nghe thấy không, Ông cậu Paton?” Charlie nói. “Bà Bloor biết ba con đã... hay đang ở đâu.”

“Ta có nghe, Charlie. Có nghĩa là ông ấy không ở xa đây. Một ngày nào đó chúng ta sẽ tìm ra ông ấy. Đó là lời hứa.”

Charlie tưởng là nó sẽ không bao giờ ngủ được sau mẩu tin đáng kinh ngạc này, nhưng trước khi nó kịp nhận ra thì hai con mắt nó đã đui lại.

Cho dù tỉnh hay mơ, Charlie không chắc, thì có một lúc trong cuộc hành trình dài ra bờ biển, Ông cậu nó bắt đầu kể về Vua Đỏ. Hình như Charlie có nghe nhắc tới cái cây biến mất mà nó đã thấy trong tuyết, hoặc cái cây đổ lỵ kỳ hiện ra trong bức chân dung nhà vua; nhưng những lời của Ông cậu Paton vẫn còn rõ mồn một trong đầu nó.

“Ta tin rằng Vua Đỏ là một cái cây, Charlie. Xem ra nó là điều mà những cuốn sách của ta cho biết. Khi nhà vua sống ở trong những khu rừng rậm, chỉ có cây cối và những con báo của ngài làm bạn đồng hành, ngài trở thành một phần của rừng. Mày hỏi, cái cây đó di chuyển được không à? Ai mà dám chắc? Ai mà biết liệu đó có phải cái cây đang đứng trong sân chơi vào lúc bình minh, sau đó lại thấy ở trong khu bỏ hoang, hoặc trong bóng mát của một công viên lớn hay không? Có lẽ, một ngày nào đó mày sẽ biết.”

Khi Charlie mở mắt ra lại, nó trông thấy một dải biển xám mênh mông. Họ đang đi dọc theo một con đường vách đá hẹp, ánh sáng đang bắt đầu điểm xuyết bầu trời. Nó nhích Henry, vẫn đang ngủ mê mên bên cạnh. Henry ngo nguậy và dụi mắt.

“Coi kìa!” Charlie nói. “Biển kìa!”

Henry nhìn ra ngoài cửa sổ, “Tôi biết chỗ này,” cậu thét vang. “Chúng ta sắp về nhà rồi.”

“Nhưng còn phải đi vài dặm nữa,” Ông cậu Paton bảo. “Chúng ta hãy ăn sáng đi đã.”

Một tiếng kêu vang nhất trí từ các cậu bé, và chẳng bao lâu sau họ đã được thưởng thức bữa tiệc của ngoại Maisie. Bên ngoài gió buốt đang rít rú, và vì vậy họ ăn ở trong xe, ngắm nhìn những con sóng lớn sủi bọt xô ầm ầm vào bờ bên dưới.

Khi bữa sáng kết thúc, họ lại lên đường. Con đường lượn sát cạnh biển suốt đường đi, và Charlie mãi nhìn không biết chán những đợt sóng, những vách đá chao đảo, và những hòn đảo mù sương, nổi trên mặt nước phía xa. Thế rồi, khi họ quẹo vô một khúc quanh, Henry reo lên:

“Chúng ta tới rồi!”

Phía trước họ là một cái vịnh nhỏ, nơi biển thật hiền lành và xanh ngắt. Khi họ lái xuống dốc về phía biển, ánh nắng mặt trời tràn ra khắp đường chân trời, và nước trở thành một dải thủy tinh lấp lánh. Giống như đi vào một quốc gia khác vậy. Những đám mây đen đã bay đâu mất, và gió đông tan đi. Cả những con sóng hoang dại vỗ ầm ầm vào bãi sỏi cũng không còn.

“Chuyện gì vậy?” Charlie hỏi. “Tất cả mọi thứ đều yên lặng.”

“Như bị yểm bùa.” Henry lẩm bẩm.

Họ đậu xe trên một mảng cỏ bên cạnh bờ biển. Phía bên kia đường, Charlie thấy một ngôi nhà trắng, đậu trên đỉnh một vách đá dốc.

“Nó đó hả?” Charlie hỏi Henry.

Henry chỉ gật đầu.

Họ băng qua đường và leo lên hai dãy cầu thang trên vách đá, được nước biển rửa sạch trắng. Ông cậu Paton đi đầu, có Charlie theo sau. Nhưng Henry thì chù chừ ở phía sau. Hình như cậu sợ cái điều có thể mình sẽ gặp trong ngôi nhà trên đỉnh những bậc thang ấy.

Có một mái hiên với cửa sơn màu xanh da trời ở bên hông nhà. Ông cậu Paton đi vô, và Charlie bước vô theo. Họ đi qua một cánh cửa nữa, rồi vô một căn phòng ngập tràn ánh mặt trời.

Một ông già ra đón họ. Tóc ông trắng và mắt xám, và mặc dù, rõ ràng là ông rất già rồi, nhưng trông nét mặt ông lại tươi trẻ, cứ như những nếp nhăn là do ông cười và do thời tiết biển mà ra.

“Ta đã thấy các con đến,” ông già nói, ôm chầm lấy Ông cậu Paton. “Còn đây là Charlie chứ gì, ồ, ồ, ồ! Cuối cùng chúng ta cũng gặp nhau!”

“Vâng ạ,” Charlie nói, trong khi ông cố của nó ôm ghì nó vô ngực ông.

Henry đang đứng như trời trồng, ngay bên trong cánh cửa. Cậu đang nhìn ông già trân trân. Và rồi ông già trông thấy cậu, và họ cứ nhìn sững mặt nhau, không nói một lời.

Cuối cùng, Henry bật nói, “Jamie!” Như thể ở đâu đó dưới tất cả những nếp nhăn kia, cậu đột nhiên nhìn thấy đứa em trai bé bỏng của mình, đứa em mà cậu đã bỏ lại khi cậu đi chơi ván bi cuối cùng của mình.

James Yewbeam vẫn không nói được nên lời. Mắt ông long lanh, ngấn nước, và Ông cậu Paton kéo Charlie vô trong khi hai anh em họ ôm lấy nhau.

Thật là quá sức chịu đựng của ông già. Ông chìm vào một chiếc ghế bành và lắc lắc đầu.

“Không thể tin nổi,” ông lầm bầm. “Đúng là anh!”

Rồi ông cặp rập thò tay vào túi áo và rút ra một cái bao da nhỏ.

“Coi này Henry. Tôi vẫn giữ túi bi này.”

Henry ngồi lên thành chiếc ghế em mình đang ngồi.

“Anh sẽ dạy em chơi trò Thiện Xạ,” cậu nói.

“Dạy cả thời gian nữa,” James vừa nói vừa cười to.

Và rồi, một điều kỳ lạ nữa xảy ra. Một cánh cửa bật mở và bà bếp trưởng bước vô phòng. Mà có phải là bà không?

“Bà bếp trưởng?” Charlie ngạc nhiên.

“Không phải,” người phụ nữ trả lời. “Tôi là em gái của bà bếp trưởng. Tên tôi là Pearl.”

“Thảo nào biển mới yên thế,” Henry thì thầm.

Bà Pearl gật đầu, mỉm cười. Hoá ra bà Pearl đã là bà quản gia của cụ James Yewbeam suốt 20 năm qua. Kể từ khi vợ cụ qua đời.

Tất cả đám người bắt đầu bàn tán về tương lai của Henry. Cậu sẽ đi học trường thị trấn ở bên kia vịnh như thế nào.

“Ngôi trường đó nhỏ nhưng thân thiện” bà Pearl nói. “Henry sẽ nhanh chóng hoà nhập. Cậu ấy sẽ bắt đầu từ học kỳ hè, sau khi Charlie trang bị cho cậu ấy một chút kiến thức về những thứ của thời đại mới, đại loại như điện thoại di động, video, với mấy đồ linh tinh.”

Họ cũng quyết định là Charlie sẽ đến thăm Henry mỗi tháng một lần, cùng với những lần Ông cậu Paton đi thăm cha.

“Cả những ngày nghỉ nữa,” Henry nói. “Charlie phải tới đây vào những kỳ nghỉ.”

“Đương nhiên.” Ông cậu Paton nói.

Charlie chưa bao giờ đi nghỉ ở biển cả. Đó là điều Charlie luôn mơ ước, nhưng không bao giờ dám tin điều đó lại trở thành sự thật. Charlie nhìn qua cửa sổ tới chỗ mặt nước lăn tăn và bãi cát vàng.

Nó không cần phải đợi lâu mới được ra thăm biển. Cụ James Yewbeam đã thức cả đêm hôm trước, và bây giờ, sau tất cả những nỗi vui mừng, cụ đang ngủ say trong chiếc ghế. Ông cậu Paton đi lên lầu để chọn mất một chút, trước chuyến lái xe dài trở lại thành phố. Bà Pearl bắt tay vào chuẩn bị bữa ăn.

“Hai cậu nên đi xuống bãi biển đi,” bà Pearl bảo hai thằng bé, “trông hai cậu như thiếu khí trời trong lành vậy.”

Chúng không cần thêm lời giục giã nào nữa. Charlie và Henry ở trên bãi biển suốt thời gian còn lại trong ngày. Chúng thì ném sỏi xa xuống nước, nhảy qua những vũng đá, thám hiểm những hang động mà Henry biết rất rành.

Thật nhanh chóng, những đám mây đêm bất chợt cuộn tròn khắp mặt nước, và Ông cậu Paton đang gọi bọn trẻ về ăn tối.

Họ ngồi quanh cái bàn bên trong cửa sổ nhìn ra vịnh, nơi có thể ngấm mặt nước in bóng trắng. Có nền thấp trên bàn, nhưng phần còn lại của căn phòng chìm trong bóng tối. Cụ Yewbeam luôn tháo hết bóng đèn mỗi dịp Ông cậu Paton đến thăm. Khi Charlie nhai ngấu nghiến bữa tối ngon lành do bà Pearl làm,

nó không thể không nghĩ tới bà bếp trưởng ở trong những căn phòng nhỏ xíu dưới lòng đất của bà, cách xa biển và mặt trời.

“Con ước gì bà bếp trưởng tìm được một nơi giống như thế này để sống,” nó nói.

Bà Pearl bảo với nó rằng bà bếp trưởng rất hạnh phúc về nơi bà đang sống. Bà thích công việc trông nom bọn trẻ ở Học viện Bloor.

“Bọn ta thường nói chuyện qua điện thoại hàng giờ,” bà Pearl nói. “Và Treasure – tên của bà ấy – Treasure kể cho tôi nghe tất cả mọi việc đang xảy ra với những hậu duệ của Vua Đỏ, và đôi khi tôi nghĩ chính tôi mới là kẻ bị thiệt thòi.”

“Nhưng bây giờ bà có anh Henry rồi,” Charlie nói.

“Giờ, tôi có Henry.” Mắt bà Pearl lóng lánh. “Và tôi thấy rằng cậu ấy sẽ là một tên bất trị đây.”

Tất cả cùng phá ra cười vì câu nói của bà. Sau đó, Ông cậu Paton đứng lên, nói:

“Đi thôi, Charlie. Chúng ta phải đưa mày về nhà, không thì ngày mai mày sẽ chẳng thể nào thức dậy kịp đi học đâu.”

“Ôi trường học,” Charlie thở dài. Nó ước gì có thể ở lại lâu thêm chút nữa.

Hai anh em - một rất già và một vẫn còn là trẻ con - đứng ở đầu những bậc thang trên vách đá và vẫy chào tạm biệt khi Ông cậu Paton và Charlie leo vô chiếc xe đi đêm màu xanh da trời. Charlie ngồi lọt thỏm vô chiếc ghế bên cạnh Ông cậu và chiếc xe rùng rùng sống dậy.

“Con nghĩ Henry sẽ OK, phải không Ông cậu?” Charlie nói.

“OK ấy hả?” Ông cậu Paton nói. “Cậu ấy sẽ toả sáng rực rỡ ấy chứ. Giỏi lắm, Charlie!”

Ông c ậu Paton mở tiệc

Hàng năm, vào ngày sinh nhật của Ông cậu Paton, nội Bone và các bà em của bà thường đi du lịch ngắn ngày. Họ ghét phải mua quà, hoặc phải “buông ra những lời chúc vớ vẩn”, theo như lời của nội Bone.

Năm nay sinh nhật của Ông cậu Paton rơi đúng vô ngày đầu tiên của kỳ nghỉ. Ngoại Maisie quyết định là trước khi Charlie và Ông cậu nó lại lên đường ra bờ biển, Ông cậu Paton nên tổ chức một bữa tiệc thật sự để thay đổi không khí.

“Chúng ta chưa bao giờ tổ chức tiệc đằng hoàng ở trong cái nhà này,” bà nói. “Mà, đám bạn mới của Charlie có những bố mẹ thú vị đến thế, nên chúng ta phải gặp mặt họ thôi.”

Thư mời được gửi đi, và ngạc nhiên thay, tất cả mọi người đều nhận lời. Kể cả ông thẩm phán.

Bữa tiệc được giữ bí mật đối với nội Bone, phòng trường hợp bà cố ngăn chặn nó diễn ra. Ngoại Maisie xoay sở giấu rượu sâm-banh dưới một cái bao để trong tủ đựng thực phẩm, và chiếc bánh sinh nhật thì được nhét vô một cái sọt ghi chữ “súp-lơ”. Nội Bone ghét súp-lơ, vì vậy bà sẽ tránh xa nó ra.

Vào buổi sáng trước bữa tiệc, Charlie xách giúp vali của nội Bone xuống lầu. Bà đi sát ngay sau nó khi nó đi dọc hành lang ra cửa trước. Bỗng, có một tiếng “choang”, rồi tiếng thủy tinh rơi. Charlie thả chiếc vali xuống và nhìn quanh.

“Trời ơi,” nội Bone kêu lên. “Tấm hình lại bể nữa rồi, Paton vừa mới thay kính cho nó xong.”

Bức hình Henry và gia đình nằm dưới sàn; tấm kính lồng trong khung bể nát thành hàng ngàn mảnh. Nội Bone đã cố ý ném nó xuống đất? Trên mặt bà có một nụ cười đắc chí.

“Hừ, vậy là thoát nợ thằng nhóc con,” bà nói, lấy mũi ủng đẩy khung hình ra.

Charlie im thin thít. Phải chi nội biết sự thật nhỉ, nó nghĩ.

Khi bà vừa ra khỏi nhà, tất cả mọi người đều thở phào nhẹ nhõm.

“Ra tay,” ngoại Maisie thét lên. “Chúng ta hãy biến ngôi nhà cũ này thành một thiên đường.”

Lúc 7 giờ, công việc chuẩn bị của họ đã xong xuôi, ngoại Maisie, Ông cậu Paton, Charlie và mẹ chờ khách tới.

Tancred và cha mẹ tới đầu tiên. Ngay khi gia đình Torsson vừa bước qua cửa trước, tất cả các ngọn nến trong phòng bỗng lay lắt dữ dội. Một vài ngọn phụt tắt.

“Xin lỗi,” ông Torsson nói to. “Chúng tôi sẽ cố giữ gió cho kín kín lại.”

Ngoại Maisie thích thú.

“Tài quá!” Bà nói. “Chúng tôi rất vui lòng với chút gió mát ở đây.”

Benjamin và cô chú thám tử tới tiếp theo, họ nhanh chóng được nối gót bởi Fidelio và gia đình Gunn hát hò, cùng Gabriel và cha mẹ. Ông Silk chuyên viết truyện về những vụ giết người bí hiểm, và khi ông biết được cô chú Brown là thám tử tư, thì ông liền gỡ sổ tay ra và mau chóng chìm vào cuộc chuyện trò với chú Brown.

Gia đình Onimous, những con mèo lửa, và gia đình Vertigo cùng tới một lúc. Ba của Olivia là một đạo diễn phim lừng danh. Ngay lập tức, chú ấy muốn biết xem ông Onimous có bao giờ quan tâm đến sự nghiệp điện ảnh hay chưa.

“Hiện nay chúng tôi đang tìm diễn viên cho bộ phim Gió Trong Rặng Liễu,” chú ấy nói.

“Để tôi suy nghĩ coi,” ông Onimous bảo.

Lúc 8 giờ, bữa tiệc đã từng bừng hết cỡ. Charlie nghĩ là tất cả mọi người đã tới đông đủ, nhưng Ông cậu Paton bảo với nó là có một vị khách nữa sắp tới. Vài phút sau, chuông reng. Charlie ra mở cửa trước và thấy bà bếp trưởng ở ngưỡng cửa.

“Bà Pearl cập nhật cho tôi tin tức Henry. Rốt cuộc cũng có một kết thúc hạnh phúc cho cậu ấy.”

“Và cả cho bà Bloor,” Charlie nói.

Nó dẫn bà bếp trưởng vô nhà bếp, nơi Gabriel Silk đang giúp phục vụ đồ uống.

“Có một điều tôi muốn biết,” bà bếp trưởng nhăm nháp ly rượu của mình. “Dorothy đã tìm ra Quả Cầu Xoắn Thời Gian ở đâu?”

“Con đã đưa cho bà ấy,” Gabriel đáp. “À, mà bà ấy bảo con đưa nó cho bà.”

Charlie ngạc nhiên khi nghe thế.

“Ồ, Ồ” bà bếp trưởng nói. “Con tìm thấy nó ở đâu?”

“Thầy Pilgrim đưa nó cho con.” Gabriel thưa.

“Ra thế,” bà bếp trưởng chậm rãi gật đầu. “Thầy Pilgrim là một người bí hiểm.”

“Bà nghĩ bây giờ bà Bloor đang ở đâu?” Charlie hỏi.

“Chị ấy có thể sẽ tới Paris, đúng như chị ấy vẫn dự tính. Chị ấy sẽ kiếm cho mình một căn hộ xinh xắn và sẽ mở lớp dạy vĩ cầm. Hay chị ấy sẽ gia nhập dàn nhạc giao hưởng? Ai mà biết? Chị ấy sẽ lại chơi vĩ cầm, như lâu nay vẫn mong ước. Và chị ấy sẽ được an toàn.”

Rồi bà bếp trưởng nhìn Gabriel, nói, “Cám ơn con, Gabriel.”

Đột nhiên có một tiếng “rầm” ngoài cửa trước. Lại một tiếng nữa. Ai đó thậm chí không thèm nhấn chuông.

RẦM! RẦM! RẦM!

“Ai đó...?” Ông cậu Paton hỏi:

Charlie theo Ông cậu ra cửa.

Nội Bone đứng ở bậc thang trên cùng, với ba bà em ở đằng sau.

“Gì thế này?” Nội Bone hặc hỏi.

“Chúng tôi tổ chức tiệc,” Ông cậu Paton lãnh đạm nói. “Các bà làm gì ở đây?”

“Sao cậu dám tiệc tùng trong nhà của ta. Đẹp ngay tức khắc,” nội Bone quát.

“Đẹp luôn!” Bà cô Lucretia tiếp lời.

“Tất cả mọi người về hết!” Bà cô Eustacia thêm.

“Không thể tiệc tùng mà không xin phép,” bà Venetia thông vào.

“IM MỒM!” Ông cậu Paton nói. “Tôi có thể tổ chức tiệc. Nếu các bà quên thì tôi nhắc, đây cũng một nửa là nhà của tôi.”

“Có rắc rối gì vậy, ông Paton?” Ông Torsson ra xem có gì mà âm ỉ vậy.

“Không có chi,” Ông cậu Paton đáp. “Không có gì mà tôi không xử lý được.”

Ông cậu Paton có xử lý được việc đó hay không, không liên quan. Ông Torsson liếc một cái bốn bà chị đang diên tiết, ông phùng má và thổi họ lăn xuống những bậc thang, bay vèo qua bên kia đường.

Nội Bone suýt nữa bị một chiếc xe buýt tông phải.

Charlie kinh hãi và sửng sốt nhìn các bà cô nhà Yewbeam lồm cồm bò dậy, vuốt tóc, phủi bùn khỏi quần áo, và dứ dứ nắm đấm về phía Ông cậu Paton và ông Torsson.

Một tiếng sấm gầm vang, và một đám mây bụi thành linh cuốn họ trôi trên con đường. Họ vừa trôi vừa rú rít vừa nguyên rửa.

“Chúng ta sẽ phải trả giá cho vụ này,” Ông cậu Paton lầm bầm.

“Nhưng không phải tối nay,” Charlie nói.

Ngay khi bốn bà chị hoàn hồn và đi hẩn, Olivia Vertigo đề xuất:

“Khiêu vũ đi!”

“Phải đấy, nhảy đi!” Fidelio thét.

Chưa ai kịp ngăn lại, chúng đã kịp dọn dẹp bàn ghế trong phòng ăn và cuốn tấm thảm lên. Emma tra đĩa nhạc vô máy CD và cả ba bọn chúng bắt đầu nhảy quanh phòng.

Những cậu bé khác ban đầu còn lù lù, nhưng rồi, ngoại Maisie chớp ngay thất lưng của ông thẩm phán và kéo ông nhảy khắp phòng. Sau đó thì, không ai có thể cưỡng lại âm nhạc được nữa. Rất nhanh, căn phòng vốn thường lạnh lẽo và buồn tẻ đã đầy những thân hình đu đưa, lắc lư. Ông cậu Paton thậm chí còn thuyết phục được cô Ingledew ra sàn. Căn phòng chật cứng nên hai người nhảy thật sát nhau. Charlie nhận thấy hình như cô Ingledew không phiền chút nào.

Nó không thấy mẹ nó ở trong phòng, và vì thế nó đi kiếm mẹ. Mẹ nó đang ngồi trong nhà bếp, nhìn đăm đăm qua cửa sổ. Những bông tuyết nhỏ bay phấp phới, lả tả từ trên trời xuống, Charlie biết mẹ không trông thấy tuyết.

“Ba sẽ trở về mà,” Charlie nói lặng lẽ.

Khi mẹ quay qua nó, trông mẹ không buồn gì cả, thật ra mẹ đang mỉm cười.

“Con biết không, Charlie, mẹ bắt đầu tin con rồi,” mẹ Charlie nói. “Sau những gì xảy ra với Henry, mẹ có thể tin vào bất cứ chuyện gì.”

HẾT TẬP II

{Chúc bạn đọc sách vui vẻ tại .com - góc nhỏ cho người yêu sách}

Thực hiện bởi

nhóm Biên tập viên Góc Sách:

Mai – Hải Băng – Thi_kute

(Tìm - Chính sửa - Đăng)

Đọc và tải ebook truyện tại: <http://truyenclub.com/charlie-bone-va-qua-cau-xoan-thoi-gian-tap-2>